

VL00004102



Hướng dẫn thực hiện về

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM
CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
VÀ QUYỀN TRÁCH NHIỆM
CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

THEO NHỮNG QUI ĐỊNH MỚI NHẤT
CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH PHỦ

VL00004102



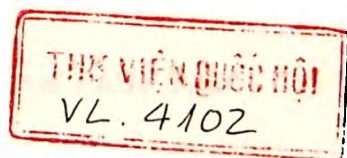
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VỀ:

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM

**CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
VÀ QUYỀN TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC**

**THEO NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI NHẤT
CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH PHỦ**



**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN
HÀ NỘI - 2008**

LỜI GIỚI THIỆU

Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức là nội dung quan trọng trong công tác quản lý, góp phần quyết định sự thắng lợi công cuộc đổi mới. Để giúp bạn đọc tìm hiểu, nghiên cứu về vấn đề này, Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin biên soạn và phát hành cuốn sách **“*Hướng dẫn thực hiện về: Quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyền trách nhiệm của cán bộ, công chức theo những qui định mới nhất của Đảng và Chính phủ*”** (Những nội dung mới nhất - năm 2008).

Nội dung cuốn sách gồm có:

- * Những tư tưởng chỉ đạo, những bài viết, phân tích về Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức.
- * Nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Chính phủ về trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức
- * Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong việc phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
Phụ cấp trách nhiệm trong hoạt động phòng chống tham nhũng
Qui định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm cán bộ, công chức viên chức trong thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí
Qui định xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng có sử dụng tài sản, ngân sách của nhà nước.
- * Những văn bản pháp luật mới nhất về quyền và nghĩa vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị
- * Một số chế độ chính sách mới về chế độ công vụ...(Năm 2008)

Đây là tài liệu nghiên cứu, tham khảo có giá trị, cần thiết cho công tác của các cơ quan, đơn vị, các Bộ, ngành, Các Sở địa phương, và các cán bộ công tác tại các cấp Chính quyền.

Trong quá trình biên soạn chắc không tránh khỏi thiếu sót, Nhà xuất bản rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

PHẦN THỨ NHẤT

**NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC**

Bản sao lưu trữ

*** NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ CỦA ĐẢNG MỚI BAN HÀNH VỀ NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC**

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG LÃNG PHÍ (NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X)

Trong những năm qua, nhất là từ sau Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, Đảng và Nhà nước ta đã tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nhiều cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, đi đầu trong cuộc đấu tranh này. Nhiều vụ án tham nhũng, trong đó có những vụ án lớn, phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng đã được phát hiện, xử lý.

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn nhiều hạn chế, khuyết điểm, hiệu quả thấp. Tham nhũng, lãng phí vẫn diễn ra nghiêm trọng ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực với phạm vi rộng, tính chất phức tạp, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân, là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta.

Nguyên nhân chủ yếu của những thiếu sót, khuyết điểm trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí là:

- Cơ chế, chính sách, pháp luật chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, còn nhiều sơ hở, nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung.

- Tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nói chung, của bộ máy nhà nước nói riêng, còn nhiều khuyết điểm, chất lượng và hiệu quả chưa cao; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của một số cơ quan, tổ chức chưa được xác định rõ ràng, cụ thể, còn trùng lặp hoặc bị phân tán.

- Nhiều tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tính nghiêm trọng, sự nguy hại của tệ tham nhũng, lãng phí, nên lãnh đạo không chặt chẽ, thiếu kiểm tra, đôn đốc, thậm chí còn nể nang, né tránh, dung túng, bao che cho tham nhũng, lãng phí; chưa thực sự dựa vào dân và chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

- Công tác cán bộ nói chung và việc quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức nói riêng còn yếu kém. Một bộ phận không nhỏ đảng viên, cán bộ, công chức suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống. Không ít cán bộ lãnh

đạo chủ chốt các cấp, các ngành, kể cả cán bộ lãnh đạo cao cấp, còn thiếu gương mẫu trong việc giữ gìn phẩm chất đạo đức; chưa đi đầu trong cuộc sống đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm.

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Trong những năm tới, phải đẩy mạnh toàn diện và kiên quyết cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

1. Mục tiêu:

Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính.

2. Quan điểm:

- Đảng lãnh đạo chặt chẽ công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức hành chính, kinh tế, hình sự.

- Phòng, chống tham nhũng, lãng phí phải phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, củng cố hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

- Vừa tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, trong đó phòng ngừa là chính. Gắn phòng, chống tham nhũng lãng phí với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy dân chủ, thực hành tiết kiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, chống quan liêu.

- Phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài; phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực và có trọng tâm, trọng điểm.

- Kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chú trọng tổng kết thực tiễn và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài.

II. CHỦ TRƯỞNG, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tiến hành cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” về cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, tạo nên phong trào tự tu dưỡng,

rèn luyện, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tệ tham nhũng, lãng phí trong Đảng, trong xã hội. Đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, phải nêu gương về đạo đức, lối sống và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đưa nội dung Luật phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vào chương trình giáo dục. Mở chuyên mục tuyên truyền, giáo dục về vấn đề này trên các báo, đài.

Bảo vệ, biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

2. Nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức đảng và đảng viên, tăng cường vai trò của chi bộ trong quản lý, giáo dục đảng viên.

Các tổ chức đảng và đảng viên, cán bộ, công chức phải đề cao tinh thần tự tôn, tự hào về dân tộc, về truyền thống cách mạng của Đảng, từ đó tự tu dưỡng bản thân, di dẫu trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Chi bộ đảng phải nắm chắc việc thực hiện nhiệm vụ và quan hệ xã hội của đảng viên trong chi bộ, giáo dục, nhắc nhở và kịp thời kiểm tra, xử lý những trường hợp có dấu hiệu vi phạm, không được dung túng, bao che tham nhũng, lãng phí.

Trường hợp có hành vi tham nhũng, lãng phí cần được xử lý thì cấp ủy đảng phải tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng thực thi pháp luật, đồng thời lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị; thực hiện nghiêm túc kết luận xử lý gắn với củng cố nội bộ.

Nâng cao tính chiến đấu, thực hiện dân chủ, công khai trong tự phê bình và phê bình theo phương châm “trên trước, dưới sau”, “trong trước, ngoài sau”.

Công khai kết quả tự phê bình, kiểm điểm. Trong sinh hoạt đảng và nhận xét, đánh giá đảng viên hàng năm phải có nội dung về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tổ chức đảng phải lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp làm tốt vai trò giám sát. Hàng năm, cán bộ chủ chốt cấp xã phải trực tiếp tự phê bình và phê bình tại hội nghị đại diện nhân dân do Mặt trận Tổ quốc tổ chức. Xây dựng và thực hiện cơ chế chất vấn trong sinh hoạt đảng.

3. Tiếp tục hoàn thiện công tác cán bộ phục vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về công tác cán bộ, bảo đảm công khai, dân chủ.

Chấn chỉnh công tác thi tuyển, tiếp nhận cán bộ, công chức; chú trọng thanh

tra, xử lý tham nhũng trong thi tuyển; bổ sung quy định về việc những người có quan hệ gia đình không được cùng làm một số công việc dễ xảy ra tham nhũng. Thực hiện nghiêm túc, mở rộng dần diện chuyên đổi vị trí công tác trong hệ thống chính trị.

Thí điểm tiến tới mở rộng thi tuyển công khai một số chức danh cán bộ quản lý cấp phòng, cấp vụ, nhất là người đứng đầu bệnh viện, trường học, cơ quan nghiên cứu và doanh nghiệp của Nhà nước. Cán bộ, công chức dự kiến được bổ nhiệm, đề bạt phải trình bày chương trình hành động trước khi ghi phiếu tín nhiệm. Kiên quyết không sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu tái cử những người tham nhũng, lãng phí hoặc bao che, tiếp tay cho tham nhũng, lãng phí. Xem xét, xử lý trách nhiệm người giới thiệu, người bổ nhiệm, đề bạt cán bộ đã bao che hành vi tham nhũng, lãng phí của người được bổ nhiệm, đề bạt.

Sửa đổi, bổ sung quy định về bổ nhiệm, phân cấp quản lý cán bộ theo hướng tăng quyền hạn cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức gắn với trách nhiệm cá nhân trong việc lựa chọn, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cấp phó và cán bộ cấp dưới trực tiếp trên cơ sở thảo luận dân chủ trong tập thể lãnh đạo. Nghiên cứu cơ chế thủ trưởng cơ quan hành chính cấp trên bổ nhiệm thủ trưởng cơ quan hành chính cấp dưới.

Thực hiện nghiêm quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị dễ xảy ra tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng, về miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho từ chức, tạm đình chỉ chức vụ người có dấu hiệu tham nhũng để thanh tra, kiểm tra, điều tra. Khuyến khích việc chủ động từ chức vì lý do trách nhiệm.

- Tiếp tục cải cách chế độ tiền lương:

Đẩy nhanh hơn tiến độ thực hiện Đề án cải cách chế độ tiền lương, xây dựng lộ trình cải cách tiền lương trong những năm tới theo hướng tăng thu nhập cao hơn cho cán bộ, công chức. Giao quyền tự chủ về tài chính, biên chế và giao khoán kinh phí hoạt động cho các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp có đủ điều kiện. Xây dựng cơ chế tiền lương riêng cho công chức hành chính.

Các đơn vị làm nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công cộng được chủ động nâng cao thu nhập chính đáng cho đội ngũ công chức, viên chức trên cơ sở bảo đảm cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho mọi công dân và công khai thu các khoản phí tương xứng với chất lượng dịch vụ được người thụ hưởng chấp nhận.

Tăng lương hoặc tăng mức phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và cải thiện điều kiện làm việc cho các ngành kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, công an, kiểm sát, tòa án và một số ngành dễ phát sinh tham nhũng; đồng thời, tăng cường chế độ trách nhiệm và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Tiếp tục thí điểm và tiến tới thực hiện cơ chế trả lương và các khoản thu nhập khác của cán bộ, công chức qua tài khoản mở tại ngân hàng, kho bạc, trước hết là ở những nơi có điều kiện. Khuyến khích cán bộ, công chức chuyển các khoản tiền tích lũy vào tài khoản.

- Bảo đảm minh bạch tài sản, thu nhập của đảng viên, cán bộ, công chức:

Thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản và xác minh bản kê khai theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng. Trong Đảng, xây dựng và thực hiện cơ chế đảng viên là cán bộ, công chức thuộc diện kê khai tài sản theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, phải công khai trong chi bộ bản kê khai, là cấp ủy viên thì còn phải công khai trong cấp ủy; phải giải trình nguồn gốc tài sản của mình theo yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền; trường hợp không giải trình được một cách minh bạch, hợp lý thì bị xem xét kỷ luật về Đảng, chính quyền, đoàn thể. Tiến tới tất cả đảng viên là cán bộ, công chức đều phải kê khai tài sản, công bố trong chi bộ, cấp ủy và giải trình nguồn gốc khi có yêu cầu.

- Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử nhằm bảo đảm sự liêm chính của đảng viên, cán bộ, công chức:

Rà soát, sửa đổi và bổ sung Quy định những điều đảng viên không được làm; công bố công khai để nhân dân giám sát.

Các bộ, ngành khẩn trương ban hành quy tắc ứng xử theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, tập trung vào các nội dung sau:

+ Thực hiện nghiêm Quy định cấm sử dụng công quỹ làm quà tặng, chiêu đãi, tiếp khách không đúng quy định. Xây dựng quy định cụ thể những trường hợp được tặng quà và nhận quà; có cơ chế khuyến khích việc từ chối nhận quà tặng và tự giác nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền.

+ Quy tắc quan hệ giữa người thực hiện công vụ với công dân, tổ chức, doanh nghiệp là đối tượng quản lý; giữa người lãnh đạo, quản lý với cán bộ cấp dưới; giữa cán bộ, công chức của cơ quan cấp trên với cán bộ, công chức của cơ quan cấp dưới; nghĩa vụ công chức phải khước từ các ưu ái dành cho bản thân và gia đình.

+ Quy tắc ứng xử trong việc cưới, việc tang, mừng nhà mới, ngày sinh, về bằng cấp, học hàm, học vị, danh hiệu thi đua, khen thưởng.

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử phù hợp với đặc thù của mình, xây dựng nền nếp văn hóa trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Thực hiện nghiêm các quy định về công khai, minh bạch; bổ sung quy định

bảo đảm minh bạch quá trình ra quyết định, bao gồm cả chính sách, văn bản quy phạm pháp luật và quyết định giải quyết một vụ việc cụ thể của cơ quan nhà nước các cấp.

Xem xét, sửa đổi các danh mục bí mật nhà nước nhằm mở rộng công khai. Hoàn thiện, công khai hóa và thực hiện đúng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn sử dụng lao động, ngân sách và tài sản công. Nghiên cứu ban hành Luật Bảo đảm quyền được thông tin của công dân.

5. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế, xã hội:

Tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đã có về quản lý kinh tế, xã hội, cải cách hành chính; tiếp tục nghiên cứu, bổ sung một số chủ trương mới nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý, phòng ngừa tham nhũng, lãng phí.

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý và sử dụng đất đai, công sở.

Chấn chỉnh, bảo đảm công khai, minh bạch trong quy hoạch và quản lý, sử dụng đất đai, công sở. Nghiêm cấm tùy tiện sửa đổi quy hoạch. Rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng đất, công sở; khắc phục ngay tình trạng quy hoạch, giải phóng mặt bằng, xây dựng dự án chậm trễ, kéo dài. Đất và công sở được sử dụng không đúng mục đích, kém hiệu quả phải bị thu hồi để chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc bán đấu giá.

Đối với quỹ đất dành cho các dự án kinh doanh hạ tầng đô thị, trung tâm thương mại, nhà ở, các cơ sở dịch vụ có vị trí kinh doanh thuận lợi, nhất thiết phải thực hiện cơ chế đấu thầu công khai quyền sử dụng đất.

Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tài chính về đất đai, đăng ký bất động sản.

- Chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và hoạt động mua sắm công.

Các cấp ủy đảng lãnh đạo thực hiện nghiêm túc Luật Đấu thầu và Luật Xây dựng.

Thực hiện công khai, minh bạch trong quyết định, chủ trương đầu tư. Nghiêm túc thực hiện quy định về đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước. Ngăn chặn tình trạng người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và nhà thầu cùng một cơ quan, đơn vị. Bố trí cán bộ có năng lực, phẩm chất làm nhiệm vụ quản lý dự án. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra trong đầu tư, xây dựng từ ngân sách nhà nước.

Khắc phục tiêu cực trong hoạt động mua sắm công, bảo đảm công khai, minh bạch, kể cả việc công khai hóa các khoản hoa hồng từ mua sắm. Thực hiện thí điểm

mô hình mua sắm công tập trung, nhất là đối với các loại hàng hóa có nhu cầu sử dụng nhiều và có giá trị lớn.

- Chấn chỉnh công tác thu, chi ngân sách.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu ngân sách, trang bị tài sản, phương tiện đi lại, thiết bị làm việc.

Khẩn trương ban hành Luật về quản lý thuế nhằm áp dụng rộng rãi cơ chế cá nhân, tổ chức phải tự kê khai, tự tính, tự nộp thuế bằng chuyển khoản qua ngân hàng, kho bạc. Thực hiện công khai, dân chủ, công bằng trong việc ấn định mức thuế từ cơ sở nhằm chống tham nhũng và thất thu thuế.

Thực hiện cơ chế thanh toán qua ngân hàng, kho bạc đối với việc mua sắm công và các khoản thu của hải quan, thu thuế doanh nghiệp; các khoản thu, chi ngân sách được thực hiện qua hệ thống thanh toán điện tử của kho bạc nhà nước.

- Tiếp tục cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; tăng cường quản lý vốn, tài sản nhà nước và nhân sự tại doanh nghiệp.

Đẩy mạnh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Kiểm soát chặt chẽ quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; ngăn chặn kịp thời tiêu cực, sai trái trong định giá, đấu giá tài sản của doanh nghiệp, xác định tỉ lệ giá trị tài sản của Nhà nước trong giá trị tài sản doanh nghiệp cổ phần; công khai hóa việc mua - bán cổ phần của doanh nghiệp được chuyển đổi.

Xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát tài chính, phát huy quyền giám sát của người lao động trong các doanh nghiệp.

Tăng cường chế độ công khai, minh bạch, nghĩa vụ giải trình; thực hiện chế độ kiểm toán bắt buộc đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước. Xử lý nghiêm những người được giao quản lý các doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện các giao dịch kinh doanh với doanh nghiệp thuộc sở hữu của người thân.

6. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, Điều tra, truy tố, xét xử hành vi tham nhũng:

Tập trung kiểm tra, thanh tra, kiểm toán một số lĩnh vực trọng điểm, như: Đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, thu - chi ngân sách, quản lý tài sản công và hệ thống ngân hàng thương mại. Thành lập các đoàn công tác liên ngành giữa Ủy ban kiểm tra của Đảng với thanh tra, kiểm toán, công an, kiểm sát để phối hợp xử lý các vụ tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng. Công khai kết quả xử lý của các đoàn công tác này.

Chỉ đạo kiện toàn cơ quan thanh tra, điều tra thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công

an nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, lãng phí nói chung, trong lực lượng vũ trang nói riêng.

Nghiên cứu tổ chức các cơ quan phòng, chống tham nhũng theo hướng bảo đảm sự độc lập cần thiết với các cơ quan quản lý nhà nước theo cấp lãnh thổ và sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của Trung ương. Tăng cường cán bộ cho các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, tòa án và kiểm tra của Đảng, đồng thời kiểm soát hoạt động của các cơ quan này.

Thanh tra Chính phủ và các cơ quan thanh tra cấp tỉnh, huyện tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ thanh tra công vụ. Nghiên cứu kết hợp tổ chức và hoạt động kiểm tra của Đảng với các cơ quan thanh tra.

Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng và cơ quan nhà nước cấp trên đối với tổ chức đảng và cơ quan nhà nước cấp dưới, nhất là việc kiểm tra, giám sát hoạt động của người đứng đầu và các chức danh chủ chốt.

Tố cáo tham nhũng, lãng phí phải được tiếp nhận một cách thuận tiện và xử lý kịp thời. Có cơ chế bảo vệ và chính sách khen thưởng về vật chất và tinh thần cho người tố cáo tham nhũng, lãng phí.

Người có hành vi tham nhũng phải xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh về trách nhiệm chính trị, hành chính hoặc hình sự, bất kể người đó là ai và ở cương vị nào. Những đảng viên có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, uy tín giảm sút, dù cơ quan chức năng chưa kết luận được, cấp ủy vẫn phải xem xét, cân nhắc bố trí công việc khác cho phù hợp.

Chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng. Áp dụng chính sách khoan hồng đối với những người phạm tội nhưng có thái độ thành khẩn, đã bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả kinh tế, hợp tác tốt với cơ quan chức năng. Nghiên cứu sửa đổi pháp luật hình sự theo hướng khoan hồng hơn đối với những người đưa hoặc người nhận hối lộ nhưng đã tự giác khai báo và nộp lại tài sản trước khi bị phát hiện. Trừng trị nghiêm khắc những đối tượng tham nhũng có tổ chức, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Nhanh chóng bổ sung vào Bộ Luật Hình sự các hành vi tham nhũng mới được quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng; chú trọng tới các chế tài phạt tiền nhằm tăng khả năng thu hồi tài sản tham nhũng.

Khi phát hiện đảng viên thuộc diện cấp ủy quản lý có dấu hiệu tham nhũng thì các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp xử lý theo thẩm quyền, chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng về quyết định của mình, đồng thời phải kịp thời báo cho cấp ủy đảng quản lý cán bộ đó biết.

7. Thực hiện tốt công tác truyền thông về phòng, chống tham nhũng, lãng phí:

Đề cao vai trò, trách nhiệm của báo chí trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí; khắc phục tình trạng thông tin một chiều, mang tính kích động, gây hoang mang hoặc quy kết về tội danh, mức án trước khi xét xử. Bảo vệ, khen thưởng, động viên những người làm báo tích cực, dũng cảm đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm việc đưa tin sai sự thật, vu cáo, bịa đặt gây hậu quả xấu.

Ban Chi đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và các cơ quan chức năng phải chủ động cung cấp kịp thời, đúng pháp luật cho công chúng những thông tin có liên quan đến tham nhũng, lãng phí.

8. Xây dựng các cơ quan, đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng:

Ban chi đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng được ủy quyền tạm đình chỉ chức vụ từ thứ trưởng, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương trở xuống; kịp thời kiến nghị với Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tạm đình chỉ các chức vụ từ Bộ trưởng và tương đương trở lên, đáp ứng yêu cầu thanh tra, điều tra, xử lý khi có vi phạm về tham nhũng. Ban Chi đạo có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất về chính sách, trực tiếp chỉ đạo, phối hợp kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng, chỉ đạo xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng nghiêm trọng.

Sớm kiện toàn các đơn vị chuyên trách chống tham nhũng do Tổng Thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an và Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao trực tiếp chỉ đạo. Tăng cường cán bộ có bản lĩnh, năng lực, tạo điều kiện thuận lợi, đồng thời kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các đơn vị này.

Việc tổ chức bộ phận chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng ở các cấp, các ngành thực hiện theo quy định của Chính phủ.

9. Tăng cường giám sát của nhân dân và cơ quan dân cử:

Hàng năm, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nghe báo cáo và thảo luận, chất vấn về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức quần chúng; chú trọng kiểm tra, thanh tra, giám sát việc sử dụng các quỹ từ thiện, nhân đạo.

Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu quả thanh tra nhân dân, khắc phục bệnh hình thức.

10. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng:

Chủ động tham gia các chương trình, sáng kiến, diễn đàn quốc tế về phòng,

chống tham nhũng phù hợp với điều kiện Việt Nam. Thực hiện các cam kết quốc tế về phòng, chống tham nhũng, chú trọng tới các cam kết về xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt Nghị quyết này trong đảng viên, cán bộ, công chức; xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách cụ thể, thiết thực và phù hợp; tạo bước chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trọng nhận thức và hành động phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các quy định về quản lý cán bộ, đảng viên, công chức, Quy chế tự phê bình và phê bình, Quy định xử lý đảng viên vi phạm, Quy chế chất vấn trong Đảng; Quy chế giám sát trong Đảng và Quy chế nhân dân giám sát tổ chức đảng và đảng viên.

Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng hướng dẫn thực hiện, chủ trì phối hợp với các ban của Đảng theo dõi, kiểm tra, đôn đốc kịp thời báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư tình hình thực hiện Nghị quyết.

Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên chỉ đạo thực hiện tốt công tác giám sát, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Cuối năm 2008, Bộ Chính trị chỉ đạo sơ kết việc thực hiện Nghị quyết này, báo cáo kết quả tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, thúc đẩy việc thực hiện trong những năm tiếp theo.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

TM. BAN CHẤP HÀNH

Tổng Bí thư

NÔNG ĐỨC MẠNH

ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC (NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X)

Thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta đã có nhiều chủ trương về cải cách hành chính và luôn xác định cải cách hành chính là một khâu quan trọng trong sự nghiệp đổi mới để phát triển đất nước. Các cơ quan nhà nước, trong đó Chính phủ đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch để triển khai cải cách hành chính theo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, nhất là Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010.

Cải cách hành chính đã đạt những kết quả bước đầu quan trọng, góp phần vào thành tựu chung của đất nước. Hệ thống thể chế, luật pháp tiếp tục được đổi mới và hoàn thiện, hình thành dần cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền dân chủ của nhân dân. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước được điều chỉnh, sắp xếp phù hợp hơn, quản lý nhà nước ngày càng tốt hơn trong điều kiện mới. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính nhà nước có bước được nâng lên, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ. Thể chế, pháp luật về quản lý tài chính công được tích cực xây dựng và từng bước hoàn thiện. Thủ tục hành chính và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước có bước đổi mới, hiệu lực, hiệu quả, kỉ luật, kỷ cương được tăng cường hơn.

Tuy nhiên, nền hành chính nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Hệ thống thể chế, pháp luật, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn còn nhiều bất cập, vướng mắc. Chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước chưa đủ rõ, còn trùng lặp và chưa bao quát hết các lĩnh vực quản lý nhà nước; cơ cấu tổ chức bộ máy còn chồng chéo, chưa phù hợp. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng kịp yêu cầu; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng. Thể chế, luật pháp về quản lý tài chính công tuy có nhiều đổi mới, nhưng còn bất cập. Thủ tục hành chính còn nhiều vướng mắc, gây phiền hà cho tổ chức và công dân; kỷ luật, kỷ cương cán bộ, công chức chưa nghiêm; hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước còn nhiều yếu kém.

Nguyên nhân chủ yếu của các hạn chế, yếu kém là:

- Chủ trương và nhận thức về một số vấn đề lớn, quan trọng trong sự nghiệp đổi mới nói chung và cải cách hành chính nói riêng còn lúng túng, chưa đủ rõ.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng trong việc thực hiện cải cách hành chính và thủ tục hành chính còn thiếu thống nhất, chưa kiên quyết; chưa gắn kết đồng bộ giữa cải cách hành chính với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và cải cách lập pháp, cải cách tư pháp, làm cho cải cách hành chính chậm và hiệu quả thấp.

- Sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và chính quyền các cấp đối với việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính còn thiếu kiên quyết và chưa được tập trung cao; kỷ luật, kỷ cương trong cải cách hành chính chưa nghiêm; trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu chưa được quy định rõ.

Trong thời gian tới, cải cách hành chính phải được tiếp tục thực hiện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, đảm bảo tuân thủ các mục tiêu, quan điểm, yêu cầu, chủ trương và giải pháp sau:

I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ YÊU CẦU ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1- Mục tiêu

Đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại; đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực; hệ thống các cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; đáp ứng tốt yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

2- Quan điểm

- Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở các nghị quyết và nguyên tắc của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

- Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và quy chế phối hợp để nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan và cả bộ máy nhà nước. Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phục vụ tốt nhất cho nhân dân và chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân.

- Các chủ trương, giải pháp cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể và bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước.

3- Yêu cầu

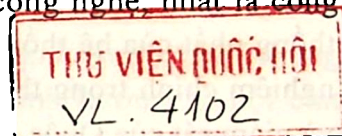
- Cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu hoàn thiện nhanh và đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao hiệu quả của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy dân chủ trong đời sống xã hội; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và sự tham gia của mọi người dân vào tiến trình phát triển của đất nước.

- Cải cách hành chính nói chung, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính phải bảo đảm tạo thuận lợi nhất cho nhân dân, doanh nghiệp và góp phần tích cực chống quan liêu, phòng và chống tham nhũng, lãng phí.

- Xây dựng tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan, giữa các cấp chính quyền, giữa chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn, giữa tập thể và người đứng đầu cơ quan hành chính; hoạt động có kỷ luật, kỷ cương và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm và tận tụy phục vụ nhân dân.

- Cải cách hành chính phải hướng tới xây dựng một nền hành chính hiện đại, ứng dụng có hiệu quả thành tựu phát triển của khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin.



II. CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP

1- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính, bảo đảm cải cách hành chính thành công. Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính thể hiện chủ yếu ở các nội dung sau:

- Quyết định các mục tiêu, quan điểm, chủ trương và giải pháp lớn về cải cách hành chính; lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục bảo đảm sự nhận thức sâu sắc và thống nhất hành động trong các tổ chức đảng, trong cán bộ, đảng viên về nhiệm vụ cải cách hành chính; lãnh đạo việc xây dựng các thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách, phù hợp với thực tế và chủ trương, nghị quyết của Đảng.

- Quyết định giới thiệu cán bộ, đảng viên có đủ phẩm chất và năng lực để cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước xem xét, bổ nhiệm giữ các chức vụ trong bộ máy nhà nước, thông qua đó bảo đảm việc thực hiện cải cách hành chính theo đúng các chủ trương, quan điểm của Đảng.

- Tăng cường lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, uốn nắn kịp thời việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác cải cách hành chính. Các cấp ủy đảng phải lãnh đạo cơ quan chính quyền xây dựng chương trình, kế hoạch cải

cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính phục vụ nhân dân, doanh nghiệp và thông qua kết quả cải cách hành chính mà xem xét, đánh giá, sử dụng cán bộ, đảng viên.

2- Thực hiện đồng bộ cải cách hành chính với cải cách lập pháp, cải cách tư pháp

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Hoàn thiện quy chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, phát huy tốt vai trò của đại biểu Quốc hội và đoàn đại biểu Quốc hội, cải tiến hoạt động chất vấn của đại biểu Quốc hội theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác giám sát. Tổ chức lại một số uỷ ban của Quốc hội; nâng cao vai trò và chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội. Đổi mới hơn nữa quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao của Quốc hội.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước; khắc phục nhanh tình trạng ban hành luật khung; hạn chế tối đa luật phải chờ văn bản hướng dẫn thi hành. Khắc phục tình trạng ban hành luật với những vấn đề chưa đủ rõ và khó hướng dẫn thực hiện. Tính thống nhất của hệ thống pháp luật phải được đề cao, phải được bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh trong thực tiễn của đời sống xã hội và thông qua hoạt động lập pháp và giám sát của Quốc hội.

Các văn bản pháp luật ban hành phải quán triệt tinh thần đẩy mạnh cải cách hành chính; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; hạn chế tối đa việc quy định về tổ chức bộ máy ngay trong các luật chuyên ngành và quy định thủ tục hành chính phức tạp, gây phiền hà ngay trong các thể chế pháp luật.

Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Uỷ ban của Quốc hội với Chính phủ theo hướng thiết thực, hiệu quả; xác định rõ cơ chế giám sát của Quốc hội đối với Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ.

- Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh. Đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 theo tinh thần và nội dung Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị. Tiến hành cải cách tư pháp khẩn trương, đồng bộ; lấy cải cách hoạt động xét xử làm trọng tâm; ban hành quy định cụ thể để thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra. Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Toà án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan tư pháp; mở rộng thẩm quyền xét xử của toà án đối với các khiếu kiện hành chính; bảo đảm thực hiện nguyên tắc toà án, thẩm phán xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp. Đổi mới quy trình, thủ tục giải quyết công việc của các toà án; hoàn thiện quy chế tăng cường quan hệ phối hợp giữa các cơ quan toà án với các cơ quan hành chính, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, cơ quan thi hành án. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý ngân sách và tổ chức cán bộ của toà án các cấp.

Nâng cao phẩm chất, năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cơ quan tư pháp các cấp để đủ sức phát hiện, xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật các loại tội phạm và giải quyết các tranh chấp phát sinh trong xã hội, nhất là ở cấp sơ thẩm, đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tạo điều kiện để phát triển nhanh các tổ chức hỗ trợ tư pháp, phục vụ trực tiếp cho hoạt động của các cơ quan tư pháp, đồng thời làm chỗ dựa cho nhân dân và doanh nghiệp tiếp cận hệ thống tư pháp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế

Tập trung chỉ đạo chặt chẽ và đẩy nhanh việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật, đặc biệt là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các thể chế về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Xác định hợp lý chương trình xây dựng pháp luật dài hạn và ngắn hạn. Nâng cao chất lượng xây dựng luật; xác định rõ quan điểm chỉ đạo của từng văn bản pháp luật cần ban hành. Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật đủ cụ thể, rõ ràng, kịp thời, đúng quy định.

Xác định rõ những văn bản pháp luật cần thiết phải có để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; không nhất thiết mỗi lĩnh vực, mỗi ngành phải có một bộ luật riêng. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật; có cơ chế hợp lý để nhân dân tham gia ý kiến, nhất là các đối tượng chịu sự điều chỉnh của pháp luật sẽ ban hành. Khi đưa ra lấy ý kiến nhân dân phải được chuẩn bị kỹ, những vấn đề nhạy cảm liên quan đến quan điểm chính trị phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị.

4- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xem đây là khâu đột phá để tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho hoạt động của nhân dân và doanh nghiệp.

Tiến hành rà soát các thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực, chỉ rõ những thủ tục, những quy định sai pháp luật, không phù hợp để kiên quyết sửa đổi. Đây là khâu cản trở sự phát triển và gây nhiều bức xúc trong nhân dân, cần tập trung chỉ đạo tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong lĩnh vực này.

Các biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính:

- Giảm đầu mối, bỏ cấp trung gian, hình thành bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương. Đẩy mạnh vững chắc việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và xã hội hoá một số loại hình dịch vụ công cộng.

- Tiếp tục phân cấp mạnh và giao quyền chủ động hơn nữa cho chính quyền địa phương, nhất là trong việc quyết định về ngân sách, tài chính, đầu tư, nguồn nhân lực, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Trung ương; đồng thời hoàn thiện thể chế, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển để bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất của Trung ương.

- Tập trung chỉ đạo rà soát và cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi nhất cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu chính đáng của người dân, như: thành lập, giải thể, phá sản doanh nghiệp; đăng ký kinh doanh và chứng nhận đầu tư; đầu tư xây dựng công trình, dự án và nhà ở; quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản; xuất nhập khẩu; nộp thuế; hộ tịch, hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thị thực nhập cảnh; công chứng, chứng thực; thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp...

- Các cấp chính quyền và từng cơ quan hành chính nhà nước khẩn trương rà soát các loại thủ tục hành chính, bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên xem xét sửa đổi theo hướng tạo thuận tiện cho nhân dân và doanh nghiệp. Xử lý nghiêm những cá nhân và tổ chức tùy tiện đặt ra các quy định trái pháp luật, trái thẩm quyền, gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong việc cải cách thủ tục hành chính.

- Công bố công khai các thủ tục (các loại giấy tờ, biểu mẫu) và quy trình giải quyết công việc, thời gian giải quyết, phí và lệ phí theo quy định để nhân dân biết và thực hiện thuận lợi.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước và mở rộng áp dụng tại các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công như bệnh viện, trường học.

- Chính phủ khẩn trương rà soát, sửa đổi các quy định của mình và chịu

trách nhiệm rà soát những thủ tục hành chính đã quy định trong các luật, pháp lệnh, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi cho phù hợp.

5- Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ theo hướng xây dựng hệ thống cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại và đúng với vai trò là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Tập trung xây dựng các quy định hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ đầy đủ và cụ thể. Thực hiện nhất quán nguyên tắc: một việc chỉ giao cho một cơ quan, một người chịu trách nhiệm chính.

Chính phủ tập trung thực hiện tốt hơn nữa chức năng quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực mà pháp luật đã quy định. Xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội cho phù hợp với yêu cầu phát triển. Tập trung làm tốt hơn việc hoạch định thể chế, cơ chế, chính sách, xây dựng giải pháp, bảo đảm các cân đối lớn và ổn định kinh tế vĩ mô, cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, xã hội. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và nâng cao năng lực chỉ đạo tổ chức thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra.

Xây dựng quy chế làm việc của Chính phủ chặt chẽ và thiết thực. Xác định cụ thể nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng và từng thành viên Chính phủ, bảo đảm bao quát hết các chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ. Xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là cổ phần hoá, kể cả các tổng công ty và tập đoàn kinh tế, thu hẹp và tiến tới các bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố không còn thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Làm rõ chức năng quản lý nhà nước của cơ quan hành chính và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị sự nghiệp, phân cấp mạnh cho các đơn vị sự nghiệp về sử dụng ngân sách, kinh phí, tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ.

Từ thực tiễn giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân, nghiên cứu việc thành lập Tài phán hành chính.

Về cơ cấu tổ chức của Chính phủ:

Tiếp tục hình thành bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; giảm phù hợp số đầu mối các bộ, cơ quan ngang bộ; khắc phục tình trạng bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, ngành; không giữ các cơ quan thuộc Chính phủ

có chức năng quản lý nhà nước; chỉ duy trì một số cơ quan cần thiết thuộc Chính phủ là đơn vị sự nghiệp.

Tập trung xây dựng các bộ để làm tốt chức năng chủ yếu là xây dựng thể chế, luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đối với các lĩnh vực được phân công; tổ chức chỉ đạo thực hiện và đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành.

Thực hiện phân cấp mạnh và phù hợp hơn về nhiệm vụ từ Chính phủ và các bộ cho chính quyền địa phương, phát huy tinh thần trách nhiệm, tính năng động, sáng tạo của chính quyền địa phương trên cơ sở phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mỗi cấp trong bộ máy chính quyền, đồng thời xây dựng hành lang pháp lý bảo đảm sự thống nhất quản lý của nhà nước Trung ương.

Cơ cấu bên trong của các bộ phải được sắp xếp hợp lý, bỏ cấp trung gian, giảm tầng nấc, thủ tục, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, tránh chồng chéo, nâng cao trách nhiệm của từng bộ phận và đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực hiện công việc.

Đối với một số nhiệm vụ thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có đủ điều kiện dân sự hóa thì chuyển cho các bộ không thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quản lý nhằm tập trung hơn nhiệm vụ xây dựng quân đội, công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Việc thực hiện chủ trương này phải bảo đảm thận trọng, chặt chẽ và hiệu quả.

Về chính quyền địa phương:

Khẩn trương xây dựng và đưa vào thực hiện quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp, trên cơ sở đó ổn định cơ bản các đơn vị hành chính ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Kiện toàn thống nhất hệ thống cơ quan chuyên môn của các cấp chính quyền.

Tính thống nhất và thông suốt của hệ thống hành chính nhà nước được bảo đảm trên cơ sở xác định rõ vị trí, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong hệ thống cơ quan nhà nước. Chính quyền địa phương được xây dựng, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc nhà nước đơn nhất, quyền lực của Nhà nước là thống nhất. Theo đó, cần điều chỉnh, bổ sung các quy định để thực hiện nhất quán chủ trương này, đồng thời có cơ chế bảo đảm nguyên tắc xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân, tăng cường công tác giám sát của cấp uỷ, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đối với hoạt động của chính quyền địa phương.

Tổ chức hợp lý chính quyền địa phương, phân biệt rõ những khác biệt giữa chính quyền nông thôn và chính quyền đô thị:

+ Đối với chính quyền nông thôn: Không tổ chức hội đồng nhân dân ở

huyện; ở huyện có Ủy ban nhân dân với tính chất là đại diện của cơ quan hành chính cấp tỉnh để giải quyết các nhiệm vụ về hành chính và các công việc liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người dân theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra cấp dưới thực hiện chủ trương, chính sách, nghị quyết, kế hoạch của cấp trên. Cơ chế giám sát đối với tổ chức, hoạt động của ủy ban nhân dân huyện được thực hiện thông qua hoạt động giám sát của đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể và giám sát trực tiếp của nhân dân. Kiện toàn cấp ủy huyện để đáp ứng tốt yêu cầu lãnh đạo toàn diện và lãnh đạo hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện.

Chính quyền xã có hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách xã, quản lý nhà nước về các lĩnh vực giáo dục, y tế, đất đai, xây dựng, hộ tịch... trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã, xác định cụ thể các chức danh công chức xã theo hướng ổn định và chuyên sâu về nghiệp vụ.

+ Đối với chính quyền đô thị;

Tổ chức chính quyền đô thị phải bảo đảm tính thống nhất và liên thông trên địa bàn về quy hoạch đô thị, kết cấu hạ tầng (như điện, đường, cấp thoát nước, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường) và đời sống dân cư...

Xác định cấp đô thị có hội đồng nhân dân là: hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương, hội đồng nhân dân thành phố thuộc tỉnh, hội đồng nhân dân thị xã; không tổ chức hội đồng nhân dân ở quận và ở phường. Tại quận, phường có Ủy ban nhân dân là đại diện của cơ quan hành chính cấp trên đặt tại địa bàn để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp của chính quyền cấp trên.

Ở huyện, quận, phường không tổ chức hội đồng nhân dân, nhưng có cơ quan hành chính là Ủy ban nhân dân để quản lý và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp của chính quyền cấp trên. Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường bao gồm chủ tịch, các phó chủ tịch và các ủy viên do Ủy ban nhân dân cấp trên bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở xem xét nhân sự do cấp ủy huyện, quận, phường giới thiệu và được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đồng ý.

Khi thực hiện không tổ chức hội đồng nhân dân ở huyện, quận, phường, cần tăng cường hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về số lượng, chất lượng đại biểu, về cơ sở vật chất, điều kiện làm việc.

Thực hiện thí điểm việc không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận,

phường. Qua thí điểm sẽ tổng kết, đánh giá và xem xét để có chủ trương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp về tổ chức chính quyền địa phương cho phù hợp.

Về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ thủ trưởng trong các cơ quan hành chính:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân là người đứng đầu cơ quan hành chính, chịu trách nhiệm trước hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính cấp trên. Quy định rõ trong luật về thẩm quyền, trách nhiệm của chủ tịch Ủy ban nhân dân và tập thể Ủy ban nhân dân theo hướng phân định rõ những loại việc bắt buộc phải thảo luận và biểu quyết của Ủy ban nhân dân, những loại việc thuộc thẩm quyền quyết định của chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Người đứng đầu cơ quan hành chính có trách nhiệm đề xuất, giới thiệu nhân sự cấp phó và các thành viên của cơ quan hành chính để cấp ủy có thẩm quyền xem xét, quyết định, sau đó giới thiệu cho cơ quan dân cử đề bầu hoặc bổ nhiệm và chịu trách nhiệm về việc đề xuất, giới thiệu của mình.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh do hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, cấp trên phê chuẩn. Trường hợp cần thay đổi chủ tịch Ủy ban nhân dân mà nhân sự là người phải điều động từ nơi khác đến thì sau khi trao đổi với cấp ủy cùng cấp và được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đồng ý, Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên bổ nhiệm chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp.

Thí điểm việc nhân dân bầu trực tiếp chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định phê chuẩn; trên cơ sở tổng kết thí điểm sẽ xem xét thực hiện chính thức chủ trương này cùng với việc xem xét sửa đổi, bổ sung Hiến pháp về việc nhân dân trực tiếp bầu chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

6- Tiếp tục cải cách chế độ công vụ, công chức

- Xác định rõ vị trí, cơ cấu và tiêu chuẩn chức danh công chức trong từng cơ quan của Nhà nước để làm căn cứ tuyển dụng và bố trí sử dụng cán bộ, công chức.

- Làm tốt công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch cán bộ, công chức; thông qua việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, xác định rõ những người đủ và không đủ tiêu chuẩn. Có chính sách thích hợp đối với những người không đủ tiêu chuẩn phải đưa ra khỏi bộ máy.

- Đổi mới chế độ tuyển dụng và quản lý cán bộ, công chức. Tuyển dụng cán bộ, công chức phải căn cứ vào nhu cầu, vị trí, cơ cấu và tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức. Thông qua việc thi tuyển, sát hạch, kiểm tra để tuyển dụng cán bộ,

công chức đủ phẩm chất và năng lực vào làm việc trong bộ máy. Khắc phục tình trạng vào cơ quan rồi mới đưa đi đào tạo và chủ yếu là đào tạo tại chức.

Cơ quan quản lý nhà nước về cán bộ, công chức có chức năng tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện và đánh giá việc thi tuyển, thi nâng ngạch công chức. Thủ trưởng cơ quan hành chính các cấp chịu trách nhiệm kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công vụ và chịu trách nhiệm về những vi phạm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức thuộc phạm vi mình quản lý. Cơ quan hành chính quản lý trực tiếp cán bộ, công chức chịu trách nhiệm đánh giá, phân loại cán bộ, công chức. Việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức phải căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trong bố trí, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, cần bảo đảm sự ổn định đề chuyên môn hoá, đồng thời có sự điều chuyển cần thiết để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và phòng ngừa tiêu cực.

Thực hiện việc thi tuyển đối với một số chức danh lãnh đạo gắn với chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp.

- Đổi mới công tác quản lý biên chế.

Đối với các cơ quan nhà nước: Trên cơ sở xây dựng chức danh, tiêu chuẩn, vị trí việc làm và cơ cấu công chức, từng cơ quan nhà nước rà soát lại đội ngũ công chức, đối chiếu với tiêu chuẩn đề bố trí lại cho phù hợp. Tiếp tục thực hiện mạnh chế độ hợp đồng đối với một số loại việc trong các cơ quan nhà nước.

Đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công: Căn cứ vào nhu cầu hoạt động thực tế để xác định số lượng các vị trí việc làm trong từng đơn vị sự nghiệp dịch vụ công. Thực hiện chế độ hợp đồng làm việc trong các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

- Thực hiện cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách khác đối với đội ngũ cán bộ, công chức. Tiếp tục thực hiện cải cách chế độ tiền lương, rút gọn bậc trong các thang, bảng lương hiện tại, thực hiện lương chuyên môn cộng phụ cấp để khuyến khích công chức phấn đấu theo con đường chuyên môn, khi không còn giữ chức vụ thì thôi hưởng phần phụ cấp chức vụ. Thực hiện từng bước tiền tệ hoá tiền lương, tính đủ các bộ phận cấu thành lương để cán bộ, công chức sống được bằng lương. Nghiên cứu có chính sách, chế độ thích hợp về nhà ở cho cán bộ, công chức. Nhà nước có chính sách xây dựng và sử dụng nhà công vụ, quy định rõ chế độ, tiêu chuẩn sử dụng nhà công vụ để áp dụng trong cả hệ thống chính trị. Xây dựng chế độ phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức hành chính, bao gồm cả cán bộ, công chức đảng, đoàn thể trong hệ thống chính trị.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Đổi mới phương thức và nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức sát với thực tế, hướng vào các vấn đề thiết thực đặt ra từ quá trình thực thi công vụ, nâng cao kỹ năng hành chính. Thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng hành chính bảo đảm tính thống nhất trong hoạt động của cơ quan hành chính, nhất là trong giải quyết các yêu cầu của nhân dân, doanh nghiệp. Thực hiện cơ chế đào tạo tiền công vụ và đào tạo, bồi dưỡng trong công vụ theo định kỳ bắt buộc hàng năm; thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm.

Coi trọng công tác giáo dục đạo đức và phẩm chất chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức để nâng cao lòng yêu nước, yêu chế độ, niềm tự hào dân tộc và tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Giảm cấp phó trong bộ máy.

Đề khắc phục tình trạng quá nhiều cấp phó trong cơ quan hành chính, trước hết cần tập trung đổi mới phương thức, lề lối làm việc của các cơ quan; giảm hội họp, phân định rõ trách nhiệm của tập thể và người đứng đầu cơ quan. Từ đó, giảm hợp lý cấp phó trong các cơ quan hành chính nhà nước.

7- Cải cách tài chính công

Phát huy vai trò của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp trong việc quyết định và giám sát việc thu chi ngân sách. Tăng cường phân cấp quản lý ngân sách, đồng thời phải bảo đảm tính thống nhất của thể chế, luật pháp về ngân sách nhà nước và vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương. Nâng cao tính minh bạch, dân chủ và công khai trong quản lý ngân sách nhà nước. Xây dựng thể chế giám sát tài chính đồng bộ và hiệu quả.

Thí điểm thực hiện cơ chế cấp phát ngân sách theo kết quả công việc thay thế cơ chế cấp kinh phí cho cơ quan hành chính chủ yếu dựa vào chỉ tiêu biên chế đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp dịch vụ công. Tạo thêm động lực đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, khuyến khích, động viên cán bộ, công chức làm việc tích cực, gắn việc hoàn thành nhiệm vụ với tiền lương, tiền thưởng.

Thực hiện cơ chế tổ chức và hoạt động (trong đó có cơ chế tài chính) đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện hạch toán thu - chi không vì lợi nhuận tối đa và nhà nước không bao cấp bình quân. Cải cách tài chính công phục vụ cho chủ trương đẩy mạnh xã hội hoá trong các ngành giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ, văn hoá, thể dục, thể thao. Phát huy trách nhiệm và tính sáng tạo, chủ động của các đơn vị này nhằm cung cấp các dịch vụ công ngày càng có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, đồng thời tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, viên chức làm việc. Ban hành cơ chế tài

chính thích hợp cho đơn vị sự nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá và đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; thực hiện thí điểm cổ phần hoá một số đơn vị sự nghiệp công lập.

8- Hiện đại hoá nền hành chính

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tính chuyên nghiệp của bộ máy hành chính, của cán bộ, công chức, đặc biệt là kỹ năng hành chính và áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan hành chính.

Cần quy hoạch và xây dựng công sở theo hướng tập trung và từng bước hiện đại, có đủ điều kiện và phương tiện làm việc, tạo thuận lợi cho người dân khi đến liên hệ và giải quyết công việc.

Từ nay đến năm 2010, khắc phục xong tình trạng một số xã chưa có trụ sở chính quyền hoặc có nhưng ở mức độ chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động của chính quyền cấp xã.

9- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ quan hành chính với nhân dân, huy động sự tham gia có hiệu quả của nhân dân và xã hội vào hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước

Tiếp tục phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân. Quán triệt sâu sắc trong nhận thức và hành động của cả hệ thống cơ quan hành chính nhà nước ý thức phục vụ dân, gần dân, giúp dân, học dân. Khắc phục tình trạng vô trách nhiệm hoặc dùn dẩy khó khăn của cán bộ, công chức cho người dân và doanh nghiệp.

Tập trung cải cách theo hướng đơn giản, minh bạch, công khai về thủ tục hành chính. Coi đây là một giải pháp quan trọng để phòng, chống tham nhũng, khắc phục tiêu cực trong bộ máy hành chính nhà nước. Xây dựng và đưa vào thực hiện các quy định về quyền được thông tin của người dân, tạo điều kiện để người dân tham gia, giám sát hoạt động của cơ quan hành chính.

Xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho dân trong quá trình quản lý hành chính; hạn chế tối đa các oan sai và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân trong quá trình công chức nhà nước thi hành công vụ; khẩn trương ban hành Luật về bồi thường nhà nước.

Tạo lập cơ sở pháp luật nhằm bảo đảm quyền giám sát trực tiếp của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, tăng cường các hình thức dân chủ trực tiếp để người dân tham gia vào công việc của Nhà nước ngày càng thực chất và có hiệu quả; đảm bảo cho người dân, tổ chức là đối tượng chịu sự điều chỉnh của pháp luật được tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật.

Khẩn trương xây dựng các quy định về chế độ công khai, như: công khai thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan hành chính; các quy định, quy trình giải quyết công việc, thủ tục hành chính, phí, lệ phí và thời gian giải quyết công

việc; công khai ngân sách, tài chính; công khai báo cáo kiểm toán; công khai tài sản của cán bộ, công chức và tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức... theo quy định của pháp luật.

10- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên đối với công tác cải cách hành chính

Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương của tổ chức đảng và đảng viên trong cả hệ thống chính trị về cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính.

Xây dựng chương trình hành động thiết thực, cụ thể về cải cách hành chính trong từng cơ quan hành chính nhà nước. Tập trung chỉ đạo thực hiện có trọng tâm, trọng điểm và có sơ kết uốn nắn trong từng thời gian. Bảo đảm cho công tác cải cách hành chính thật sự là một khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội và là một nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của các cấp ủy và cơ quan hành chính nhà nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt Nghị quyết này trong đảng viên, cán bộ, công chức, xây dựng chương trình hành động và triển khai thực hiện Nghị quyết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

2- Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Đảng theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan làm tốt công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo việc thực hiện Nghị quyết với Bộ Chính trị.

TM. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Tổng Bí thư

NÔNG ĐỨC MẠNH

QUY ĐỊNH VỀ NHỮNG ĐIỀU ĐẢNG VIÊN KHÔNG ĐƯỢC LÀM (QUY ĐỊNH SỐ 115-QĐ/TW NGÀY 7-12-2007 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khoá X);
- Để tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng và giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, tinh tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUY ĐỊNH

I. NHỮNG ĐIỀU ĐẢNG VIÊN KHÔNG ĐƯỢC LÀM

1- Nói hoặc làm trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của Đảng; làm những việc mà pháp luật không cho phép công dân, cán bộ, công chức làm.

2- Cung cấp những thông tin, tài liệu bí mật của Đảng và Nhà nước hoặc những việc chưa được phép công bố; tuyên truyền, tán phát hoặc xúi giục người khác tuyên truyền, tán phát thông tin, tài liệu dưới mọi hình thức để truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3- Tố cáo mang tính bịa đặt; viết đơn, thư tố cáo nặc danh, mạo danh; viết, ký tên tập thể vào đơn, thư tố cáo. Tổ chức, tham gia kích động, xúi giục, mua chuộc, cưỡng ép người khác khiếu nại, tố cáo. Gửi, tán phát đơn, thư khiếu nại, tố cáo đến những nơi không có thẩm quyền giải quyết.

4- Tổ chức, xúi giục, tham gia các hoạt động bè phái, chia rẽ, cục bộ gây mất đoàn kết. Lợi dụng việc phát ngôn, nhân danh việc phản ánh, góp ý kiến đối với Đảng để đả kích, vu cáo, xúc phạm, nhận xét, đánh giá tùy tiện đối với người khác. Đe dọa, trù dập người tố cáo, phê bình, góp ý trái với ý kiến mình.

5- Viết bài, cho đăng tải tin, bài sai sự thật, vu cáo, bịa đặt hoặc quy kết về tội danh, mức án trước khi xét xử, không đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định của pháp luật. Sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật, viết, phát hành hồi ký không lành mạnh, không đúng sự thật, mang tính kích động gây ảnh hưởng xấu trong xã hội.

6- Tổ chức, tham gia các hội trái quy định của pháp luật. Tổ chức, tham gia mít tinh, biểu tình khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

7- Không chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức đảng, đảng viên tự ứng cử, cấp uỷ viên tự ứng cử hoặc tự nhận đề cử vào các chức danh của tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội khi chưa được các tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu.

8- Quan liêu, thiếu trách nhiệm, bao che, báo cáo sai sự thật, để cơ quan, đơn vị, địa phương do mình trực tiếp phụ trách xảy ra tình trạng mất đoàn kết, tham nhũng, buôn lậu, lãng phí, thất thoát tài sản và các tiêu cực khác.

9- Làm trái quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong những việc: quản lý nhà, đất, quĩ, thuế; kinh doanh chứng khoán, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; các hoạt động giám định quản lý và cấp phát các loại giấy đăng ký, giấy chứng nhận, giấy phép; cấp, sử dụng, chứng thực, xác nhận hồ sơ, tài liệu, văn bằng, chứng chỉ; thẩm định, phê duyệt, đấu thầu, giao, nhận dự án; giao đất; tuyển dụng, sắp xếp, bố trí, kỷ luật cán bộ, công chức và người lao động; kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

10- Can thiệp, tác động đến cá nhân, tổ chức để bản thân hoặc người khác được bổ nhiệm, di học, di nước ngoài trái quy định của pháp luật. Ép buộc, mua chuộc cá nhân hoặc tổ chức để bao che, giảm tội cho người khác.

11- Chủ trì, tham mưu, đề xuất, tham gia ban hành các văn bản trái với quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Cố ý để người thân lợi dụng vị trí công tác của mình trục lợi.

12- Đưa, nhận, môi giới hối lộ; môi giới làm thủ tục hành chính hoặc lợi dụng vị trí công tác để môi giới hưởng thù lao dưới mọi hình thức trái với quy định của pháp luật. Đưa, nhận hoa hồng hoặc môi giới đưa, nhận hoa hồng trái quy định của pháp luật.

13- Kê khai không-đầy đủ tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật; trốn, trì hoãn nộp thuế; mở tài khoản ở nước ngoài trái quy định của pháp luật; tham gia hoạt động rửa tiền.

14- Dùng công quỹ xây dựng công trình, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, di lại, thông tin liên lạc vượt quá định mức và sử dụng trái quy định của pháp luật.

15- Dùng công quỹ để tiếp khách, tặng quà trái quy định của pháp luật hoặc để xây dựng các công trình vui chơi giải trí cho một số ít người. Cho thuê, cho mượn tài sản của Nhà nước được giao quản lý, sử dụng trái quy định của pháp luật.

16- Tự mình hoặc để người trong gia đình đi du lịch, tham quan, học tập,

chữa bệnh ở trong nước hoặc ngoài nước bằng nguồn tài trợ của tổ chức trong nước hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

17- Tổ chức, tham gia đánh bạc, số đề, cá cược, cho vay trái quy định của pháp luật, sử dụng các chất ma túy; uống rượu, bia đến mức bê tha, mất tư cách và các tệ nạn xã hội khác.

Vi phạm đạo đức nghề nghiệp, có hành vi bạo lực trong gia đình, vi phạm chính sách dân số, và kế hoạch hoá gia đình, sống chung với người khác như vợ chồng; bản thân hoặc để con kết hôn với người nước ngoài trái quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

18- Mê tín, hoạt động mê tín (hành nghề đồng cốt, thầy cúng, thầy bói; lập đền, miếu trái phép; ủng hộ hoặc tham gia tôn giáo bất hợp pháp).

19- Tổ chức việc cưới, các ngày lễ, tết, sinh nhật, kỷ niệm ngày cưới; mừng thọ, mừng nhà mới, lên chức, chuyển công tác nhằm vụ lợi.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

1- Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định này và giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Các cấp uỷ đảng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Quy định và định kỳ hằng năm phải báo cáo với cấp uỷ cấp trên tình hình thực hiện Quy định này qua uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cấp trên.

Trong quá trình thực hiện, có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

2- Đảng viên vi phạm Quy định này là vi phạm kỷ luật Đảng. Nếu vi phạm thì tiến hành thẩm tra, xác minh, kết luận, xử lý công minh, chính xác, kịp thời theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3- Quy định này thay thế Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 03-01-2002 của Bộ Chính trị (khoá IX) về những điều đảng viên không được làm, có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

**TM. BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG**

QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN VI PHẠM (QUY ĐỊNH SỐ 94/QĐ-TW NGÀY 15-10-2007 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ)

Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ nghị quyết chỉ thị, quy định của Đảng; Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá X;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

Bộ Chính trị quy định về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng xử lý kỷ luật

1- Tất cả đảng viên, nếu vi phạm trong việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; nói, viết và làm trái với quan điểm, đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, nguyên tắc, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; vi phạm các quy định về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo; vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình; bản thân hoặc có con kết hôn với người nước ngoài mà không báo cáo đều phải xử lý kỷ luật theo quy định này.

2- Đảng viên vi phạm trước đây nhưng sau khi chuyển công tác, nghỉ việc, hoặc nghỉ hưu mới phát hiện vi phạm thì vẫn phải xem xét, kết luận; nếu vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì phải thi hành kỷ luật theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước và những nội dung nêu trong quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật

1. Tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng. Đảng viên ở bất cứ cương vị lĩnh vực công tác nào, nếu vi phạm kỷ luật của Đảng đều phải được xem xét, xử lý kỷ luật nghiêm minh.

2- Việc thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm phải thực hiện đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3- Khi xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, phải căn cứ vào nội dung,

tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, thái độ tiếp thu phê bình và sửa chữa, khắc phục khuyết điểm; mục tiêu, yêu cầu của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

4- Các hình thức kỷ luật đảng viên được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Đảng. Đảng viên vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật đều phải thi hành kỷ luật nghiêm minh; vi phạm đến mức khai trừ thì phải khai trừ, không áp dụng hình thức xoá tên; cấp uỷ viên vi phạm đến mức cách chức thì phải cách chức, không cho thôi giữ chức; đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì áp dụng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo, không đủ tư cách thì xoá tên trong danh sách đảng viên.

5- Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải truy cứu trách nhiệm hình sự, không “xử lý nội bộ”; bị toà án tuyên phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên thì phải khai trừ; nếu bị xử phạt bằng hình thức thấp hơn, được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử phạt hành chính thì tùy nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm mà xem xét thi hành kỷ luật đảng một cách thích hợp.

6- Kỷ luật đảng không thay thế kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể và các hình thức xử lý của pháp luật. Đảng viên bị thi hành kỷ luật về Đảng thì cấp uỷ quản lý đảng viên đó phải kịp thời chỉ đạo tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội có thẩm quyền, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật về Đảng, phải xem xét, xử lý kỷ luật về hành chính, đoàn thể (nếu có) theo quy định của cơ quan nhà nước và điều lệ của đoàn thể. Khi các cơ quan nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội đình chỉ công tác, khởi tố bị can hoặc thi hành kỷ luật đối với cán bộ, hội viên, đoàn viên là đảng viên thì phải thông báo ngay cho tổ chức đảng quản lý đảng viên đó biết. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức đảng quản lý đảng viên phải xem xét xử lý kỷ luật về Đảng.

7- Đảng viên vi phạm đang trong thời gian nghỉ thai sản theo chế độ quy định, đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc mất khả năng nhận thức, được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật.

Điều 3. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng mức kỷ luật

1- Những trường hợp vi phạm có một hoặc một số tình tiết sau được xem xét giảm mức kỷ luật:

- a) Chủ động báo cáo vi phạm của mình, tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm.
- b) Chủ động báo cáo, cung cấp thông tin, phản ánh về những người cùng vi phạm.

c) Chủ động khắc phục hậu quả vi phạm và tích cực tham gia ngăn chặn hành vi vi phạm; tự giác bồi thường những thiệt hại do mình gây ra.

2- Những trường hợp vi phạm có một hoặc một số tình tiết sau phải xem xét tăng mức kỷ luật:

a) Đã được tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nhắc nhở, giáo dục mà không sửa chữa khuyết điểm, vi phạm.

b) Không tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm của mình mà còn quanh co, che giấu vi phạm.

c) Bao che cho người cùng vi phạm; trù dập, trả thù người thẳng thắn đấu tranh, tố cáo vi phạm hoặc cung cấp chứng cứ vi phạm.

d) Cung cấp thông tin sai sự thật; ngăn cản người khác cung cấp chứng cứ vi phạm.

đ) Đối phó, cản trở quá trình kiểm tra, giám sát, thanh tra, thẩm tra, xác minh, thu thập chứng cứ vi phạm.

e) Vi phạm do lợi dụng tình trạng khẩn cấp, thiên tai, chính sách xã hội.

g) Vi phạm gây thiệt hại về vật chất phải bồi hoàn nhưng không bồi hoàn.

h) Vi phạm nhiều lần, tái vi phạm; bị xử lý kỷ luật nhiều lần về cùng nội dung.

i) Vi phạm có tổ chức; là người tổ chức, chủ mưu, khởi xướng hành vi vi phạm.

k) Ép buộc, vận động, tổ chức, tiếp tay cho người khác cùng vi phạm.

Chương II

NỘI DUNG VI PHẠM VÀ HÌNH THỨC XỬ LÝ

Điều 4. Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ

1- Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Thiếu trách nhiệm trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Bị kích động, xúi giục, bị mua chuộc, lôi kéo hoặc tự mình tham gia các hoạt động làm mất dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ; nhận xét, đánh giá tùy tiện, có dụng ý xấu đối với cá nhân và tổ chức.

c) Tự mình hoặc lôi kéo người khác làm trái nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; vi phạm quy chế dân chủ, quy chế làm việc của cấp uỷ, các quy định của cơ quan, tổ chức ở nơi công tác.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái vi phạm, hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phù quyết ý kiến của đa số khi thông qua nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, kết luận thuộc thẩm quyền của tập thể.

b) Vi phạm các quy định về bầu cử của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Sau khi đã được trình bày nguyện vọng, hoàn cảnh, khi tổ chức ra quyết định vẫn không chấp hành sự phân công, điều động, luân chuyển cán bộ của tổ chức đảng và tổ chức nhà nước.

c) Tự ý nhận giữ chức sắc của các tổ chức tôn giáo khi chưa báo cáo hoặc đã báo cáo nhưng chưa được tổ chức có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

d) Quan liêu, thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý để địa phương, đơn vị mình trực tiếp phụ trách xảy ra lãng phí, tham nhũng, mất dân chủ, mất đoàn kết hoặc các tiêu cực khác.

e) Bản thân gây thiệt hại về kinh tế phải bồi hoàn nhưng cố ý không bồi hoàn.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, vô tổ chức, vô kỷ luật, cố ý bỏ sinh hoạt đảng; không chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Lừa dối cấp trên, báo cáo sai, xuyên tạc sự thật; che giấu khuyết điểm, vi phạm của bản thân, của người khác hoặc của tổ chức; tạo thành tích giả; cơ hội, kèn cựa, địa vị, độc đoán, chuyên quyền; lợi dụng quyền dân chủ để kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết trong tổ chức, cơ quan, đơn vị nơi mình sinh hoạt, công tác.

c) Không tán thành quan điểm, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng; phủ định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Lợi dụng dân chủ, quyền bảo lưu ý kiến, quyền tự do ngôn luận để tuyên truyền chống Đảng; ủng hộ hoặc tán thành đa nguyên, đa đảng.

Điều 5. Vi phạm về kỷ luật phát ngôn

1. Vi phạm một trong các trường hợp sau đây gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Vi phạm quy định của Đảng và Nhà nước về hoạt động báo chí, tuyên truyền.

b) Tuyên truyền, sao chép, tán phát những tài liệu có nội dung xấu, làm lộ bí mật của Đảng, Nhà nước hoặc có nội dung kích động, chống Đảng và chế độ ta (qua tờ rơi, thư từ, báo chí, fax, Internet...).

c) Tự ý phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí, vi phạm những điều cấm của Luật Báo chí và những quy định khác của Đảng và Nhà nước về phát ngôn, cung cấp thông tin.

d) Phát ngôn hoặc cung cấp những văn bản, đề án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa được cấp có thẩm quyền cho phép phổ biến.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái vi phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong những trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Phát ngôn trái với quan điểm, đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của Đảng và Nhà nước; loan truyền những thông tin không đúng sự thật làm ảnh hưởng đến tổ chức hoặc cá nhân, hoặc làm lộ bí mật của Đảng và Nhà nước. Phát ngôn vô tổ chức, vô trách nhiệm.

b) Lợi dụng việc tham gia góp ý kiến xây dựng Đảng để tung tin, loan truyền dư luận, tán phát tài liệu có quan điểm trái với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

c) Cung cấp thông tin cho báo chí những vấn đề thuộc bí mật nhà nước; những vấn đề bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng. Cung cấp thông tin sai sự thật, không trung thực khi cung cấp thông tin cho báo chí.

d) Cung cấp thông tin cho báo chí về các vụ án đang trong quá trình điều tra hoặc chưa xét xử, trường hợp cơ quan điều tra có yêu cầu không thông tin trên báo chí để tạo điều kiện cho hoạt động điều tra và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

đ) Cung cấp thông tin cho báo chí về các cuộc kiểm tra, thanh tra đang trong quá trình thực hiện, chưa được cơ quan có thẩm quyền kết luận và công bố.

e) Những người làm báo viết bài, cho đăng tải thông tin có nội dung sai sự thật, mang tính kích động, gây hoang mang hoặc quy kết về tội danh, mức án trước khi xét xử; đưa những thông tin chưa được phép phổ biến hoặc không đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định của pháp luật.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc cố tình phát ngôn mang tính chất xuyên tạc để kẻ xấu lợi

dụng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Không chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn và bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước đã để lộ tin tức, tán phát tài liệu không đúng nguyên tắc tung tin sai lệch về nội bộ Đảng, gây tác động xấu đến ổn định chính trị, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và trong nhân dân, để kẻ xấu và các lực lượng thù địch lợi dụng xuyên tạc làm giảm uy tín của Đảng, chống phá chế độ ta.

b) Lợi dụng dân chủ, nhân quyền để tuyên truyền chống Đảng; cố ý nói, viết, lưu giữ trái phép hoặc tán phát các tài liệu có nội dung trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng hoặc đưa lên mạng Internet những nội dung chống lại đường lối, chính sách của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.

c) Phát ngôn tùy tiện, vô nguyên tắc, gây rối nội bộ, gây hoài nghi, bất mãn trong nhân dân, mất uy tín trước nhân dân. Người làm báo đưa tin sai sự thật, vu cáo, bịa đặt gây hậu quả xấu.

d) Tổ chức hoặc cố ý tham gia các diễn đàn, các cuộc họp, hội thảo, mít tinh, biểu tình trái phép hoặc có nội dung chống Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 6. Vi phạm về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1- Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Viết, soạn thảo, ký tên tập thể vào đơn, thư tố cáo.

b) Tham gia khiếu kiện đông người gây mất trật tự, an toàn xã hội.

c) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đã tiết lộ họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo, nội dung tố cáo, các thông tin, tài liệu về vụ việc đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra cho tổ chức hoặc cá nhân không có trách nhiệm biết.

d) Thiếu trách nhiệm, gây phiền hà trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; vi phạm nội quy quy chế tiếp công dân.

đ) Can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái vi phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Cố tình trì hoãn việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc làm sai lệch các thông tin, tài liệu do người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cung cấp trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo.

b) Cố ý ra quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo trái pháp luật, trái quy định của pháp luật.

c) Không chấp hành quyết định cuối cùng về giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật.

d) Không chấp hành quyết định giải quyết tố cáo của cơ quan nhà nước, tổ chức đảng, đoàn thể có thẩm quyền giải quyết đúng trình tự, thủ tục đã có hiệu lực.

đ) Không thực hiện các yêu cầu kiến nghị của các cơ quan, tổ chức và đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

e) Chiếm đoạt, tiêu huỷ tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra.

g) Vu cáo, vu khống đối với người đang làm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra hoặc can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra, kiểm tra.

h) Lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để kích động, dụ dỗ, lôi kéo người khác khiếu nại, tố cáo sai sự thật và thực hiện hành vi trái pháp luật.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Tố cáo mang tính bịa đặt, vu khống, đả kích, có dụng ý xấu.

b) Tổ chức, cưỡng ép, kích động, xúi giục, giúp sức, mua chuộc người khác khiếu nại, tố cáo sai sự thật; theo dõi quần chúng viết, ký tên tập thể vào đơn, thư tố cáo.

c) Tổ chức hoặc theo dõi quần chúng khiếu nại đồng người gây áp lực, đòi yêu sách, gây mất trật tự, an toàn xã hội.

d) Đe dọa, trấn áp, trả thù, trù dập, xúc phạm người khiếu nại, tố cáo, người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo.

đ) Lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để xuyên tạc sự thật, gây rối trật tự, gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 7. Vi phạm các quy định của Đảng và Nhà nước về dân số, kế hoạch hoá gia đình

1- Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Cản trở, cưỡng bức thực hiện kế hoạch hoá gia đình.

b) Sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, cung cấp phương tiện tránh thai giả, không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, quá hạn sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành và sử dụng tại Việt Nam.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm trong trường hợp sinh con thứ ba (trừ những trường hợp pháp luật có quy định khác) thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ).

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc sinh con thứ tư trở lên thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

Điều 8. Vi phạm quy định về kết hôn với người nước ngoài

1- Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Có con kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà không báo cáo trung thực bằng văn bản với chi bộ, thường trực cấp ủy quản lý mình về lai lịch, thái độ chính trị của người con dâu (hoặc con rể) và cha, mẹ ruột của họ.

b) Có con kết hôn với người nước ngoài vi phạm quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình Việt Nam.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Có con kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hành vi chống Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Có vợ hoặc chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhưng không báo cáo với tổ chức.

c) Có hành vi ép con kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhằm mục đích vụ lợi.

d) Kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhưng không báo cáo cấp ủy trực tiếp quản lý và cấp ủy nơi mình sinh hoạt.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, đã bị xử lý mà còn tái phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà người đó không đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà người đó có hoạt động phạm tội nghiêm trọng, có thái độ hoặc hoạt động chống Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

c) Kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà không báo cáo với chi bộ về các nội dung có liên quan đến lai lịch của người mà đảng viên kết hôn bằng văn bản hoặc đã báo cáo nhưng cấp uỷ có thẩm quyền không đồng ý.

d) Bản thân đã cố tình che giấu tổ chức đảng; đồng tình, khuyến khích con quan hệ hôn nhân với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trái với quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 9. Vi phạm về quản lý cấp phát, sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp

1- Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Nhận văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

b) Công chứng, chứng thực văn bằng, chứng chỉ trái quy định của pháp luật.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Có hành vi xin, mua, sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp để lập hồ sơ dự thi tuyển, xét tuyển, học tập nâng cao trình độ văn hoá, lý luận, nghiệp vụ, thi chuyên ngạch, nâng bậc; để được bổ nhiệm, đề bạt vào các chức vụ lãnh đạo quản lý.

b) Thiếu trách nhiệm làm sai lệch nội dung hồ sơ học tập để cấp văn bằng, chứng chỉ cho người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

c) Can thiệp đến cá nhân, tổ chức để bản thân hoặc người khác được cấp văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, không đúng đối tượng.

d) Ký, cấp văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp cho người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

đ) Làm giả hoặc cố ý sửa chữa, bổ sung làm sai lệch hồ sơ để cấp có thẩm quyền cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn hoặc sửa chữa, bổ sung làm sai lệch các nội dung trong văn bằng, chứng chỉ.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Làm công tác tuyển dụng, xét tuyển, đào tạo đã cố tình để cho những người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp được dự thi tuyển, xét tuyển đi học, thi nâng ngạch.

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn bao che cho cán bộ, đảng viên thuộc quyền quản lý sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

c) Trực tiếp tham gia sản xuất tiêu thụ hoặc môi giới tiêu thụ phôi văn bằng, phôi chứng chỉ hoặc văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10. Quy định này chỉ nêu nguyên tắc và hình thức xử lý kỷ luật đối với một số hành vi vi phạm mang tính phổ biến của đảng viên nhằm giữ vững nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng; mặt khác trong thực tế xem xét, xử lý còn có sự khác nhau giữa các địa phương, đơn vị. Ngoài các trường hợp này, nếu đảng viên vi phạm các quy định khác của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; điều lệ, quy định của các đoàn thể chính trị - xã hội đến mức phải thi hành kỷ luật thì phải xem xét, thi hành kỷ luật kịp thời để giữ nghiêm kỷ luật của Đảng.

Điều 11. Quy định này thay thế Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 04-02-1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá VI “về chính sách xử lý đối với đảng viên phạm sai lầm”.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký, được phổ biến, quán triệt toàn văn đến chi bộ để thực hiện.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thực hiện Quy định này. Những trường hợp đảng viên vi phạm đã bị xử lý kỷ luật đảng trước đây thì nay không căn cứ vào Quy định này để xem xét lại.

Các quy định của cấp uỷ địa phương, đơn vị về thi hành kỷ luật đảng viên trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 12. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát các cấp uỷ tổ chức đảng và đảng viên thực hiện Quy định này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Bộ Chính trị.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo đề Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SINH HOẠT CHI BỘ (CHỈ THỊ SỐ 10- CT/TƯ NGÀY 30-3-2007 CỦA BAN BÍ THƯ)

Trong những năm qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có nhiều chủ trương, giải pháp về xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, các cấp ủy, tổ chức đảng đã tập trung lãnh đạo, tạo được một số chuyển biến tích cực về công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Tuy nhiên, vẫn còn không ít tổ chức cơ sở đảng và chi bộ yếu kém; một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp, suy thoái về phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống; nhiều cấp ủy, chi bộ chưa thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt đảng, buông lỏng công tác quản lý, giáo dục đảng viên; nội dung sinh hoạt chi bộ còn nghèo nàn, thiếu nội dung chính trị, tư tưởng cụ thể; tinh lãnh đạo, tinh giáo dục, tinh chiến đấu, tinh thần tự phê bình, phê bình yếu, ý thức tổ chức, kỷ luật yếu kém; tinh thần đoàn kết và tinh thương yêu đồng chí bị giảm sút; chi bộ chưa thực sự là nơi sinh hoạt tư tưởng để cấp ủy nắm và hiểu tâm tư, nguyện vọng của đảng viên; chi bộ chưa thể hiện tốt vai trò là nơi lãnh đạo, giáo dục, quản lý, giám sát và rèn luyện đội ngũ đảng viên. Tình hình đó làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, giảm năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngay từ chi bộ.

Để khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm trên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Ban Bí thư ra Chỉ thị về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Làm cho các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí quan trọng của tổ chức cơ sở đảng và của chi bộ; ý nghĩa và tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ đối với việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

2. Việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ phải gắn với thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, làm cho nội dung sinh hoạt chi bộ phong phú, thiết thực, bảo đảm cho mọi đảng viên nâng cao

nhận thức, nắm bắt kịp thời, tự giác chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt nghị quyết của chi bộ và của cấp ủy cấp trên, để chi bộ thực sự là nơi trực tiếp lãnh đạo, quản lý, giáo dục, rèn luyện và bồi dưỡng cán bộ, đảng viên.

3. Thông qua sinh hoạt chi bộ, làm cho mọi đảng viên nâng cao ý thức trách nhiệm, tích cực học tập, tự tu dưỡng, rèn luyện và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, thực hiện tốt 4 nhiệm vụ đảng viên và nhiệm vụ cụ thể do cấp trên và chi bộ giao; cấp ủy nắm chắc tình hình đảng viên, có biện pháp cụ thể để xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, của chi bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

II. NỘI DUNG, BIỆN PHÁP

1. Các cấp ủy và đảng viên trong các tổ chức cơ sở đảng phải nghiên cứu, quán triệt sâu sắc, thực hiện đúng Điều lệ Đảng và các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng, tạo sự thống nhất và nâng cao nhận thức về vị trí nền tảng, vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức cơ sở đảng và của chi bộ.

2. Cấp ủy, chi bộ trong các tổ chức cơ sở đảng phải thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt đảng theo Điều lệ Đảng. Nội dung sinh hoạt chi bộ phải thực hiện đúng nguyên tắc về tổ chức và sinh hoạt đảng, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu; để mọi đảng viên hiểu và xác định rõ vị trí, nhiệm vụ của mình trong thời kỳ tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế. Sinh hoạt chi bộ phải kịp thời phổ biến, quán triệt nghị quyết và sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên, các chủ trương, chính sách, pháp luật mới của Đảng và Nhà nước, tình hình thời sự trong và ngoài nước cho đảng viên; tập trung thảo luận thẳng thắn và giải quyết những vấn đề cụ thể, thiết thực, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của chi bộ, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đảng viên và quần chúng.

3. Trong sinh hoạt chi bộ phải thực sự mở rộng và phát huy dân chủ, nhất là việc thảo luận, quyết định những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của chi bộ và trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của đảng viên, tạo được không khí cởi mở, chân thành để mọi cán bộ, đảng viên bày tỏ chính kiến, tâm tư, nguyện vọng của mình; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật, đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình, bảo vệ những đảng viên thẳng thắn đấu tranh chống các biểu hiện sai trái, tiêu cực, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất và tình thương yêu đồng chí trong Đảng. Đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp phải thực sự gương mẫu trong sinh hoạt chi bộ để mọi người noi theo.

4. Trước khi sinh hoạt chi bộ, chi ủy mà trước hết là bí thư chi bộ phải chuẩn bị kỹ nội dung, trong đó chú trọng một số vấn đề sau:

- Đánh giá tình hình tư tưởng và những diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên, quần chúng thuộc phạm vi lãnh đạo của chi bộ; kết quả thực hiện nhiệm vụ của chi bộ trong tháng; tình hình đảng viên thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ được cấp trên và chi bộ phân công.

- Tổng hợp ý kiến của đảng viên, quần chúng đóng góp cho sự lãnh đạo của chi bộ, vai trò tiên phong, gương mẫu và phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên ở địa phương, cơ quan, đơn vị và thông báo để chi bộ biết, nhằm phát huy ưu điểm, có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục khuyết điểm, giải quyết kịp thời những vụ việc tiêu cực.

- Việc xác định nhiệm vụ của chi bộ trong tháng tới cần tập trung vào các vấn đề trọng tâm, cụ thể, bức xúc trước mắt, đồng thời phân công nhiệm vụ phù hợp với khả năng của đảng viên để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đề ra.

5. Thông qua sinh hoạt chi bộ hằng tháng, cấp ủy phải nắm được tình hình tư tưởng, phẩm chất đạo đức, lối sống và kết quả thực hiện nhiệm vụ của đảng viên, kể cả đảng viên do cấp ủy cấp trên quản lý; kịp thời biểu dương, khen thưởng những đảng viên gương mẫu, có thành tích xuất sắc và giúp đỡ, giáo dục, xử lý những đảng viên có thiếu sót, khuyết điểm hoặc vi phạm nguyên tắc sinh hoạt đảng và tiêu chuẩn đảng viên.

6. Ngoài các buổi sinh hoạt chi bộ định kỳ, tùy điều kiện nhiệm vụ cụ thể, chi ủy cần lựa chọn một số vấn đề mới, phù hợp với nhiệm vụ của chi bộ và chức trách, nhiệm vụ của đảng viên để tổ chức sinh hoạt theo chuyên đề nhằm tập trung sự lãnh đạo của chi bộ, nâng cao kiến thức, năng lực và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

7. Thường xuyên củng cố, kiện toàn chi ủy đủ số lượng cần thiết, có năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức và phương pháp công tác đảng. Bầu và bố trí đồng chí bí thư chi bộ đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ và uy tín cao, nhiệt tình với công tác đảng để thực sự là người đứng đầu cấp ủy, chi bộ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cấp ủy đánh giá tình hình sinh hoạt chi bộ trong các tổ chức cơ sở đảng hiện nay; xác định rõ những ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan; đề ra giải pháp cụ thể, thiết thực để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

2. Căn cứ Chi thị này, các cấp ủy đảng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực

hiện cho phù hợp với tình hình, đặc điểm của chi bộ trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng; cấp ủy cấp trên thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo và định kỳ kiểm tra việc tổ chức sinh hoạt chi bộ ở cơ sở; coi trọng việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng những điển hình tiên tiến.

3. Chi thị này được triển khai thực hiện gắn với việc thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Hằng năm, vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng, các cấp ủy tiến hành đánh giá, rút kinh nghiệm và tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Việc tổng kết thực hiện Chi thị này được tiến hành vào dịp kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Đảng (03-02-2010).

4. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban đảng liên quan ở Trung ương hướng dẫn nội dung sinh hoạt của từng loại hình cơ sở đảng, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chi thị, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Chi thị này phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

TM. BAN BÍ THƯ
TRƯƠNG TÁN SANG

*** NGHỊ QUYẾT, CHƯƠNG TRÌNH, CHỈ THỊ CỦA CHÍNH PHỦ VỀ NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC**

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X VỀ ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC
(NGHỊ QUYẾT SỐ 53/2007/NQ-CP NGÀY 07 THÁNG 11 NĂM 2007
CỦA CHÍNH PHỦ)**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 51/2007/NQ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2007;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

NGUYỄN TÁN DŨNG

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2007/NQ-CP ngày 07/11/2007 của Chính phủ)

I. MỤC TIÊU

Xác định những nhiệm vụ chủ yếu của các cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương và địa phương thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại; đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực; hệ thống các cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được phân công, trong thời gian tới, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần tập trung chỉ đạo tổ chức triển khai những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính

Các cơ quan chức năng tham mưu cho cấp ủy đảng cùng cấp để ban hành các nghị quyết, chỉ thị về các chủ trương, biện pháp, chương trình, kế hoạch cụ thể đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trước cấp ủy đảng trong triển khai cải cách hành chính.

2. Thực hiện đồng bộ cải cách hành chính với cải cách lập pháp, cải cách tư pháp

Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội với Chính phủ.

3. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế

a) Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, đặc biệt là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các thể chế về

nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về tổ chức bộ máy, công chức, công vụ, phân cấp, tài chính công.

b) Xây dựng chương trình xây dựng pháp luật dài hạn và ngắn hạn. Xác định rõ những văn bản luật cần thiết phải có để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; không nhất thiết mỗi lĩnh vực, mỗi ngành phải có một luật riêng.

c) Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xác định rõ quan điểm chỉ đạo của từng văn bản pháp luật cần ban hành. Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành đủ cụ thể, rõ ràng, kịp thời, đúng quy định.

d) Hoàn thiện cơ chế đề nhân dân tham gia ý kiến xây dựng pháp luật, nhất là các đối tượng chịu sự điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật sẽ ban hành.

4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính - khâu đột phá của cải cách hành chính

a) Tập trung chỉ đạo rà soát và cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi nhất cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu chính đáng của người dân, đặc biệt trong các lĩnh vực trọng điểm sau: thành lập, giải thể, phá sản doanh nghiệp; đăng ký kinh doanh và chứng nhận đầu tư; đầu tư xây dựng công trình, dự án và nhà ở; quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản; xuất, nhập khẩu; nộp thuế; hộ tịch, hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thị thực nhập cảnh; công chứng, chứng thực; thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp...

b) Các cấp chính quyền và từng cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm rà soát các loại thủ tục hành chính, tự bãi bỏ, sửa đổi hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét hủy bỏ, sửa đổi những nội dung không phù hợp với yêu cầu của cải cách hành chính. Xử lý nghiêm những cá nhân và tổ chức tùy tiện đặt ra các quy định trái pháp luật, trái thẩm quyền, gây khó khăn, phiền hà cho người dân.

c) Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong việc cải cách thủ tục hành chính.

d) Công bố công khai các thủ tục (các loại giấy tờ, biểu mẫu) và quy trình giải quyết công việc, thời gian giải quyết, phí và lệ phí theo quy định để tổ chức, công dân biết và thực hiện thuận lợi.

đ) Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước và mở rộng áp dụng tại các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công như bệnh viện, trường học.

e) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khẩn trương rà soát các quy định của mình và chịu trách nhiệm rà soát những bất cập về thủ tục hành chính đã quy định

trong Luật, pháp lệnh trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi.

g) Xây dựng Luật Thủ tục hành chính.

5. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước

a) Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

b) Tổ chức Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, bảo đảm tinh gọn, hợp lý; rà soát, sắp xếp hợp lý đầu mối tổ chức bên trong của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

c) Xây dựng Quy chế làm việc của Chính phủ; xác định cụ thể nhiệm vụ của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng và từng thành viên Chính phủ, bảo đảm bao quát hết các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ.

d) Xây dựng Quy chế làm việc của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

đ) Thực hiện phân cấp mạnh và phù hợp hơn về nhiệm vụ từ Chính phủ và các Bộ, ngành cho chính quyền địa phương.

e) Xây dựng cơ chế ủy quyền trong công tác quản lý nhà nước.

g) Nghiên cứu hoàn thiện quy trình ban hành quyết định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước.

h) Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, kể cả các Tổng công ty và Tập đoàn kinh tế, trọng tâm là cổ phần hoá để thu hẹp và tiến tới không còn chức năng đại diện chủ sở hữu của các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đối với doanh nghiệp nhà nước.

i) Đẩy mạnh cải cách các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

k) Xây dựng, thực hiện quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp.

l) Kiện toàn thống nhất hệ thống cơ quan chuyên môn của các cấp chính quyền.

m) Thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân ở huyện, quận, phường.

p) Thí điểm nhân dân bầu trực tiếp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

o) Quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của tập thể Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

p) Xác định cụ thể các chức danh công chức xã theo hướng ổn định và chuyên sâu về nghiệp vụ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của chính quyền xã.

q) Nghiên cứu việc thành lập cơ quan Tài phán hành chính.

6. Tiếp tục cải cách chế độ công vụ, công chức

- a) Xây dựng Luật Công vụ.
- b) Hoàn thiện tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, công chức.
- c) Xây dựng cơ cấu, cán bộ, công chức.
- d) Đổi mới chế độ tuyển dụng và quản lý cán bộ, công chức.
- đ) Hoàn thiện Quy chế đánh giá, phân loại cán bộ, công chức.
- e) Thực hiện thi tuyển một số chức danh công chức lãnh đạo gắn với chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp.
- g) Thực hiện cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, công chức.
- h) Xây dựng chế độ phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức hành chính, bao gồm cả cán bộ, công chức đảng, đoàn thể trong hệ thống chính trị.
- i) Nghiên cứu xây dựng chính sách, chế độ thích hợp về nhà ở cho cán bộ, công chức.
- k) Nghiên cứu chính sách xây dựng và sử dụng nhà công vụ trong hệ thống chính trị.
- l) Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; thực hiện cơ chế đào tạo tiền công vụ và đào tạo, bồi dưỡng trong công vụ theo định kỳ bắt buộc hàng năm; thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm.
- m) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng và áp dụng chế độ thanh tra, kiểm tra công vụ ở các cấp, kể cả trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

7. Cải cách tài chính công

- a) Thí điểm thực hiện cơ chế cấp phát ngân sách theo kết quả công việc đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.
- b) Đẩy mạnh cải cách các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công theo hướng tăng cường giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động của đơn vị thay cho việc hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên cho đơn vị, ngân sách nhà nước tập trung nguồn để đầu tư phát triển các lĩnh vực có trọng tâm, trọng điểm theo các đề án, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- c) Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị

sự nghiệp công lập; Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

d) Nghiên cứu xây dựng cơ chế cổ phần hoá các đơn vị sự nghiệp công lập để sớm thực hiện thí điểm cổ phần hoá các đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở xác định rõ danh sách, lộ trình cổ phần hoá các đơn vị sự nghiệp công lập đến 2010 và sau 2020 của từng Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương. Đồng thời nghiên cứu xây dựng cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp sau khi cổ phần hoá.

d) Nghiên cứu xây dựng cơ chế để thực hiện chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp công lập đang tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên hoặc tự bảo đảm được phần lớn kinh phí hoạt động thường xuyên sang doanh nghiệp nhà nước (Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên). Đồng thời nghiên cứu xây dựng cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp sau khi chuyển đổi.

e) Xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ tại các cơ quan, tổ chức quản lý và sử dụng ngân sách, tiền và tài sản của nhà nước.

8. Hiện đại hoá hành chính

a) Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

b) Tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001 - 2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

c) Phân đấu đến hết năm 2010, khắc phục xong tình trạng một số xã chưa có trụ sở chính quyền hoặc có nhưng ở mức độ chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động của chính quyền cấp xã.

9. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhân dân, huy động sự tham gia có hiệu quả của nhân dân và xã hội vào hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước

a) Tiếp tục thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

b) Xây dựng Luật về bồi thường nhà nước.

c) Xây dựng các chế độ công khai về:

- Thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan hành chính nhà nước; Quy trình giải quyết công việc, thủ tục hành chính, phí, lệ phí và thời gian giải quyết công việc của dân, của các tổ chức;

- Ngân sách, tài chính, tài sản nhà nước;

- Kết quả kiểm toán;

- Tài sản của cán bộ, công chức;

- Tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức.

10. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước các cấp và cán bộ, công chức đối với công tác cải cách hành chính

a) Quán triệt nội dung và tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước đối với các cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức.

b) Từng cơ quan xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai Nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Chính phủ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1, Trên cơ sở những nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động và Phụ lục kèm theo về những công việc cần triển khai thực hiện, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động của Bộ, ngành, địa phương mình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 11 năm 2007; trên cơ sở đó, cụ thể hoá thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm. Đối với những nhiệm vụ không phải triển khai theo các đề án, chương trình, cần tổ chức triển khai ngay để bảo đảm thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả những nội dung của Chương trình hành động.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình, các Bộ, ngành, địa phương chủ động báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Bộ trưởng Bộ Nội vụ căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này của các Bộ, ngành, địa phương, định kỳ báo cáo và kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cần thiết bảo đảm Chương trình được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
NGUYỄN TẤN DŨNG

Phụ lục

NHỮNG CÔNG VIỆC CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2007/NQ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ)

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
1	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính				
	Tham mưu cho cấp uỷ đảng cùng cấp các chủ trương, biện pháp, chương trình, kế hoạch cụ thể đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, tăng cường công tác kiểm tra, đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trước cấp uỷ đảng trong triển khai cải cách hành chính	Các cơ quan hành chính nhà nước		Chi thị, nghị quyết của cấp uỷ đảng	Thường xuyên
2	Thực hiện đồng bộ cải cách hành chính với cải cách lập pháp, tư pháp				
2.1	Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội với Chính phủ	Văn phòng Chính phủ	Văn phòng Quốc hội, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ	Đề án trình Chính phủ	Quý I/2008
2.2	Xác định rõ cơ chế giám sát của Quốc hội đối với Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ	Văn phòng Chính phủ	Văn phòng Quốc hội, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ	Đề án trình Chính phủ	Quý I/2008
3	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế				

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
3.1	Xây dựng chương trình xây dựng pháp luật dài hạn và ngắn hạn của Chính phủ	Bộ Tư pháp	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	- Chương trình xây dựng pháp luật dài hạn của Chính phủ - Chương trình xây dựng pháp luật hàng năm của Chính phủ	Tháng 11/2007 Hàng năm
3.2	Đẩy nhanh việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật, đặc biệt là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các thể chế về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thể chế về tổ chức bộ máy, công chức, công vụ, phân cấp, tài chính công	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ		Báo cáo Chính phủ	Hàng năm
3.3	Đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật	Bộ Tư pháp	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Dự thảo Luật sửa đổi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình Chính phủ	Quý 1/2007
3.4	Xây dựng cơ chế lấy ý kiến nhân dân, nhất là các đối tượng chịu sự điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật sẽ ban hành	Bộ Tư pháp	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,	Nghị định của Chính phủ	Tháng 5/2008

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIẠN HOÀN THÀNH
	<ul style="list-style-type: none"> - Phát sản doanh nghiệp nói chung - Phát sản doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài - Đầu tư xây dựng công trình, dự án và nhà ở - Quyền sử dụng đất - Quyền sở hữu tài sản - Xuất, nhập khẩu - Thuế, hải quan - Hộ tịch - Hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu phổ thông, thị thực nhập cảnh - Công chứng, chứng thực - Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp 	<p>Thương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ Tư pháp - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Xây dựng - Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tư pháp - Bộ Công Thương - Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp - Bộ Công an <p>- Bộ Tư pháp</p> <p>- Thanh tra Chính phủ</p>		<ul style="list-style-type: none"> Đề án trình CP Đề án trình CP Đề án trình CP Đề án trình CP Đề án trình CP Đề án trình CP Đề án trình CP Đề án trình CP Đề án trình CP Đề án trình CP Đề án trình CP 	<ul style="list-style-type: none"> Quý IV/2007 Quý IV/2007 Quý IV/2007 Quý IV/2007 Quý IV/2007 Quý IV/2007 Quý IV/2007 Quý IV/2007 Quý IV/2007 Quý IV/2007 Quý IV/2007
4.3	- Rà soát những bất cập về thủ tục hành chính quy định trong luật, pháp lệnh trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi	- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc	- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp	Tờ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa luật, pháp	Thường xuyên

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp những đề xuất, kiến nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc sửa đổi, hủy bỏ các thủ tục hành chính được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội 	Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - Văn phòng Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 	lệnh liên quan - Tờ trình Chính phủ	Thường xuyên
4.4	Công bố công khai các thủ tục hành chính, giấy tờ, biểu mẫu, quy trình giải quyết, thời gian giải quyết, phí và lệ phí	Các cơ quan hành chính nhà nước			Thường xuyên
4.5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông - Thi điểm thực hiện cơ chế một cửa tại 7 Bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài 	Bộ Nội vụ	Báo cáo tổng kết thi điểm	Thường xuyên Tháng 1/2007

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
4.6	Xây dựng Luật Thủ tục hành chính	nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Công Thương, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính		Dự thảo Luật trình Chính phủ	Tháng 12/2007
4	Xây dựng Luật Thủ tục hành chính	Văn phòng Chính phủ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
5	Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành của Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước				
5.1	Xây dựng Quy chế làm việc của Chính phủ	Văn phòng Chính phủ	Bộ Nội vụ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Nghị định của Chính phủ	Tháng 11/2007

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
5.2	Xây dựng Quy chế làm việc của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		Các Quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tháng 11/2007
5.3	Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ	Bộ Nội vụ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ	Nghị định của Chính phủ	Tháng 11, 12 năm 2007
5.4	Xây dựng các Nghị định thay thế Nghị định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phù hợp với Đề án cơ cấu tổ chức Chính phủ nhiệm kỳ khoá XII (2007-2011)	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ	Nghị định của Chính phủ	Tháng 11, 12 năm 2007
5.5	Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bên trong của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ	Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ Các Quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ	Quý I/2008 Quý I/2008

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
5.6	Tiếp tục thực hiện phân cấp nhiệm vụ từ Chính phủ, các Bộ, ngành cho chính quyền địa phương trong quá trình xây dựng Nghị định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng Bộ, cơ quan ngang Bộ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ	Bộ Nội vụ	Các Nghị định của Chính phủ	Tháng 11, 12/2007
5.7	Xây dựng cơ chế ủy quyền trong công tác quản lý nhà nước	Bộ Tư pháp	Bộ Nội vụ	Nghị định của Chính phủ	Quý IV/2009
5.8	Hoàn thiện quy trình ban hành quyết định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước	Bộ Tư pháp	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đề án trình Chính phủ	Quý IV/2009
5.9	Đề án xây dựng quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp đến năm 2020	Bộ Nội vụ	Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đề án trình Chính phủ	Tháng 12/2007
5.10	Sắp xếp, tổ chức cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện	Bộ Nội vụ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Các Nghị định của Chính phủ	Tháng 11, 12/2007

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SAN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
5.11	Thông tư liên tịch hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp UBND địa phương quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ	Bộ Nội vụ	Thông tư liên tịch của các Bộ	Quý I/2008
5.12	Thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân ở huyện, quận, phường	Ủy ban nhân dân các thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ và một số tỉnh	Bộ Nội vụ	Đề án trình Chính phủ	Quý II/2008
5.13	Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể UBND và Chủ tịch UBND	Bộ Nội vụ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đề án Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi)	Theo chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội Khoá XII
5.14	Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ bỏ nhiệm Chủ tịch UBND cấp tỉnh trong trường hợp điều động từ nơi khác đến	Bộ Nội vụ	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đề án Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi)	Theo chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Chính phủ

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
					nhiệm kỳ Quốc hội Khoá XII
5.15	Thi điểm nhân dân bầu trực tiếp Chủ tịch UBND cấp xã	Bộ Nội vụ	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thi điểm	Báo cáo tổng kết thi điểm	Quý I/2009
5.16	Xây dựng các chức danh cán bộ xã; công chức hành chính làm nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ ở xã	Bộ Nội vụ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Nghị định của Chính phủ	Quý II/2008
5.17	Nghiên cứu việc thành lập cơ quan Tài phán hành chính	Thanh tra Chính phủ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đề án trình Chính phủ	Quý III/2008
6	Cải cách chế độ công chức, công vụ				
6.1	Xây dựng Luật Công vụ	Bộ Nội vụ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Dự thảo Luật trình Chính phủ	Quý II/2008

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
6.2	Hoàn thiện chức danh, tiêu chuẩn cán bộ, công chức	Bộ Nội vụ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Quý II/2008
6.3	Xây dựng cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan hành chính nhà nước	Bộ Nội vụ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Quý IV/2008
6.4	Đổi mới chế độ tuyển dụng và quản lý cán bộ, công chức	Bộ Nội vụ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Nghị định của Chính phủ	Quý IV/2009
6.5	Hoàn thiện cơ chế đánh giá, phân loại cán bộ, công chức	Bộ Nội vụ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý I/2008
6.6	Thí điểm thi tuyển một số chức danh công chức lãnh đạo gắn với chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp	Bộ Nội vụ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đề án trình Chính phủ	Tháng 6/2008

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
6.7	Đề án tiếp tục cải cách chính sách tiền lương giai đoạn 2008-2012	Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách chính sách tiền lương	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Đề án trình Chính phủ để trình Bộ Chính trị Đề án trình Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương Khóa X	Tháng 11, 12/2007 Tháng 12/2007
6.8	Xây dựng chế độ phụ cấp công vụ cho cán bộ, công chức hành chính (Bao gồm cả cán bộ, công chức đảng, đoàn thể trong hệ thống chính trị)	Bộ Nội vụ	Ban Tổ chức Trung ương, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Nghị định của Chính phủ	Tháng 12/2007
6.9	Nghiên cứu có chính sách, chế độ thích hợp về nhà ở cho cán bộ, công chức	Bộ Nội vụ	Ban Tổ chức Trung ương, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đề án trình Chính phủ	Quý II/2008
6.10	Chính sách xây dựng và sử dụng nhà công vụ	Bộ Tài chính	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,	Đề án trình Chính phủ	Quý II/2008

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
6.11	Đổi mới nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Bộ Nội vụ	Đề án trình Chính phủ	Quý I/2008
6.12	Chế độ đào tạo, bồi dưỡng định kỳ bắt buộc hàng năm	Bộ Nội vụ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ		Thường xuyên
6.13	Thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo	Bộ Nội vụ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Nghị định của Chính phủ	Tháng 01/2008
6.14	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ ở các cấp, kể cả trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			Thường xuyên

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
7	Cải cách tài chính công				
7.1	Thí điểm thực hiện cơ chế cấp phát ngân sách theo kết quả công việc đối với cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp dịch vụ công	Bộ Tài chính	Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề án trình Chính phủ	Quý II/2008
7.2	Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Tài chính	Báo cáo thực hiện 6 tháng, hàng năm	Thường xuyên
7.3	Thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Tài chính	Báo cáo thực hiện 6 tháng, hàng năm	Thường xuyên

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
7.4	Thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Báo cáo thực hiện hàng tháng	Thường xuyên
7.5	Xây dựng cơ chế cổ phần hoá các đơn vị sự nghiệp công lập để sớm thực hiện thí điểm cổ phần hoá các đơn vị sự nghiệp công lập	Bộ Tài chính	Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Đề án trình Chính phủ	Quý I/2008
7.6	Xây dựng cơ chế để thực hiện chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp công lập đang tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên hoặc tự đảm bảo được phần lớn kinh phí hoạt động thường xuyên sang doanh nghiệp nhà nước (Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)	Bộ Tài chính	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đề án trình Chính phủ	Quý I/2008
7.7	Xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ tại các cơ quan, tổ chức quản lý và sử dụng ngân sách, tiền và tài sản của nhà nước	Kiểm toán Nhà nước	Bộ Tài chính	Nghị định của Chính phủ	Quý III/2008

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
8	Hiện đại hóa nền hành chính				
8.1	Xây dựng Chính phủ điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ	Kế hoạch tổng thể phát triển Chính phủ điện tử trình Chính phủ	Tháng 11/2007
8.2	Tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001-2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước	Các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			Thường xuyên
8.3	Xây dựng trụ sở chính quyền cấp xã nơi chưa có trụ sở hoặc có nhưng ở mức độ chưa đáp ứng được yêu cầu	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ	Đề án trình Chính phủ	Quý 1/2008
9	Giải quyết mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhân dân				
9.1	Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở	Các cơ quan hành chính nhà nước	Bộ Nội vụ	Báo cáo thực hiện hàng năm	Thường xuyên
9.2	Luật về bồi thường nhà nước	Bộ Tư pháp	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan	Dự thảo Luật trình Chính phủ	Quý 1/2008

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
			thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
9.3	Xây dựng các chế độ công khai về: - Thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan hành chính nhà nước - Ngân sách, tài chính, tài sản Nhà nước - Kết quả kiểm toán	Bộ Nội vụ Bộ Tài chính Kiểm toán Nhà nước	Bộ Tài chính	Nghị định của CP Nghị định của CP Nghị định của CP	Quý I/2008 Quý I/2008 Quý I/2008
10	Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước các cấp và cán bộ, công chức đối với công tác cải cách hành chính				
10.1	Quán triệt nội dung và tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước đối với các cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức,	Các cơ quan hành chính nhà nước			Quý IV/2007
10.2	Từng cơ quan xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai Nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Chính phủ	Các cơ quan hành chính nhà nước		Chương trình, kế hoạch của từng cơ quan được thông qua	Tháng 11/2007

**TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN CHỈ ĐẠO TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(NGHỊ QUYẾT SỐ 294A/2007/UBTVQH12 NGÀY 27-9-2007
CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI)**

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội số 30/2001/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Quốc hội số 83/2007/QH11;

Căn cứ Luật phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng số 01/2007/QH12;

QUYẾT NGHỊ:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1.

1. Ban chỉ đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng, chống tham nhũng (sau đây gọi là Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đứng đầu có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp, kiểm tra, đôn đốc hoạt động phòng, chống tham nhũng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm cả cơ quan, tổ chức, đơn vị của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng chịu trách nhiệm trước tỉnh ủy, thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Điều 2.

Trong quá trình chỉ đạo, phối hợp, kiểm tra, đôn đốc hoạt động phòng, chống tham nhũng, Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do Hiến pháp và pháp luật quy định.

Điều 3.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định, cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện sự chỉ đạo, yêu cầu, kiến nghị của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 4.

Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng có các nhiệm vụ sau đây:

1. Căn cứ vào chương trình, kế hoạch của Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng và tình hình cụ thể của địa phương để xây dựng chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng ở địa phương; tổ chức thực hiện và kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện chương trình, kế hoạch đó;

2. Chỉ đạo, đôn đốc cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về phòng ngừa tham nhũng;

3. Chỉ đạo phối hợp hoạt động của các cơ quan Thanh tra, Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ở địa phương nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng, góp phần bảo đảm cho công tác này được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;

4. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc xử lý khiếu nại, tố cáo về hành vi tham nhũng và các thông tin về vụ, việc tham nhũng ở địa phương theo quy định của pháp luật và sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng;

5. Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng ở địa phương; kiến nghị với cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền trong việc đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

6. Định kỳ hoặc theo yêu cầu, báo cáo tình uỷ, thành uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban chỉ đạo trung ương về

phòng, chống tham nhũng về tình hình, kết quả phòng, chống tham nhũng ở địa phương và hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng.

Điều 5.

Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng có các quyền hạn sau đây:

1. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo về tình hình tham nhũng và kết quả công tác phòng, chống tham nhũng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; trong trường hợp cần thiết, yêu cầu báo cáo việc xử lý vụ, việc tham nhũng cụ thể, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý thông tin về hành vi tham nhũng;

2. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kiến nghị, yêu cầu xem xét trách nhiệm, xử lý người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng dễ xảy ra hậu quả;

3. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành kiểm tra, thanh tra, điều tra làm rõ các vụ, việc có dấu hiệu tiêu cực, tham nhũng; khi xét thấy cần thiết, yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền xem xét lại việc giải quyết một số vụ, việc nhằm bảo đảm việc xử lý được kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật; chủ trì thảo luận và kết luận chỉ đạo việc phối hợp xử lý đối với các vụ, việc tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp ở địa phương mà dư luận xã hội đặc biệt quan tâm;

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân - Trưởng Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng quyết định tạm đình chỉ công tác đối với người giữ chức vụ giám đốc sở và các chức vụ tương đương, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, uỷ viên thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các chức vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, trực thuộc Trung ương bổ nhiệm, cách chức khi người đó có dấu hiệu tham nhũng, có hành vi gây khó khăn, cản trở hoạt động chống tham nhũng;

5. Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với đảng viên, cán bộ, công chức hoặc người giữ chức vụ lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này khi người đó có dấu hiệu tham nhũng, có hành vi gây khó khăn, cản trở hoạt động chống tham nhũng;

6. Kiến nghị, yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với đảng viên, cán bộ, công chức có hành vi tham nhũng nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự;

7. Trưng tập cán bộ, công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện nhiệm vụ của Ban chỉ đạo khi cần thiết; yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người tố cáo hành vi tham nhũng hoặc tham gia chống tham nhũng; đề nghị khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Điều 6.

Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng bao gồm các thành viên sau đây:

1. Trưởng Ban chỉ đạo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

2. Phó Trưởng Ban chỉ đạo (tương đương chức vụ giám đốc sở làm nhiệm vụ thường trực Ban chỉ đạo);

3. Các Ủy viên Ban chỉ đạo:

a) Chánh Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

e) Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy;

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân - Trưởng Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng quyết định danh sách cụ thể thành viên Ban chỉ đạo.

Điều 7.

1. Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng có bộ phận giúp việc từ 3 đến 5 người, đối với một số tỉnh, thành phố lớn có thể nhiều hơn nhưng không quá 10 người và do Phó Trưởng Ban chỉ đạo quản lý, điều hành.

2. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc là một khoản riêng trong tổng kinh phí của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do ngân sách địa phương cấp theo đề nghị của Ban chỉ đạo. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện vật chất cho hoạt động của Ban chỉ đạo và bộ phận giúp việc.

Trụ sở làm việc của bộ phận giúp việc đặt tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng có con dấu theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và cán bộ, công chức bộ phận giúp việc được hưởng phụ cấp trách nhiệm trong hoạt động phòng, chống tham nhũng do Chính phủ quy định.

Điều 8.

Trưởng Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Lãnh đạo, điều hành hoạt động của Ban chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo;

2. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

3. Quyết định và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình công tác và những vấn đề khác thuộc phạm vi hoạt động của Ban chỉ đạo;

4. Chủ trì, kết luận các cuộc họp của Ban chỉ đạo;

5. Chịu trách nhiệm về hoạt động của Ban chỉ đạo trước tỉnh ủy, thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Điều 9.

Phó Trưởng Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Trưởng Ban chỉ đạo; giúp Trưởng Ban chỉ đạo điều hành hoạt động thường xuyên của Ban chỉ đạo và theo dõi, đôn đốc hoạt động của các thành viên Ban chỉ đạo trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban chỉ đạo;

2. Quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban chỉ đạo về mọi hoạt động của bộ phận giúp việc; quyết định các vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ của bộ phận này.

Điều 10.

Ủy viên Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng thực hiện và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng về những nhiệm vụ được phân công; chủ động đề xuất, kiến nghị với Trưởng Ban chỉ đạo các giải pháp về công tác phòng, chống tham nhũng.

Các Ủy viên Ban chỉ đạo sử dụng bộ máy của cơ quan, tổ chức do mình quản lý, phụ trách để thực hiện nhiệm vụ được Trưởng Ban chỉ đạo phân công.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 11.

1. Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ; Trưởng Ban chỉ đạo kết luận và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng họp định kỳ hằng tháng; họp đột xuất theo yêu cầu của Trưởng Ban chỉ đạo. Tùy theo từng vấn đề mà Trưởng Ban chỉ đạo có thể quyết định họp toàn thể hay họp những thành viên có liên quan; trong trường hợp cần thiết, quyết định việc mời lãnh đạo cơ quan, tổ chức hữu quan tham dự cuộc họp của Ban chỉ đạo.

3. Định kỳ ba tháng, Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng tổ chức giao ban về công tác phòng, chống tham nhũng với các sở, ban, ngành, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; thành phần tham dự do Trưởng Ban chỉ đạo quyết định, tập trung vào những lĩnh vực, sở, ban, ngành, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có nhiều vụ, việc tham nhũng hoặc có nhiều hạn chế trong việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng.

Điều 12.

1. Định kỳ hằng tháng, ba tháng, sáu tháng, hằng năm, Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng với tỉnh ủy, thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng và báo cáo đột xuất khi xảy ra các vụ việc phức tạp hoặc khi có yêu cầu.

Quyết định tạm đình chỉ công tác, yêu cầu hoặc kiến nghị tạm đình chỉ công tác đối với người giữ chức vụ quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 5 của Nghị quyết này phải được gửi đến tỉnh ủy, thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan, tổ chức liên quan trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày ký.

2. Định kỳ ba tháng, Ủy viên Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng có trách nhiệm báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công với Trưởng Ban chỉ đạo.

3. Trong quá trình thanh tra, điều tra, kiểm sát, xét xử vụ, việc tham nhũng, nếu có sự cản trở, can thiệp trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền thì cơ quan Thanh tra, Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ở địa phương có trách nhiệm kịp thời báo cáo Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng.

Điều 13.

1. Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc của Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng. Trong trường hợp ý kiến của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng khác với ý kiến của tỉnh ủy, thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc chỉ đạo, phối hợp, kiểm tra, đôn đốc hoạt động phòng, chống tham nhũng thì Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng báo cáo và thực hiện theo ý kiến Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng.

2. Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan ở Trung ương trong việc chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng đối với các cơ quan, tổ chức của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Trong trường hợp ý kiến chỉ đạo của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng khác với ý kiến chỉ đạo của các cơ quan tư pháp trung ương đối với các cơ quan tư pháp địa phương trong việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng thì các cơ quan tư pháp địa phương thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của các cơ quan tư pháp trung ương; Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng báo cáo vấn đề này với Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Điều 14.

1. Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng có trách nhiệm phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác giám sát phòng, chống tham nhũng tại địa phương.

Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được mời tham dự các phiên họp của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng.

2. Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng có trách nhiệm phối hợp với các ban của tỉnh ủy, thành ủy và các cấp ủy đảng trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- a) Kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan, tổ chức đảng ở địa phương;
- b) Kiến nghị, yêu cầu cấp ủy đảng có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng có liên quan đến tham nhũng.

3. Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng có trách nhiệm phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được mời tham dự các phiên họp của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15.

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày công bố.
2. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

CHỦ TỊCH
NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Bản sao lưu trữ

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ NHIỆM KỲ 2007 - 2011
(NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 03/2008/NQ-CP NGÀY 11-01-2008)**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá XII;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2007 - 2011.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
NGUYỄN TÁN DŨNG

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ NHIỆM KỲ 2007 - 2011

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2008/NQ-CP
ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ)*

Nhiệm kỳ 2007 - 2011 của Chính phủ bắt đầu trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế có nhiều cơ hội to lớn đan xen với những khó khăn và thách thức cho sự nghiệp phát triển đất nước. Nước ta đang bước vào giai đoạn mới rất quan trọng trong tiến trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2007 - 2011 được xây dựng căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X, các nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng và Nghị quyết của Quốc hội khóa XII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010), Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2010) và những yêu cầu của giai đoạn phát triển mới, trước hết là phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Chương trình hành động này nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2010), qua đó, tạo các điều kiện và tiền đề để chuẩn bị cho việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011 - 2015) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020). Chương trình hành động này gồm những nội dung sau:

Phần I NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN

Trên cơ sở tổ chức triển khai Nghị quyết số 25/2006/NQ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2006 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X và Nghị quyết của Quốc hội khóa XI về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2010), cùng với việc tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các chương trình hành động trong nhiều lĩnh vực đã ban hành thời gian qua, trong nhiệm kỳ 2007 - 2011, Chính phủ tập trung chỉ đạo thực hiện 5 nhóm nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Tập trung hoàn thiện hệ thống luật pháp và cơ chế chính sách phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế đã cam kết, góp phần tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế, cả trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả các loại thị trường, nhất là thị trường bất động sản, thị trường vốn, thị trường các loại dịch vụ, thị trường lao động và thị trường khoa học - công nghệ.

Thực hiện các giải pháp để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

2. Tập trung khai thác mọi nguồn lực, thực hiện các giải pháp, chính sách đồng bộ để tạo bước đột phá, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, bảo đảm nâng cao hiệu quả, tính bền vững và sức cạnh tranh; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

Các ngành, các cấp và các đơn vị cơ sở phải quyết tâm phấn đấu để cơ bản hoàn thành trước từ 1 đến 2 năm các mục tiêu do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã đề ra, nhất là các mục tiêu về tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo. Đồng thời tích cực chuẩn bị các điều kiện để đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn trong giai đoạn tiếp theo, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực và trên thế giới.

a) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực về vốn, tài nguyên, công nghệ, lao động... để phát triển kinh tế nhanh và bền vững, triển khai thực hiện đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng quy mô lớn, có ý nghĩa chiến lược

Có chính sách cụ thể để tạo điều kiện khuyến khích huy động mọi nguồn lực cả ở trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển, bao gồm cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp thông qua việc phát triển thị trường vốn và thị trường tiền tệ. Ban hành các chính sách khuyến khích, hướng dẫn đầu tư vào những ngành, lĩnh vực có lợi thế so sánh, có tiềm năng phát triển lớn, có hiệu quả kinh tế cao. Phấn đấu huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 41 - 42% GDP trở lên trong 4 năm tới.

Tranh thủ thời cơ thuận lợi trong điều kiện nước ta là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) để thu hút các nguồn vốn nước ngoài cho đầu tư phát triển; có cơ chế phù hợp để khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội có thu hồi vốn.

Tập trung chỉ đạo chuẩn bị đầu tư để sớm triển khai thực hiện các công trình, dự án kết cấu hạ tầng quy mô lớn, mang tính chất chiến lược như: đường bộ cao tốc Bắc - Nam, các đường bộ cao tốc thuộc các hành lang kinh tế, các đường bộ cao tốc thuộc các vùng kinh tế trọng điểm; các tuyến vận tải công cộng khối lượng lớn tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; đường Hồ Chí Minh giai đoạn II đến năm 2010 và giai đoạn 2010 - 2020; các cầu lớn; đường sắt cao tốc Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh; đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Đồng Đăng; cảng trung chuyển container quốc tế Vân Phong; cảng Lạch Huyện; luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu; các cảng hàng không quốc tế Long Thành, Nội Bài và các công trình quan trọng khác.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách về đầu tư theo hướng áp dụng thống nhất, không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư trong nước thuộc mọi thành phần kinh tế và giữa các nhà đầu tư trong nước với các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó chú trọng các chính sách về đất đai, thuế, phí, giá. Phấn đấu thực hiện lộ trình thống nhất mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trước năm 2012. Có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quy mô lớn nêu trên.

Đổi mới công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn nhà nước cho đầu tư phát triển theo nguyên tắc hiệu quả, công khai, minh bạch, chống khép kín; kiên quyết xóa bỏ cơ chế xin - cho; đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để khắc phục tình trạng đầu tư kém hiệu quả, không đúng quy hoạch và tình trạng thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong đầu tư. Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ODA, vốn trái phiếu Chính phủ, công trái giáo dục và nguồn vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước.

b) Thúc đẩy các ngành, vùng kinh tế tăng trưởng nhanh với chất lượng cao và bền vững

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của khu vực công nghiệp. Tập trung nguồn lực để phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh và khả năng cạnh tranh; đồng thời, thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hàm lượng công nghệ, giá trị tăng thêm và sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp; ưu tiên, khuyến khích, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, nhất là ở các tỉnh và thành phố lớn, các khu công nghiệp, khu kinh tế.

Ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện trong nước và các quy định, cam kết quốc tế để khuyến khích đầu tư phát triển các ngành điện lực,

sản xuất nguyên vật liệu quan trọng, công nghệ cao (đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới), công nghiệp phụ trợ, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đồng thời, chú trọng phát triển các ngành sản xuất hàng hóa thay thế hàng nhập khẩu.

Phát triển mạnh khu vực dịch vụ, bảo đảm tốc độ tăng trưởng lĩnh vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế; ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng lớn, có sức cạnh tranh cao; tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ vận tải, thương mại, du lịch, bưu chính - viễn thông; đặc biệt quan tâm dịch vụ tài chính, ngân hàng, khoa học và công nghệ; chú trọng mở rộng các dịch vụ mới, nhất là các dịch vụ cao cấp, dịch vụ có hàm lượng trí tuệ cao, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Phát triển thị trường chứng khoán theo hướng an toàn, minh bạch và hiệu quả để thu hút vốn đầu tư cho phát triển kinh tế đất nước. Phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng hiện đại, đa dạng, đa tiện ích đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế.

Đổi mới căn bản cơ chế quản lý và phương thức cung ứng dịch vụ công theo hướng thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ của các đơn vị, bảo đảm phù hợp với lộ trình thực hiện chủ trương xã hội hóa dịch vụ công và cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm và giảm nghèo, nâng cao đời sống nông dân; thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống giữa nông thôn và thành thị.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp, cơ chế, chính sách nhằm tạo bước chuyển biến về chất trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; ưu tiên đầu tư để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành sản xuất nông nghiệp; hình thành và phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung gắn với phát triển công nghiệp chế biến; đẩy mạnh thâm canh các loại cây trồng, vật nuôi có lợi thế, gắn với phát triển công nghệ bảo quản sau thu hoạch và nhanh chóng nâng cao chất lượng công nghiệp chế biến thông qua việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, thủy sản và nghề rừng. Tăng cường các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thông tin thị trường, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, phát triển giống cây trồng, vật nuôi có năng suất và chất lượng cao; nâng cao khả năng cảnh báo, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi. Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển bền vững đối với các ngành nghề truyền thống, các làng nghề ở nông thôn và các dịch vụ phục vụ trực tiếp sản

xuất, đời sống của nông dân, gắn với việc bảo vệ môi trường, tạo việc làm và giảm nghèo. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản phẩm, nhất là ở những vùng sản xuất.

Thực hiện có hiệu quả các chương trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thông qua các chương trình mục tiêu, các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện miễn, giảm các khoản huy động phí, lệ phí từ nông dân.

Huy động và tập trung nguồn lực để phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các trung tâm kinh tế, thương mại, tài chính lớn của cả nước, các hành lang và vành đai kinh tế; đồng thời ưu tiên có chính sách đầu tư cho các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, đặc biệt là các vùng biên giới, hải đảo, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Bắc, nhằm từng bước thu hẹp sự chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống giữa các vùng trên cả nước.

Phát triển kinh tế biển theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X). Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế; ban hành quy hoạch và các cơ chế, chính sách để phát triển mạnh và có hiệu quả các khu kinh tế ven biển.

Khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy hoạch vùng, ngành để thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo các nghị quyết của Bộ Chính trị và Chính phủ; nâng cao hiệu quả thực hiện các quy hoạch vùng, xây dựng chính sách, chương trình, kế hoạch huy động và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của các thành phần kinh tế nhằm phát huy tốt tiềm năng và lợi thế so sánh của các vùng, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội gắn với việc bảo vệ môi trường.

Đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Xây dựng và trình Quốc hội thông qua Luật Quy hoạch, kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, dự án lớn, bảo đảm thực hiện tốt các mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch, nhất là đối với các quy hoạch và kế hoạch có tính bắt buộc.

Bên cạnh việc thúc đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, tiếp tục chi đạo, điều hành chính sách tài chính - tiền tệ quốc gia, thực hiện các biện pháp để duy trì ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm cân đối xuất, nhập khẩu, thu chi ngân sách, bình ổn giá cả thị trường, kiềm chế lạm phát ở mức hợp lý; ổn định và nâng cao tính chuyên đổi của đồng tiền Việt Nam.

c) Tăng cường hoạt động đối ngoại, kết hợp chặt chẽ giữa chính trị đối

ngoại với kinh tế đối ngoại, nâng cao hơn nữa vị thế của nước ta trên trường quốc tế; nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển

Tích cực triển khai các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương, nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, thực hiện đầy đủ trách nhiệm Ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, góp phần giữ gìn hòa bình và an ninh thế giới.

Trên cơ sở Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn bảo đảm cho nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh Việt Nam là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Chính phủ tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai thực hiện các cam kết gia nhập và các nghĩa vụ khác của nước ta trong WTO, nhất là các cam kết về thuế, đầu tư, thương mại, dịch vụ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Khẩn trương xây dựng và triển khai thực hiện các biện pháp phù hợp để xử lý kịp thời những tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện các cam kết quốc tế nói chung và các cam kết gia nhập WTO nói riêng đối với từng ngành, lĩnh vực và sản phẩm cụ thể. Thực hiện các chính sách và giải pháp bảo vệ sản xuất phù hợp với điều kiện trong nước và các cam kết quốc tế. Tổ chức thực hiện các cam kết song phương, nhất là với các nước có tiềm năng lớn trong hợp tác thương mại và đầu tư, như Hiệp định thương mại song phương (BTA) với Hoa Kỳ, Hiệp định hợp tác mới với Liên minh châu Âu (EU). Tiếp tục đàm phán các thỏa thuận song phương, đa phương và chủ động nghiên cứu, xem xét khả năng tham gia đàm phán các thỏa thuận mới nhằm mở rộng, phát triển thị trường, tăng cường thu hút đầu tư; tích cực vận động các nước sớm công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường, sớm ký kết Hiệp định đối tác kinh tế với Nhật Bản...

Xây dựng và công bố công khai toàn bộ lộ trình giảm thuế đã cam kết đối với các loại hàng hóa xuất, nhập khẩu để các doanh nghiệp chủ động xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư, kinh doanh trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tạo điều kiện và khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư chiều sâu, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đẩy mạnh đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, giảm chi phí, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh, phát triển thị trường trong nước và quốc tế.

Nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; tăng cường kiểm soát và thu hẹp nhập siêu; tăng nhanh tỷ trọng xuất khẩu các sản phẩm đã qua

chế biến có giá trị gia tăng, có hàm lượng công nghệ và sức cạnh tranh cao. Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; chú trọng mở rộng và phát triển các thị trường mới, nhiều tiềm năng.

Thực hiện Chiến lược vay và trả nợ nước ngoài theo đúng cam kết; sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng vốn vay nước ngoài theo hướng quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn vay, bảo đảm khả năng trả nợ.

d) Tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển; nâng cao trình độ quản trị kinh doanh và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp

Tiếp tục đảm bảo ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động và phát triển theo cơ chế thị trường; xóa bỏ đặc quyền kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng bộ với phát triển kinh tế tập thể, kết hợp với việc thực hiện chính sách tạo việc làm và giảm nghèo.

Thực hiện đúng lộ trình về sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước, bao gồm cổ phần hóa một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước hiện đang giữ vai trò chi phối trong nền kinh tế, bảo đảm chặt chẽ, có hiệu quả; đồng thời, mở rộng các hình thức chuyển đổi sở hữu nhằm nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước. Phần đầu hoàn thành cơ bản việc chuyển đổi các công ty nhà nước sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc công ty cổ phần vào cuối năm 2009. Cùng có và phát triển một số tập đoàn kinh tế lớn nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong quá trình mở cửa thị trường. Đổi mới quản lý của Nhà nước và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối trong thời kỳ hội nhập.

Hoàn thiện khung khổ pháp lý cho hợp tác xã kiểu mới phát triển, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Tiến hành việc giải thể dứt điểm các hợp tác xã chưa chuyển đổi, hoặc đã chuyển đổi nhưng không đăng ký kinh doanh, hoạt động không hiệu quả. Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã; tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước trong xử lý rủi ro, hỗ trợ tài chính (bảo hiểm nông, lâm, thủy sản, quỹ bảo lãnh tín dụng...) đối với loại hình kinh tế tập thể.

3. Phát triển mạnh mẽ giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chú trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân; đẩy mạnh công tác tạo việc làm và giảm nghèo; đặc biệt quan tâm công tác bảo vệ môi trường

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phát triển các lĩnh vực giáo dục, khoa học -

công nghệ, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao... theo hướng tiếp tục tăng cường vai trò quản lý nhà nước, tăng cường đầu tư của Nhà nước để thực hiện tốt các chính sách xã hội, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực của xã hội cho phát triển các lĩnh vực này nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân.

Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược giáo dục giai đoạn 2001 - 2010, xây dựng Chiến lược giáo dục đến năm 2020. Đi đôi với việc tiếp tục thực hiện các giải pháp về chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, cần nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện cơ sở pháp lý, cơ chế, chính sách và thực hiện đồng bộ các giải pháp đề đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và từng bước phát triển nền kinh tế tri thức.

Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân. Tập trung phát triển mạnh mẽ về quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, chất lượng đào tạo đại học và sau đại học, đầu tư xây dựng một số trường trọng điểm, chất lượng cao, phấn đấu đến năm 2010 đạt 50% lao động đã qua đào tạo.

Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính, chính sách học bổng, học phí cho giáo dục, đào tạo, dạy nghề; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trong giáo dục, đào tạo và dạy nghề; hoàn thiện các cơ chế, chính sách để khuyến khích đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo; tăng cường liên kết giữa giáo dục và đào tạo với khoa học và công nghệ, giữa nghiên cứu và giảng dạy với sản xuất và kinh doanh, đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu xã hội; thực hiện có hiệu quả chính sách cho vay để học. Xây dựng và triển khai Chiến lược nguồn nhân lực đến năm 2020.

Thực hiện có hiệu quả phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học - công nghệ giai đoạn 2006 - 2010. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để tạo bước chuyển biến về chất trong hoạt động khoa học và công nghệ; đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm nâng dần tỷ trọng đóng góp của khoa học và công nghệ trong tăng trưởng của từng ngành, lĩnh vực và sản phẩm. Triển khai có hiệu quả Chương trình sản phẩm khoa học - công nghệ quốc gia 2008 - 2010.

Tập trung phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, nhất là một số lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ mới; phát triển mở rộng thị trường công nghệ và khuyến khích lực lượng doanh nghiệp đầu tư mạnh hơn cho đổi mới công nghệ và phát triển doanh nghiệp khoa học - công nghệ, thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị khoa học - công nghệ; đổi mới cơ bản, nhanh và mạnh hơn cơ chế quản lý khoa học và công nghệ; tiếp tục phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, tôn vinh

và trọng dụng nhân tài khoa học, thu hút trí thức Việt kiều tham gia phát triển khoa học và công nghệ nước nhà.

Xây dựng, áp dụng hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp quy định của WTO; phấn đấu đến năm 2010, nâng tỷ lệ hài hòa của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế lên 35 đến 40%, đặc biệt ưu tiên các đối tượng liên quan đến an toàn, vệ sinh, sức khỏe, môi trường.

Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về sở hữu trí tuệ thông qua các biện pháp kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, bảo đảm thủ tục xác lập quyền đơn giản, nhanh chóng; nâng cao năng lực của các cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ.

Đẩy mạnh việc xây dựng lối sống văn hóa, gia đình văn hóa, ý thức xã hội, trách nhiệm công dân. Phát triển mạnh lĩnh vực văn hóa, thông tin, truyền thông; quan tâm đầu tư phát triển mạng lưới văn hóa, thông tin, truyền thông ở các vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho đồng bào ở các vùng này; nghiên cứu sửa đổi Luật Báo chí, rà soát, điều chỉnh hợp lý quy hoạch phát triển các loại hình thông tin, truyền thông và tăng cường công tác quản lý văn hóa, thông tin, báo chí đảm bảo cho lĩnh vực này phát triển theo hướng lành mạnh; xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với các loại hình thông tin, báo chí điện tử; phát triển và nâng cao chất lượng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập. Chú trọng phát triển lĩnh vực thể dục - thể thao, bao gồm cả thể dục - thể thao phong trào và thành tích cao góp phần nâng cao thể lực và tầm vóc của người Việt Nam. Xây dựng Chiến lược phát triển thể thao thành tích cao đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa thể dục - thể thao nhằm tạo ra nguồn lực phát triển lĩnh vực này, đồng thời tạo điều kiện cho mọi người trong xã hội có thể tham gia tập luyện.

Hoàn thiện quy hoạch phát triển hệ thống y tế trong cả nước; xây dựng chương trình, kế hoạch huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở y tế nhằm nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Phát hành trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2008 - 2010 để đầu tư xây dựng các bệnh viện đa khoa tuyến huyện, đa khoa liên huyện và một số bệnh viện đa khoa tỉnh của các tỉnh mới chia tách, các tỉnh còn khó khăn trong năm 2008. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý các bệnh viện công lập theo hướng thực hiện cơ chế tự chủ; khẩn trương hoàn chỉnh các quy hoạch và chính sách cụ thể để khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư xây dựng cơ sở y tế; ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Phát triển mạnh công nghiệp dược, nâng cao sức cạnh tranh của ngành sản xuất thuốc chữa bệnh

trong nước; đồng thời, phát triển mạnh mẽ mạng lưới cung ứng, bảo đảm kiểm soát thị trường thuốc phòng, chữa bệnh.

Tiếp tục củng cố, phát triển mạng lưới y tế cơ sở, thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân. Hoàn thiện chính sách khám, chữa bệnh; sửa đổi chính sách viện phí mới theo hướng tính đúng và thu đủ các chi phí khám, chữa bệnh, đồng thời tăng cường chính sách hỗ trợ cho người nghèo, các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và người cận nghèo trong khám, chữa bệnh. Đào tạo, sử dụng và có chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho các cán bộ y tế, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; ưu tiên trong việc đào tạo cán bộ y tế là người dân tộc thiểu số. Hoàn thiện chính sách và hệ thống bảo hiểm y tế; xây dựng và thực hiện tốt lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2015. Tiếp tục thực hiện nhất quán, có hiệu quả chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Nâng cao nhận thức xã hội về vệ sinh an toàn thực phẩm; hoàn thiện hệ thống tổ chức và cơ chế quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm; tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm, có biện pháp xử phạt thích đáng đối với những tổ chức và cá nhân vi phạm.

Thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, tạo việc làm và tự tạo việc làm. Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường lao động, mạng lưới các tổ chức giới thiệu việc làm, các hình thức thông tin thị trường lao động trong và ngoài nước. Tập trung nguồn vốn của Quỹ Quốc gia hỗ trợ tạo việc làm đối với các dự án tạo nhiều việc làm mới. Nâng cao năng suất, tăng thu nhập và từng bước cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Đẩy mạnh phong trào thanh niên lập nghiệp, đào tạo nghề cho thanh niên nông thôn và nông dân ở nơi chuyên đổi sử dụng đất nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Tăng cường quản lý, mở rộng thị trường xuất khẩu lao động và nâng cao chất lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Tiếp tục thực hiện cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội nhằm cải thiện từng bước đời sống của cán bộ, công chức và các đối tượng hưu trí, người có công và các đối tượng chính sách xã hội khác. Mở rộng các hình thức, đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội. Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, trong đó có cơ chế tiền lương đối với khu vực sự nghiệp công phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tạo động lực vươn lên làm giàu trong đông đảo các tầng lớp dân cư, tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình giảm nghèo. Tạo cơ hội để hộ nghèo vượt nghèo thông qua các chính sách trợ giúp về phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, về đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm, khuyến nông, tiêu thụ sản phẩm, v.v... Cải thiện việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người

nghèo thông qua các chính sách về y tế, giáo dục, nước sinh hoạt, nhà ở, đất ở, hạ tầng phục vụ dân sinh. Đa dạng hóa việc huy động nguồn lực cho giảm nghèo; ưu tiên đầu tư tập trung cho các xã, huyện có tỷ lệ nghèo cao. Nâng cao nhận thức, năng lực của các cấp, các ngành, các tổ chức và người dân về xóa đói giảm nghèo; huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm giai đoạn 2006 - 2010, phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu giảm nghèo đặt ra.

Tăng cường mạng lưới an sinh xã hội thông qua phát triển, củng cố các quỹ của xã hội và đoàn thể. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội cho người nghèo, người gặp rủi ro trong cuộc sống. Hoàn thiện chính sách trợ giúp của Nhà nước đối với những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; hoàn thiện chính sách bảo vệ và chăm sóc trẻ em, nhất là đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, tiến tới kiềm chế và đẩy lùi tệ nạn ma túy, mại dâm.

Thực hiện tốt chính sách đền bù giải phóng mặt bằng cho nhân dân ở những nơi chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Tổ chức thực hiện tốt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam); khuyến khích và có biện pháp nhân rộng các mô hình phát triển bền vững điển hình; đưa nhiệm vụ bảo vệ môi trường và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, vào việc triển khai dự án, vào hoạt động của từng doanh nghiệp. Có chính sách và giải pháp thích hợp để quản lý và kiểm soát chặt chẽ chất thải, nhất là chất thải độc hại; khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý và tái chế chất thải để sử dụng nhằm bảo vệ tốt hơn môi trường sống.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về tác hại của ô nhiễm môi trường, hủy hoại tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống; qua đó nâng cao nhận thức và trách nhiệm của xã hội về sự cần thiết và tính chất quan trọng của công tác bảo vệ môi trường đối với yêu cầu phát triển bền vững.

Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách để tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về môi trường ở các cấp, các ngành; áp dụng có hiệu quả các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường; tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của xã hội trong việc thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về phí bảo vệ môi trường.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các lực lượng chuyên trách bảo vệ môi trường (cảnh sát môi trường, thanh tra môi trường...). Kiên quyết xử lý đối với những hành vi gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường, nhất là đối với các hoạt động sản

xuất hóa chất hoặc có sử dụng hóa chất độc hại tại các khu công nghiệp, các thành phố, các khu vực đông dân cư và các làng nghề.

4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tổ chức thực hiện tốt Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại; đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực; hệ thống các cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Để đạt được các mục tiêu trên, cần tập trung thực hiện các công việc sau:

Thực hiện đồng bộ cải cách hành chính với đổi mới công tác xây dựng pháp luật và cải cách tư pháp; hoàn thiện hệ thống thể chế; chú trọng hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia ý kiến vào những vấn đề quan trọng của đất nước.

Đẩy mạnh công tác xây dựng các dự án luật, pháp lệnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XII. Kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn luật, pháp lệnh khi được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua. Gắn hoạt động xây dựng pháp luật với thực thi pháp luật; tăng cường đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện các văn bản pháp luật đã được ban hành, sớm phát hiện những khó khăn, vướng mắc, bất cập để có chỉ đạo kịp thời.

Trên cơ sở đổi mới tổ chức, sắp xếp lại bộ máy của Chính phủ, tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương các cấp theo hướng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, gọn nhẹ và hiệu quả theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X, các nghị quyết Trung ương, nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ đã đề ra. Thực hiện chế độ thủ trưởng trong các cơ quan hành chính; phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo các cấp.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính - khâu đột phá của cải cách hành chính, trước hết là các thủ tục liên quan đến đầu tư, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản; tiếp cận các nguồn tín dụng; xuất nhập khẩu; nộp thuế; hộ tịch, hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thị thực nhập cảnh; công chứng, chứng thực; thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp... Cơ quan hành chính các cấp có trách nhiệm rà soát lại các thủ tục hành chính để chủ động bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện có hiệu quả cơ chế

một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước và mở rộng áp dụng tại các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công như bệnh viện, trường học; rà soát, đánh giá hiệu quả áp dụng cơ chế một cửa trong một số hoạt động đặc thù để điều chỉnh cho phù hợp.

Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước để phù hợp với yêu cầu của quản lý nhà nước trong bối cảnh hội nhập; từng bước triển khai và thực hiện Chính phủ điện tử gắn với việc đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính, phù hợp với tiến trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước các cấp; phổ biến rộng rãi và niêm yết công khai các thủ tục và quy trình giải quyết công việc, thời gian giải quyết, phí và lệ phí theo quy định để các tổ chức, công dân biết và thực hiện thuận lợi.

Tiếp tục cải cách chế độ công vụ, công chức, bao gồm công tác quản lý cán bộ, chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách khác. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, trong đó chú trọng giáo dục đạo đức, phẩm chất chính trị cho công chức gắn với cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

Về cải cách tài chính công, tăng cường phân cấp quản lý ngân sách trên nguyên tắc bảo đảm tính thống nhất về thể chế và vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương; tách hoạt động quản lý nhà nước với hoạt động cung ứng dịch vụ công; thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, thí điểm thực hiện lập dự toán, chấp hành, kế toán, quyết toán và đánh giá thực hiện ngân sách theo kết quả đầu ra.

Hoàn thiện chế độ thanh tra, kiểm tra nhằm tăng cường kỷ cương và kỷ luật hành chính đối với cán bộ, công chức nhà nước; nâng cao đạo đức, trách nhiệm và ý thức phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức nhà nước, trước hết là người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở; phát huy vai trò giám sát của nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với hoạt động của cơ quan, cán bộ và công chức nhà nước.

Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng; ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tình trạng tham nhũng trong tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội. Nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các cán bộ, công chức, viên chức trong công tác phòng, chống tham nhũng. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng; đồng thời kiên quyết xử lý trách nhiệm của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị mình quản lý.

Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống

tham nhũng ở Trung ương, ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị chuyên trách chống tham nhũng ở Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an.

Khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng; triển khai và thực hiện đồng bộ Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Kết hợp chặt chẽ giữa thực hiện Chương trình hành động phòng, chống tham nhũng với Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, thu và chi ngân sách nhà nước, quản lý tài chính công, công tác đề bạt và bố trí cán bộ. Tăng cường quản lý, giám sát thu nhập của cán bộ, công chức, nhất là những người có chức, có quyền. Thực hiện tốt chủ trương chuyển đổi và luân chuyển cán bộ và vị trí công tác của cán bộ, công chức. rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý kinh tế nhằm phát hiện những sơ hở dễ bị lợi dụng để tham nhũng để sửa đổi, bổ sung.

Tổ chức kiểm toán nội bộ tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước để bảo vệ an toàn tài sản; đánh giá về chất lượng và độ tin cậy của các thông tin kinh tế, tài chính; kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và nội quy, quy chế của đơn vị để góp phần thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước.

Thực hiện có hiệu quả chủ trương phân cấp gắn với quyền hạn và trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị, nhất là đối với người đứng đầu cơ quan.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể xã hội và các cơ quan thông tấn, báo chí trong công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính ở các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra xử lý các vụ việc tiêu cực, tham nhũng. Tập trung chỉ đạo và xử lý kiên quyết, dứt điểm theo đúng quy định của pháp luật, công bố công khai kết quả xử lý cho nhân dân biết về các vụ việc tiêu cực, tham nhũng đã được phát hiện. Trước mắt tập trung thanh tra 5 lĩnh vực trọng tâm là: đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý sử dụng đất đai; quản lý thu chi ngân sách; quản lý tài sản công; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời, thanh tra thực thi chức trách công vụ đối với một số lĩnh vực mà dư luận và nhân dân quan tâm.

Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật về khiếu nại và tố cáo. Tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý kịp thời những vấn đề bức xúc của dân, các vụ khiếu kiện đông người.

5. Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và bảo đảm trật tự an toàn xã hội

Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, chủ động giải quyết tốt mọi tình huống có thể xảy ra; giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là các địa bàn trọng điểm. Tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh; xây dựng cơ chế phối hợp có hiệu quả giữa các lực lượng; phân định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Tổ chức thực hiện tốt Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở phát huy có hiệu quả tiềm năng của đất nước. Bố trí thể trận quốc phòng, an ninh phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới; tiếp tục thực hiện các chương trình kết hợp quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và giảm nghèo trên các địa bàn chiến lược. Phấn đấu cơ bản hoàn thành việc phân giới, cắm mốc biên giới đất liền phía Bắc và phía Tây Nam với các nước láng giềng trong năm 2008.

Tiếp tục sắp xếp và nâng cao năng lực của khu vực công nghiệp quốc phòng; triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển công nghiệp quốc phòng 5 năm 2006 - 2010. Tổ chức thực hiện tốt quy hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng và quy hoạch phát triển công nghiệp an ninh đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020. Thực hiện cải thiện điều kiện vật chất, hậu cần cho lực lượng quân đội, công an.

Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống khủng bố, phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em nhằm kiểm chế và giảm các loại tội phạm, không để xảy ra khủng bố. Kiểm chế, tiến tới giảm thiểu tai nạn giao thông và các thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra. Thực hiện mạnh mẽ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của người tham gia giao thông; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về trật tự an toàn giao thông. Thực hiện tốt công tác tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lụt, thực hiện các nhiệm vụ quốc tế và nhiệm vụ đột xuất khác.

Xây dựng lực lượng an ninh cấp cơ sở để thực hiện các biện pháp phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, nhất là ở các đơn vị cơ sở. Tập trung giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các mâu thuẫn, tranh chấp ngay từ cơ sở, không để

phát sinh mâu thuẫn phức tạp, khiếu kiện đông người gây mất ổn định về an ninh, trật tự. Đẩy mạnh công tác xây dựng xã, phường trong sạch không có tệ nạn xã hội. Thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư".

Cùng với các nội dung cần triển khai thực hiện nêu trên, nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đã được Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X và Nghị quyết của Quốc hội đề ra, Chính phủ sẽ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tích cực chuẩn bị cho Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm tiếp theo nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020.

Phần II

TỔ CHỨC VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ và nội dung chủ yếu trong Chương trình hành động này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân công, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động của Bộ, ngành, địa phương mình trong nhiệm kỳ 2007 - 2011 và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ của kế hoạch hàng năm; tiếp tục xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong cả nhiệm kỳ, đặc biệt là các năm 2009 - 2010. Đối với những nhiệm vụ không phải triển khai theo các đề án, chương trình nêu trên, cần tổ chức triển khai ngay để phục vụ kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ hàng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể trong Chương trình hành động này, các Bộ, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
NGUYỄN TÁN DŨNG

Phụ lục
NHỮNG NỘI DUNG CÔNG VIỆC CHỦ YẾU*
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2008/NQ-CP
ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ)*

STT	Nhiệm vụ, nội dung công việc	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian hoàn thành
1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa			
1.	Chính sách, biện pháp xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2008
2.	Chương trình hành động của Chính phủ nhằm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện hội nhập	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2008
3.	Chính sách và biện pháp phát triển thị trường khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	2008
4.	Đề án phát triển thị trường lao động ở Việt Nam đến năm 2020	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2008
5.	Tổng rà soát các văn bản pháp luật và cơ chế chính sách và kế hoạch sửa đổi, bổ sung phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập; Đề án về các văn bản pháp luật cần thiết ban hành, bổ sung, sửa đổi từ nay đến năm 2010	Bộ Tư pháp	2008

* – Danh mục này không bao gồm các dự án luật, pháp lệnh đã ghi trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khoá XII;
– Đối với các đề án, công việc nêu trong Nghị quyết số 25/2006/NQ-CP phải trình trong năm 2006 – 2007 nhưng chưa trình và không nêu trong phụ lục này, yêu cầu các Bộ, cơ quan rà soát, tiếp tục trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

STT	Nhiệm vụ, nội dung công việc	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian hoàn thành
<p><i>2. Tập trung khai thác mọi nguồn lực, thực hiện các giải pháp, chính sách đồng bộ để tạo bước đột phá, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, bảo đảm nâng cao hiệu quả, tính bền vững và sức cạnh tranh; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế</i></p> <p><i>a) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực về vốn, tài nguyên, công nghệ, lao động... để phát triển kinh tế nhanh và bền vững, triển khai thực hiện đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng quy mô lớn, có ý nghĩa chiến lược</i></p>			
6.	Đề án quy hoạch tuyến cao tốc ven biển	Bộ Giao thông vận tải	2008
7.	Đề án xây dựng tuyến vận tải hành khách cao tốc ven biển	Bộ Giao thông vận tải	2008
8.	Điều chỉnh quy hoạch phát triển đường sắt Việt Nam đến năm 2020	Bộ Giao thông vận tải	2008
9.	Quy hoạch phát triển cảng hàng không Tân Sơn Nhất	Bộ Giao thông vận tải	2008
10.	Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc	Bộ Giao thông vận tải	2008
11.	Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải biển đến năm 2020	Bộ Giao thông vận tải	2008
12.	Chiến lược phát triển đất nước đến năm 2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2010
13.	Chiến lược vay và trả nợ nước ngoài 2011 - 2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2010
14.	Cơ chế hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu kinh tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2008
15.	Đánh giá tình hình phát triển các khu kinh tế đã được thành lập; định hướng phát triển các khu kinh tế đến năm 2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2008 - 2009

STT	Nhiệm vụ, nội dung công việc	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian hoàn thành
16.	Đề án rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2008
17.	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2010
18.	Đề án về thuế đất đai chống đầu cơ đất	Bộ Tài chính	2008
19.	Đề án xã hội hoá một số loại hình dịch vụ công cộng; tổ chức và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công	Bộ Tài chính	2008
20.	Dự thảo Nghị định sửa đổi về việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương	Bộ Tài chính	2008
21.	Quy hoạch mạng lưới kho tàng dự trữ quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020	Bộ Tài chính	2008
22.	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
23.	Quy hoạch điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản đến năm 2020	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
24.	Quy hoạch tổng hợp quản lý tài nguyên nước, lưu vực sông đến năm 2020	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
25.	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 160/2005/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
<i>b) Thúc đẩy các ngành, vùng kinh tế tăng trưởng nhanh với chất lượng cao và bền vững</i>			
26.	Đề án Giám sát hệ thống phân phối, chống hàng giả, bảo vệ người tiêu dùng	Bộ Công thương	2008

STT	Nhiệm vụ, nội dung công việc	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian hoàn thành
27.	Chiến lược phát triển khu vực dịch vụ Việt Nam đến năm 2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2010
28.	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các vùng kinh tế trọng điểm, các vùng lãnh thổ, các hành lang và vành đai kinh tế, các vùng vịnh và các hải đảo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2008-2009
29.	Chính sách và biện pháp phát triển các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp ở nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2008
30.	Cơ chế, chính sách đầu tư hỗ trợ xây dựng nông thôn mới dựa vào cộng đồng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2008
31.	Đề án chương trình khai thác hải sản xa bờ đến năm 2015	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2008
32.	Đề án cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và cơ chế tài chính đảm bảo cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông công ích	Bộ Thông tin và Truyền thông	2008
33.	Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin và truyền thông đến năm 2020	Bộ Thông tin và Truyền thông	2008
34.	Quy hoạch xây dựng và phương án đầu tư cụm, tuyến dân cư, nhà ở vùng miền Trung thường xuyên bị bão, lũ lụt	Bộ Xây dựng	2008
35.	Điều chỉnh quy hoạch tổng thể ngành vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020	Bộ Xây dựng	2008
36.	Định hướng phát triển đô thị đến năm 2020	Bộ Xây dựng	2008

STT	Nhiệm vụ, nội dung công việc	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian hoàn thành
37.	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2004/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý nhà	Bộ Xây dựng	2009
38.	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh định hướng phát triển cấp nước đô thị Việt Nam đến năm 2020 đã được ban hành kèm theo Quyết định số 63/1998/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Xây dựng	2008
39.	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh định hướng phát triển thoát nước đô thị Việt Nam đến năm 2020 đã được ban hành kèm theo Quyết định số 35/1999/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Xây dựng	2008
40.	Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2001 về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị	Bộ Xây dựng	2008
41.	Đề án Phát triển kinh tế - xã hội đối với các xã miền núi, biên giới vùng Đông Nam Bộ đến năm 2010, định hướng đến năm 2020	Ủy ban Dân tộc	2008
<i>c) Tăng cường hoạt động đối ngoại, kết hợp chặt chẽ giữa chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại, nâng cao hơn nữa vị thế của nước ta trên trường quốc tế; nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển</i>			
42.	Chiến lược tổng thể và chính sách bảo hộ sản xuất công nghiệp trong nước cho phù hợp với các cam kết quốc tế, quy định của WTO	Bộ Công thương	2008

STT	Nhiệm vụ, nội dung công việc	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian hoàn thành
43.	Cơ chế điều phối, phối hợp các Bộ, ngành tiến hành đàm phán và triển khai các thỏa thuận trong AFTA của Việt Nam với các nước, nền kinh tế	Bộ Công thương, Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế	2008
44.	Xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại chính đáng đối với hàng hóa sản xuất trong nước, phù hợp với các quy định của WTO	Bộ Công thương, Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế	2008
45.	Nghiên cứu tác động của hội nhập, các cam kết gia nhập WTO và các cam kết đa phương, song phương khác; chính sách, biện pháp thực hiện, thích ứng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương, Bộ Tài chính, Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế và các Bộ, ngành liên quan	2008
46.	Đề án Phát huy vai trò của Việt Nam ở một số tổ chức khu vực và quốc tế	Bộ Ngoại giao	2008
47.	Đề án Phát triển quan hệ của Việt Nam đối với một số đối tác quan trọng	Bộ Ngoại giao	2008
48.	Đề án Đổi mới hệ thống thuế phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện lộ trình đã cam kết trong Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), các cam kết sau khi gia nhập WTO và các cam kết quốc tế khác	Bộ Tài chính	2008 - 2010
49.	Rà soát, sửa đổi và đề xuất thay thế các chính sách hỗ trợ sản xuất và kinh doanh xuất khẩu theo hướng phù hợp cam kết quốc tế và quy định của WTO	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương	2008 - 2010

STT	Nhiệm vụ, nội dung công việc	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian hoàn thành
<i>d) Tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển; nâng cao trình độ quản trị kinh doanh và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp</i>			
50.	Chính sách và biện pháp cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2008
51.	Định hướng Chiến lược phát triển hợp tác xã đến năm 2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2008
52.	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2008
53.	Chương trình quốc gia thúc đẩy năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá Việt Nam giai đoạn đến năm 2015	Bộ Khoa học và Công nghệ	2008
54.	Đề án về giám sát hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước	Bộ Tài chính	2008
55.	Dự thảo Nghị định về cơ chế tài chính của doanh nghiệp nhà nước	Bộ Tài chính	2008
56.	Đẩy mạnh cải cách và đơn giản hóa thủ tục hải quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất, nhập khẩu phù hợp với các cam kết quốc tế và quy định của WTO	Bộ Tài chính, Bộ Công thương	2008
57.	Đề án thành lập Ngân hàng hợp tác xã	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2008
3. Phát triển mạnh mẽ giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chăm sóc sức khỏe nhân dân; đẩy mạnh công tác tạo việc làm và giảm nghèo; quan tâm công tác bảo vệ môi trường			
58.	Đề án đăng ký dân số và xây dựng cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia	Bộ Công an	2008
59.	Chiến lược phòng chống ma túy giai đoạn 2010 - 2015 và tầm nhìn 2020	Bộ Công an	2008

STT	Nhiệm vụ, nội dung công việc	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian hoàn thành
60.	Đề án kiến tạo hoá trường lớp và nhà công vụ cho giáo viên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008
61.	Đề án học phí trong hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008
62.	Chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2008
63.	Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, cải thiện cuộc sống vật chất và tinh thần cho người lao động, nhất là công nhân tại các khu sản xuất tập trung phục vụ phát triển sản xuất	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2008
64.	Dự thảo Nghị định về huy động nguồn lực ngoài nhà nước để đầu tư phát triển lĩnh vực văn hóa - xã hội (văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo và thể dục thể thao)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2008
65.	Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 21 quốc gia; cơ chế, chính sách hỗ trợ việc xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình nghị sự 21 cấp Bộ, ngành và địa phương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
66.	Cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2008
67.	Đề án Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	2008
68.	Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp, quy hoạch các trường dạy nghề và trung cấp chuyên nghiệp	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2008
69.	Thành lập hệ thống các trung tâm dự báo nguồn nhân lực quốc gia	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2008

STT	Nhiệm vụ, nội dung công việc	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian hoàn thành
70.	Chiến lược xuất khẩu lao động đến năm 2020	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2008
71.	Chính sách về việc các tôn giáo tham gia và tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa y tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn	Bộ Nội vụ	2008
72.	Kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
73.	Chiến lược phát triển bền vững ngành tài nguyên và môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
74.	Dự thảo Nghị định về xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
75.	Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 81/2006/NĐ-CP về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
76.	Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp đại ven bờ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
77.	Chiến lược quốc gia về tài nguyên môi trường biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
78.	Chương trình mục tiêu quốc gia về môi trường biển và khắc phục tình trạng nước biển dâng do biến đổi khí hậu	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008

STT	Nhiệm vụ, nội dung công việc	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian hoàn thành
79.	Xây dựng cơ chế, chính sách tôn tạo, bảo tồn và phát huy di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh nhằm phục vụ phát triển kinh tế, xã hội theo hướng mở rộng xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2008
80.	Các quy hoạch tổng thể và chính sách hỗ trợ phát triển các cơ sở văn hóa vui chơi, giải trí cho trẻ em; đề án lưu niệm các danh nhân Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2008
81.	Đề án Tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến; bảo tồn, gìn giữ và phát huy các di sản thiên nhiên và văn hóa được UNESCO công nhận đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2008
82.	Đề án Chiến lược phát triển thể thao thành tích cao đến năm 2015, định hướng đến năm 2020	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2008
83.	Đề án Phát triển thể dục thể thao ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2008 - 2015	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2008
84.	Đề án Chuyển giao thực hiện các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao cho các tổ chức sự nghiệp và tổ chức xã hội	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2008
85.	Quy hoạch tổng thể về thu gom, xử lý chất thải rắn	Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
86.	Dự thảo Nghị định về quản lý nghĩa trang	Bộ Xây dựng	2008
87.	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh định hướng Chiến lược quản lý phát triển chất thải rắn tại các đô thị và khu công nghiệp đến năm 2020 đã được ban hành kèm theo Quyết định số 152/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Xây dựng	2008

STT	Nhiệm vụ, nội dung công việc	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian hoàn thành
88.	Dự thảo Nghị định ban hành Điều lệ Kiểm dịch biên giới nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Bộ Y tế	2008
89.	Đề án củng cố mạng lưới y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc theo tôn giáo và hành nghề khám, chữa bệnh của cá nhân, các tổ chức theo tôn giáo	Bộ Y tế	2008
90.	Đề án về chính sách viện phí	Bộ Y tế	2008
91.	Đề án đào tạo nhân tài, đào tạo kỹ thuật cao cho các cơ sở cung cấp dịch vụ y tế tuyến tỉnh và tuyến Trung ương	Bộ Y tế	2008
92.	Đề án tổng thể nâng cao chất lượng dân số	Bộ Y tế	2008
4. <i>Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</i>			
93.	Tiếp tục thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010	Các Bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên
94.	Thực hiện Chương trình hiện đại hóa nền hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước	Các Bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên
95.	Chương trình đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	BCĐ cải cách hành chính của Chính phủ	2008 - 2010
96.	Tiếp tục triển khai hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng ở Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	BCĐ Trung ương về phòng, chống tham nhũng và các Bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, nội dung công việc	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian hoàn thành
97.	Xây dựng, thực hiện Chương trình hành động phòng, chống tham nhũng của Trung ương, các ngành, các cấp, tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm: quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, thu, chi ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, đề bạt, bổ trí cán bộ	Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và các Bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên
98.	Tiếp tục tổ chức triển khai Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ	Thường xuyên
99.	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật phòng, chống tham nhũng	Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Chính phủ, các Bộ, ngành	Thường xuyên
100.	Cơ chế giám sát phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, cộng đồng dân cư trong công tác phòng, chống tham nhũng	Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Bộ, ngành, địa phương	2008

STT	Nhiệm vụ, nội dung công việc	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian hoàn thành
101.	Dự thảo Nghị định về quản lý tiền lương và thu nhập đối với cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước	Bộ Nội vụ	2008
102.	Kiến toàn tổ chức thi hành án dân sự	Bộ Tư pháp	2009
103.	Kiến toàn tổ chức hỗ trợ tư pháp	Bộ Tư pháp	2008
104.	Đề án thí điểm thừa phát lại	Bộ Tư pháp	2008
105.	Đề án xây dựng cơ chế và tổ chức thí điểm việc thực hiện thu hút các cơ quan, tổ chức chuyên môn, các chuyên gia giỏi vào hoạt động giám định tư pháp	Bộ Tư pháp	2008
5. Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và bảo đảm trật tự an toàn xã hội			
106.	Đề án Bảo đảm an ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế và gia nhập WTO	Bộ Công an	2008
107.	Đề án phòng, chống khủng bố	Bộ Công an	2008
108.	Đề án đảm bảo an ninh trật tự phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các tuyến biên giới đến năm 2010 tầm nhìn 2020	Bộ Công an	2008
109.	Quy hoạch vùng ATK giai đoạn 2008 - 2015	Bộ Quốc phòng	2008

**NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NSNN
NĂM 2008 (NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2008/NQ-CP NGÀY 9-01-2008
CỦA CHÍNH PHỦ)**

Năm 2008 là năm bản lề của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008 sẽ tạo tiền đề cho việc hoàn thành thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010.

Để thực hiện tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2008 đòi hỏi phải có sự nỗ lực, phấn đấu cao của toàn Đảng, toàn dân, của các ngành, các cấp và các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; đồng thời, phải triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp về kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, trong đó trọng tâm là phải đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) từ 8.5 - 9.0% và phấn đấu đạt trên 9%; chủ động trong việc thực hiện các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế thế giới; đẩy mạnh cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng. Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện các giải pháp chủ yếu sau đây:

I. TÍCH CỰC CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH, ĐẨY NHANH TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ, SỨC CẠNH TRANH VÀ TÍNH BỀN VỮNG CỦA NỀN KINH TẾ

1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật

a) Các bộ, ngành đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng và các tổ chức liên quan trong quá trình xây dựng các dự án luật, pháp lệnh; hoàn thành tốt chương trình xây dựng Luật. Pháp lệnh năm 2008 đã được thông qua tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XII. Bộ Tư pháp phối hợp với Văn phòng Chính phủ đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tiến độ và chất lượng.

b) Phấn đấu ngay sau khi Quốc hội ban hành luật và pháp lệnh, các cơ quan có trách nhiệm phải ra các văn bản hướng dẫn thực hiện; thực hiện nghiêm chỉnh quy định không xem xét dự thảo luật, pháp lệnh nếu không kèm theo văn bản

hướng dẫn thực hiện. Tập trung xây dựng, ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh đã có hiệu lực thi hành.

c) Các bộ, cơ quan chính quyền các cấp tập trung rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền đã ban hành; sửa đổi, bổ sung hoặc huỷ bỏ kịp thời những quy định không còn phù hợp, nhất là các quy định về hồ sơ, thủ tục đất đai, đầu tư, đăng ký kinh doanh, đăng ký mã số thuế, giải thể, phá sản doanh nghiệp; đồng thời, tăng cường kiểm tra, thanh tra, phát hiện, xử lý kịp thời những tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ liên quan và các cơ quan của Quốc hội xây dựng Đề án Tổng rà soát hệ thống pháp luật Việt Nam, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến để triển khai trong các năm 2009-2010.

2. Tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư và kinh doanh của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách và thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, bảo đảm cho quy hoạch đáp ứng được yêu cầu định hướng phát triển, là căn cứ hướng dẫn đầu tư cho các thành phần kinh tế; trong xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo sự đồng bộ giữa các yếu tố về đất đai, vốn, công nghệ, lao động, thị trường,...

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh cơ chế quản lý trong doanh nghiệp và quản lý của Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước giữ 100% vốn và giữ cổ phần chi phối; hoàn thiện cơ sở pháp lý và cơ chế quản lý, vận hành của các tập đoàn kinh tế nhà nước.

- Khuyến khích phát triển mạnh các loại hình kinh tế dân doanh.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện pháp luật về kinh tế tập thể; thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ, tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế tập thể.

- Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhất là các dự án lớn, dự án đầu tư vào kết cấu hạ tầng giao thông và sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

- Hoàn thiện khung pháp lý để tạo thuận lợi thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

- Rà soát để loại bỏ ngay những giấy phép, quy định không còn phù hợp gây ách tắc, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đổi mới thủ tục cấp đăng ký kinh

doanh theo hướng hợp nhất giấy đăng ký kinh doanh và mã số thuế thành mã số doanh nghiệp trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Tiếp tục theo dõi việc thực hiện Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành; kịp thời tháo gỡ vướng mắc cho địa phương và cơ sở.

b) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng chính phủ ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách và thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Đơn giản hóa các thủ tục thu thuế, áp dụng rộng rãi hình thức doanh nghiệp tự kê khai nộp thuế đi đôi với việc tăng cường hậu kiểm.

- Giám sát việc đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hoá; chỉ đạo chặt chẽ và có hiệu quả việc cổ phần hóa, nhất là cổ phần hóa các Tổng công ty của Nhà nước, các ngân hàng thương mại..., kịp thời phát hiện những vướng mắc để sửa đổi, bổ sung quy định hiện hành. Hướng dẫn, giám sát việc thực hiện nguyên tắc thị trường trong cổ phần hoá doanh nghiệp, gắn cổ phần hoá với phát triển thị trường chứng khoán.

- Phối hợp với các bộ, ngành, đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể thao; khuyến khích phát triển các đơn vị cung ứng dịch vụ giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao ngoài công lập.

c) Văn phòng Chính phủ chủ trì trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư và kinh doanh của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

d) Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng đẩy nhanh việc nghiên cứu hoàn thiện dự án Luật đăng ký bất động sản, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội; phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Đề án sửa đổi, bổ sung Luật Phá sản.

d) Các Bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục rà soát để loại bỏ ngay những giấy phép, quy định không còn phù hợp gây ách tắc, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3. Tạo lập đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường

a) Bộ Tài chính chủ trì trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền để hoàn thiện các văn bản pháp lý liên quan tới lĩnh vực dịch vụ tài chính, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán,... Đẩy nhanh việc hoàn thiện hạ tầng cơ sở, công nghệ của các trung tâm giao dịch chứng khoán nhằm đáp ứng yêu cầu về tăng quy mô và mở rộng thị trường. Tăng cường giám sát hoạt động kinh doanh

dịch vụ, giao dịch chứng khoán, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, nâng cao tính minh bạch của thị trường.

b) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về phát triển thị trường khoa học, công nghệ; rà soát, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoàn thiện, bổ sung các chính sách về tài chính, tuyển chọn, đặt hàng dự án khoa học, công nghệ; về tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp; về phát triển các dịch vụ hỗ trợ đối với sở hữu trí tuệ, tư vấn, mua, bán công nghệ, giám định, đánh giá, chuyển giao công nghệ và thành lập vườn ươm công nghệ; thành lập, hoạt động quỹ đầu tư mạo hiểm; nhân rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của loại hình chợ, sàn giao dịch thiết bị công nghệ.

c) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính triển khai chính sách tiền tệ đồng bộ với chính sách tài chính, điều hành cung ứng tiền tệ trong lưu thông, điều hành chính sách tỷ giá, lãi suất, kiểm soát có hiệu quả hoạt động tín dụng, giảm thiểu nợ xấu trong hoạt động tín dụng.

d) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì xây dựng các cơ chế, chính sách và triển khai thực hiện tốt đề án về phát triển thị trường lao động; liên kết giữa cơ sở dạy nghề với cơ sở sản xuất, kinh doanh; tổ chức hoạt động sàn giao dịch việc làm định kỳ và thường xuyên; mở rộng phát triển thị trường xuất khẩu lao động, nhất là thị trường có mức thu nhập cao.

d) Bộ Xây dựng chủ trì trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các giải pháp quản lý và phát triển lành mạnh thị trường bất động sản; kiểm chế sự tăng giá đột biến của bất động sản, nhất là giá căn hộ cho người thu nhập thấp; rà soát trình Quốc hội sửa đổi những vướng mắc trong luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản.

e) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan trình phương án sửa đổi Luật Đất đai và các luật có liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hướng thống nhất cấp một loại giấy chứng nhận cả quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất; sửa đổi các văn bản pháp luật khác có liên quan đến thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư; sửa đổi các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, trong đó có xác định giá trị quyền sử dụng đất trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

- Thống nhất giữa quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng và quy hoạch của từng ngành, từng lĩnh vực có sử dụng đất; giữa quy hoạch sử dụng đất các cấp; giữa quy hoạch chung xây dựng đô thị với quy hoạch chi tiết

xây dựng đô thị. Hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, thực hiện quy hoạch 3 loại rừng và sắp xếp lại các lâm trường quốc doanh.

- Kiểm tra, thu hồi diện tích đất đã cấp, giao cho các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nhưng không sử dụng, sử dụng sai mục đích hoặc chậm sử dụng so với tiến độ theo quy định của Luật Đất đai.

- Kiện toàn Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất và Tổ chức phát triển quỹ đất.

g) Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng Đề án quy hoạch phát triển nghề công chứng Việt Nam báo cáo Chính phủ phê duyệt, bảo đảm an toàn cho các giao dịch trong phát triển kinh tế.

4: Đẩy mạnh phát triển các ngành và vùng kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả

a) Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống nông dân

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Chủ trì xây dựng trình Chính phủ đề án "Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn" để trình Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương kỳ họp thứ 7 khoá X.

+ Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành sản xuất nông nghiệp để sớm hình thành các vùng nguyên liệu tập trung và các vùng sản xuất áp dụng công nghệ cao.

+ Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, dự báo, xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng lực lượng lao động, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ gắn với quy hoạch phát triển ngành trên phạm vi toàn quốc, làm căn cứ để đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động.

+ Chủ trì, phối hợp với các địa phương tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp: trình Chính phủ Nghị định về bảo đảm an ninh lương thực, chính sách quản lý diện tích đất sản xuất lúa.

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương tổ chức thực hiện Chương trình phát triển ngành nghề nông thôn và phê duyệt quy hoạch phát triển ngành nghề trên phạm vi cả nước; Chương trình đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi, tạo bước chuyển biến mới trong công tác quản lý thủy nông.

+ Khuyến khích phát triển các dịch vụ hỗ trợ để tăng hiệu quả đánh bắt hải sản; tăng cường công tác điều tra đánh giá trữ lượng nguồn lợi thủy sản; đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cảng cá, khu trú bão; nâng cao chất lượng tổ chức lại các đội tàu thuyền để đánh bắt thủy sản có hiệu quả, an toàn trên biển; khuyến khích đầu tư chế biến và xuất khẩu thủy sản, gắn với phát triển nuôi trồng thủy sản.

+ Chủ trì, phối hợp với các địa phương kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, cây lâm nghiệp, vật tư nông nghiệp; triển khai có hiệu quả Chương trình giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp và giống thủy sản nhằm cung cấp giống có năng suất cao và đưa vào sản xuất để giảm tối đa thiệt hại do chất lượng giống đối với nông dân.

+ Triển khai, thực hiện tốt Chương trình trọng điểm ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020; ưu tiên phát triển cây công nghiệp, chế biến nông sản, gia súc, gia cầm tập trung.

+ Nghiên cứu, phát triển các cây công nghiệp có lợi thế, hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến. Tổ chức tổng kết và nhân rộng kết quả thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng tự nhiên và rừng sản xuất. Điều chỉnh chính sách khuyến khích nhân dân tham gia bảo vệ rừng tự nhiên, rừng phòng hộ và phát triển rừng kinh tế.

+ Chủ động theo dõi, phát hiện và có biện pháp kịp thời để ngăn chặn, dập tắt dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi, không để dịch bệnh lan rộng, tái phát.

+ Chủ trì cùng Ủy ban nhân dân các địa phương chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm cung cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của nhân dân.

+ Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các địa phương nghiên cứu và thực hiện các giải pháp cải thiện từng bước môi trường nông thôn, trước hết là các làng nghề, cơ sở chăn nuôi tập trung; hoàn thành quy hoạch, di dời các cơ sở ngành, nghề ô nhiễm trong khu dân cư đến khu công nghiệp, cụm ngành, nghề nông thôn.

+ Phối hợp với Bộ Y tế và các địa phương triển khai mạnh mẽ công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện các biện pháp cụ thể nâng cao chất lượng công tác dự báo khí tượng, thủy văn; gắn tuyên truyền, cảnh báo tác hại do thiên tai để người dân nắm bắt được và chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì trình Chính phủ ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư nhiều hơn vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, vùng đặc biệt khó khăn; xây dựng các giải pháp để huy động thêm các nguồn vốn cho đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ động phối hợp với chính quyền địa

phương thực hiện các biện pháp thích hợp để hỗ trợ nhân dân, người dân ở nông thôn về kỹ năng sản xuất, dạy nghề, tạo thêm việc làm, phát triển làng nghề truyền thống, làng nghề du lịch; giải quyết tốt những vấn đề bức xúc về văn hoá, xã hội ở nông thôn.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tiếp tục ưu tiên bố trí các nguồn vốn của nhà nước (bao gồm nguồn vốn ODA) cho Ngân hàng Chính sách xã hội để mở rộng cho vay phục vụ giảm nghèo và cho các hộ sản xuất, kinh doanh ở vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, trình Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách nhằm tăng cường cán bộ và kinh phí cho công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, công tác thú y cơ sở và hỗ trợ phát triển các làng nghề truyền thống.

b) Phát triển công nghiệp, xây dựng và quản lý đô thị

Các bộ, ngành và các địa phương thực hiện các giải pháp nhằm tiếp tục phát triển công nghiệp với tốc độ cao, gắn liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm; tập trung phát triển sản xuất các sản phẩm đang có lợi thế so sánh; phát triển công nghiệp, xây dựng gắn với phát triển dịch vụ, phát triển đô thị và bảo vệ môi trường.

- Bộ Công Thương:

+ Chủ trì xây dựng, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dầu khí và tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực cho giai đoạn đến năm 2015, có xét đến năm 2025.

+ Chủ trì nghiên cứu, thực hiện các giải pháp đảm bảo cân đối cung cầu của nền kinh tế về những sản phẩm công nghiệp chủ yếu, như: khí, than, điện, thép xây dựng, xăng dầu, phân bón, xi măng trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất trong nước.

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách thích hợp và biện pháp cụ thể để khuyến khích đầu tư phát triển các ngành lọc hóa dầu, năng lượng, sản xuất nguyên vật liệu quan trọng, công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp phụ trợ.

+ Chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường liên kết, hợp tác trong ngành, giữa các ngành và giữa các thành phần kinh tế để phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp.

- Bộ Xây dựng:

+ Chủ trì đẩy mạnh công tác lập quy hoạch xây dựng vùng, cơ bản hoàn

thành vào cuối năm 2008. Tiếp tục soạn thảo Luật quy hoạch đô thị, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến. Hướng dẫn các ngành, địa phương hoàn thiện và nâng cao chất lượng quy hoạch các đô thị.

+ Tăng cường quản lý, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch và quy chế phát triển đô thị, đặc biệt là đối với các thành phố lớn; khắc phục tình trạng quy hoạch treo, xây dựng trái phép; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

+ Tập trung thực hiện tốt Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2020; phát triển nhà ở gắn với phát triển các khu đô thị mới nhằm hình thành đồng bộ các khu nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất, đáp ứng nhu cầu của các đối tượng dân cư có mức thu nhập khác nhau trên từng địa bàn.

+ Nghiên cứu chính sách và hướng dẫn quy hoạch khu dân cư, thiết kế nhà ở, các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm hạn chế tác hại thiên tai, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân ở những vùng thường xuyên xảy ra thiên tai.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường:

+ Tập trung điều tra đánh giá tiềm năng khoáng sản đối với các loại khoáng sản trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các loại khoáng sản đang có nhu cầu sử dụng lớn trong nước, các loại khoáng sản đã được các doanh nghiệp chế biến sâu hoặc làm ra sản phẩm. Đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm giảm khai thác một số loại khoáng sản quan trọng, hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô.

+ Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quan trắc môi trường, trước hết ở các khu công nghiệp, khu du lịch, khu đô thị, các cơ sở sản xuất quy mô lớn có nguy cơ cao về ô nhiễm, các con sông đang bị ô nhiễm nặng. Từng bước xây dựng hệ thống dữ liệu, thông tin về môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Bộ Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính nghiên cứu, trình Chính phủ ban hành các giải pháp cấp bách cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông.

- Các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty và các doanh nghiệp nhà nước tập trung hoàn thành các dự án đầu tư theo tiến độ, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, không ngừng nâng cao khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường; áp dụng các biện pháp khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất quản lý để nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, bảo đảm hoàn thành kế hoạch năm 2008.

c) Phát triển thương mại, dịch vụ

- Các bộ: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong phạm vi

chức năng, nhiệm vụ được phân công, phối hợp với các cơ quan, địa phương nghiên cứu, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách cụ thể theo hướng:

- + Tạo bước phát triển vượt bậc của khu vực dịch vụ, bảo đảm tốc độ tăng trưởng dịch vụ cao hơn mức tăng trưởng chung của nền kinh tế.

- + Phát triển mạnh các ngành dịch vụ có tiềm năng và có lợi thế cạnh tranh; chú trọng mở rộng các dịch vụ mới, nhất là các dịch vụ cao cấp, dịch vụ có hàm lượng trí tuệ cao, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh và các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống ở nông thôn; phát triển các dịch vụ pháp luật, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hoá, thông tin, thể thao, việc làm và an sinh xã hội.

- + Hoàn thiện cơ chế quản lý và tổ chức hệ thống phân phối theo ngành hàng; phát triển đồng bộ các loại hình dịch vụ phân phối trên thị trường nội địa, bán buôn, bán lẻ, đại lý và nhượng quyền thương mại.

- + Hình thành tập đoàn thương mại trong nước đủ mạnh, có khả năng cạnh tranh về phân phối, tiêu thụ với các tập đoàn phân phối của nước ngoài. Kiểm soát chặt chẽ độc quyền đi đôi với tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia và cạnh tranh bình đẳng trên thị trường dịch vụ.

- Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan nghiên cứu trình Chính phủ những giải pháp chính sách đề tận dụng cơ hội và điều kiện từ hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mở rộng thị trường, phát huy lợi thế, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, hạn chế nhập siêu.

- Bộ Công thương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của công tác xúc tiến thương mại, du lịch. Thúc đẩy, vận động tiêu chuẩn hoá và công nhận lẫn nhau giữa Việt Nam và các đối tác thương mại nước ngoài, đặc biệt đối với những bạn hàng lớn.

d) Phát triển kinh tế vùng và kinh tế biển

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các vùng kinh tế trọng điểm, các vùng lãnh thổ, các hành lang và vành đai kinh tế, các vùng biển và các hải đảo.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách đầu tư phát triển các vùng kinh tế trọng điểm; khuyến khích, ưu đãi đầu tư phát triển nhanh hơn đối với các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên

quan thực hiện Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên - môi trường biển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020. Đẩy nhanh tiến trình hiện đại hóa công tác điều tra cơ bản tài nguyên, quan trắc, dự báo môi trường biển, đảo và bảo vệ an ninh, quốc phòng trong những năm đầu của thế kỷ XXI; nhân rộng các mô hình gắn phát triển kinh tế, xã hội vùng biển, đảo với bảo vệ môi trường.

- Các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện có trọng tâm, trọng điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa X); xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy hoạch và các cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển mạnh và có hiệu quả các khu kinh tế ven biển.

II. BẢO ĐẢM ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chính sách và tăng cường quản lý trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, thương mại, kiểm chế lạm phát, kiểm soát nhập khẩu và hạn chế nhập siêu so với năm 2007.

1. Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương:

a) Giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2008 cho các đơn vị cơ sở để triển khai thực hiện ngay từ đầu năm; công bố công khai dự toán ngân sách năm 2008 theo quy định.

b) Xây dựng dự toán thu NSNN tích cực, thực hiện điều hành quyết liệt, phân dẫu tăng thu ngân sách tối thiểu 3% so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1569/2007/QĐ-TTg ngày 19/11/2007; tăng cường chống thất thu, chống buôn lậu và gian lận thương mại, kiên quyết thu hồi số thuế nợ đọng. Đồng thời, cần tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu; qua đó tạo động lực và cơ sở để thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng ở mức cao, tăng thu cho NSNN.

c) Thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước. Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tập trung phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội không có khả năng thu hồi vốn, đồng thời thu hút thêm các nguồn lực khác (Nhà nước, dân cư, nước ngoài) để có thêm nguồn cho phát triển hạ tầng; ngân sách nhà nước tập trung cho đầu tư phát triển con người, nâng cao trình độ lao động, thông qua việc bảo đảm kinh phí phát triển các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, khoa học, công nghệ, văn hoá, bảo vệ môi trường.

Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, chuẩn bị đầy đủ các thủ tục để triển khai giải ngân dự toán chi NSNN ngay từ đầu năm. Gắn việc quản lý thu chi NSNN với việc thực hiện Chương trình hành động triển khai Luật thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí và Chương trình hành động thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng của Chính phủ và của địa phương mình. Điều hành quản lý ngân sách chặt chẽ tiết kiệm, hiệu quả theo đúng dự toán ngân sách đã được giao; đúng tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi tiêu đã quy định. Tăng cường chế độ trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công.

d) Thực hiện cải cách mạnh mẽ khu vực sự nghiệp công. Thực hiện phân bổ và giao dự toán chi NSNN năm 2008 theo hướng giảm mức đầu tư từ NSNN đối với các đơn vị có điều kiện phát triển, có nguồn thu sự nghiệp khá để dành nguồn thu tăng mức đầu tư từ NSNN đối với các đơn vị khó khăn, hoạt động chủ yếu bằng nguồn NSNN.

d) Tập trung nguồn lực, chủ động thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo nguồn để đảm bảo tiếp tục lộ trình điều chỉnh tiền lương và chính sách đảm bảo xã hội, thúc đẩy quá trình cải cách hành chính.

e) Tổ chức thực hiện miễn giảm thù lợi phí cho nông dân, ngư dân sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo đúng quy định tại Nghị định số 154/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính Phủ.

g) Tổ chức rà soát, điều chỉnh để giảm hợp lý các khoản huy động đóng góp tự nguyện của nhân dân, trước hết là nông dân và đồng bào ở những vùng khó khăn; thực hiện đúng tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các khoản đóng góp của nhân dân theo Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

h) Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm toán việc sử dụng ngân sách, tài sản của nhà nước ở các đơn vị sử dụng ngân sách. Công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kết quả xử lý của từng cấp, từng đơn vị; công khai tài chính DNNN; công khai tài chính các quỹ của tất cả các tổ chức xã hội có nhận tài trợ của Nhà nước và các quỹ tài chính ở địa phương.

i) Thực hiện kiểm toán các doanh nghiệp nhà nước, trước hết là các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty; tăng cường giám sát việc thực hiện trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước.

k) Công khai các quy chế và tiêu chuẩn đầu tư, mua sắm và sử dụng tài sản công đi đôi với tăng cường phân cấp quản lý tài sản, gắn quyền hạn với trách nhiệm của các cấp và người quản lý tài sản.

l) Chủ động thực hiện các biện pháp kinh tế và tiền tệ để kiềm chế tốc độ tăng giá tiêu dùng thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế. Thực hiện quản lý giá cả theo nguyên tắc thị trường, đẩy nhanh lộ trình thực hiện giá thị trường đối với các loại hàng hóa và dịch vụ nhà nước còn kiểm soát giá. Không để xảy ra đầu cơ và

đột biến về giá; xử lý nghiêm các hành vi liên kết, lạm dụng vị thế độc quyền để áp đặt giá, nhất là giá các nguyên vật liệu quan trọng và các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu. Tăng cường các biện pháp để thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất, kinh doanh, cải tiến công nghệ, tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm để xử lý giá đầu ra hợp lý, phù hợp với thị trường. Giảm dần mức bù lỗ, tiến tới sớm chấm dứt bù lỗ kinh doanh dầu.

m) Nghiên cứu thành lập cơ quan giám sát để giúp Chính phủ kiểm soát vĩ mô trong hoạt động của ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và các quỹ đầu tư.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Nghiên cứu trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về việc lập và theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

b) Đánh giá việc thực hiện Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng NSNN giai đoạn 2007-2010. Tiếp tục hướng dẫn các địa phương vận dụng thực hiện theo các nguyên tắc và tiêu chí phân bổ vốn đã được quy định trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nêu trên.

c) Phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước thực hiện các biện pháp bảo đảm ổn định các cân đối vĩ mô về ngân sách, đầu tư, tiền tệ, tín dụng, xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán quốc tế, nợ của Chính phủ, nợ nước ngoài...

3. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì xây dựng, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi), Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Luật trung mua, trung dụng tài sản. Soạn thảo Luật quản lý nợ khu vực công, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến.

b) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thuế theo hướng rà soát các chính sách, quy định về thuế trên cơ sở các cam kết quốc tế đã ký kết.

c) Trong quá trình điều hành dự toán NSNN năm 2008, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương chủ động phân đầu quyết liệt để thu vượt nhiệm vụ được giao.

d) Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước; tăng cường các biện pháp quản lý thu, chống thất thu, nợ đọng thuế; chống gian lận thương mại, trốn thuế. Trong quý I năm 2008, thực hiện báo cáo rà soát, phân loại nợ đọng thuế của các đối tượng nộp thuế (đối với các khoản nợ thuế và phạt chậm nộp thuế khó thu phát sinh trước thời điểm thực hiện Luật quản lý thuế đề xuất với Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội biện pháp xử lý giải quyết dứt điểm.

d) Chủ trì tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện Pháp lệnh phí và lệ phí. Đề xuất với Chính phủ, hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện theo thẩm quyền việc sửa đổi, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí không còn phù hợp.

e) Trên cơ sở kết quả sơ kết triển khai thí điểm công tác lập kế hoạch tài chính và kế hoạch chi tiêu trung hạn, chủ động tuyên truyền phổ biến kiến thức nhằm nhân rộng công tác lập kế hoạch tài chính và kế hoạch chi tiêu trung hạn, tạo tiền đề tiếp tục hoàn thiện mô hình này gắn với việc xây dựng dự toán ngân sách hàng năm.

g) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương xây dựng và công bố lộ trình thực hiện giá thị trường đối với các loại hàng hóa và dịch vụ Nhà nước còn kiểm soát việc định giá.

h) Nghiên cứu trình Chính phủ sử dụng các công cụ tài chính để chống đầu cơ đất ở, nhà ở, đất xây dựng công trình kinh tế, bảo đảm cho sự phát triển và lành mạnh hóa thị trường bất động sản.

i) Rà soát, sắp xếp lại các quỹ tài chính ngoài ngân sách hiện có, đảm bảo hoạt động có hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu cam kết hội nhập.

k) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước nhằm đảm bảo các doanh nghiệp quản lý, sử dụng phần vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

l) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ có cơ chế hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo nhằm giảm bớt khó khăn do tác động của việc điều chỉnh giá của Nhà nước.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Báo cáo chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sửa đổi) và Luật các tổ chức tín dụng (sửa đổi); phối hợp với Bộ Tư pháp hoàn chỉnh trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự (phần liên quan đến lãi suất huy động và cho vay vốn của tổ chức tín dụng). Soạn thảo Luật bảo hiểm tiền gửi báo cáo Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến.

b) Nâng cao hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ, mở rộng phạm vi sử dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

c) Tăng cường năng lực dự báo kinh tế vĩ mô; theo dõi các luồng tiền tệ trong nền kinh tế, kể cả ngoại tệ đầu tư gián tiếp của nước ngoài, chủ động thực hiện kịp thời, linh hoạt theo nguyên tắc thị trường các giải pháp để kiểm soát quy

mô, tốc độ tăng trưởng phương tiện thanh toán, tăng tín dụng, thúc đẩy chu chuyển tiền tệ trong nền kinh tế nhằm điều hoà tổng lượng tiền trong lưu thông.

d) Kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với kinh doanh chứng khoán bằng hình thức thích hợp.

đ) Tiếp tục củng cố và lành mạnh hoá hệ thống các tổ chức tín dụng và các định chế tài chính, cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM), đẩy nhanh cổ phần hoá các NHTM nhà nước, tăng cường năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của NHTM trong nước, đi đôi với tăng cường năng lực thanh tra, giám sát đảm bảo an toàn hệ thống.

5. Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, theo chức năng quản lý nhà nước được giao, chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan để theo dõi, đánh giá và dự báo luồng vốn đầu tư gián tiếp, đặc biệt là vốn đầu tư gián tiếp của nước ngoài.

6. Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo Luật đăng ký giao dịch bảo đảm, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự (phần về các biện pháp bảo đảm).

7. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan:

a) Tăng cường thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu và kiềm chế nhập siêu. Tập trung tháo gỡ các vướng mắc về chính sách và thủ tục hành chính để thúc đẩy xuất khẩu. Khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ và sử dụng nguyên liệu trong nước, góp phần tăng giá trị nội địa của hàng xuất khẩu và giảm dần sự phụ thuộc vào nhập ngoại.

b) Thực hiện các biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp trong các vụ kiện bán phá giá, hạn chế thấp nhất các thiệt hại cho doanh nghiệp Việt Nam.

8. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan:

a) Xây dựng và thực thi các hàng rào kỹ thuật phù hợp với thông lệ quốc tế đối với hàng nhập khẩu để bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước.

b) Thúc đẩy đàm phán và ký kết các hiệp định, thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau với các nước về kết quả đánh giá sự phù hợp, đặc biệt là với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến kiểm dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm... Thực hiện giám sát chặt chẽ chất lượng hàng hóa của các doanh nghiệp xuất khẩu. Xử lý nghiêm những doanh nghiệp làm mất uy tín hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trên thị trường thế giới.

9. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan:

a) Triển khai thực hiện việc điều chỉnh tiền lương tối thiểu cho cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 01/01/2008. Gắn cải cách tiền lương với việc hoàn thiện cơ chế, chính sách tuyển dụng lao động vào khu vực kinh tế nhà nước; phân cấp và nâng cao tính tự chủ trong việc tuyển dụng, nâng lương, nâng ngạch cho các bộ, ngành, tổ chức trực tiếp sử dụng lao động theo nguyên tắc khoán kinh phí hành chính và biên chế đối với cơ quan quản lý nhà nước.

b) Nghiên cứu các cơ chế, chính sách để tách bạch chế độ tiền lương với chế độ trợ cấp xã hội; tăng nguồn thu cho Quỹ trợ cấp xã hội. Sử dụng có hiệu quả Quỹ trợ cấp xã hội cho công tác xóa đói giảm nghèo và thực hiện các chương trình xã hội cho các đối tượng đặc biệt khó khăn.

III. HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ CÁC NGUỒN VỐN CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

1. Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương:

a) Tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm huy động tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Chú trọng huy động các nguồn vốn khu vực tư nhân trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước, bảo đảm hiệu quả đầu tư. Người quyết định đầu tư và chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả của dự án đầu tư.

b) Dành ưu tiên vốn ngân sách để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng không có khả năng thu hồi vốn; tăng đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là các vùng hạn hán kéo dài, vùng thường bị úng lụt; các dự án có khả năng thu hồi vốn chuyển sang thực hiện bằng nguồn vốn tín dụng. Bố trí nguồn lực đẩy nhanh việc thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Tập trung chi đạo và triển khai thực hiện đúng tiến độ các dự án đầu tư quan trọng của đất nước, nhất là các công trình trọng điểm quốc gia. Thực hiện đồng bộ các giải pháp, trước hết là các giải pháp về quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, các thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng... để khắc phục tình trạng giải ngân chậm, tồn đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

d) Chủ động đề ra các giải pháp xử lý những khó khăn vướng mắc cho dự án đầu tư đã được cấp phép, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, tăng vốn mở rộng quy mô dự án và giúp đỡ các nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư trên địa bàn, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư ở cả trong và ngoài nước. Tiến hành rà soát lại các dự án đầu tư không có khả năng triển khai để xử lý và thu hồi.

d) Thực hiện nhiều hình thức đầu tư khác nhau như: xây dựng - khai thác -

chuyên giao (BOT), xây dựng - chuyên giao (BT), xây dựng - chuyên giao - khai thác (BTO)...; thực hiện việc bán, cho thuê, thuê quản lý các kết cấu hạ tầng của Nhà nước, dùng số vốn thu được để đầu tư các dự án mới.

e) Đối với nguồn vốn tín dụng đầu tư của nhà nước phải tăng cường công tác chuẩn bị và thẩm định dự án, đánh giá và giám sát bảo đảm sử dụng nguồn vốn đầu tư ưu đãi đúng ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn; dự án phải bảo đảm tính khả thi thu hồi được vốn và có lãi.

g) Tiến hành rà soát lại các dự án đang triển khai, xử lý các vướng mắc, giảm đến mức tối thiểu nợ quá hạn và các dự án không có khả năng hoàn vốn. Kiên quyết thực hiện cắt giảm, điều chuyển nguồn vốn của các công trình, dự án không có khả năng triển khai cho các công trình, dự án quan trọng, dù điều kiện thực hiện nhưng còn khó khăn về nguồn vốn.

h) Đối với nguồn vốn thu được từ cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, di dời với việc đầu tư trở lại bằng cách góp vốn, mua cổ phần ở một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cần có vai trò chi phối của kinh tế nhà nước, có dự án kinh doanh hiệu quả, dành một phần vốn này để đầu tư cho một số chương trình, dự án lớn có khả năng thu hồi vốn, bảo đảm đầu tư tập trung theo các mục tiêu và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn này.

i) Khuyến khích mở rộng các quỹ hỗ trợ phát triển đô thị. Tập trung xây dựng quy hoạch phát triển đô thị ở các thành phố, thị xã, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở, văn phòng, khách sạn và các công trình công cộng.

k) Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách về quản lý đầu tư phát triển, thủ tục cấp phát vốn đầu tư tạo thuận lợi cho việc điều hành của các ngành, các cấp. Tăng cường công tác giám sát, thanh tra nhằm khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, chống thất thoát, lãng phí; tăng cường quản lý chất lượng các dự án đầu tư xây dựng; tổ chức giám sát, thanh tra dự án đầu tư ngay từ khi lập dự án, thẩm định, bố trí vốn đầu tư, bảo đảm dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt.

l) Thực hiện sắp xếp lại các ban quản lý dự án theo hướng chuyên nghiệp và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đẩy nhanh thực hiện lộ trình chống khép kín trong đầu tư và xây dựng. Tiến hành việc phân công, phân cấp quản lý đầu tư giữa các Bộ, ngành, giữa trung ương và địa phương một cách rõ ràng, tránh chồng chéo, dồn ép lên trên.

2. Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác quy hoạch đất đai. Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ động giải

phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng, đấu giá công khai quỹ đất để tạo nguồn đầu tư phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả cơ chế chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm, đời sống đối với những hộ nông dân có đất bị thu hồi để chuyển đổi mục đích sử dụng.

b) Thực hiện cơ chế cân đối nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và đẩy nhanh công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bố trí tối thiểu 10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008; phần đầu đến năm 2010 cơ bản hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tất cả các loại đất trên phạm vi toàn quốc.

Trường hợp mức bố trí trên vẫn không đảm bảo nhu cầu thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kế hoạch của địa phương năm 2008.

Đối với những địa phương nguồn thu sử dụng đất lớn, công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ bản đã hoàn thành thì chủ động bố trí một phần nguồn thu sử dụng đất để thực hiện và chịu trách nhiệm về việc sử dụng nguồn này để thực hiện nhiệm vụ của địa phương.

c) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 68/2006/QH11 ngày 31/10/2006 của Quốc hội, nguồn thu xổ số kiến thiết không đưa vào cân đối thu, chi ngân sách địa phương mà được quản lý qua ngân sách nhà nước; căn cứ khả năng thu xổ số kiến thiết năm 2007, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu xổ số kiến thiết năm 2008 cho phù hợp với thực tế địa phương; đồng thời sử dụng số thu này để đầu tư các công trình giáo dục, y tế, sau khi bố trí vốn đảm bảo hoàn thành cơ bản cho 2 mục tiêu này thì mới đầu tư cho các công trình phúc lợi xã hội khác của địa phương.

3. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét, ứng trước dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản (XDCCB) của năm sau phải đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ, cụ thể là các dự án, công trình quốc gia và công trình xây dựng cơ bản thuộc nhóm A, đủ điều kiện thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, đang thực hiện và cần đẩy nhanh tiến độ; ngoài ra chỉ được xem xét cho phép ứng trước dự toán chi đầu tư XDCCB của năm sau đối với những trường hợp như vốn đối ứng cho các dự án ODA, các dự án thủy lợi cấp bách, các dự án bố trí vốn đền bù, giải phóng mặt

bằng mà phương án và dự toán đền bù, giải phóng mặt bằng đã được phê duyệt. Tổng mức vốn ứng cho các trường hợp nêu trên phải đảm bảo không vượt quá 20% dự toán chi đầu tư phát triển của năm hiện hành đã giao cho các bộ, ngành ở Trung ương và không vượt quá 20% dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương của năm hiện hành đã giao cho các địa phương đó.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tổ chức họp giao ban sản xuất, kinh doanh và đầu tư hàng tháng với các bộ, ngành, địa phương và những doanh nghiệp quy mô lớn; tổng hợp, đề xuất giải pháp điều hành tại các phiên họp Chính phủ.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trình Chính phủ ban hành danh mục các công trình dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho giai đoạn 2008-2010 nhằm chuẩn bị để tạo nền tảng cho việc xây dựng đất nước cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các chính sách và danh mục các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội cần khuyến khích đầu tư để các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư với các hình thức thích hợp.

d) Trình Chính phủ ban hành danh mục các điều kiện đầu tư đối với dự án đầu tư trong lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

đ) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thường xuyên cập nhật Danh mục dự án quốc gia kêu gọi đầu tư nước ngoài giai đoạn 2006-2010 và tiếp tục cập nhật các tài liệu đầu tư để làm cơ sở tiến hành vận động đầu tư.

e) Phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu, đánh giá và đưa ra các định hướng cụ thể tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài và nguồn kiều hối.

g) Rà soát, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách nhằm tăng cường năng lực quản lý và sử dụng vốn ODA, đào tạo cán bộ quản lý dự án theo hướng chuyên nghiệp và bền vững. Tổ chức tốt việc thực hiện Đề án Định hướng về thu hút và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thời kỳ 2006-2010¹ và Kế hoạch hành động nhằm thực hiện Đề án này². Phối hợp với Nhóm 5 Ngân hàng phát triển³ thực hiện các giải pháp cấp bách và Kế hoạch hành động cải thiện tình hình thực hiện các chương trình, dự án ODA thời kỳ 2007-

1. Quyết định số 290/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quyết định số 94/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) và Quỹ Phát triển Pháp (AFD).

2009. Tổ chức triển khai thực hiện Khung theo dõi và đánh giá các chương trình, dự án ODA thời kỳ 2006-2010¹.

h) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung, hướng dẫn thực hiện các phương thức đầu tư BOT, BT, BTO..., ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng dưới hình thức BOT, BT, BTO...

i) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, đánh giá tình hình phân khai vốn của các bộ, ngành, địa phương kịp thời đề xuất các giải pháp nâng cao trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng, điều hành và triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2008.

k) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Quốc phòng xây dựng phương án phân bổ vốn trái phiếu giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, báo cáo Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội và tổ chức triển khai thực hiện. Tăng cường các biện pháp để đẩy nhanh tiến độ đầu tư và giải ngân bằng nguồn vốn này.

5. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31/01/2008 các giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho các dự án, công trình do biến động giá vật tư, nguyên liệu,... làm vượt quá chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá, vượt quá tổng mức đầu tư đã được duyệt.

6. Bộ Công thương:

a) Chủ trì trình Chính phủ ban hành chính sách thu hút nước ngoài đầu tư vào các sản phẩm công nghiệp quan trọng mà các thành phần kinh tế khác không có khả năng đầu tư như dự án khai thác quặng sắt và luyện thép, bôxít nhôm - alumin, lọc hóa dầu, cơ khí chế tạo, hóa chất cơ bản, hóa dược...

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc ngay từ những tháng đầu năm 2008 việc triển khai xây dựng các dự án quan trọng quốc gia về điện lực và dầu khí; chủ động xử lý hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xử lý các khó khăn, vướng mắc, bảo đảm cho các dự án này thực hiện đúng tiến độ, đạt hiệu quả.

7. Trên cơ sở Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 11/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục đầu tư một số dự án kết cấu hạ tầng giao thông thiết yếu giai đoạn đến năm 2020, Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính giải quyết các thủ tục liên quan, đáp ứng tiến độ các

1. Quyết định số 1248/2007/QĐ-BKH của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

dự án đã và đang triển khai, đảm bảo chất lượng công trình, đồng thời đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư những dự án còn lại. Cập nhật, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện các dự án này.

8. Bộ Tài nguyên và Môi trường theo dõi việc thực hiện Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; rà soát các quy định và thủ tục về đất đai, quy hoạch sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giải phóng mặt bằng để sửa đổi, bổ sung, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư. Đề xuất đổi mới chính sách tài chính về đất đai, đặc biệt đối với các quy định về phương pháp xác định giá đất; sửa đổi các quy định về tài chính khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hướng miễn, giảm đóng góp của người dân khi được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất lần đầu; các cơ chế tài chính đối với Tổ chức phát triển quỹ đất. Xây dựng và hoàn thiện các chính sách pháp luật về kinh tế, tài chính đối với lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

9. Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai Đề án tăng cường bộ phận xúc tiến đầu tư nước ngoài ở một số địa bàn trọng điểm.

IV. TẬP TRUNG SỨC PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

Năm 2008, sẽ triển khai các giải pháp đồng bộ để tạo ra những đột phá về nâng cao chất lượng và hiệu quả của đào tạo nhân lực, đảm bảo nguồn nhân lực từng bước trở thành một yếu tố quan trọng để thu hút đầu tư và là một lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế nước ta.

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Tăng cường biện pháp bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ giáo viên, giảng viên đáp ứng yêu cầu giáo dục đào tạo trong giai đoạn phát triển mới. Chuẩn hoá đội ngũ giáo viên trong từng cấp học, bậc học và trong cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo ở các cấp, các địa phương.

b) Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy và học ở các cấp học phổ thông.

c) Tiếp tục thực hiện cuộc vận động chống tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong đào tạo, nhất là giáo dục phổ thông. Nâng cao đạo đức nhà giáo.

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ ngành liên quan đổi mới giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề cả về nội dung và phương pháp dạy và học, cơ chế quản lý để bảo đảm gắn bó chặt chẽ giữa công tác đào tạo với nhu cầu của xã hội. Phối hợp chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học cơ bản, nghiên cứu triển khai, chuyển giao công nghệ.

đ) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách Xã hội mở rộng các hình thức cho học sinh, sinh viên nghèo vay vốn để học tập.

e) Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng cả nước thành một xã hội học tập.

g) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập; khuyến khích phát triển mạnh việc dạy và học ngoại ngữ. Đổi mới và phát triển các trường chuyên trong cả nước như một giải pháp cơ bản để bồi dưỡng nhân tài ở lứa tuổi học sinh.

h) Trình Chính phủ ban hành bổ sung các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức và cá nhân huy động các nguồn vốn để đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo. Sớm trình Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Hoàn thành chuyên đổi hệ thống dạy nghề theo Luật Giáo dục và Luật Dạy nghề; tập trung đầu tư để hình thành hệ thống trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề đạt chuẩn quốc gia, từng bước tiếp cận trình độ quốc tế.

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng và quy mô đào tạo nghề từ trình độ sơ cấp tới cao đẳng nghề với phương châm đào tạo gắn với nhu cầu của thị trường lao động; gắn việc dạy lý thuyết tại các cơ sở dạy nghề với thực hành tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, làng nghề; huy động đội ngũ kỹ sư, công nhân lành nghề của doanh nghiệp, làng nghề, nghệ nhân kết hợp với cơ sở dạy nghề để đào tạo nghề cho người lao động tại cơ sở sản xuất; tiếp tục thí điểm đầu thầu chi tiêu đặt hàng dạy nghề từ ngân sách nhà nước.

c) Trình Chính phủ ban hành chính sách và cơ chế khuyến khích để các doanh nghiệp, các nhà đầu tư tổ chức đào tạo và cung cấp nhân lực đáp ứng yêu cầu của thực tiễn sản xuất kinh doanh; khuyến khích các khu công nghiệp, khu kinh tế tổ chức các hình thức dạy nghề tại khu công nghiệp, khu kinh tế. Đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề.

d) Đầu tư để tăng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên dạy nghề; phát triển khoa sư phạm kỹ thuật ở một số trường cao đẳng nghề, đại học kỹ thuật, công nghệ. Có chính sách thu hút sinh viên các trường đại học kỹ thuật để bồi dưỡng thành giáo viên dạy nghề.

đ) Thực hiện hỗ trợ học nghề đối với lao động nông thôn, thanh niên dân tộc thiểu số, những người tàn tật, người nghiện ma túy sau khi cai nghiện phục hồi; phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai trong cả nước việc cho vay

với lãi suất thích hợp để học nghề ở mọi trình độ, tăng nhanh tỷ lệ lao động đã qua đào tạo.

e) Phối hợp với Bộ Nội vụ đề xuất, đổi mới các chính sách sử dụng nhân lực từ khâu tuyển dụng, bố trí công việc, chính sách tiền lương, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng chính sách về thu hút nhân tài; có cơ chế phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo nhân tài; khuyến khích phát huy tài năng, đặc biệt là tài năng của lớp trẻ; tôn vinh các nhà khoa học có đóng góp thiết thực cho phát triển đất nước.

4. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế. Thực hiện tốt chiến lược y tế dự phòng, quy hoạch hệ thống y tế và các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, sức khỏe, vệ sinh môi trường. Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh. Lồng ghép các mục tiêu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân trong các chính sách, các chương trình, các dự án phát triển. Đẩy mạnh xã hội hóa về y tế.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia hoạt động và phát triển sự nghiệp thể dục thể thao. Đảm bảo chương trình giáo dục thể chất trong các trường học, nhất là ở cấp học phổ thông. Đẩy mạnh xã hội hóa về thể dục, thể thao.

6. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương chủ động đề ra các biện pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các bộ, ngành, địa phương mình; tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành để xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội các cơ chế, chính sách nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

V. GIẢI QUYẾT TỐT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Các bộ, ngành, địa phương ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các lĩnh vực văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo; bảo đảm phát triển kinh tế gắn liền với việc giải quyết ngày càng tốt hơn các vấn đề văn hoá, xã hội; đẩy mạnh các chương trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn và các chương trình hỗ trợ về sản xuất và đời sống cho đồng bào nghèo, đồng bào có hoàn cảnh khó khăn; tăng cường cho vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội phục vụ giảm nghèo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đổi mới cơ chế chính sách, nhất là cơ chế chính sách tài

chính để khuyến khích phát triển nhanh sự nghiệp giáo dục đào tạo và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo hướng:

a) Ngân sách nhà nước tiếp tục đầu tư và tăng tỷ trọng đầu tư để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của các đơn vị công lập, đào tạo cán bộ cho ngành y tế, giáo dục và để hỗ trợ toàn bộ chi phí giáo dục, y tế theo chế độ quy định cho các đối tượng chính sách, người nghèo và hỗ trợ một phần cho người cận nghèo; những người có thu nhập trung bình trở lên cần đóng góp với Nhà nước, chi trả phí dịch vụ theo nguyên tắc tính đủ tiền lương và từng bước tính đủ chi phí hoạt động thường xuyên của cơ sở giáo dục, y tế.

b) Các cơ sở giáo dục đào tạo và y tế công lập được tự chủ hạch toán thu - chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp để chi thường xuyên và nguồn thu từ phí dịch vụ do Nhà nước và những người thụ hưởng dịch vụ chi trả để trả lương phù hợp cho cán bộ, viên chức và trang trải chi phí hoạt động; được quyết định tổ chức, biên chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình; được góp vốn và cán bộ chuyên môn với các nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng mới các cơ sở giáo dục đào tạo và y tế theo yêu cầu của xã hội.

c) Có chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng và thuế để khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đào tạo và khám chữa bệnh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Các cơ sở ngoài công lập được quyết định và niêm yết công khai mức giá phù hợp với chất lượng dịch vụ. Nhà nước dành nguồn vốn cho vay với các điều kiện ưu đãi để những người cận nghèo và những người có hoàn cảnh khó khăn được vay để học tập và khám chữa bệnh.

d) Triển khai thực hiện tốt các đề án tổng thể về chính sách và lộ trình điều chỉnh học phí, viện phí; với nguyên tắc chung đề ra là: trên cơ sở thực hiện các chính sách miễn giảm đối với người nghèo, người thuộc diện chính sách và những người có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội; mức học phí và viện phí mới phải đảm bảo vừa trang trải được các chi phí giáo dục và đào tạo, khám chữa bệnh, vừa phải tạo điều kiện để đầu tư từng bước nâng cấp trang thiết bị và các điều kiện học tập, khám chữa bệnh.

3. Bộ Y tế:

a) Phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan sửa đổi, bổ sung Điều lệ Bảo hiểm ban hành kèm theo Nghị định số 63/2005/NĐ-CP của Chính phủ theo hướng đảm bảo cân đối thu - chi quỹ bảo hiểm y tế.

b) Tiếp tục hoàn thiện dự án Luật bảo hiểm y tế để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua. Trước mắt, tập trung giải quyết các tồn tại trong thanh toán bảo hiểm y tế, xây dựng cơ chế cụ thể để sử dụng 700 tỷ đồng hỗ trợ người cận nghèo mua thẻ bảo hiểm y tế, phát triển bảo hiểm y tế dựa vào cộng đồng, tăng tỷ

trọng người có thể bảo hiểm y tế để quỹ bảo hiểm y tế trở thành nguồn tài chính chủ yếu cho khám chữa bệnh, giảm dần nguồn tài chính từ viện phí.

c) Hoàn thiện chính sách hỗ trợ khám chữa bệnh cho các đối tượng chính sách, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và những người cận nghèo.

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và triển khai đồng bộ các giải pháp về đầu tư nâng cấp hệ thống y tế, đào tạo cán bộ, xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý cho cán bộ y tế tuyến dưới để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế tuyến dưới, giảm quá tải cho các cơ sở y tế tuyến trung ương và các thành phố lớn.

d) Tăng cường kiểm soát bệnh truyền nhiễm để giảm tỷ lệ mắc, tử vong và khống chế không để dịch lớn xảy ra.

e) Xây dựng cơ chế đồng bộ để kiểm soát thị trường thuốc; tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả thị trường thuốc; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp để kiểm soát giá thuốc.

g) Kiện toàn tổ chức làm công tác kế hoạch hoá dân số thuộc Bộ Y tế từ Trung ương đến cơ sở, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động và kết hợp chặt với thực hiện các biện pháp chuyên môn kỹ thuật, phấn đấu đạt kế hoạch giảm sinh đã đề ra trong kế hoạch 5 năm 2006 - 2010.

4. Bộ Tài chính:

a) Hướng dẫn triển khai thực hiện việc cho phép các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, xã hội, dân số, gia đình, bảo vệ chăm sóc trẻ em được hưởng các ưu đãi về thuế, tài chính, tín dụng nhà nước,... như các cơ sở ngoài công lập đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006:

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Phát triển Việt Nam cân đối trong tổng vốn tín dụng nhà nước năm 2008 mức vốn tín dụng nhà nước dành cho các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức thực hiện xã hội hóa theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP và Nghị định số 53/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các địa phương tăng cường các giải pháp bảo đảm vấn đề vệ sinh, an toàn thực phẩm và xây dựng Luật an toàn thực phẩm; kiểm tra việc thực hiện quy định về giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; chỉ đạo triển khai xây dựng các vùng sản xuất sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm; không cho phép sử dụng kháng sinh và các loại chất không được sử dụng trong sản xuất, chế biến nông sản, thủy sản.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Tập trung hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm xã hội, Luật dạy nghề, Luật người Việt Nam làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động về giải quyết tranh chấp lao động.

b) Phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các dự án, chính sách của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo. Tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho những đối tượng, địa bàn bức xúc về nghèo đói; tập trung vào các giải pháp nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi cách làm ăn đồng thời với dạy nghề, truyền nghề theo cây trồng, vật nuôi để các hộ nghèo tự lực vươn lên; hỗ trợ hộ làm kinh tế giỏi, làm mô hình mẫu để nhân rộng, hướng dẫn, hỗ trợ các hộ nghèo trên địa bàn.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng chuẩn nghèo mới phù hợp với điều kiện hiện nay.

d) Theo dõi sát tình hình thiếu đói giáp hạt, thiệt hại do thiên tai để kịp thời hướng dẫn và tiến hành hoạt động cứu trợ tại địa phương, đề xuất các giải pháp khắc phục hậu quả; kiện toàn công tác kêu gọi ủng hộ, quyên góp, tiếp nhận, phân bổ, quản lý và sử dụng tiền hàng cứu trợ đồng bào bị thiên tai.

d) Tập trung chỉ đạo để phát triển nhanh đào tạo nghề và giải quyết việc làm, đặc biệt là cho lực lượng lao động trẻ; đẩy mạnh xuất khẩu lao động, quản lý chặt chẽ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người Việt Nam lao động ở nước ngoài.

e) Triển khai thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, an toàn - vệ sinh lao động, giảm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; hình thành quỹ bồi thường tai nạn, bệnh nghề nghiệp.

g) Phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan chức năng tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật lao động đến người sử dụng lao động và người lao động; tổ chức kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện chính sách, luật pháp lao động trong các doanh nghiệp; hướng dẫn xây dựng quan hệ lao động hài hòa giữa người lao động, người sử dụng lao động; tăng cường việc thực hiện cơ chế thương lượng trong giải quyết tranh chấp lao động, hạn chế các tranh chấp, đình công.

h) Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ ưu đãi theo Pháp lệnh ưu đãi Người có công với Cách mạng; đẩy mạnh phong trào "Đền ơn đáp nghĩa"; phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng; xây dựng "xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ và Người có công".

i) Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục tư vấn về bảo vệ, chăm

sóc trẻ em; triển khai thực hiện mô hình bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, nhất là trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS.

k) Tăng cường công tác cai nghiện phục hồi và quản lý sau cai nghiện ma túy.

7. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh huy động các nguồn lực để khắc phục hậu quả thiên tai lũ lụt, khôi phục cơ sở hạ tầng, bảo đảm sản xuất và đời sống cho người dân vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra.

8. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh:

a) Xây dựng nhân cách, phát huy giá trị văn hoá, tinh thần của người Việt Nam, tăng sức đề kháng chống lại văn hoá đồi trụy. Thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá".

b) Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, chống xuống cấp các di tích lịch sử văn hoá gắn với phát triển du lịch để phát huy có hiệu quả giá trị di sản văn hoá dân tộc.

c) Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng, đặc biệt đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; triển khai cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" trên toàn quốc. Chú trọng phát triển thể thao nghiệp dư, thể thao dân tộc, trò chơi dân gian, đặc biệt là đối với thanh thiếu niên. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể dục thể thao

d) Tập trung thực hiện tốt chương trình hành động của Chính phủ, xây dựng, lồng ghép thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án, đề án nhằm đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

9. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương từng bước lồng ghép các vấn đề về giới, quyền trẻ em, phát triển thanh niên, tôn giáo, dân tộc vào việc xây dựng và thực thi các chính sách, kế hoạch, các chương trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội.

10. Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh tăng cường các biện pháp phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường sống lành mạnh, an toàn tại các đơn vị cơ sở, phường xã, doanh nghiệp, trường học, khu dân cư...

11. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy.

12. Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội Luật bồi thường nhà nước.

13. Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an phối hợp với Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia và Ủy ban nhân dân các địa phương thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu tai nạn giao thông:

a) Soạn thảo, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật giao thông đường bộ.

b) Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp cấp bách nhằm kiềm chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông theo Chỉ thị số 22/CT-TW ngày 24/02/2003 của ban Bí thư Trung ương Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP ngày 29/6/2007 của Chính phủ.

c) Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông. Kiên quyết thực hiện quy định về đội mũ bảo hiểm.

d) Tăng cường lực lượng cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông và huy động lực lượng tình nguyện của nhân dân để kiểm tra, giám sát việc chấp hành luật lệ giao thông. Xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về giao thông.

14. Thanh tra Chính phủ phối hợp với Ủy ban nhân dân các địa phương xử lý dứt điểm tình hình khiếu kiện đông người.

VI. SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các địa phương:

a) Xây dựng Nghị quyết của Chính phủ về một số giải pháp cấp bách trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường.

b) Hoàn thành xây dựng dự án Luật Đa dạng sinh học, báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội thông qua; xúc tiến xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài nguyên và môi trường biển.

c) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý tổng lượng tài nguyên thiên nhiên và môi trường; đặc biệt chú trọng tới quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước các lưu vực sông, vùng kinh tế trọng điểm.

d) Từng bước củng cố, hiện đại hóa mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường, trọng tâm là mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn phục vụ dự báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ.

d) Tổ chức thực hiện tốt Luật Bảo vệ môi trường, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, coi đây là nhiệm vụ

cấp bách để phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Khuyến khích và có biện pháp nhân rộng các mô hình phát triển bền vững điển hình; đưa nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, vào việc triển khai từng dự án và hoạt động của từng doanh nghiệp.

e) Kiểm soát chặt chẽ chất thải, nhất là chất thải độc hại. Khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý và tái chế chất thải, ứng dụng công nghệ mới để làm sạch môi trường. Đẩy mạnh công tác bảo vệ đa dạng sinh học; khắc phục một số điểm nóng về môi trường, đặc biệt là các điểm nóng do chất độc da cam/dioxin.

g) Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường. Kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường, đặc biệt là các khu dân cư, khu vực đô thị, khu công nghiệp, vùng đầu nguồn nước, ven biển, khu vực làng nghề.

h) Hướng dẫn và tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu về môi trường của kế hoạch 2008.

i) Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2020; tiến hành kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước trên phạm vi toàn quốc trên cơ sở đó để xây dựng các cơ chế chính sách khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên nước.

k) Thực hiện tốt công tác quy hoạch và khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản. Chấn chỉnh hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản; hạn chế xuất khẩu khoáng sản ở dạng nguyên liệu thô, tiến tới không xuất khẩu đối với một số loại khoáng sản có ý nghĩa quan trọng đối với nền kinh tế.

l) Nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo phục vụ phòng chống thiên tai và khắc phục hậu quả sau bão, lũ. Đẩy mạnh các hoạt động liên quan tới biến đổi khí hậu: xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về biến đổi khí hậu.

m) Thực hiện Chiến lược phát triển ngành đo đạc và bản đồ Việt Nam đến năm 2020; hoàn thiện hệ thống bản đồ và hệ thống thông tin địa lý các khu vực đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm cả nước.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương:

a) Xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ việc xây dựng và thực hiện Chương trình nghị sự 21 ở cấp bộ, ngành, địa phương và đồng thời xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 21 ở phạm vi toàn quốc gia.

b) Xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên, môi trường.

VII. ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, PHÁT HUY HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN

1. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương:

a) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính đến năm 2010. Phân cấp mạnh quản lý nhà nước về kinh tế và xã hội cho các địa phương, đi đôi với tăng cường chức năng thanh tra, kiểm tra và xử lý theo pháp luật. Việc phân cấp quản lý phải gắn với phân cấp biên chế và ngân sách nhà nước. Phân cấp mạnh cho thủ trưởng trực tiếp trong việc tuyển dụng, thi, nâng ngạch, đề bạt và sử dụng cán bộ. Tiến hành sớm việc tổng kết Cơ chế khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính.

b) Soạn thảo, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật công vụ.

c) Rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành theo hướng xoá bỏ những nhiệm vụ mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện và tránh hiện tượng trùng lặp chức năng giữa các bộ, ngành.

d) Tiếp tục cải cách chế độ công chức, công vụ. Thực hiện nghiêm chế độ thủ trưởng trong các cơ quan hành chính; phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo các cấp. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức, phẩm chất cho cán bộ, công chức gắn với cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Tiếp tục thực hiện chương trình cải cách tiền lương của cán bộ công chức, của người nghỉ hưu và hưởng bảo hiểm xã hội khác. Nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ công chức.

d) Nâng cao chất lượng tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng công chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực thi chức trách công vụ của công chức trong phạm vi quản lý; xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao những nhiễu, gây phiền hà cho dân và doanh nghiệp.

2. Bộ Tư pháp:

a) Phối hợp với các cơ quan của Quốc hội chỉnh lý dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi), sớm báo cáo Quốc hội thông qua, nhằm cải cách quy trình xây dựng các văn bản pháp luật.

b) Chủ trì soạn thảo, báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính (bao gồm cả vấn đề xử lý hành chính các hành vi cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án nhân dân).

3. Văn phòng Chính phủ:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Công an và các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến về dự thảo Luật thủ tục hành chính.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tập trung vào những nơi, những việc đang gây vướng mắc, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Tổng kết kinh nghiệm thực hiện việc cải cách các thủ tục hành chính trong các khâu cấp phép đầu tư, đăng ký kinh doanh, quản lý xây dựng, đất đai, hộ khẩu, hộ tịch, công chứng, cấp hộ chiếu, thu nộp thuế... Mở rộng việc áp dụng cơ chế "một cửa" liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

4. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì đẩy mạnh cải cách hành chính trong các khâu thẩm định, phân bổ, cấp phát và thanh toán chi NSNN.

b) Đổi mới tài chính công, xây dựng và thực hiện đề án hiện đại hoá hệ thống quản lý thuế và hải quan.

5. Thanh tra Chính phủ tập trung chỉ đạo giải quyết có kết quả khiếu nại, tố cáo của công dân; có giải pháp hợp lý và hiệu quả nhằm giải quyết tốt các vụ việc khiếu nại tồn đọng, phức tạp, kéo dài; kịp thời giải quyết các vụ việc khiếu nại mới phát sinh. Thành lập các đoàn thanh tra của Trung ương về các địa phương có nhiều khiếu kiện dễ cùng với địa phương giải quyết dứt điểm. Người đứng đầu cấp uỷ và chính quyền các cấp phải chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo giải quyết khiếu nại của công dân ở địa phương mình.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương tiếp tục hiện đại hoá nền hành chính, từng bước thực hiện chương trình Chính phủ điện tử, đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động.

VIII. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, THỰC HÀNH TIẾT KIỆM CHỐNG LÃNG PHÍ

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao:

1. Triển khai thực hiện đồng bộ Nghị quyết 04/NQ-TU của Hội nghị lần 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, các Luật, Nghị quyết, Chương

trình hành động của Chính phủ về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng và các đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng. Kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, trước hết là trong các lĩnh vực quản lý đất đai, chi tiêu ngân sách nhà nước, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, tài sản của Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, đề bạt và bố trí cán bộ. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ, việc vi phạm. Đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến địa phương trong đấu tranh chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường quản lý, giám sát thu nhập của cán bộ, công chức, nhất là những người có chức, có quyền. Thực hiện tốt chủ trương chuyển đổi, luân chuyển cán bộ và vị trí công tác của cán bộ, công chức.

2. Thực hiện kiên quyết chủ trương phân cấp gắn với quyền hạn và trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị, nhất là đối với người đứng đầu cơ quan. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể xã hội và các cơ quan thông tấn, báo chí trong công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính ở các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công.

4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra xử lý các vụ việc tiêu cực, tham nhũng. Tập trung chỉ đạo và xử lý kiên quyết, dứt điểm theo đúng quy định của pháp luật, công bố công khai kết quả xử lý cho toàn dân biết đối với các vụ việc tiêu cực, tham nhũng đã được phát hiện. Đồng thời tiếp tục tăng cường thanh tra 4 lĩnh vực trọng tâm đã được nêu trong Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng là: đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng đất đai, quản lý thu chi ngân sách và quản lý tài sản công. Gắn với việc thanh tra thực thi chức trách công vụ đối với một số lĩnh vực mà dư luận và nhân dân quan tâm.

5. Nâng cao chất lượng tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng công chức; tăng cường kiểm tra việc thực thi chức trách công vụ của công chức trong phạm vi quản lý; xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao nhiều, gây phiền hà cho dân và doanh nghiệp; đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ, công chức thoái hóa, biến chất, tham nhũng, tiêu cực. Có biện pháp để bảo vệ những người phát hiện, tố cáo tham nhũng. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước của các cấp với các tổ chức đoàn thể, các tổ chức phi Chính phủ, các cộng đồng dân cư để triển khai công tác chống tham nhũng có hiệu quả. Thực hiện nghiêm túc việc kê khai tài sản đối với tất cả đảng

viên, công chức, viên chức và cán bộ quản trị doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật.

IX. BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC CHỦ QUYỀN QUỐC GIA, GIỮ VỮNG AN NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

1. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phối hợp cùng các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương:

a) Thực hiện có hiệu quả chiến lược và các chương trình, kế hoạch về quốc phòng, an ninh, phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em.

b) Tăng cường vận động nhân dân và bằng các biện pháp thích hợp đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề về tự do tôn giáo, dân chủ, nhân quyền... để gây mất ổn định chính trị - xã hội.

c) Nâng cao hiệu quả hợp tác về quốc phòng và an ninh với các nước phục vụ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

d) Quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội, giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo của công dân để đảm bảo vấn đề trật tự an toàn của xã hội.

d) Phát triển tập trung kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền trên các vùng biển, đảo, thềm lục địa. Giữ gìn an ninh, ổn định tình hình biên giới kết hợp thực hiện đúng kế hoạch phân giới cắm mốc với các nước láng giềng.

e) Tuyên truyền vận động nâng cao lòng tự trọng của người phụ nữ Việt Nam. Hoàn thiện các quy định pháp luật về việc kết hôn với người nước ngoài, bảo đảm hôn nhân tự nguyện, phù hợp với thuần phong, mỹ tục Việt Nam, bảo vệ quyền lợi hợp pháp sau hôn nhân của người phụ nữ; xử lý nghiêm những kẻ lợi dụng hoạt động môi giới kết hôn để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

2. Bộ Công an chủ trì xây dựng các biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, nhất là chất lượng điều tra và chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại án hình sự, dân sự hành chính; chú trọng tìm ra nguyên nhân và điều kiện phát sinh vi phạm pháp luật, tội phạm và các tranh chấp để kịp thời khắc phục và phòng ngừa.

3. Bộ Tư pháp:

a) Chủ trì xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự, đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm trong tình hình mới.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan soạn thảo, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật thi hành án dân sự. Xây dựng đề án sớm thống nhất quản lý Nhà nước về thi hành án dân sự và hình sự.

c) Soạn thảo, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến dự án Luật lý lịch tư pháp; nghiên cứu xây dựng Luật hộ tịch.

d) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Pháp lệnh giám định tư pháp, bảo đảm hỗ trợ kịp thời, khách quan công tác xét xử của tòa án.

X. TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI, CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ, NÂNG CAO VỊ THẾ CỦA NƯỚC TA TRÊN TRƯỜNG QUỐC TẾ

1. Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương:

a) Tiếp tục đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững. Mở rộng quan hệ với các đối tác khác nhằm tranh thủ khả năng hợp tác trên các mặt. Phát triển mạnh mẽ công tác đối ngoại nhân dân. Chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, ổn định, hợp tác bình đẳng giữa các quốc gia và quyền chính đáng của con người.

b) Khẩn trương chuẩn bị các điều kiện và nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc. Phát huy tốt vai trò của Việt Nam trong tăng cường hợp tác ASEAN và tích cực tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế và khu vực khác.

c) Tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các cam kết quốc tế về thương mại, đầu tư, dịch vụ và các lĩnh vực khác. Các ngành, các cấp, các đơn vị cần căn cứ vào các cam kết trong WTO, xây dựng kế hoạch hành động của mình để tranh thủ tối đa các cơ hội và hạn chế các tác động bất lợi của hội nhập. Tích cực thực hiện các chương trình hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông, tuyến đường xuyên Á, các hành lang và vành đai kinh tế.

d) Tiếp tục nghiên cứu phương hướng đổi mới thể chế kinh tế, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, bảo đảm lợi ích quốc gia và phù hợp với các quy định, thông lệ quốc tế; đồng thời đẩy mạnh công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách trong tất cả các lĩnh vực, các ngành và các cấp và có kế hoạch để sửa đổi, bổ sung phù hợp với các yêu cầu của đổi mới và những cam kết quốc tế theo thông lệ và quy định quốc tế. Nghiên cứu xây dựng, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội dự thảo Luật Thuế chống bán phá giá; sửa đổi, bổ sung một số quy định phi thuế quan cần thiết.

d) Căn cứ theo các cam kết và lộ trình mở cửa liên quan, xây dựng kế hoạch hành động thực hiện hội nhập, đảm bảo hội nhập một cách chủ động, hạn chế tối đa tác động tiêu cực của hội nhập đến phát triển của ngành, lĩnh vực trong thẩm quyền quản lý nhà nước.

e) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư để đón nhận làn sóng đầu tư mới từ các công ty, tập đoàn xuyên quốc gia; hoàn thiện các cơ chế, chính sách và thủ tục hành chính để thu hút đầu tư nước ngoài theo hướng xây dựng các quy định thông thoáng, đơn giản, ban hành các cơ chế, chính sách nhằm đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư và hình thức đầu tư. Nâng cao hiệu quả và khả năng tiếp nhận ODA, đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn ODA.

g) Thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, ngành hàng và sản phẩm; đẩy mạnh việc đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, giảm chi phí đầu vào cho các ngành công nghiệp, nhất là các loại phí trực tiếp, gián tiếp liên quan đến vận tải, viễn thông, nguyên nhiên liệu, đất đai...; giảm chi phí dịch vụ xuất khẩu nhằm tăng cường năng lực và khả năng xuất khẩu của hàng hóa Việt Nam.

h) Tập trung sự hỗ trợ của nhà nước vào việc mở rộng và phát triển thị trường, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, các dịch vụ xuất khẩu, bảo vệ thương hiệu và các quyền lợi chính đáng của các doanh nghiệp xuất khẩu. Thiết lập và nâng cao nhận thức về cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại trong nước và quốc tế.

i) Minh bạch hóa quy trình cấp phép nhập khẩu và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho hàng nhập khẩu, thực hiện tốt việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

k) Tăng cường các hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế; phối hợp hành động giữa các cơ quan chức năng của Nhà nước với các doanh nghiệp trong công tác xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch. Vận động các nước công nhận nước ta có nền kinh tế thị trường để bảo đảm cho doanh nghiệp của ta không bị phân biệt đối xử trong các vụ tranh chấp thương mại quốc tế.

l) Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Tăng cường quan hệ hợp tác với các nước để tạo mọi thuận lợi cho đồng bào ta làm ăn sinh sống học tập và hoà nhập tốt với cộng đồng nước sở tại; đoàn kết cứu trợ, giúp đỡ lẫn nhau, giữ gìn bản sắc văn hoá tốt đẹp của dân tộc và hướng về quê hương Tổ quốc. Thực hiện tốt các quy định về miễn thị thực, về mua nhà ở và đầu tư về trong nước. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để những nhà khoa học có tâm huyết về nghiên cứu, giảng dạy và làm việc trong nước.

m) Tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức thông tin tuyên truyền và văn hóa đối ngoại, phối hợp và phục vụ hiệu quả các hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2. Bộ Tư pháp:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao khẩn trương nghiên cứu đề trình

Quốc hội xem xét nguyện vọng hai quốc tịch của đồng bào ta đang định cư sinh sống ở nước ngoài.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát tối cao xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành và quy chế phối hợp thực hiện Luật tương trợ tư pháp.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào Nghị quyết này và Chương trình công tác năm 2008 của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch hành động cụ thể của bộ, ngành, địa phương, quy định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công người chịu trách nhiệm từng phần việc; hàng tháng, hàng quý có kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện, báo cáo theo quy định.

2. Chính phủ tổ chức các hội nghị chuyên đề với các địa phương để kịp thời xử lý những vấn đề bức xúc phát sinh trong quá trình triển khai Nghị quyết này; đồng thời, duy trì các cuộc giao ban hàng tháng để kiểm điểm tình hình và đề ra các biện pháp đẩy mạnh thực hiện kế hoạch và ngân sách nhà nước năm 2008.

3. Trước ngày 15 tháng 11 năm 2008, các bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết của bộ, cơ quan, địa phương mình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Chính phủ.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kết quả thực hiện Nghị quyết, đánh giá mức độ hoàn thành của từng bộ, từng cơ quan, từng địa phương, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ tháng 12 năm 2008.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

**NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG THỜI GIỜ LÀM VIỆC CỦA CÁN BỘ,
CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NHÀ NƯỚC (CHỈ THỊ CỦA THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ SỐ 05/2008/CT-TTg NGÀY 31 THÁNG 01 NĂM 2008)**

Trong những năm qua, nhìn chung đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước có ý thức chấp hành đúng các quy định của pháp luật về sử dụng thời giờ làm việc theo quy định của Bộ luật Lao động năm 1994, Nghị định số 195/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, Quyết định số 188/1999/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ tuần làm việc 40 giờ và các văn bản pháp luật khác liên quan. Nhiều cán bộ, công chức, viên chức cần cù làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước đã chú ý áp dụng các biện pháp tổ chức lao động một cách khoa học, sử dụng hợp lý thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Tuy nhiên, việc quản lý lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước còn nhiều hạn chế và yếu kém, dẫn đến lãng phí thời gian lao động làm cho năng suất, chất lượng hiệu quả công tác không cao. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước chưa đề cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; ý thức kỷ luật lao động kém; vi phạm các quy định của pháp luật về sử dụng thời giờ làm việc như làm việc riêng, đi muộn, về sớm, chơi games, đánh bài, uống rượu, bia trong giờ làm việc, ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công tác và tác phong, uy tín của cán bộ, công chức, viên chức.

Nguyên nhân chủ yếu của những khuyết điểm nêu trên là do người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước chưa chú trọng quản lý thời giờ làm việc; ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước còn yếu kém; việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thời giờ làm việc không nghiêm.

Để khắc phục những khuyết điểm, yếu kém nêu trên, cùng với việc thực hiện các nội dung của công tác cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tận tụy, hết lòng phục vụ nhân dân và chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Thủ trưởng các cơ quan thuộc bộ máy hành chính, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp của Nhà nước có trách nhiệm:

a) Quản lý và sử dụng có hiệu quả thời gian làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Phân công lao động hợp lý và tổ chức tốt quá trình lao động của cán bộ, công chức, viên chức. Điều tra, khảo sát, xây dựng tiêu chuẩn, định mức lao động và thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức. Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức lao động và thời giờ làm việc đã được phê duyệt, áp dụng cơ chế khoán theo công việc hoặc theo thời gian thực hiện công việc;

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cụ thể trên cơ sở nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phân bổ thời gian hợp lý để thực hiện chương trình, kế hoạch được giao;

c) Thực hiện nghiêm chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng hội nghị, hội thảo, cuộc họp và tiết kiệm thời gian bằng cách đổi mới phương pháp, cách thức tổ chức, điều hành hội nghị, hội thảo, cuộc họp;

d) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO-9001:2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước theo Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác văn phòng;

đ) Bảo đảm trang thiết bị, phương tiện và điều kiện làm việc phù hợp với tính chất, đặc thù lao động cho cán bộ, công chức, viên chức; triển khai có hiệu quả chương trình hiện đại hoá nền hành chính, hiện đại hoá công sở;

e) Đề cao trách nhiệm, gương mẫu thực hiện các quy định về sử dụng thời giờ làm việc; có biện pháp khuyến khích, khen thưởng xứng đáng, kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức nghiêm túc chấp hành kỷ luật lao động, làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sử dụng thời giờ làm việc cao; đồng thời thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về sử dụng thời giờ làm việc, về kỷ luật lao động; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; không xét khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm thời giờ làm việc.

2. Cán bộ, công chức, viên chức:

a) Phải chấp hành và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc theo quy định của pháp luật, nội quy, quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Không sử dụng thời giờ làm việc vào việc riêng; không đi muộn, về sớm, không chơi games trong giờ làm việc; không uống rượu, bia trước, trong giờ làm việc, kể cả vào bữa ăn giữa hai ca trong ngày làm việc và ngày trực;

c) Phải có mặt đúng giờ tại công sở theo giờ hành chính hoặc theo quy định cụ thể của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan:

a) Bộ Nội vụ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện Chỉ thị này và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện;

b) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các tiêu chuẩn, định mức sử dụng lao động, sử dụng thời gian lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thực hiện Chỉ thị này.

THỦ TƯỚNG
NGUYỄN TẤN DŨNG

**BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2007 VÀ
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2008 (BÁO CÁO SỐ 3700/BC-BNV
NGÀY 21-12-2007 CỦA BỘ NỘI VỤ)**

Báo cáo gồm hai phần:

- Tình hình triển khai công tác cải cách hành chính năm 2007
- Nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính năm 2008

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2007

Ngay từ đầu năm, trong Nghị quyết số 01/2007/NQ-CP ngày 03/01/2007, Chính phủ đã xác định trong năm 2007 công tác cải cách hành chính phải được đẩy mạnh hơn, coi đó là khâu đột phá, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm dân chủ và phòng, chống tham nhũng. Cải cách hành chính phải tập trung đồng bộ các nội dung về thể chế, tổ chức bộ máy, công chức công vụ, tài chính công và hiện đại hóa hành chính. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều văn bản xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp trong triển khai cải cách hành chính, yêu cầu các bộ, ngành và địa phương triển khai những việc cụ thể để đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính (Công văn số 915 ngày 11/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đẩy mạnh cải cách hành chính; Quyết định số 127 ngày 01/8/2007 về việc tổ chức làm việc vào ngày thứ bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; Công văn số 5279 ngày 19/9/2007 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; Chỉ thị số 29 ngày 11/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện cải cách hành chính trong công tác giải quyết xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, công dân...).

Các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính trong phạm vi trách nhiệm của mình. Qua thực tiễn triển khai cho thấy các cấp, các ngành đã chú trọng bảo đảm việc thực hiện đồng bộ các nội dung của cải cách hành chính. Công tác xây dựng thể chế được các bộ, ngành trung ương và chính quyền địa phương các cấp quan tâm, góp phần xây dựng hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thể chế nhà nước. Các tỉnh như An Giang, Bắc Ninh, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Hà Tây, Hậu Giang, Lai Châu, Lâm đồng, Lạng Sơn, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng

Ninh, Quảng Trị, Tây Ninh, Thái Bình, Thừa Thiên Huế, Tiền Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc... đã làm tốt công tác rà soát văn bản pháp luật. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được triển khai tốt. Việc đổi mới phương thức làm việc của các cơ quan hành chính được chú trọng gắn với việc thực hiện hiện đại hóa hành chính, đưa công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan hành chính. Các tỉnh Bắc Ninh, Bình Thuận, Đà Nẵng, Đồng Nai, thành phố Hà Nội, Lạng Sơn, Nghệ An, Phú Yên, Tiền Giang, Tuyên Quang, Quảng Trị đã triển khai có kết quả việc áp dụng hệ thống quản lý tiêu chuẩn chất lượng ISO vào các cơ quan hành chính. Sau đây là những kết quả chủ yếu về cải cách hành chính trong năm 2007:

1. Triển khai cơ cấu tổ chức của Chính phủ theo Nghị quyết của Quốc hội

Đây là một trong các nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính trong năm 2007. Việc chuẩn bị đề án cơ cấu tổ chức của Chính phủ đã thực sự là cơ hội để tiếp tục làm rõ vai trò, chức năng của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ trong cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục chồng chéo hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các bộ, ngành Trung ương. Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo chặt chẽ và cụ thể việc chuẩn bị đề án cơ cấu tổ chức Chính phủ, Chính phủ đã thảo luận tập thể và thông qua đề án trình các cơ quan có thẩm quyền xem xét. Ngay sau khi được Quốc hội thông qua, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo sâu sát việc triển khai. Kết quả là từ 37 cơ quan, bao gồm 26 bộ, cơ quan ngang bộ và 11 cơ quan thuộc Chính phủ qua triển khai còn 22 bộ, cơ quan ngang bộ và 8 cơ quan thuộc Chính phủ. Qua sắp xếp tổ chức các cơ quan của Chính phủ đã khẳng định tính đúng đắn của nguyên tắc tổ chức bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, các bộ, cơ quan ngang bộ tập trung vào thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô, các cơ quan thuộc Chính phủ là các tổ chức sự nghiệp, không có chức năng quản lý nhà nước; đồng thời việc sắp xếp các bộ, ngành Trung ương cũng tạo điều kiện để sắp xếp các cơ quan chuyên môn ở cấp tỉnh, cấp huyện gọn nhẹ hơn.

Gắn với việc triển khai cơ cấu tổ chức của Chính phủ là việc xây dựng và ban hành các thể chế quan trọng của các cơ quan hành chính nhà nước. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 178 ngày 03/12/2007 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, Nghị định số 179 về Quy chế làm việc của Chính phủ. Đây là 2 văn bản pháp luật cơ bản chứa đựng nhiều tinh thần cải cách. Việc chuẩn bị các nghị định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 22 bộ, cơ quan ngang bộ và 8 cơ quan thuộc Chính phủ cũng như Nghị định về cơ quan chuyên môn ở cấp tỉnh, cấp huyện đang được chuẩn bị khẩn trương, cố gắng trong Quý I/2008 về cơ bản các nghị định này sẽ được thông qua. Mặc dù có chậm so với mục tiêu đề ra, nhưng nếu trong Quý I/2008 ban hành

được các Nghị định này thì so với nhiệm kỳ Chính phủ khóa XI đã có tiến bộ về mặt thời gian. (Kể từ khi cơ cấu tổ chức Chính phủ nhiệm kỳ khóa XI được thông qua cho đến khi ban hành Nghị định chung về các bộ, cơ quan ngang bộ, Quy chế làm việc của Chính phủ, Nghị định về từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Nghị định về các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện là hơn 2 năm).

2. Về phân cấp, ủy quyền

2.1. Về phân cấp

Công tác phân cấp các nhiệm vụ, công việc từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các bộ, ngành Trung ương và từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương các cấp được tiếp tục triển khai trong quá trình làm rõ vai trò, chức năng của các cơ quan hành chính nhà nước, kết hợp chặt chẽ với rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, khắc phục những bất hợp lý về thẩm quyền và thủ tục, quy trình giải quyết công việc của dân và tổ chức. Kết quả đạt được trong năm 2007 là:

- Phân cấp cho Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức sự nghiệp nhà nước không thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Phân cấp cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức thuộc bộ, ban ngành: tổng cục và tương đương, cục, vụ, thanh tra, văn phòng, các tổ chức sự nghiệp thuộc bộ và tương đương và trường, phó trường phòng thuộc cục, văn phòng bộ, thanh tra bộ; phân cấp cho người đứng đầu các tổ chức thuộc bộ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh còn lại của các đơn vị thuộc cấp mình quản lý.

- Giao Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định cho phép chủ đầu tư các dự án khi có chủ trương đầu tư hoặc sau khi được đăng ký đầu tư hoặc sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư phù hợp với quy hoạch thì được vào khu vực đó để tiến hành việc điều tra, khảo sát, thủ tục xác định diện tích đất để lập dự án.

- Chuyển giao các Ban Quản lý khu công nghiệp, Ban quản lý khu kinh tế thuộc Thủ tướng Chính phủ về UBND cấp tỉnh quản lý; chuyển Ban quản lý khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, Ban Quản lý khu kinh tế Dung Quất về UBND các tỉnh Bình Dương, Kon Tum và Quảng Ngãi quản lý; đồng thời phân cấp cho UBND cấp tỉnh thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng ban, Phó trưởng ban và Ủy viên các Ban quản lý này. Tương tự là phân cấp cho Bộ trưởng các Bộ có liên quan về thẩm quyền bổ nhiệm,

miễn nhiệm Trường, Phó Ban quản lý làng văn hóa - du lịch các dân tộc Việt Nam, Ban Quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc.

- Phân cấp cho UBND cấp xã thực hiện chứng thực bản sao giấy tờ. Đây là biện pháp cải cách có ý nghĩa, tạo thuận lợi cho người dân đến UBND cấp xã để chứng thực các loại giấy tờ mà không phải lên UBND cấp huyện hoặc phòng công chứng cấp tỉnh như trước đây.

- Phân cấp cho UBND cấp xã xác nhận hộ nghèo thay vì người dân phải lên Sở Lao động thương binh xã hội như trước đây.

Các địa phương như Hải Phòng, Lâm Đồng, Phú Yên, Quảng Ninh... đã chú trọng triển khai việc phân cấp giữa cơ quan hành chính trong phạm vi quản lý nhà nước, tập trung vào các lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch ngân sách, tài chính, đất đai, xây dựng, lao động thương binh xã hội, giáo dục, tổ chức cán bộ...

2.2. Về ủy quyền:

Một số Bộ đã ủy quyền ký các loại giấy phép nhằm tạo thuận lợi cho quá trình giải quyết công việc của dân, tổ chức, cụ thể như:

- Bộ Công thương (nay là Bộ Công nghiệp) ủy quyền cho Cục trưởng cục kỹ thuật an toàn công nghiệp ký giấy phép kinh doanh, sản xuất vật liệu nổ công nghiệp và giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực ký giấy phép hoạt động điện lực; Vụ trưởng Vụ cơ khí, luyện kim và hóa chất ký giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu tiền chất sử dụng trong sản xuất công nghiệp, giấy phép xuất nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, giấy phép nhập khẩu Nitrat Amon.

- Các Cục quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng được giao thẩm quyền cấp giấy phép, ví dụ Cục Điện ảnh cấp giấy phép phổ biến phim, Cục nghệ thuật biểu diễn cấp giấy phép chương trình biểu diễn nghệ thuật, Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và triển lãm cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật.

- Bộ Tài nguyên Môi trường ủy quyền cho Cục trưởng Cục quản lý tài nguyên nước ký các loại giấy phép về thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất; Cục trưởng Cục Địa chất khoáng sản cấp giấy phép khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; Vụ trưởng Vụ thẩm định và đánh giá tác động môi trường quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Việc triển khai mạnh vấn đề phân cấp, ủy quyền đã mang lại kết quả tích cực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong thực hiện công việc, giảm thiểu thời gian chờ đợi của tổ chức và công dân.

3. Về cải cách thủ tục hành chính

Thực hiện Nghị quyết số 01 ngày 03/01/2007 của Chính phủ, trong đó xác định rõ “Tiếp tục tập trung mạnh vào việc cải cách thủ tục hành chính, giải pháp quan trọng hàng đầu để khắc phục tình trạng quan liêu, nhũng nhiễu, cửa quyền, giảm phiền hà trong giải quyết công việc của dân và doanh nghiệp”, ngay từ đầu năm, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt và chỉ đạo triển khai Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010. Việc triển khai đề án này và nỗ lực cải cách các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp đã góp phần tạo ra những kết quả cụ thể như sau:

- Các bộ, ngành trung ương và chính quyền địa phương các cấp đã tập trung rà soát thủ tục hành chính, loại bỏ những thủ tục hành chính không cần thiết, phiền hà cản trở hoạt động của doanh nghiệp. Các tỉnh An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Cần Thơ, Đồng Nai, Hà Nam, Thành phố Hà Nội, Hà Tĩnh, Hậu Giang, Nghệ An, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Vĩnh Phúc... qua làm tốt công tác này đã loại bỏ được nhiều thủ tục hành chính không còn phù hợp.

- Đơn giản hóa thủ tục và quy trình đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và cấp giấy phép khắc dấu đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp (Thông tư liên tịch số 02 ngày 27/02/2007 của 3 Bộ: Kế hoạch đầu tư, Tài chính và Công an). Việc triển khai các quy định này gắn với mô hình một cửa liên thông bước đầu đã giảm đáng kể phiền hà cho doanh nghiệp. Đặc biệt, mới đây, với Nghị quyết số 59 ngày 30/11/2007 của Chính phủ về một số giải pháp xử lý vướng mắc trong hoạt động đầu tư xây dựng và cải cách một số thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp và văn bản do Bộ Công an hướng dẫn thi hành ban hành trong tháng 12/2007 đã loại bỏ giấy phép khắc dấu đối với doanh nghiệp. Nghị quyết số 59 cũng xác định trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thống nhất nội dung về đăng ký kinh doanh và đăng ký mã số thuế trong một bộ hồ sơ duy nhất nộp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư và việc giải quyết trong thời hạn tối đa là 5 ngày làm việc.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có quyết định bãi bỏ một số quy định và thủ tục hành chính trong hồ sơ xin cấp giấy phép để thực hiện cơ chế một cửa tại Bộ; Bộ Tài chính có Quyết định số 78 ngày 18/9/2007 ban hành Quy chế hướng dẫn, giải đáp vướng mắc về chính sách thuế, quản lý thuế và giải quyết các thủ tục hành chính thuế của người nộp thuế theo cơ chế một cửa.

- Thủ tục hành chính trong việc xác định thành phần dân tộc vốn là một vấn đề lâu nay còn khó khăn, phức tạp đã được đơn giản hóa và rõ ràng. Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban dân tộc và các cơ quan có liên quan về xác nhận thành phần dân tộc, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 1446/VPCP-ĐP

ngày 20/3/2007 của Văn phòng Chính phủ là: “Việc xác nhận thành phần dân tộc của một người căn cứ vào Giấy khai sinh hợp pháp của người đó. Trường hợp không có giấy khai sinh thì căn cứ vào một trong hai loại giấy tờ: Sổ hộ khẩu, Chứng minh thư nhân dân của người đó để xác định. Từ nay, các cơ quan hành chính trong phạm vi cả nước không được tự ý đặt ra các thủ tục và cấp Giấy xác nhận thành phần dân tộc, dưới bất cứ hình thức nào khác”. Với văn bản này, cơ sở để xác nhận thành phần dân tộc đã rõ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản cho người dân trong vấn đề này khi liên hệ với các cơ quan, tổ chức.

- Thủ tục hành chính trong việc đăng ký và quản lý hộ khẩu, cấp chứng minh thư nhân dân, cấp hộ chiếu phổ thông theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Công an đã có bước cải cách tích cực, đơn giản hồ sơ, biểu mẫu, rút ngắn thời gian giải quyết. Đặc biệt đối với việc cấp mới hộ chiếu phổ thông, người dân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả theo 3 cách: trực tiếp nộp và nhận kết quả tại cơ quan xuất nhập cảnh của công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thường trú, tạm trú; gửi hồ sơ và nhận kết quả qua đường bưu điện hoặc ủy thác cho cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân trực tiếp nộp hồ sơ và nhận kết quả tại cơ quan xuất nhập cảnh của công an tỉnh, thành phố. Mới đây, tại Chỉ thị số 29 ngày 11/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định rõ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân viên trong các đơn vị quân đội nhân dân và công an nhân dân nộp hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông như mọi công dân, không phải nộp thêm giấy tờ khác. Với quy định này, các cơ quan, tổ chức thôi không phải ra quyết định đồng ý cho cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý được nghỉ phép ra nước ngoài về việc riêng mà trước đây là một loại giấy tờ bắt buộc phải có khi làm thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông.

4. Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Nhiều địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 26/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Một số tỉnh, thành phố có Chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, ban hành kế hoạch, tổ chức tập huấn cho cán bộ công chức, xây dựng đề án triển khai cụ thể, như Bạc Liêu, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Định, Bình Thuận, thành phố Đà Nẵng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Hà Nam, Hà Tây, Hà Tĩnh, Hậu Giang, Kon Tum, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Nam Định, Nghệ An, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Sóc Trăng, Thái Bình, Thừa Thiên Huế...

Tỉnh Vĩnh Phúc đã khai trương một cửa liên thông trong lĩnh vực đất đai tại Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên; tỉnh Ninh Thuận thí điểm một cửa liên thông trong lĩnh vực đất đai, chính sách người có công tại Ủy ban nhân dân các xã, phường của thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Tỉnh Nghệ An đã khai trương mô

hình một cửa hiện đại tại thành phố Vinh; tỉnh Bình Thuận triển khai một cửa liên thông trên 5 lĩnh vực (đất đai, đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu công trình xây dựng cho cá nhân tại 8/10 huyện, thị xã; thành phố Hải Phòng đã tổ chức Hội nghị sơ kết 1 năm thí điểm mô hình một cửa liên thông hiện đại tại các Quận Hồng Bàng, Ngô Quyền, triển khai nhân rộng mô hình này tại 3 quận, 1 huyện và thí điểm liên thông từ các quận, huyện này với một số xã, phường, thị trấn trên 2 lĩnh vực là cấp giấy đăng ký quyền sử dụng đất và Giấy phép xây dựng. Thành phố Đà Nẵng đã tổ chức tập huấn về “kỹ năng giao tiếp và dịch vụ khách hàng”, thành phố Hải Phòng đã xây dựng chương trình bồi dưỡng và tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức làm ở bộ phận một cửa. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tổ chức thí điểm cơ chế một cửa tại tỉnh Hà Tĩnh từ 01/2007 đã có kết quả tốt, tháng 8/2007 Bảo hiểm Xã hội Việt Nam có quyết định áp dụng rộng cơ chế một cửa tại Bảo hiểm Xã hội các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Hải Dương, Hải Phòng, Lạng Sơn, Thái Bình, Thừa Thiên Huế, Vĩnh Long.

Về thí điểm thực hiện cơ chế một cửa ở một số Bộ:

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1734/TTg-CCHC ngày 27/10/2006, Bộ Nội vụ đã có Công văn số 2945/BNV-CCHC và số 2946/BNV-CCHC ngày 15/10/2007 gửi các Bộ (7 Bộ trong danh sách thí điểm là các Bộ: Công thương; Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Nội vụ; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Lao động - Thương binh và Xã hội; 2 Bộ chủ động triển khai là các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giáo dục và Đào tạo).

Ngày 06/12/2007, Bộ Nội vụ đã tổ chức Hội nghị sơ kết đề đánh giá thực hiện thí điểm cơ chế một cửa tại 7 Bộ thí điểm và đã có báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ về vấn đề này.

Đánh giá chung:

Trong năm 2007, công tác cải cách hành chính đã được triển khai đồng đều hơn ở các cơ quan hành chính nhà nước. Người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp đã căn cứ vào sự chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ để thực hiện cải cách hành chính trong phạm vi trách nhiệm của mình. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc cải cách hành chính được các Bộ, ngành và địa phương quan tâm hơn. Bộ Công thương đã tổ chức đoàn kiểm tra tình hình thực hiện thủ tục hành chính tại nhiều địa phương; Bộ Xây dựng tổ chức đoàn kiểm tra, làm việc với thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội về thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư xây dựng; Bộ Khoa học và Công nghệ có đoàn làm việc với các Bộ, địa phương về thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học

và công lập và thực hiện Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg áp dụng ISO trong cơ quan hành chính nhà nước. Công tác kiểm tra cải cách hành chính cũng được các địa phương quan tâm hơn. Nhiều địa phương đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, tổ chức được nhiều đoàn kiểm tra tại các sở, ngành, quận, huyện và xã, phường, thị trấn, như các tỉnh, thành phố: An Giang, Bạc Liêu, Bình Thuận, Bến Tre, Cần Thơ, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Hà Giang, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hoà Bình, Hậu Giang, Kiên Giang, Lai Châu, Long An, Ninh Bình, Ninh Thuận, Nghệ An, Phú Yên, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Thanh Hoá, Thừa Thiên Huế, Trà Vinh, Yên Bái v.v... Qua kiểm tra đã kịp thời phát hiện và chấn chỉnh hoạt động của cơ quan hành chính. Một số địa phương đã xử lý, kỷ luật cán bộ, công chức hay kiểm điểm đối với tập thể và cá nhân như Bình Thuận, Bến Tre, thành phố Hà Nội, Hải Phòng....

Chế độ báo cáo cải cách hành chính trong năm cũng đã được chấn chỉnh và đi vào nề nếp hơn. Nhiều Bộ, ngành và địa phương có báo cáo cải cách hành chính đầy đủ và chất lượng tốt, nêu được tình hình thực hiện cải cách hành chính, có phân tích, đánh giá và đề xuất các biện pháp để đẩy mạnh cải cách hành chính như các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Công an, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Thông Tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam và các tỉnh, thành phố: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Ninh, Bến Tre, Bình Thuận, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Hậu Giang, thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Ninh Bình, Nghệ An, Quảng Nam, Quảng Ninh, Quảng Trị, Tây Ninh, Thái Nguyên, Thanh Hoá, Thừa Thiên Huế, Vĩnh Phúc...

Qua một năm triển khai công tác cải cách hành chính, có thể khẳng định những nhiệm vụ trọng tâm về cải cách hành chính được Chính phủ xác định đã được bảo đảm thực hiện, có sự tiến bộ đáng kể trên các mặt ủy quyền, cải cách thủ tục hành chính và triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Công tác cải cách hành chính trong năm đã góp phần vào những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Mặc dù có những kết quả như vậy, nhưng cải cách hành chính vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, còn một số yếu kém chủ yếu như sau:

- Môi trường kinh doanh vẫn còn nhiều bất cập, chưa thực sự thông thoáng, rõ ràng cho doanh nghiệp, cho các nhà đầu tư. Thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của dân, doanh nghiệp vẫn còn phức tạp, cản trở hoạt động của người dân, doanh nghiệp.

- Môi trường pháp lý bao gồm các thể chế, các cơ chế, chính sách chưa rõ ràng, còn có những quy định không nhất quán.

- Phẩm chất và năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức không đáp ứng yêu cầu quá trình chuyển đổi kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế và phục vụ dân, doanh nghiệp.

- Trong triển khai cải cách hành chính, tính chủ động nhất là của các bộ, ngành trung ương từ nghiên cứu đến đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử lý những bất cập về thể chế, cơ chế chính sách và thủ tục hành chính còn có phần hạn chế.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2008

Các bộ, ngành và chính quyền địa phương căn cứ vào Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X, xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình hành động về cải cách hành chính trong phạm vi trách nhiệm của mình. Trong triển khai, phải bảo đảm mục tiêu tổng quát mà Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008 đã xác định là đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Sau đây, là những nhiệm vụ trọng tâm về cải cách hành chính:

1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế

Cần tập trung vào hai loại thể chế quan trọng là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thể chế hành chính nhà nước.

Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ khẩn trương hoàn thiện dự thảo Luật thủ tục hành chính và Luật Công vụ theo kế hoạch chuẩn bị trình Quốc hội xem xét.

2. Tiếp tục xây dựng và đưa vào triển khai các Nghị định của Chính phủ về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 178 về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Nghị định số 179 về Quy chế làm việc của Chính phủ. Trên cơ sở 2 Nghị định này, trong Quý I/2008 ban hành Nghị định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của 22 bộ, cơ quan ngang bộ và 8 cơ quan thuộc Chính phủ cũng như Nghị định về cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính được xác định là khâu đột phá để tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho hoạt động của nhân dân và doanh nghiệp, góp phần khắc phục nhanh những bất cập, yếu kém về môi trường kinh doanh, môi trường pháp lý đang cản trở hoạt động của doanh nghiệp và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Các nhiệm vụ, công việc phải triển khai trong công tác này đã được xác định rõ trong Chương trình hành động của Chính

phù thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X. Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các cấp có trách nhiệm thực hiện tốt các nhiệm vụ, công việc được phân công.

Văn phòng Chính phủ chủ trì, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Đề án về đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước.

Chính quyền địa phương các cấp tiếp tục triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông bảo đảm hiệu quả, gắn việc triển khai với rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính.

4. Tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực

Trong công tác này, cần tập trung chỉ đạo một số vấn đề sau:

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.
- Đổi mới cách đánh giá cán bộ, công chức theo hướng người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chính trong đánh giá cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý.
- Đổi mới công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức để có những biện pháp quản lý thích hợp, nhất là chế độ làm việc có thời hạn, chế độ luân chuyển, bổ nhiệm lại. Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc Nghị định số 132/CP về chính sách tinh giản biên chế, thông qua đó xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực đáp ứng công việc được giao.
- Nghiên cứu bổ sung các cơ chế, chính sách mới để động viên, khuyến khích và biểu dương những cán bộ, công chức thực thi công vụ tốt. Đây cũng là một biện pháp để góp phần giữ được những cán bộ, công chức giỏi ở lại bộ máy hành chính.

5. Chuẩn bị và triển khai một số thí điểm

Nghị quyết Trung ương 5 khóa X và Chương trình hành động của Chính phủ đã xác định một số thí điểm phải triển khai. Trong năm 2008 cần tập trung chuẩn bị để triển khai các thí điểm sau:

- Thí điểm không tổ chức HĐND ở huyện, quận, phường,
- Thí điểm nhân dân bầu trực tiếp Chủ tịch UBND xã.
- Thí điểm thực hiện cơ chế cấp phát ngân sách theo kết quả công việc đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

6. Triển khai cải cách tiền lương cán bộ, công chức theo chủ trương, nghị quyết của Đảng.

7. Nghiên cứu ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách thích hợp để đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương xã hội hóa trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao.

8. Hoàn thiện chính sách, chế độ đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo chủ trương, nghị quyết của Đảng.

Trong chỉ đạo triển khai cải cách hành chính, cần quán triệt tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp chịu trách nhiệm về triển khai công tác cải cách hành chính trong phạm vi quản lý của mình. Theo tinh thần đó, những kêu ca, phàn nàn của người dân, doanh nghiệp về thủ tục hành chính, về môi trường kinh doanh, về cán bộ, công chức tiêu cực, sách nhiễu, về sự chậm trễ trong giải quyết công việc của dân, doanh nghiệp v.v... ở bộ, địa phương nào, thì trước hết Bộ trưởng, Chủ tịch UBND của Bộ, tỉnh đó phải chịu trách nhiệm. Người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp sử dụng bộ máy của mình để bảo đảm triển khai đồng bộ cải cách hành chính. Trong triển khai cải cách hành chính cần bảo đảm nguyên tắc rõ việc, rõ trách nhiệm. Có những việc chỉ do các bộ, ngành trung ương triển khai, có những việc chỉ do chính quyền địa phương triển khai, nhưng cũng có những việc cả trung ương và địa phương cùng triển khai, nhất là một số loại việc liên quan đến cấp phép, thẩm định, cho ý kiến. Vì vậy, các bộ và địa phương phải phối hợp tốt trong giải quyết những loại việc này. Các cơ quan theo phân công của Thủ tướng Chính phủ phụ trách các lĩnh vực cải cách là Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và Bộ Thông tin, truyền thông cần tăng cường năng lực cán bộ, công chức, tập trung chỉ đạo điều hành để bảo đảm các lĩnh vực cải cách theo phân công được triển khai có hiệu quả. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính coi đây là việc làm thường xuyên. Thực tiễn cho thấy những nơi coi trọng công tác kiểm tra là những nơi triển khai cải cách hành chính có kết quả tốt, thông qua kiểm tra có những biện pháp uốn nắn, khắc phục tiêu cực và biểu dương, khen thưởng kịp thời những tổ chức, cá nhân làm tốt cải cách hành chính.

**BỘ TRƯỞNG
TRẦN VĂN TUẤN**

*** BÀI VIẾT, BÀI NGHIÊN CỨU, BÀI PHÁT BIỂU CỦA LÃNH ĐẠO ĐẢNG,
NHÀ NƯỚC, NHÀ KHOA HỌC VỀ NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**

**BÀI PHÁT BIỂU NHẬM CHỨC CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
NGUYỄN TÁN DŨNG**

*Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,
Thưa các vị đại biểu Quốc hội,
Thưa các đồng chí lão thành cách mạng và các vị khách,
Thưa đồng chí, đồng bào,*

Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn Quốc hội đã bầu tôi tiếp tục đảm nhận trọng trách Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đồng thời thay mặt các thành viên Chính phủ, tôi cũng xin chân thành cảm ơn Quốc hội đã phê chuẩn đề nghị về việc bổ nhiệm các chức vụ trong Chính phủ nhiệm kỳ khóa XII. Chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng, đây là niềm vinh dự lớn và cũng là trách nhiệm rất nặng nề mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đã tin cậy giao phó.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nguyện trung thành với Tổ quốc, với dân tộc, với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, với mục tiêu lý tưởng cao đẹp của Đảng Cộng sản Việt Nam; nỗ lực phấn đấu cao nhất để hoàn thành nhiệm vụ mà Hiến pháp và luật pháp đã quy định. Chúng tôi luôn xem đây là trách nhiệm chính trị cao nhất và cũng là nghĩa vụ thiêng liêng của mình.

Thưa các đồng chí và các vị đại biểu,

Trong bối cảnh hội nhập và hợp tác quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng, với thời cơ thuận lợi cũng như khó khăn thách thức đều lớn, đan xen nhau và diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Trong nước tuy đã đạt được những thành tựu rất quan trọng và đã cơ bản hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của năm đầu kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, nhưng cũng còn rất nhiều khuyết điểm, yếu kém, bất cập.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhận rõ nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của mình là phải tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi và ra sức vượt qua khó khăn thách thức, phát huy mạnh mẽ những việc đã làm tốt và những kết quả đã đạt được,

nghiêm túc khắc phục có hiệu quả nhưng khuyết điểm yếu kém, bất cập; tập trung cao nhất mọi nỗ lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đề cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 mà Đại hội X của Đảng đã đề ra, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Khẩn trương chuẩn bị và bước vào thực hiện Chiến lược phát triển mới trong giai đoạn tiếp theo, bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh, bền vững, tiến cùng thời đại và sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Đề hoàn thành trọng trách mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó, thách thức lớn nhất đối với Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước là phải vượt lên chính mình; xây dựng cho được một Chính phủ và hệ thống các cơ quan hành chính thực sự là của dân, do dân, vì dân; trong sạch vững mạnh, có kỷ luật kỷ cương và hiệu lực hiệu quả cao, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế thành công và hoàn thành tốt nhất chức trách, nhiệm vụ của mình trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với tinh thần đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sẽ tập trung sức đẩy mạnh cải cách nền hành chính quốc gia, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa X của Đảng; đặc biệt là sẽ kiên quyết đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi bằng được tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí; tập trung chỉ đạo cải cách tốt thủ tục hành chính, phân cấp mạnh và làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng tổ chức và của mỗi cá nhân, khắc phục nhanh sự chậm trễ, phiền hà đối với người dân và doanh nghiệp; tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để huy động mọi nguồn lực bảo đảm cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao và thực hiện tốt tiến bộ công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, phát triển văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ và cải thiện môi trường; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh, ổn định chính trị - xã hội và không ngừng nỗ lực để nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Trước mắt là tập trung xử lý có kết quả những vấn đề nổi cộm, bức xúc về kinh tế - xã hội, phân đấu hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ của năm 2007 mà kỳ họp lần thứ 10 của Quốc hội khóa XI đã đề ra.

Trong thực thi chức trách nhiệm vụ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sẽ nghiêm túc giữ vững kỷ luật kỷ cương, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; cùng nhau chung sức chung lòng xây dựng một Chính phủ đoàn kết nhất trí, kiên định vững vàng, thực sự gương mẫu, phát huy tốt nhất vai trò của tập thể, đề cao đúng mức trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu và của mỗi thành viên; hành động kiên quyết kịp thời sáng tạo, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau, cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Là cán bộ đảng viên của Đảng, Thủ tướng Chính phủ cũng như mỗi thành viên trong Chính phủ, chúng tôi sẽ luôn thường xuyên phấn đấu rèn luyện, học tập và hành động theo gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, thực sự cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, thực sự là công bộc của dân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sẽ nghiêm túc chấp hành sự lãnh đạo của Đảng, nỗ lực phấn đấu để làm tròn chức năng là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chúng tôi rất mong nhận được sự giám sát, hợp tác, ủng hộ của Chủ tịch nước, Quốc hội, các cơ quan tư pháp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội, các đồng chí lão thành cách mạng, các cơ quan thông tin báo chí và đồng chí, đồng bào ta cả trong và ngoài nước. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sẽ luôn xem đây là những nhân tố có ý nghĩa rất quyết định để hoàn thành trọng trách của mình trước Đảng, trước dân.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ khóa XII đánh giá cao sự nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của Thủ tướng Phan Văn Khải và Chính phủ nhiệm kỳ khóa XI, chúng tôi xin trân trọng kế thừa và sẽ phấn đấu tiếp bước để xứng đáng với các thế hệ đã đi trước.

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa và Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các quốc gia các dân tộc trong cộng đồng quốc tế; Chính phủ Việt Nam sẽ làm hết sức mình để không ngừng củng cố và phát triển các mối quan hệ quốc tế tốt đẹp và mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các chính giới, các nhà khoa học, các nhà kinh doanh nước ngoài vì mục tiêu hòa bình, ổn định, hợp tác, bình đẳng, cùng phát triển và phồn vinh cho mỗi quốc gia, trong khu vực và trên thế giới.

Thưa các đồng chí và các vị đại biểu,

Nhận nhiệm vụ trong nhiệm kỳ của Chính phủ mới, với trách nhiệm người đứng đầu Chính phủ và thay mặt các thành viên Chính phủ, tôi xin phát biểu một số suy nghĩ tâm huyết, chân thành và cũng là những lời hứa mà Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sẽ quyết tâm thực hiện để xứng đáng với niềm tin và sự tin nhiệm của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Rất mong nhận được sự ủng hộ của các vị đại biểu Quốc hội và toàn thể đồng chí đồng bào.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xin có lời chúc tốt đẹp đến các vị đại biểu Quốc hội, các vị khách quý, đồng bào và chiến sĩ cả nước. Chúc kỳ họp đầu tiên Quốc hội khóa XII của chúng ta thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn

TẠO BƯỚC CHUYỂN BIẾN MỚI VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ CÙNG CÓ TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG GẮN VỚI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN(*)

*(Bài phát biểu kết luận Hội nghị Cán bộ toàn quốc về công tác tổ chức xây dựng
Đảng của ông Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng,
Trưởng Ban Tổ chức Trung ương)*

Sau gần một ngày rưỡi làm việc, chúng ta đã hoàn thành được chương trình làm việc đã đề ra. Đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có bài phát biểu rất quan trọng để chỉ đạo Hội nghị, chỉ đạo công tác tổ chức xây dựng Đảng trong thời gian tới. Các ý kiến phát biểu tại Hội nghị đều tán thành với những báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương trình bày tại Hội nghị, đề cập một cách thẳng thắn, toàn diện các mặt của công tác xây dựng Đảng về tổ chức, giới thiệu nhiều kinh nghiệm hay và có những kiến nghị thiết thực. Tôi xin phát biểu một số ý kiến đề kết thúc Hội nghị, tập trung làm rõ thêm một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên và bảo vệ chính trị nội bộ trong năm 2008.

1 - Trước hết là về quy hoạch cán bộ

Quy hoạch cán bộ là kế hoạch tổng thể, dài hạn về tạo nguồn và xây dựng đội ngũ cán bộ một cách chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

Đây là một nội dung trọng yếu của công tác cán bộ.

Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã xác định phải: "Tăng cường công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo và quản lý. Đặc biệt quan tâm tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ có thành tích xuất sắc, những cán bộ xuất thân công nhân, con em công nông, gia đình có công với cách mạng, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ. Trên cơ sở quy hoạch, đẩy mạnh việc đào tạo, đào tạo lại cán bộ theo chức danh và cán bộ dự nguồn". Trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, luân chuyển cán bộ để bồi dưỡng, rèn luyện qua thực tiễn là một biện pháp rất quan trọng.

Báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương trình bày tại Hội nghị đã nêu một số ưu, khuyết điểm trong công tác quy hoạch cán bộ hiện nay. Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TƯ ngày 30-11-2004 của Bộ Chính trị khóa IX về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước,

*. Đầu đề là của báo Nhân Dân.

Hướng dẫn số 47-HD/BTCTU ngày 25-5-2005 và số 50-HD/BTCTU ngày 6-7-2005 của Ban Tổ chức Trung ương, công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý đã có một số chuyển biến tốt và đạt được những kết quả thiết thực. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng đã quán triệt chủ trương của Trung ương, tích cực chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết 42 của Bộ Chính trị khóa IX, bảo đảm đúng quy trình: có nhận xét, đánh giá cán bộ trước khi làm quy hoạch; thực hiện quy hoạch ba cấp ở địa phương (cấp xã, huyện, tỉnh); lấy quy hoạch của cấp dưới làm cơ sở để xây dựng quy hoạch cấp trên; thực hiện đủ các bước cơ bản trong quá trình làm quy hoạch; đảm bảo đúng thẩm quyền của ban thường vụ, ban cán sự đảng, đảng đoàn trong quyết định quy hoạch cán bộ trên cơ sở phát huy dân chủ trong giới thiệu, phát hiện nguồn; có chú ý đến việc đảm bảo cơ cấu, tính kế thừa và phát triển trong quy hoạch cán bộ.

Tuy vậy, tiến độ thực hiện công tác quy hoạch cán bộ còn chậm so với yêu cầu, chất lượng còn hạn chế. Nổi lên là những thiếu sót, nhược điểm sau đây:

- Nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác quy hoạch cán bộ ở nhiều ngành, nhiều cấp chưa thật sự sâu sắc và thực hiện có nền nếp thường xuyên;

- Chưa thực hiện tốt yêu cầu "mở" và "động" trong quy hoạch cán bộ; nguồn cán bộ trong quy hoạch chưa phong phú (chưa đảm bảo quy hoạch 2 - 3 người cho 1 chức danh; một người có thể quy hoạch đảm nhiệm 2 - 3 chức danh; hệ số tối thiểu 1,5 - 2 lần);

- Do chưa có sự phối hợp tốt giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị nên còn tình trạng "khép kín", cục bộ trong công tác quy hoạch cán bộ; chỉ chú trọng quy hoạch cán bộ trong cơ quan, đơn vị, địa phương, ngành mình, mà chưa chú ý đúng mực đến việc giới thiệu, tạo nguồn, quy hoạch cán bộ từ cơ quan, đơn vị, địa phương, ngành, lĩnh vực khác sẽ có thể công tác tốt tại cơ quan, đơn vị, địa phương, ngành mình;

- Chưa chú trọng xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh giỏi; chưa chủ động chuẩn bị đội ngũ chuyên gia trên các lĩnh vực và bồi dưỡng nhân tài theo quy hoạch;

- Quy hoạch đề tạo nguồn, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược và cấp cơ sở chưa được quan tâm đúng mức.

Trong năm 2008 cần tập trung đổi mới công tác cán bộ, phấn đấu để từ năm 2008 và trong một số năm tiếp theo của nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng, tạo bằng được biến chuyển có tính đột phá một số khâu trong công tác cán bộ, nhất là công tác quy hoạch cán bộ gắn với đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ.

Công tác quy hoạch cán bộ trong năm 2008 cần đạt được các yêu cầu sau:

- Ở tất cả các ngành, các địa phương ở các cấp, thực hiện đồng bộ việc rà soát, xây dựng, đôn đốc, thẩm định và xác nhận quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2010 - 2015; cương quyết không để xảy ra tình trạng hẫng hụt, không có sự chuẩn bị chu đáo về cán bộ khi tiến hành đại hội đảng bộ, khi bầu cử lãnh đạo của các cơ quan trong hệ thống chính trị ở các cấp.

- Đảm bảo yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có chất lượng tốt, có cơ cấu hợp lý, có sự kế thừa và phát triển vững vàng. "Chú ý đào tạo cán bộ nữ, cán bộ các dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân, chuyên gia trên các lĩnh vực; bồi dưỡng nhân tài theo hướng quy hoạch. Đặc biệt quan tâm đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp cao".

- Đảm bảo đúng quy trình, đối tượng, nội dung và phương pháp, thẩm quyền quyết định quy hoạch cán bộ theo quy định và hướng dẫn của Trung ương.

Trong năm 2008, tiếp tục các công việc đã làm trong năm 2007, Ban Tổ chức Trung ương sẽ làm việc với các cấp ủy, tổ chức đảng ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể, địa phương trực thuộc Trung ương để nghe, xác nhận quy hoạch cán bộ diện Trung ương quản lý, từ đó đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, người đứng đầu các ban, ủy ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương và các địa phương thuộc diện Trung ương quản lý.

Quy hoạch cán bộ phải gắn kết chặt chẽ với các khâu khác trong công tác cán bộ, trong đó đánh giá cán bộ, làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ là tiền đề cho bố trí và quy hoạch cán bộ. Trong đó công tác bảo vệ chính trị nội bộ phải chuyển hướng mạnh hơn sang việc phát hiện, quản lý, giải quyết vấn đề chính trị hiện nay. Một nhiệm vụ quan trọng về công tác cán bộ trong năm 2008 là phải tổng kết 10 năm thực hiện chiến lược cán bộ ở tất cả các cấp. Ban Tổ chức Trung ương sẽ xây dựng kế hoạch tổng kết, Đề án đổi mới tiêu chí và phương pháp đánh giá cán bộ; đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện Quy chế đánh giá cán bộ. Đây là một công việc khó khăn, không thể một mình Ban Tổ chức Trung ương làm được, đòi hỏi phải phát huy dân chủ, phải có sự tham gia tích cực, có trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan làm công tác tổ chức, cán bộ của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp. Chúng ta phấn đấu để xây dựng được một bộ tiêu chí, tiêu chuẩn dùng chung để đánh giá đúng thực chất chất lượng cán bộ, đảng viên và tổ chức cơ sở đảng, trên cơ sở đó mà cụ thể hóa phù hợp với từng loại hình cán bộ, đảng viên, công chức và tổ chức cơ sở đảng, mà thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ.

2- Về luân chuyển cán bộ

Từ ngày thành lập Đảng đến nay, qua các thời kỳ cách mạng và kháng chiến, Đảng ta đã thực hiện việc luân chuyển cán bộ. Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước do Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đề ra, Nghị quyết Đại hội IX, Đại hội X của Đảng đều khẳng định chủ trương phải thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ. Đây là một chủ trương quan trọng nhằm đào tạo, bồi dưỡng toàn diện và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ; tạo điều kiện cho cán bộ trẻ, có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch được rèn luyện trong thực tiễn, tạo nguồn cán bộ lâu dài cho đất nước, tăng cường cán bộ cho những lĩnh vực và địa bàn cần thiết; khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín trong công tác cán bộ. Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Nghị quyết 11-NQ/TU ngày 25-1-2002 về luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý.

Thời gian qua, thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị khóa IX, nhiều cấp ủy, tổ chức đảng đã tích cực triển khai, đạt được một số kết quả bước đầu, góp phần đổi mới công tác cán bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hầu hết cán bộ được luân chuyển vừa qua đều là cán bộ trẻ, tiếp cận nhanh với điều kiện, môi trường làm việc mới; phát huy được khả năng công tác và vai trò, trách nhiệm, được cán bộ và nhân dân tin nhiệm. Hầu hết cán bộ qua luân chuyển đều có bước trưởng thành, tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn, có quan điểm, cách nhìn nhận và phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý toàn diện hơn, sát thực tế hơn. Hiện có trên 85% số cán bộ chủ chốt Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2004 - 2009 và trên 95% ủy viên thường vụ các tỉnh, thành ủy nhiệm kỳ 2005 - 2010 đã qua luân chuyển làm cán bộ chủ chốt ở cấp dưới. Đây là một bước tiến đáng khích lệ.

Nhược điểm nổi lên trong công tác luân chuyển cán bộ thời gian qua là:

- Một số nơi, một số trường hợp luân chuyển cán bộ mà chưa có ý định rõ hướng bố trí cán bộ sau luân chuyển và chưa dựa trên cơ sở đánh giá, quy hoạch cán bộ;

- Việc "luân chuyển ngang" giữa các đơn vị trong một ngành, giữa các bộ, ngành, đoàn thể, tỉnh, thành phố, quận, huyện; giữa các cơ quan đảng với cơ quan nhà nước, đoàn thể cùng cấp chưa làm được nhiều;

- Một số ít cán bộ được luân chuyển còn chậm tiếp cận với thực tiễn, mức độ đóng góp cho địa phương còn hạn chế; có đồng chí còn bản khoăn khi được giao nhiệm vụ ở ngành khác, địa phương khác;

Trong năm 2008, công tác luân chuyển cán bộ cần thực hiện được, thực hiện tốt một số công việc sau:

- Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về công tác luân

chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và các địa phương. Nội dung tổng kết phải đánh giá được tình hình luân chuyển cán bộ trong thời gian qua, khẳng định những việc đã làm được, chưa làm được, nguyên nhân và những kinh nghiệm trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện; đề ra những việc cần làm, những giải pháp cụ thể để tiếp tục thực hiện tốt hơn Nghị quyết của Bộ Chính trị.

- Từ năm 2008 đến đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng, phải tăng cường mạnh mẽ công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành, cả luân chuyển dọc và luân chuyển ngang. Kết hợp chặt chẽ việc luân chuyển cán bộ với việc chuẩn bị nhân sự đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XI của Đảng. Trong quá trình luân chuyển cán bộ, phải kết hợp chặt chẽ công tác tổ chức với công tác tư tưởng; vừa động viên, khuyến khích tính tự giác của cán bộ, đảng viên, vừa phải nghiêm túc chấp hành quyết định điều động, luân chuyển của tổ chức; vừa đặt ra yêu cầu và giao nhiệm vụ cho cấp ủy nơi cán bộ luân chuyển đến phải tạo điều kiện cho cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Có mấy điểm cần lưu ý trong công tác luân chuyển cán bộ trong năm 2008 và những năm tiếp theo:

Một là, phải căn cứ vào năng lực, sở trường của cán bộ, nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị, quy hoạch cán bộ và ý định bố trí cán bộ sau luân chuyển để lựa chọn cán bộ, địa bàn luân chuyển cho phù hợp.

Hai là, phải chống tư tưởng cục bộ, khép kín, không muốn nhận người từ nơi khác đến; hoặc lợi dụng luân chuyển để đưa người trung thực, thẳng thắn, người có năng lực không hợp với mình đi nơi khác.

Ba là, khắc phục nhận thức sai lệch, cho rằng cán bộ đã qua luân chuyển phải được bố trí ở vị trí công tác cao hơn; không nhận thức được rằng việc luân chuyển cán bộ là để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tạo điều kiện rèn luyện, thử thách cán bộ để cán bộ thực hiện tốt hơn, có hiệu quả cao hơn công việc đang và sẽ làm; khắc phục tâm lý thỏa mãn của nhiều cán bộ chỉ muốn chọn nơi công tác dễ dàng, muốn ổn định chức vụ nhưng không chịu nỗ lực học tập, rèn luyện, phấn đấu nâng cao trình độ và hiệu quả công tác.

Bốn là, luân chuyển cán bộ để điều chỉnh việc bố trí cán bộ hợp lý hơn, tăng cường cán bộ cho những nơi có nhu cầu cấp thiết, nhất là cho cơ sở, cho những địa bàn, đơn vị có nhiều khó khăn.

Năm là, cần kết hợp việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý với việc xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên môn, chuyên gia giỏi trên từng lĩnh vực.

Trong năm 2008, Ban tổ chức Trung ương sẽ phối hợp với tổ chức đảng các bộ, ngành, cơ quan, đoàn thể có liên quan ở Trung ương và các địa phương xây dựng kế hoạch, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và tổ chức thực hiện việc điều động, luân chuyển nhiều cán bộ trong quy hoạch; kết hợp tăng cường cán bộ cho các địa phương, ngành, đoàn thể để vừa tăng cường cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, vừa đào tạo, rèn luyện cán bộ trong thực tiễn. Thực hiện luân chuyển cán bộ trong nội bộ các bộ, ban, ngành, địa phương; từ bộ, ban, ngành, địa phương này sang bộ, ban, ngành, địa phương khác; luân chuyển cán bộ cấp vụ ở các bộ, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể ở Trung ương về làm cán bộ chủ chốt, lãnh đạo các sở, ban, ngành các tỉnh, thành phố và ngược lại.

Về đề nghị cho phép cấp tỉnh được thực hiện chủ trương tăng thêm chức danh lãnh đạo cấp ủy và chính quyền đối với một số đơn vị cấp huyện, Ban Tổ chức Trung ương sẽ nghiên cứu, trình xin ý kiến Bộ Chính trị.

3- Về xây dựng và thực hiện chính sách cán bộ

Báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương trình bày tại Hội nghị đã nêu rõ chủ trương xây dựng và thực hiện chính sách hợp lý để tạo động lực mới cho cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị. Trong năm 2008, Ban Tổ chức Trung ương sẽ tập trung xây dựng hoặc tham gia xây dựng các chính sách sau đây:

- Chính sách nhà ở, chế độ nhà công vụ đối với cán bộ, công chức;
- Chính sách tiền lương (phát hiện, đề xuất giải quyết những bất hợp lý trong tương quan tiền lương và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp công vụ giữa các chức danh cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị; coi việc trả lương đúng cho người lao động là thực hiện đầu tư cho phát triển; tiến tới đảm bảo cho cán bộ, công chức, viên chức sống được bằng lương ở mức trung bình khá trong xã hội; cải cách chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công...);

- Chính sách đối với cán bộ xã, phường, thị trấn;

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ...;

Đề nghị các cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường kiểm tra việc thực hiện chính sách cán bộ ở các ngành, các cấp, chủ động thực hiện và tham gia với Ban Tổ chức Trung ương xây dựng các chính sách có liên quan.

4- Về xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Đây là một trong 3 trọng tâm của công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2008. Nhiệm vụ của chúng ta là phải tổ chức triển khai toàn diện, đồng bộ các nội dung của Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức

chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nghị quyết này có nhiều nội dung, chủ trương mới. Các cấp ủy, tổ chức đảng cần quán triệt sâu sắc, phân đấu tạo được những bước chuyển có tính đột phá, nhất là về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở.

5- Về đổi mới phương thức lãnh đạo, cải cách thủ tục hành chính trong công tác tổ chức xây dựng Đảng.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X), trong năm 2008 các cấp ủy, tổ chức đảng cần tập trung thể chế hóa để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trên nhiều phương diện, trong đó có công tác tổ chức xây dựng Đảng. Chú trọng đổi mới tiêu chí và phương pháp đánh giá cán bộ; hoàn thiện chế độ bầu cử; quy chế thực hiện dân chủ, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng.

Tiếp tục nghiên cứu, cải cách thủ tục hành chính trong công tác tổ chức xây dựng Đảng theo hướng loại bỏ những thủ tục rườm rà không cần thiết trong các khâu của công tác cán bộ, đảm bảo yêu cầu về chất lượng, hiệu quả, nhanh chóng hơn, thuận tiện hơn (khai và thẩm tra lý lịch, phiếu biểu quyết, tự kiểm điểm, xét tặng huy hiệu Đảng, v.v.).

Bước vào năm 2008, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang chủ động nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, đổi mới mạnh mẽ và toàn diện theo con đường xã hội chủ nghĩa nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Quyết tâm của chúng ta là:

- Phát triển đất nước nhanh và bền vững, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển ngay trong năm 2008;

- Cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội khóa X của Đảng đã đề ra trên các lĩnh vực.

- Tạo bước chuyển biến mới, tiến bộ mới trong xây dựng hệ thống chính trị; trong công tác tổ chức xây dựng Đảng, nhất là đổi mới công tác cán bộ và cùng cố tổ chức cơ sở đảng gắn với nâng cao chất lượng đảng viên.

Sau Hội nghị này, đề nghị các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X); trên cơ sở phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2008 đề ra tại Hội nghị này và tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị mà xây dựng và thực hiện nhiệm vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2008.

VỀ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG CÔNG TÁC CÁN BỘ

Chế độ người đứng đầu (một số thuật ngữ khác có hàm nghĩa tương đương: Chế độ thủ trưởng, chế độ một người đứng đầu...) là nguyên tắc quản lý trao cho cá nhân người đứng đầu một tổ chức (cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...) quyền rộng rãi để thực hiện nhiệm vụ chức năng được giao, định rõ trách nhiệm của cá nhân đó đối với kết quả công việc. Dạng cực đoan của chế độ người đứng đầu trong chính trị là chế độ quân chủ, tập trung mọi quyền trong tay vua.

Khác với chế độ người đứng đầu, chế độ tập thể là nguyên tắc quản lý (lãnh đạo) mà quyền thuộc về một tập thể bao gồm những cá nhân, mỗi người chịu trách nhiệm trên một lĩnh vực. Dạng “thuần túy” của nó là chế độ đồng thuận (quyết định chỉ được đưa ra khi mọi thành viên tán thành); phổ biến hơn hiện nay là chế độ bình quyền giữa mọi thành viên, mỗi người một phiếu, quyết định theo đa số.

Chế độ người đứng đầu đã hình thành từ lâu trước chủ nghĩa xã hội, nội dung của nó trên từng lĩnh vực có khác nhau và được điều chỉnh tùy điều kiện khách quan. Những điều chỉnh đó có thể coi là điều chỉnh về cấp độ và mức độ kết hợp giữa chế độ người đứng đầu và chế độ tập thể. Sự kết hợp đó trong chế độ xã hội chủ nghĩa phải khác về chất so với các thể chế khác, do đặc thù công hữu tư liệu sản xuất và sự lãnh đạo duy nhất của đảng cộng sản.

Việc tìm ra phương thức tối ưu kết hợp chế độ tập thể với chế độ người đứng đầu trên từng lĩnh vực trong chế độ xã hội chủ nghĩa luôn luôn là bài toán được đặt ra ngay từ khi nó ra đời. Trong những năm đầu của chính quyền Xô-viết, V.I.Lênin suy tính rất nhiều về cách kết hợp, đã không tiếc lời phê phán những lệch lạc, nhất là thói vô trách nhiệm này sinh. Các đảng cộng sản cầm quyền trong các nước xã hội chủ nghĩa trước đây cũng quan tâm nhiều đến vấn đề này, nhưng không phải lúc nào cũng thành công trong thực tế. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn có ý thức đấu tranh với những biểu hiện “lệch chuẩn” như độc đoán, chuyên quyền, vi phạm nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cũng như tình trạng ý vào lãnh đạo tập thể, không phân định rõ quyền và trách nhiệm cá nhân dẫn đến tình trạng vô trách nhiệm về mặt luật pháp. Định rõ và thực hiện sự kết hợp giữa lãnh đạo tập thể và chế độ người đứng đầu trong hoạt động của Đảng và các tổ chức của hệ thống chính trị, nhất là trong công tác tổ chức cán bộ vẫn luôn luôn là một cuộc đấu tranh về nhận thức và hành động, cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện trên cơ sở tổng kết lý luận và thực tiễn.

Do đặc thù đảng duy nhất lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội trong thể chế chúng ta, vai trò người đứng đầu các tổ chức của hệ thống chính trị có nét đặc thù, không hoàn toàn giống như người đứng đầu có chức danh tương tự ở thể chế khác. Nói chung, trong các quy định chính thức, người đứng đầu được giao quyền rất hạn chế, không tương xứng với vị trí đứng đầu của họ. Có thể lấy hai chức danh đứng đầu là bí thư - người đứng đầu cấp uỷ và chủ tịch uỷ ban nhân dân (UBND) - người đứng đầu cơ quan hành chính địa phương làm ví dụ để xem xét.

Một là, các cương vị trên đều không thể tự ra quyết định bất cứ vấn đề nào về tổ chức, cán bộ trong bộ máy. Tinh thần và lời văn của Điều lệ Đảng không xác định bí thư cấp uỷ là người đứng đầu; trong công tác cán bộ bí thư không có thẩm quyền cao hơn thành viên khác trong tập thể có quyền quyết định. Chức danh chủ tịch UBND cũng không có thẩm quyền cao hơn các thành viên khác trong ban cán sự về công tác cán bộ. Mặt khác, phần lớn cán bộ lãnh đạo chủ chốt của bộ máy chính quyền thuộc thẩm quyền quyết định của cấp uỷ (ban thường vụ), chứ không phải ban cán sự uỷ ban.

Hai là, các cương vị trên cũng hầu như không có quyền giới thiệu cấp phó và người đứng đầu thuộc cấp. Sau đại hội đảng, trong hội nghị đầu tiên của cấp uỷ... cấp trưởng và cấp phó cùng được bầu ra. Việc chủ tịch UBND làm thủ tục giới thiệu đề hội đồng nhân dân bầu các phó chủ tịch, uỷ viên UBND, chỉ làm thủ tục hành chính trình ra hội đồng nhân dân bầu nhân sự đã được thông qua trước đó (kể cả giả sử khi bản thân chủ tịch không tán thành thì về nguyên tắc vẫn phải trình theo quyết định tập thể). Việc bãi miễn các chức danh đó cũng như vậy.

Ba là, theo các quy định về phân cấp quản lý cán bộ và thủ tục công tác cán bộ hiện hành, cấp trên nắm quyền quyết định về cán bộ sâu xuống nhiều chức danh cấp dưới, dẫn tới hạn chế thẩm quyền của cả tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp dưới.

Nhiều năm trước đây, chúng ta đã nhận biết những hạn chế đó và tìm cách khắc phục. Đã có những thí điểm về việc phân công, phân cấp mạnh quyền quyết định về cán bộ cho cấp dưới, cho chính quyền, cho người đứng đầu (bộ trưởng, giám đốc sở...). Nhưng do nhiều nguyên nhân, chủ yếu là do các điều kiện về kinh tế, luật pháp, tổ chức chưa đủ chín muồi và đồng bộ nên những thử nghiệm đó chẳng những không thành công, mà còn phát sinh không ít biểu hiện tiêu cực. Điều này chưa được phân tích thấu đáo, dẫn tới sự dè dặt trong phân công, phân cấp, nhân mạnh quá mức quyết định tập thể, chưa coi trọng và có quy định cụ thể quyền và trách nhiệm cá nhân người đứng đầu trong công tác cán bộ.

Thực tế chứng minh rằng tuy có đặc thù nhưng công tác cán bộ vẫn cần tuân thủ nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Trong lãnh

đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, cần kết hợp chặt chẽ giữa chế độ tập thể với trách nhiệm cá nhân, nhất là cá nhân người đứng đầu, cần thể chế hoá sự kết hợp đó, định rõ chế độ trách nhiệm bằng luật pháp và các quy định của Đảng. Nhiều văn kiện của Đảng đã nhấn mạnh yêu cầu thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, di đôi với phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu trong công tác cán bộ. Tuy thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định còn thiếu sót, nhưng trên một số mặt được thể chế hoá đã có tiến bộ nhất định. Riêng vấn đề vai trò người đứng đầu trong công tác cán bộ vẫn chưa có chuyển biến đáng kể, cả trong nhận thức, trong quy chế và thực tế công tác cán bộ. Quyền và trách nhiệm của cá nhân nói chung, của người đứng đầu nói riêng vẫn có những vướng mắc. Có thể kể một số điểm:

1. Không tương thích giữa quyền hạn và trách nhiệm. Ai cũng biết rằng, một tổ chức hợp lý phải đảm bảo nguyên tắc trách nhiệm đi đôi với quyền hạn, quyền hạn phải đủ để thực thi trách nhiệm. Trong thể chế của chúng ta, Đảng cầm quyền lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội, người bí thư cấp uỷ gánh vác trách nhiệm hàng đầu đối với toàn bộ hoạt động của cấp uỷ, của cả hệ thống chính trị. Trong công tác cán bộ, theo các quy chế hiện hành, ở các văn bản chính thức, bí thư cũng chỉ có “một phiếu” như những thành viên khác trong tập thể của mình. Còn người đứng đầu cơ quan hành chính hầu như chỉ có thể hoạt động trong phạm vi rất eo hẹp của những quy định.

2. Không tương thích giữa quyền hạn thực tế và quy định mang tính pháp quy. Trên thực tế, do nhiều nguyên nhân mặc dù chỉ là một phiếu biểu quyết, nhưng ý kiến bí thư lại rất quyết định. Quyền lớn trên thực tế và quyền hạn chế theo quy chế là điều không phù hợp với thể chế nhà nước pháp quyền. Nó có thể tạo ra tình hình không kiểm soát được việc sử dụng quyền hạn của người đứng đầu làm sai mà không chịu trách nhiệm, sẵn sàng đổ lỗi cho tập thể.

3. Công tác cán bộ tiến hành trong điều kiện nói trên vô hình trung tạo môi trường cho những hành vi lạm dụng, trục lợi, những việc làm bất chính của những người không tự giác, không đủ bản lĩnh và trình độ xử lý tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ, mà không dễ xác định, truy cứu trách nhiệm, xử lý kỷ luật và theo pháp luật đối với những vi phạm đó. Nguy cơ này càng tăng lên trong điều kiện đảng cầm quyền trong cơ chế thị trường, mỗi quyết định về cán bộ liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích vật chất, tinh thần của nhiều người.

Việc không quy định rõ quyền và trách nhiệm cá nhân người đứng đầu và không được hiểu đúng nguyên tắc tập trung dân chủ (dù với lý do nào) trong công tác cán bộ làm cho sự tập trung quyền trong tay cấp uỷ có nguy cơ bị biến dạng, trở thành hình thức, vô ngoài của sự độc đoán, cá nhân trong việc ra quyết định về cán

bộ. Nguy hại là ở chỗ được bảo vệ bằng lớp vỏ quyết định tập thể, dân chủ hình thức tạo ra tình trạng tùy tiện, vô trách nhiệm, làm sai mà không chịu trách nhiệm, không bị lên án, xử lý kỷ luật đảng cũng như luật pháp.

Xác định rõ ràng và tăng cường trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu trong công tác cán bộ chính là một việc làm cần thiết để đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao tính pháp lý đối với công tác cán bộ trong điều kiện nhà nước pháp quyền.

Đây là việc lớn, phức tạp, liên quan chặt chẽ đến nhiều vấn đề lớn về tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, luật pháp, các thể chế, quy chế... Để giải quyết một cách thực chất vấn đề này, cần nghiên cứu một cách tổng thể trên cơ sở đổi mới tư duy về tổ chức, về cách phân bố và kiểm soát quyền lực trong thể chế pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Trước mắt, chúng tôi đề nghị nghiên cứu, thực hiện một số cải tiến, đổi mới cục bộ về vấn đề này như sau:

1. Thực hiện phân công, phân cấp mạnh hơn về quản lý cán bộ, tạo điều kiện cho các tổ chức và người đứng đầu cấp dưới thực hiện quyền về cán bộ tương thích với trách nhiệm được giao. Cấp trên nên tập trung quản lý người đứng đầu cấp dưới, phối hợp với cấp dưới quản lý cấp phó. Các chức danh khác giao hẳn cấp dưới quyết định theo luật và quy chế. Trung ương và cấp trên giữ quyền kiểm tra, quyền chuẩn y và không chuẩn y, xử lý sai phạm.

Đối với các chức danh bầu thì đổi mới các thủ tục giới thiệu, thẩm định (của cấp uỷ cũ, của cấp trên...) mở rộng dân chủ bầu cử, thực hiện giới thiệu nhiều người, có tính chất định hướng, tôn trọng quyền ứng cử (tiến tới tranh cử), quyền lựa chọn của người bỏ phiếu.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thông qua cá nhân đảng viên được giới thiệu để được bầu giữ cương vị đứng đầu tổ chức nhà nước. Đây chính là điểm quan trọng nhất để thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Theo hướng này có thể thực hiện một số cải tiến như sau:

Trong tất cả các tổ chức thực hiện chế độ người đứng đầu không thành lập ban cán sự.

Tổ chức đảng có thẩm quyền sau khi lựa chọn giới thiệu đảng viên để được bầu giữ trách nhiệm lãnh đạo tổ chức nhà nước thì đồng thời được giao trách nhiệm cùng với bí thư cấp uỷ trực tiếp chỉ đạo công tác chuẩn bị giới thiệu cấp phó.

Sau khi thay đổi người đứng đầu, người đứng đầu mới có trách nhiệm và có quyền đề nghị thay đổi cấp phó và người đứng đầu cấp dưới thuộc quyền nếu thấy cần.

Ngày nay, trong hệ thống chức danh và chế độ lương đã phân biệt được rõ ranh giới lãnh đạo và công chức thường (thông qua “hệ số chức vụ” trong thang bảng lương) đã có điều kiện khách quan để thực hiện thuận lợi hơn việc điều chuyển, làm cho đội ngũ cán bộ vận động linh hoạt hơn, có lên có xuống, một vấn đề rất thông thường trong các thể chế hiện nay trên thế giới.

3. Xác lập tư cách người đứng đầu của bí thư cấp ủy. Đảng thực hiện nguyên tắc lãnh đạo tập thể. Tuy nhiên, sau khi được bầu theo quy định thì vị trí đứng đầu của bí thư là một thực tế khách quan không thể bỏ qua, nhất là trong điều kiện Đảng cầm quyền, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật. Cần giao cho bí thư thẩm quyền nói chung rộng rãi hơn - trong đó có thẩm quyền về cán bộ - tương xứng với chức năng, nhiệm vụ, tầm quan trọng của chức danh này. Vừa qua, chúng ta có một số cải tiến theo hướng này (ví dụ giới thiệu bí thư làm chủ tịch hội đồng nhân dân, bí thư kiêm giám đốc doanh nghiệp...), nhưng nói chung vẫn là những vấn đề chi tiết, chưa có một cái nhìn khái quát về vấn đề này. Việc thí điểm đại hội cơ sở bầu bí thư cũng là một chủ trương đổi mới theo hướng này.

4. Tăng cường pháp chế quản lý cán bộ. Cần xúc tiến sớm xây dựng các luật, quy phạm về quyền, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan nhà nước, các tổ chức đối với công tác cán bộ.

Thực hiện quản lý cán bộ theo luật. Thay thế ngay người đứng đầu không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy chế công tác, đạo đức nghề nghiệp.

ĐỔI MỚI TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, TĂNG CƯỜNG QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CHO NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN

Nguyễn Văn Thảo

**Viện nghiên cứu Khoa học Tổ chức Nhà nước,
Bộ Nội vụ**

Tất cả các cơ quan hành chính nhà nước (hay còn gọi là các cơ quan quản lý nhà nước) liên kết với nhau thành một hệ thống thống nhất, được sắp xếp theo cấp và theo phân hệ trong một trật tự, có quan hệ qua lại ràng buộc chặt chẽ với nhau. Hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước được xây dựng xuất phát từ việc đòi hỏi quản lý thường xuyên, liên tục các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội như hành chính, chính trị, kinh tế xã hội... Chính phủ là trung tâm chỉ đạo, điều hành hoạt động của toàn bộ hệ thống. Hiến pháp và pháp luật quy định trình tự thành lập, nguyên tắc tổ chức hoạt động của cả hệ thống. Vì vậy đổi mới tổ chức hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trước hết trên cơ sở hiến pháp và pháp luật của nhà nước Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quy định.

Trong bài viết này chỉ đề xuất một số giải pháp tổ chức hoạt động khoa học nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Trong mỗi lĩnh vực hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước các biện pháp và giải pháp hoạt động theo một quá trình không giống nhau song đều thể hiện việc tuyển chọn, sắp xếp, bố trí nhân lực nhằm mục đích nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động lao động trên cơ sở tiết kiệm thời gian và tiết kiệm sức lao động. Bất kỳ lao động nào cũng đều đòi hỏi phải được tổ chức theo một cách thức nhất định để đảm bảo cho mỗi cá nhân đảm nhận một nhiệm vụ cụ thể, tương ứng với khối lượng công việc nhất định để có được những phương pháp tổ chức hoạt động, động lao động cho thích hợp.

Mục đích của tổ chức hoạt động khoa học của các cơ quan hành chính nhà nước là nhằm đạt được hiệu quả tối ưu về kinh tế, xã hội, tâm lý, sinh lý và kỹ thuật:

- Hiệu quả tối ưu về kinh tế là việc không ngừng tăng năng suất hoạt động lao động, tiết kiệm tối đa tư liệu sản xuất, tăng khối lượng và cải tiến chất lượng của sản phẩm quản lý hành chính nhà nước.

- Hiệu quả tối ưu về xã hội là quyền lợi giữa người lao động và người sử dụng lao động không có mâu thuẫn với nhau, có sự phân công lao động, trách nhiệm và quyền lợi từ lao động ngang nhau. Thông qua lao động, con người cán bộ công chức được phát triển và nhận thức được lao động chính là nhu cầu thiết thực nhất.

- Hiệu quả tối ưu về tâm lý, sinh lý là thông qua lao động, sức khỏe con người được duy trì, củng cố, phát triển và bảo vệ, đảm bảo cho người cán bộ công chức lao động có sự cân bằng về tâm lý và sinh lý.

- Hiệu quả tối ưu về kỹ thuật là tổ chức lao động khoa học phải luôn luôn gắn liền với việc ứng dụng các thiết bị khoa học công nghệ hiện đại và tiên tiến, phát huy hết chức năng, hiệu quả hoạt động của máy móc nhằm tiết kiệm sức lao động của con người cán bộ công chức.

Trong lĩnh vực quản lý hành chính V.I.Lênin đã rất chú trọng đến việc hoàn thiện tổ chức lao động quản lý. Người cho rằng, việc giải quyết nhiệm vụ này là một trong những điều kiện không thể thiếu để xây dựng một bộ máy quản lý đất nước. Do vậy, muốn quản lý có kết quả, ngoài kỹ năng thuyết phục cần phải có kỹ năng tổ chức thực hiện. Có hai vấn đề cơ bản cần được làm tốt:

- *Một là*, xây dựng cơ cấu hợp lý trong mỗi cơ quan hành chính nhà nước;

- *Hai là*, làm tốt công tác định mức lao động trong cơ quan hành chính nhà nước.

Trong vấn đề xây dựng cơ cấu hợp lý cơ quan hành chính nhà nước cần chú trọng:

- Xác định cơ cấu thích hợp trên cơ sở xác định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan hành chính nhà nước nói chung, các bộ phận của từng cơ quan hành chính nhà nước nói riêng.

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng cơ quan hành chính nhà nước trong đó cần xây dựng quy chế làm việc của từng bộ phận chức năng trong cơ quan hành chính nhà nước một cách rõ ràng về quyền hạn và mối quan hệ, tránh trùng lặp, chồng chéo giữa các cơ quan hành chính nhà nước, giữa các bộ phận.

- Xây dựng hệ thống chuẩn về quy chế làm việc của mỗi nhân viên, cán bộ công chức trong cơ quan hành chính nhà nước. Với mỗi chức danh cần quy định rõ nghĩa vụ, quyền hạn và trách nhiệm. Trình độ chuyên môn, trình độ chính trị, năng lực, phẩm chất đạo đức, sức khỏe của cán bộ công chức đảm nhiệm từng công việc cụ thể phải được đảm bảo. Mọi việc đều phải công khai, minh bạch. Bồi dưỡng,

nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ công chức nhằm đáp ứng nhiệm vụ, yêu cầu ngày càng cao của sự vận động và phát triển xã hội hiện đại.

- Cần phải xác định rõ trách nhiệm tập thể và trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước cũng như trách nhiệm của từng cán bộ, công chức.

- Cần phải tổ chức tổng điều tra, đánh giá về trình độ đội ngũ cán bộ, công chức để làm cơ sở cho việc đào tạo, lựa chọn cán bộ công chức phù hợp với nhiệm vụ và vị trí công tác theo từng giai đoạn nhất định.

Trong vấn đề công tác định mức lao động áp dụng đối với cơ quan hành chính nhà nước:

Mục tiêu của định mức lao động trong cơ quan hành chính nhà nước nhằm xác định được tổng khối lượng công việc của cán bộ công chức trong từng cơ quan hành chính nói riêng và trong toàn bộ hệ thống cơ quan hành chính nhà nước nói chung, xác định tổng thời gian để hoàn thành khối lượng công việc của cán bộ công chức, từ đó xác định được tổng biên chế của từng cơ quan hành chính và cả hệ thống cơ quan hành chính nhà nước.

Công việc trong cơ quan hành chính nhà nước có thể chia làm hai nhóm chính, như sau:

+ Nhóm thứ nhất là nhóm cán bộ công chức nhà nước thực hiện công tác quản lý. Để thực hiện tốt công tác định mức công việc của nhóm này cần sử dụng phương pháp phân tích, khảo sát dựa trên cơ sở đánh giá, tổng kết công việc. Từ kết quả công việc của cán bộ công chức để có được định mức lao động một cách tương đối sát.

+ Nhóm thứ hai là nhóm nhân viên, cán bộ công chức thực hiện công việc có thể lượng hoá được như nhân viên văn phòng, đánh máy, in ấn, làm công tác vệ sinh, môi trường, lái xe, bảo vệ... ở nhóm này có thể áp dụng công tác định mức lao động trên cơ sở đề ra tiêu chuẩn công việc cụ thể và phân tích khối lượng công việc thực tế mà mỗi bộ phận, cá nhân đảm nhiệm để xác định toàn bộ hao phí của việc thực hiện công việc theo những tiêu chuẩn đề ra, từ đó xây dựng định mức khối lượng công việc của từng loại nhân viên, cán bộ công chức thuộc nhóm này.

Vấn đề tăng cường quyền và trách nhiệm cho người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước cũng phải gắn với định mức lao động của người lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan:

Người đứng đầu cơ quan (người lãnh đạo) có thể là cơ quan lãnh đạo, có thể là cá nhân người lãnh đạo. Cơ quan lãnh đạo là một chủ thể tập thể ban lãnh đạo của một cơ quan, một tổ chức. Cá nhân người lãnh đạo là người đứng đầu- thủ

trường- một cơ quan, một đơn vị cụ thể nào đó nhưng cũng có thể là người được thủ trưởng một cơ quan, hay một đơn vị uỷ quyền.

Như vậy, trong cơ quan hành chính nhà nước, công chức lãnh đạo bao gồm nhiều thành phần, nhưng người lãnh đạo- hiểu theo nghĩa cá nhân lãnh đạo- chỉ là người đứng đầu (thủ trưởng) cơ quan, đơn vị trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước.

Quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan được thể hiện thông qua “lao động” của người đứng đầu cơ quan (người lãnh đạo). Lao động của người lãnh đạo nói chung được hiểu là việc-“ đề ra chủ trương, đường lối và tổ chức thực hiện chủ trương đường lối đó”. Lãnh đạo trong cơ quan hành chính nhà nước là việc tổ chức triển khai và điều khiển các hoạt động quản lý nhà nước trên một hoặc các lĩnh vực của đời sống kinh tế-xã hội trên phạm vi lãnh thổ nhất định hoặc trong phạm vi toàn quốc. Lao động của người lãnh đạo là một dạng lao động đặc biệt, có những đặc thù riêng. Vì vậy để tăng cường quyền và trách nhiệm cho người lãnh đạo thì phải đồng thời tăng hàm lượng lao động đi đôi với việc đổi mới tính chất lao động của người lãnh đạo nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả, hiệu lực, trách nhiệm của lao động của người lãnh đạo trên lĩnh vực được phụ trách(được nhà nước giao phó).

Theo kinh nghiệm của các nước tiên tiến trên thế giới (chi phân tích theo khía cạnh - lao động khoa học của người lãnh đạo). Họ đã có tiêu chuẩn hoá về “hàm lượng” và “tính chất” lao động của người lãnh đạo ở mọi cấp, mọi ngành trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước. Các phương pháp làm việc (lao động lãnh đạo) tiên tiến và hiệu quả được áp dụng.

Lao động của người lãnh đạo và cả đời sống sinh hoạt của người lãnh đạo của nhà nước ta - Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động quản lý nhà nước mà còn có ý nghĩa giáo dục thuyết phục đối với tập thể đội ngũ cán bộ công chức trong cơ quan. Hơn nữa, hình ảnh, uy tín của người lãnh đạo còn là niềm tin của nhân dân địa phương đối với Đảng, Nhà nước, vì thế người lãnh đạo và lao động của người lãnh đạo gắn liền với tập thể cán bộ công chức, là tấm gương cho mọi người noi theo.

Người lãnh đạo phải chịu trách nhiệm cá nhân về toàn bộ hoạt động của cơ quan, đơn vị mình phụ trách và chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nhà nước.

QUY TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU: ĐANG KIỂM NGHIỆM THỰC TIỄN

(VietNamNet) - Bên hành lang phiên họp UBTVQH sáng ngày 18/10/2007, Cục phó cục Chống tham nhũng - Thanh tra Chính phủ Bùi Ngọc Lam chia sẻ, sở dĩ chưa có tổng kết về hiệu quả của Nghị định quy trách nhiệm người đứng đầu khi đề xảy ra tham nhũng là do vấn đề mới, đang kiểm nghiệm thực tiễn.

"Quy trách nhiệm người đứng đầu: đang kiểm nghiệm thực tiễn"

Thưa ông, quy định về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi đề xảy ra tham nhũng ban hành đã 1 năm, nhưng trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ vẫn chưa thấy tổng kết về vấn đề này?

- Công tác phòng chống tham nhũng chưa đạt hiệu quả như mong muốn có nguyên nhân từ trách nhiệm người đứng đầu. Trách nhiệm ở các cơ quan quản lý đó là chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra. Nhưng chưa phát hiện tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị bởi vì quy định mới ban hành, đang kiểm nghiệm thực tiễn.

Từ khi quy chế quy trách nhiệm này đưa ra, công tác chống tham nhũng có chuyển biến gì không và vai trò của người đứng đầu có được đề cao?

- Từ khi có quy chế, trách nhiệm về mặt pháp lý đã rõ, vai trò của người đứng đầu càng được nâng lên, họ phải tự thấy trách nhiệm của mình, trước hết là "phòng tránh". Hiệu quả của công tác quản lý vì thế cũng được nâng theo.

Là cán bộ của một cơ quan chống tham nhũng, ông có thấy sự chuyển biến thực tế?

- Có chuyển biến tích cực. Ít nhất là họ đã phải xác định trách nhiệm cụ thể của mình. Còn nếu tồn tại những điểm này, điểm nọ, thì sắp tới sẽ có thẩm tra, đánh giá hiệu quả.

Chưa đơn vị nào khẳng định không có tham nhũng?

Có những vụ việc mà thanh tra đã phát hiện và kiến nghị xử lý nhưng số vụ việc được giải quyết triệt để, xử lý hình sự rất ít?

- Khách quan mà nói, một số vụ tham nhũng chưa đến mức xử lý hình sự, chẳng hạn "tội nhùng nhieu". Cũng là tham nhũng nhưng chỉ nhận một số tiền rất nhỏ. Trong trường hợp này, việc xử lý, giáo dục bằng các hình thức khác hợp lý hơn.

Báo cáo thẩm tra cũng nêu một vấn đề, theo quy định, sau khi phát hiện tham nhũng, trong vòng 5 ngày, thanh tra sẽ phải chuyển CQĐT. Nhưng một số

trường hợp, đơn vị đã chậm chuyển, gây khó khăn cho công việc của CQĐT sau này?

- Theo quy định, các vụ việc thanh tra nếu thấy đủ dấu hiệu, chứng cứ tội phạm thì phải chuyển CQĐT. Sự phối hợp giữa cơ quan thanh tra, điều tra thời gian qua là rất chặt chẽ, một vài trường hợp cá biệt không thể đại diện cho tình hình chung được.

Thanh tra Chính phủ nhiều lần đề cập về việc các cơ quan, đơn vị hay địa phương chậm hoặc không có bản báo cáo thường kỳ về tham nhũng. Tình trạng này hiện nay có được cải tiến?

- So với thời điểm đầu năm 2007, đúng là có một số bộ ngành vẫn chưa báo cáo theo chế độ quy định về kết quả công tác phòng chống tham nhũng. Nhưng việc thực hiện đến nay đã tốt hơn. Báo cáo của Chính phủ đã phong phú hơn, có địa chỉ cụ thể. Tất nhiên, vẫn cần phải tiếp tục duy trì và chấn chỉnh chế độ thông tin về công tác phòng chống tham nhũng của các địa phương.

Trước đây, có khá nhiều các địa phương, đơn vị báo cáo là không có tham nhũng và cơ quan chức năng khẳng định chính những báo cáo đó lại đáng ngờ. Hiện có còn những báo cáo tương tự?

- Đến nay, những vụ tham nhũng ở các địa phương đều do do họ tự báo cáo. Có thể các địa phương không rà soát hết, cũng có thể họ mới đánh giá ở giai đoạn đầu. Nhưng đến nay, các bộ ngành, địa phương đều đã lao vào cuộc. Chưa đơn vị nào có thể khẳng định là đơn vị mình không có tham nhũng...

TẬP TRUNG THỂ CHẾ HÓA TẠO CHUYỂN BIẾN MỚI TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CÁN BỘ

Trần Quốc Huy

Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương

Năm 2007 có thể gọi là năm của công tác tổ chức: Hệ thống chính trị đã tập trung thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Vấn đề này không mới, bởi đã được đặt ra từ Hội nghị Trung ương 7 (khóa VIII), nhưng việc thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng vì đây là sự khởi đầu trên thực tế cho những bước đổi mới tiếp theo, tạo được sự đồng bộ trong hệ thống chính trị.

Sau thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XII dân chủ, đúng luật, Chính phủ tiến hành ngay việc tổ chức lại bộ máy theo hướng quản lý đa ngành. Các cơ quan tham mưu của Trung ương Đảng được hợp nhất gọn về đầu mối, phân định lại chức năng, nhiệm vụ. Đây là bước đổi mới có tính đột phá để tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và Nghị quyết Trung ương 6 về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên - những vấn đề cơ bản, quan trọng thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng nhằm tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị.

Trọng tâm của công tác tổ chức xây dựng đảng năm 2008 là tạo bước đột phá trong công tác cán bộ, tiếp tục thực hiện đồng bộ các Nghị quyết Trung ương 4, Nghị quyết Trung ương 5, Nghị quyết Trung ương 6, tạo bước phát triển mới, hợp lực ở cả 3 khâu cơ bản của công tác tổ chức: Tổ chức bộ máy, thể chế, cán bộ. Trọng điểm thứ nhất là tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4. Cần tập trung thực hiện 3 việc sau:

Một là, nghiên cứu đề tham mưu xác định mô hình tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tổng công ty 90 ở tỉnh, thành phố, tổng công ty 91 đã chuyển đổi thành mô hình công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế trọng điểm ở Trung ương. Vấn đề đặt ra là có thể áp dụng duy nhất mô hình tổ chức đảng toàn tập đoàn, tổng công ty (toàn ngành) cho tất cả hay chỉ đưa ra mô hình đảng bộ công ty mẹ có thêm chức năng, nhiệm vụ của ban cán sự đảng trước đây? Mô hình đảng bộ cơ quan mở rộng của một số tổng công ty nếu còn duy trì thì cần bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn gì? Cần có tiêu chí nào để sắp xếp lại tổ chức đảng ở các

doanh nghiệp đang thuộc các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương; mô hình tối ưu tổ chức đảng cấp trên cơ sở của doanh nghiệp có quy mô lớn ở TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội và một số tỉnh, thành. Mục tiêu của 2008 là xác lập tính pháp lý về mô hình tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước đúng nguyên tắc, phù hợp với đặc điểm của từng loại hình doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, thông lệ quốc tế trong kinh doanh, bảo đảm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa nhiệm vụ phát triển kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp với chăm lo tốt hơn về đời sống tinh thần cho công nhân lao động, tạo sự ổn định và đúng định hướng. Muốn vậy, dù là mô hình nào thì cũng cần một quy chế phối hợp công tác đảng của cấp ủy doanh nghiệp với cấp ủy địa phương.

Hai là, rà soát, phân tích để bổ sung, điều chỉnh nhằm đưa ra mô hình tổ chức bộ máy, biên chế phù hợp với tình hình mới của từng đoàn thể chính trị - xã hội là mục tiêu đầu tiên mang tính giải pháp cho mỗi tổ chức. Vì vậy, cần tập trung làm tốt ngay từ năm 2008. Mô hình tổ chức bộ máy chuyên trách của mỗi đoàn thể phải tinh, gọn, khoa học theo hướng là cơ quan đầu não có chất lượng cao về trình độ tri thức, uy tín và khả năng quy tụ và thu hút rộng rãi những tiềm năng xã hội đa dạng, phong phú của thành viên, đoàn viên, hội viên; khai thác tốt, phối hợp đồng bộ với sức mạnh của cả hệ thống chính trị. Chí ít cũng phải là một cơ quan thường trực có tính chất đầu não về công tác tổ chức để phát huy, sử dụng ở mức độ cao nhân - tài - vật lực của tổ chức đó và xã hội. Cần mạnh dạn đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể. Ví dụ: Thời gian làm việc là ngoài giờ hành chính, đưa vào cấp lãnh đạo nhiều người thực tài, có uy tín thật sự của giới, có chế độ động viên phù hợp cho thành viên cốt cán trong ban chấp hành và ở cơ sở, cộng tác viên, chuyên gia, tư vấn. Thật sự quan tâm, dám đấu tranh cho quyền lợi hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên từ dân sinh đến dân chủ, công bằng xã hội theo luật định... Đổi mới phương thức hoạt động để bộ máy của mỗi đoàn thể sẽ không cồng kềnh và đông người chuyên trách, từng bước thoát khỏi tình trạng hành chính hoá và sự vụ. Các doanh nghiệp kinh doanh thuần túy của các đoàn thể cần cổ phần hoá chuyển sang Nhà nước quản lý theo luật. Ngoài ra, cần tăng cường liên kết xã hội, lồng ghép các chương trình quốc gia về phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội của Nhà nước, của các tổ chức quốc tế (có chọn lọc) tạo sức hút cho công tác vận động của mình. Muốn vậy, các đoàn thể cần một số lượng nhất định các cơ quan, tổ chức sự nghiệp đặc thù để chủ động hợp tác, hoạt động thường xuyên như một công cụ tổ chức hành động.

Ba là, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 không chỉ đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính

trị - xã hội ở Trung ương mà đồng thời cần rà soát, liên hệ với cơ quan chuyên trách đảng, đoàn thể ở địa phương, từ cấp tỉnh, thành đến huyện, thị. Ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp được giao thêm nhiệm vụ giám sát từ sau Đại hội X của Đảng, văn phòng cấp ủy là đầu mối hợp nhất của nhiều ban đảng như tài chính - quản trị, nội chính và kinh tế, ban tổ chức được hợp nhất với ban bảo vệ chính trị nội bộ, các đảng bộ khối doanh nghiệp, dân chính đảng tỉnh... là những nơi cần xây dựng cơ cấu bộ máy, biên chế, quy chế hoạt động rõ ràng, thể hiện hiệu quả hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

Trọng điểm thứ hai là tập trung thể chế hoá nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo Nghị quyết Trung ương 5 trong toàn hệ thống chính trị. Việc thể chế hoá vai trò, nhiệm vụ và phương thức lãnh đạo của Đảng cần được thực hiện một cách toàn diện, làm cho Đảng hoá thân vào hệ thống chính trị, tiếp thêm sinh lực cho Đảng trong điều kiện, hoàn cảnh mới - Đảng cầm quyền ở thời kỳ mở cửa, hội nhập. Phương thức lãnh đạo của Đảng phải phù hợp, thích ứng trong mỗi thời kỳ, giai đoạn lịch sử, với những yêu cầu, mục tiêu khác nhau. Công cuộc đổi mới đã trải qua hơn 20 năm, nay đang là giai đoạn hội nhập và tăng tốc phát triển bền vững, cần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền với nhiệm vụ mới trong điều kiện và hoàn cảnh mới. Hội nghị Trung ương 5, khoá X đã kịp thời tổng kết phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong điều kiện Đảng cầm quyền và hội nhập quốc tế, những phương thức lãnh đạo cần được luật hoá trong cả hệ thống chính trị. Làm được việc này sẽ tạo ra bước phát triển mới, nâng cao vị trí, năng lực lãnh đạo của Đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Ban Bí thư Trung ương Đảng đã giao cho các cơ quan tham mưu tiến hành soạn thảo, xây dựng hơn 10 đề án, quy định, quy chế xác định nội dung, yêu cầu, các chế độ trách nhiệm, định chế trong quan hệ lãnh đạo trên - dưới (hàng dọc) và quan hệ phối hợp (hàng ngang) của các loại hình, mô hình tổ chức của Đảng trong cả hệ thống chính trị. Thể chế hoá này sẽ góp phần tác động đổi mới công tác xây dựng đảng.

Trọng điểm thứ ba là công tác cán bộ. Đây là trọng điểm cùng với thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khoá X) về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Trong những năm qua, từ các nghị quyết của Đảng, nhiều nội dung quan trọng của công tác cán bộ đã được xây dựng thành văn bản, mang tính pháp quy trong Đảng và hệ thống chính trị như việc đánh giá cán bộ, quy trình đề bạt cán bộ, luân chuyển, quy hoạch đào tạo, chính sách cán bộ... Tuy nhiên, thực tế những năm qua cho thấy một số văn bản còn chưa sát với cuộc sống, có văn bản quá sơ lược, giản đơn, đôi chỗ lại quá chi tiết, cứng nhắc đến nỗi khó áp dụng. Có phải chăng, để nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện nay thì một trong những công việc đầu tiên là phải xây dựng

hệ thống phương pháp đánh giá, phát hiện những người vượt trội, người giỏi, người tài, số trẻ có triển vọng... một cách khoa học hơn, nghiêm túc hơn để tạo sự chuyển biến thật sự về chất. Nếu thể chế hóa được vấn đề này, chắc chắn sẽ tạo đột phá, tạo động lực mới cho cả hệ thống, khắc phục “tuần tự nhi tiến” và “cơ cấu” hình thức, không thực tài. Trong một loạt vấn đề, văn bản mang tính pháp quy chưa đảm bảo sự tác động, điều chỉnh đồng bộ; trong một nhóm vấn đề chưa đảm bảo điều chỉnh có tính hệ thống; trong tổng thể công tác cán bộ chưa điều chỉnh tính thống nhất, tính khoa học cao. Trên bình diện chung, thể chế hoá công tác cán bộ một cách toàn diện là mục tiêu cần tập trung, nhằm khắc phục sớm tình trạng lâu nay thực hiện các nghị quyết, chủ trương luôn là khâu yếu. Nhiều đầu việc lớn trong lĩnh vực công tác cán bộ đã được lựa chọn thể chế hoá trong năm 2008 như trách nhiệm người đứng đầu, tự phê bình và phê bình, nhà ở, nhà công vụ cho công chức, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, phát huy dân chủ trong Đảng, chính sách chế độ cho cán bộ cơ sở... trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII), Nghị quyết số 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Năm 2008 - năm của thể chế hoá và đột phá trong công tác cán bộ, năm bàn lễ của nhiệm kỳ Đại hội X với nhiều kỳ vọng sẽ tạo động lực mới cho công tác xây dựng đảng, tạo sinh lực mới cho cả hệ thống chính trị bước vào giai đoạn phát triển toàn diện và bền vững.

Bản sao lưu trữ

PHẦN THỨ HAI

**NHỮNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT MỚI BAN HÀNH
VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN,
ĐƠN VỊ NHÀ NƯỚC**

Bản sao lưu trữ

Bản sao lưu trữ

**I. CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN,
TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH
NHIỆM VỤ, CÔNG VỤ**

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 157/2007/NĐ-CP NGÀY 27-10-2007
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị
của nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

*Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998; Pháp lệnh
sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4
năm 2000; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công
chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;*

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với người đứng đầu trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước sau đây:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các tổ chức hành chính trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; các Ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

c) Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các

Ủy ban của Quốc hội; Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; Kiểm toán Nhà nước; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp; Tòa án quân sự, Viện kiểm sát quân sự các cấp;

d) Các tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

đ) Các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty, các công ty của Nhà nước (sau đây gọi chung là doanh nghiệp nhà nước).

2. Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này cũng phải chịu trách nhiệm như người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong lĩnh vực được phân công lãnh đạo, quản lý, điều hành bằng văn bản ủy quyền hoặc bằng quyết định phân công phụ trách lĩnh vực của người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cơ quan chủ quản cấp trên.

3. Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các tổ chức cấu thành cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này cũng phải thực hiện chế độ trách nhiệm trong quá trình đề xuất, tham mưu, trình, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công liên quan đến chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. "Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước" quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này là người được phân công giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý, phụ trách một số lĩnh vực nhất định trong cơ quan, đơn vị hoặc một số cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

2. "Chế độ trách nhiệm" đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước là toàn bộ các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thẩm quyền được Nhà nước giao cho người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu; trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

3. "Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước" quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định này là: Chủ tịch Hội đồng quản trị; các viên chức nhà nước được bổ nhiệm giữ chức Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc doanh nghiệp nhà nước.

Điều 4. Căn cứ xác định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu

1. Căn cứ nghĩa vụ, nhiệm vụ, quyền hạn, quyền lợi của cán bộ, công chức và những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm quy định tại Pháp lệnh Cán bộ, công chức và các văn bản pháp luật khác liên quan.

2. Căn cứ vào mối quan hệ và nội dung phân công công tác giữa trách nhiệm

của người đứng đầu với cấp phó của người đứng đầu trong chỉ đạo, quản lý, điều hành cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước.

3. Căn cứ nội dung chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu quy định tại Điều 7 Nghị định này.

Điều 5. Trách nhiệm của người được giao quyền đứng đầu hoặc phụ trách cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước

Người được giao quyền đứng đầu hoặc phụ trách cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này cũng phải thực hiện chế độ trách nhiệm như người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước.

Điều 6. Các hình thức trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước

1. Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước nếu vi phạm chế độ trách nhiệm quy định tại Nghị định này, tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm, phải chịu một hoặc nhiều hình thức trách nhiệm sau đây:

- a) Trách nhiệm kỷ luật;
- b) Trách nhiệm dân sự;
- c) Trách nhiệm vật chất;
- d) Trách nhiệm hình sự;
- d) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm kỷ luật: người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước vi phạm các quy định của pháp luật trong thi hành nhiệm vụ, công vụ, nếu chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm phải bị xử lý kỷ luật. Việc xử lý kỷ luật phải tuân theo các quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức.

3. Trách nhiệm dân sự: người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước nếu có hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành nhiệm vụ, công vụ, gây thiệt hại, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị đến mức phải chịu trách nhiệm dân sự thì ngoài việc bị xử lý kỷ luật phải bị xử lý về trách nhiệm dân sự. Việc xử lý trách nhiệm dân sự đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước phải tuân theo quy định của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

4. Trách nhiệm vật chất: người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước nếu có hành vi vi phạm pháp luật trong thi

hành nhiệm vụ, công vụ làm mất mát, hư hỏng trang bị, thiết bị hoặc gây ra thiệt hại về tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm hình sự: người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ nếu phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 2 Bộ luật hình sự năm 1999. Việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước phải tuân theo quy định của pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự.

Chương II

CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

Điều 7. Nội dung chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu

1. Chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.

2. gương mẫu và nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của cấp trên; tổ chức, điều hành cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, có chất lượng và đúng thời hạn được giao; quyết định chủ trương, giải pháp cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

3. Ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật bảo đảm tính hợp pháp của văn bản (bao gồm: văn bản quy phạm pháp luật, văn bản cá biệt, công văn chỉ đạo, điều hành và nội quy, quy chế, điều lệ, quy định áp dụng trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý).

4. Căn cứ các quy định về phân công, phân cấp và nhiệm vụ, quyền hạn được giao, ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cấp phó, các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấu thành hoặc từng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền; không để tình trạng chồng chéo, trùng lặp về nhiệm vụ hoặc trách nhiệm không rõ ràng; bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và đúng pháp luật.

5. Tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, nâng lương, cử dự thi nâng ngạch, quyết định nâng ngạch, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

6. Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công được giao; phòng, chống cháy

nỗ và bảo đảm an toàn lao động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Khi sử dụng các nguồn tài chính, các tài sản, trang thiết bị phải thực hiện đúng chế độ, chính sách và đúng quy định của pháp luật; quản lý, kiểm tra thường xuyên, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, hư hỏng, mất mát, thất thoát.

7. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về văn hóa công sở; không để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có thái độ hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

8. Tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; về phát ngôn, khai thác, quản lý và sử dụng mạng Internet trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

10. Các chế độ trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc phân công nhiệm vụ cho người đứng đầu

1. Cấp có thẩm quyền khi quyết định bổ nhiệm hoặc phân công nhiệm vụ cho người đứng đầu phải quy định rõ quyền hạn, nhiệm vụ của người được bổ nhiệm vào vị trí người đứng đầu theo nguyên tắc:

a) Quyền hạn của người đứng đầu phải tương xứng với chức trách và nhiệm vụ được giao;

b) Quyền hạn, chức trách và nhiệm vụ giao cho người đứng đầu phải rõ ràng, cụ thể.

2. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc phân công nhiệm vụ cho người đứng đầu phải có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện về nguồn nhân lực, tài chính, trang thiết bị, thời gian cho người đứng đầu để thực hiện chức trách, quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Chương III KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Khen thưởng

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công vụ và chấp hành nghiêm chế độ trách nhiệm quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác liên quan thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật và được xem xét khi giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm lại, bổ nhiệm chức vụ cao hơn, xét

nâng lương trước thời hạn hoặc khi cử dự thi nâng ngạch theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Những trường hợp xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu

1. Vi phạm nội dung chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Khi phát hiện cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ, người đứng đầu không có biện pháp kiên quyết để chấm dứt hành vi vi phạm đó và không kịp thời áp dụng biện pháp khắc phục có hiệu quả.

3. Không giao nhiệm vụ hoặc giao nhiệm vụ cho cấp dưới không rõ; không kiểm tra hoặc thiếu kiểm tra, đôn đốc cấp dưới thực hiện.

4. Cấp dưới đã báo cáo, xin chỉ thị những vấn đề thuộc thẩm quyền của người đứng đầu nhưng không kịp thời giải quyết theo quy định.

5. Đưa ra ý kiến chỉ đạo trái pháp luật, chung chung, không rõ ràng, không nhất quán, gây lãng phí ngân sách, tài sản của Nhà nước; tham mưu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản trái pháp luật; không thực hiện đúng thời hạn nhiệm vụ được giao.

6. Cấp phó, người đại diện hoặc người được ủy quyền làm trái chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà pháp luật đã giao cho người đứng đầu.

7. Đề cấp phó và cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý tham nhũng, lãng phí.

8. Đề tình trạng đơn, thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp, kéo dài.

9. Xử lý không nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật của cấp dưới hoặc bao che cho hành vi vi phạm pháp luật của cấp dưới.

Điều 11. Trường hợp đặc biệt

Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước thực hiện cơ chế điều hành tập thể, khi giải quyết vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của tập thể lãnh đạo, nếu ý kiến của đa số thành viên lãnh đạo là trái với chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước mà người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu được phân công lãnh đạo, quản lý lĩnh vực đó không có ý kiến khác thì phải bị xử lý trách nhiệm nặng hơn một mức so với các thành viên khác trong tập thể lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước theo quy định tại Nghị định này.

Điều 12. Nguyên tắc xem xét xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu

Khi xử lý người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu vi phạm chế độ trách nhiệm, ngoài việc thực hiện các nguyên tắc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật hiện hành, còn phải thực hiện các nguyên tắc sau:

1. Việc xử lý người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu vi phạm chế độ trách nhiệm của người đứng đầu phải được tiến hành một cách công minh, công khai, khách quan, đúng pháp luật, đúng thủ tục, đúng tính chất và mức độ của hành vi vi phạm; không xử lý oan, sai; không để lọt hành vi vi phạm;

2. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu có cùng hành vi vi phạm pháp luật có tính chất và mức độ như nhau, thì người đứng đầu bị xử lý nặng hơn một mức so với cấp phó của người đứng đầu.

Điều 13. Các trường hợp được miễn, giảm nhẹ trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu

1. Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu không thể biết hoặc đã làm hết trách nhiệm và áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng, lãng phí hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác;

b) Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu phụ trách lĩnh vực được phân công đã ban hành văn bản pháp luật để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật do mình ban hành và khắc phục xong hậu quả do việc ban hành và thực hiện văn bản trái pháp luật đó gây ra;

c) Do thiên tai, địch họa, các tai nạn rủi ro khác hoặc trường hợp bất khả kháng mà người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã có biện pháp phòng, chống;

d) Người đứng đầu vắng mặt tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và có văn bản ủy quyền cho cấp phó trong thời gian vắng mặt; cấp phó của người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về hành vi, quyết định của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu trong văn bản ủy quyền;

d) Trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phải chấp hành quyết định của cấp trên, khi có căn cứ để cho là quyết định đó trái pháp luật thì phải báo cáo ngay với người ra quyết định; trong trường hợp vẫn phải chấp hành thì phải báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.

2. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu vi phạm chế độ trách nhiệm được xem xét giảm nhẹ một mức kỷ luật khi người đó đã tự nhận hành vi vi phạm,

có đơn xin từ chức và đã khắc phục hậu quả do mình gây ra, được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 14. Các trường hợp tăng nặng trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu vi phạm chế độ trách nhiệm sẽ bị xem xét tăng nặng trách nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Báo cáo sai sự thật về tình hình thực hiện, kết quả thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao;
2. Phương tiện thông tin đại chúng đưa tin về hiện tượng vi phạm pháp luật tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cấp trên phát hiện và đã kịp thời có ý kiến chỉ đạo nhưng người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu không thực hiện hoặc không áp dụng ngay biện pháp để xử lý, dẫn đến xảy ra hậu quả;
3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đã bị xử lý kỷ luật về hành vi vi phạm chế độ trách nhiệm mà lại tái phạm hoặc thiếu trung thực trong báo cáo, tường trình, tiếp thu phê bình, kiểm điểm hoặc cố tình né tránh, dùn dầy trách nhiệm.

Điều 15. Khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện, khởi kiện và kháng cáo

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước có quyền khiếu nại, khiếu kiện, khởi kiện hoặc kháng cáo theo quy định của pháp luật đối với quyết định xử lý trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền.
2. Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm chế độ trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực, hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.
2. Cơ quan có thẩm quyền của tổ chức chính trị hướng dẫn việc áp dụng và kiểm tra việc thực hiện Nghị định này đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.
3. Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm kiểm tra việc thi hành Nghị định này

trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp nhà nước quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
NGUYỄN TẤN DŨNG

Bản sao lưu trữ

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 71/2007/TTLT-BTC-BNV NGÀY 26-6-2007
CỦA BỘ TÀI CHÍNH VÀ BỘ NỘI VỤ**

**Hướng dẫn sửa đổi Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV
ngày 17-01-2006 của liên Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện
Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17-10-2005 của Chính phủ quy định chế độ
tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính
đối với các cơ quan nhà nước**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Để phù hợp với tình hình thực tế, liên Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn sửa đổi Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 của liên Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước như sau:

1. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 3 điểm g khoản 2 mục II Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV như sau:

“ - Tạm chi trước thu nhập tăng thêm:

Đề động viên cán bộ công chức phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; căn cứ tình hình thực hiện của quý trước, nếu xét thấy cơ quan có khả năng tiết kiệm được kinh phí; Thủ trưởng cơ quan căn cứ vào số kinh phí có thể tiết kiệm được để quyết định tạm chi trước thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức trong cơ quan theo quý. Mức tạm chi hàng quý tối đa không quá 60% quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ do nhà nước quy định trong một quý của cơ quan.

Kết thúc năm, trước ngày 31/01 năm sau, cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ tự chủ tự xác định số kinh phí tiết kiệm được của năm trước gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thanh toán thu nhập tăng thêm theo chế độ quy định. Trên cơ sở văn bản đề nghị của đơn vị, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thanh toán thu nhập tăng thêm cho cơ quan thực hiện chế độ tự chủ (bao gồm cả thanh toán tạm ứng và thanh toán trực tiếp) bảo đảm không vượt quá mức tối đa quy định.

Khi quyết toán của cơ quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp số kinh phí thực tiết kiệm cao hơn, đơn vị được tiếp tục chi trả thu nhập tăng thêm

theo chế độ quy định. Trường hợp số kinh phí tiết kiệm thấp hơn số cơ quan thực hiện chế độ tự chủ xác định, căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền và đề nghị của cơ quan thực hiện chế độ tự chủ, thì Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thu hồi bằng cách trừ vào kinh phí tiết kiệm năm tiếp theo của cơ quan.”

2. Tổ chức thực hiện

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

Những quy định khác tại Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 của liên Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí vẫn có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Thú trưởng

ĐẶNG QUỐC TIỀN

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thú trưởng

ĐỖ HOÀNG ANH TUẤN

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 14/2008/TTLT-BTC-BTNMT NGÀY 31-01-2008
CỦA BỘ TÀI CHÍNH VÀ BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**
**Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày
25-5-2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết
kiếu nại về đất đai**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Liên Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai (gọi là Nghị định số 84/2007/NĐ-CP) như sau:

I. THỦ TỤC GHI NỢ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 5

1. Các trường hợp được ghi nợ tiền sử dụng đất:

Hộ gia đình, cá nhân chưa đủ khả năng nộp tiền sử dụng đất mà có nguyện vọng ghi nợ thì được ghi nợ tiền sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi là Giấy chứng nhận) trong các trường hợp sau đây:

1.1. Hộ gia đình, cá nhân được chuyển mục đích sử dụng đất, được cấp Giấy chứng nhận mà phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 6, Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất (gọi là Nghị định số 198/2004/NĐ-CP).

1.2. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất tái định cư.

2. Thủ tục ghi nợ tiền sử dụng đất:

2.1. Kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2007 (ngày Nghị định số 84/2007/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), hộ gia đình, cá nhân chưa đủ khả năng nộp tiền sử dụng đất nêu tại khoản 1 Mục này có đơn đề nghị được ghi nợ tiền sử dụng đất kèm theo hồ sơ

xin cấp Giấy chứng nhận hoặc hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất hoặc hồ sơ giao đất tái định cư thì được ghi nợ tiền sử dụng đất.

2.2. Khi thực hiện cấp Giấy chứng nhận hoặc chỉnh lý Giấy chứng nhận thì Phòng Tài nguyên và Môi trường phải ghi nội dung "nợ tiền sử dụng đất" trên trang 4 của Giấy chứng nhận; ký, đóng dấu xác nhận nội dung ghi nợ nêu trên; thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế biết các trường hợp ghi nợ tiền sử dụng đất.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã nộp Đơn xin ghi nợ tiền sử dụng đất và hồ sơ (đầy đủ, hợp lệ) xin cấp Giấy chứng nhận hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần (gọi là Nghị định số 17/2006/NĐ-CP) trước ngày 02 tháng 7 năm 2007 mà chưa được cấp Giấy chứng nhận thì vẫn tiếp tục được cấp Giấy chứng nhận và được ghi nợ tiền sử dụng đất trên Giấy chứng nhận theo quy định tại Nghị định số 17/2006/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 70/2006/TT-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP (gọi là Thông tư số 70/2006/TT-BTC).

II. XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP ĐÃ CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN THỦ TỤC CHUYỂN QUYỀN QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 11

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất hoặc nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà chưa được cấp Giấy chứng nhận, không có một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai nhưng có giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của bên chuyển quyền (kể cả trường hợp không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chuyển quyền), nay nếu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận thì không phải thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nhưng phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 198/2004/NĐ-CP, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP; lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật.

Giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành theo quy định của Chính phủ có hiệu lực thi hành tại thời điểm nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

III. CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC GIAO KHÔNG ĐÚNG THẨM QUYỀN TRƯỚC NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2004 NHƯNG NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ NỘP TIỀN ĐỂ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐẤT QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 16

1. Giấy tờ chứng minh về việc đã nộp tiền cho cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 16 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP là một trong các loại sau đây:

1.1. Biên lai (phiếu thu, hoá đơn) thu tiền để được sử dụng đất, thu tiền đền bù theo Quyết định số 186/HĐBT ngày 31 tháng 5 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng về đền bù thiệt hại đất nông nghiệp, đất có rừng khi chuyển sang sử dụng vào mục đích khác.

1.2. Biên lai (phiếu thu, hoá đơn) thu tiền theo Thông tư số 60/TC-TCT ngày 16 tháng 7 năm 1993 của Bộ Tài chính về hướng dẫn bổ sung việc giảm thuế, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

1.3. Biên lai (phiếu thu, hoá đơn) theo quy định về thu tiền đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoặc của cơ quan, tổ chức giao đất không đúng thẩm quyền đã được các cơ quan, tổ chức đó cấp cho hộ gia đình, cá nhân.

2. Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã nộp tiền sử dụng đất mà giấy tờ chỉ còn lưu tại cơ quan, tổ chức đã thu tiền hoặc cơ quan, tổ chức khác có liên quan thì cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm cung cấp các giấy tờ đang lưu giữ để người sử dụng đất hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận.

IV. VIỆC XỬ LÝ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI TRONG TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC KINH TẾ LIÊN DOANH CHUYỂN THÀNH TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ 100% VỐN NƯỚC NGOÀI QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 23

Tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài chuyển thành tổ chức kinh tế có một trăm phần trăm (100%) vốn nước ngoài thì diện tích đất đã góp vốn vào liên doanh phải chuyển sang hình thức Nhà nước cho thuê đất và được lựa chọn hình thức trả tiền thuê đất một lần hoặc trả tiền thuê đất hàng năm.

1. Việc xử lý đối với giá trị quyền sử dụng đất đã góp vốn vào liên doanh của bên Việt Nam thực hiện như sau:

1.1. Nộp ngân sách nhà nước phần vốn ngân sách nhà nước cấp được tính bằng giá trị quyền sử dụng đất theo thời hạn chuyển nhượng vốn tính từ thời điểm sử dụng quyền sử dụng đất góp vốn liên doanh đến thời điểm chuyển nhượng với diện tích đất góp vốn và đơn giá thuê đất theo Hợp đồng nhận nợ với cơ quan tài chính (đối với trường hợp đã nhận nợ giá trị vốn góp bằng quyền sử dụng đất theo quy định tại Thông tư số 70-TC/QLCS ngày 07 tháng 10 năm 1997 của Bộ Tài

chính hướng dẫn việc nộp tiền thuê đất, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất của các tổ chức trong nước theo quy định tại Nghị định số 85/CP ngày 17 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ) hoặc Biên bản (văn bản) giao nhận vốn (đối với trường hợp đã giao nhận vốn theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 1998 và Thông tư số 35/2001/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc nộp tiền thuê đất, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước) hoặc Giấy phép đầu tư (đối với trường hợp chưa nhận nợ hoặc chưa giao nhận vốn với nhà nước).

1.2. Nộp ngân sách nhà nước thu sử dụng vốn ngân sách nhà nước bằng giá trị quyền sử dụng đất được phép góp vốn liên doanh như sau:

a) Đối với doanh nghiệp bên Việt Nam chưa nhận nợ hoặc chưa nhận giao vốn và chưa nộp tiền thu sử dụng vốn cho ngân sách nhà nước thì thực hiện nộp thu sử dụng vốn như sau:

- Từ thời điểm được sử dụng đất góp vốn đến ngày 31 tháng 12 năm 2000 thì mức nộp là 3%/năm tính trên số vốn góp bằng giá trị quyền sử dụng đất.

- Từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2001 đến ngày 01 tháng 01 năm 2002 thì mức nộp là 1,8%/năm tính trên số vốn góp bằng giá trị quyền sử dụng đất.

b) Đối với các doanh nghiệp (bên Việt Nam) đã giao nhận nợ hoặc đã giao nhận vốn và đã nộp thu sử dụng vốn vào ngân sách nhà nước thì phải nộp thu sử dụng vốn của thời gian chưa nộp tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2001.

1.3. Doanh nghiệp bên Việt Nam được ghi giảm vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi nộp ngân sách nhà nước phần vốn ngân sách nhà nước bằng giá trị quyền sử dụng đất đã góp vào liên doanh theo điểm 1.1 khoản 1 Mục này (đối với trường hợp đã được cấp có thẩm quyền quyết định ghi tăng vốn nhà nước bằng giá trị quyền sử dụng đất đã góp vốn liên doanh).

1.4. Đối với giá trị quyền sử dụng đất góp vốn liên doanh của bên Việt Nam có nguồn gốc từ đất giao có thu tiền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả không có nguồn gốc từ ngân sách thì doanh nghiệp bên Việt Nam không phải nộp ngân sách nhà nước số vốn góp bằng giá trị quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng và thu sử dụng vốn theo quy định tại điểm 1.1, 1.2 khoản 1 Mục này.

2. Tổ chức kinh tế có 100% vốn nước ngoài nhận chuyển nhượng phần vốn góp của bên Việt Nam bằng giá trị quyền sử dụng đất phải làm thủ tục thuê đất và không phải trả tiền thuê đất đối với thời gian mà bên Việt Nam đã chuyển nhượng

vốn góp bằng giá trị quyền sử dụng đất. Hết thời hạn nhận chuyển nhượng phần vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất của bên Việt Nam, tổ chức kinh tế có 100% vốn nước ngoài phải nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm nộp tiền thuê đất.

3. Trình tự, hồ sơ, thủ tục nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản mà nhà đầu tư trong nước phải nộp theo quy định tại điểm 1.1, 1.3 khoản 1 Mục này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

4. Sau khi các bên hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm ra quyết định chốt dứt Hợp đồng thuê đất đối với tổ chức kinh tế trong nước; trình UBND cấp tỉnh quyết định cho tổ chức kinh tế có 100% vốn nước ngoài thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai.

V. NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 24

1. Trình tự, thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất:

1.1. Đối với trường hợp tổ chức kinh tế trong nước được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc được Nhà nước cho thuê đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm (05) năm mà số tiền sử dụng đất đã nộp, tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả, tiền thuê đất đã nộp không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì sau khi hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất đã được công chứng, bên chuyển nhượng nộp hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư và Giấy chứng nhận tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có đất để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 127 của Luật Đất đai và Điều 148 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai (gọi là Nghị định số 181/2004/NĐ-CP). Trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư thuộc khu kinh tế, khu công nghệ cao thì hợp đồng chuyển nhượng không công chứng nhưng phải có xác nhận của Ban quản lý khu kinh tế, khu công nghệ cao.

Sau khi các bên chuyển nhượng dự án hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho thuê đất, cấp mới Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án có sử dụng đất hoặc chỉnh lý Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án có sử dụng đất; Sở Tài nguyên và

Môi trường ký hợp đồng thuê đất với bên nhận chuyển nhượng dự án có sử dụng đất.

1.2. Đối với trường hợp tổ chức kinh tế trong nước được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; được Nhà nước cho thuê đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm (05) năm mà số tiền sử dụng đất đã nộp, tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tiền thuê đất đã trả có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất để góp vốn bằng quyền sử dụng đất thì sau khi hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất đã được công chứng, bên chuyển nhượng nộp hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư và Giấy chứng nhận tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện như đối với trường hợp bán tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 158 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP. Trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư thuộc khu kinh tế, khu công nghệ cao thì hợp đồng chuyển nhượng dự án có sử dụng đất không công chứng nhưng phải có xác nhận của Ban quản lý khu kinh tế, khu công nghệ cao.

1.3. Sau khi các bên chuyển nhượng dự án hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất đối với bên chuyển nhượng dự án và quyết định cho thuê đất; thanh lý hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp bên chuyển nhượng dự án được Nhà nước cho thuê đất); trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đối với bên nhận chuyển nhượng dự án; ký Hợp đồng thuê đất đối với bên nhận chuyển nhượng dự án.

2. Giá trị hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư bao gồm giá trị đầu tư và giá trị quyền sử dụng đất đối với trường hợp bên chuyển nhượng dự án sử dụng đất nêu tại điểm 1.1 khoản 1 Mục này.

VI. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 28

1. Trình tự, thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất kèm theo chuyển mục đích sử dụng đất mà phải xin phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư của tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân (gọi là nhà đầu tư) được thực hiện như sau:

1.1. Nhà đầu tư trước khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất kèm theo chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải có văn bản gửi Ủy ban

nhân dân cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để xin chấp thuận về chủ trương đầu tư. Căn cứ quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời nhà đầu tư bằng văn bản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận chủ trương đầu tư; trong trường hợp không chấp thuận thì phải nêu rõ lý do.

1.2. Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư thì nhà đầu tư nộp một (01) bộ hồ sơ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (nếu bên chuyển nhượng là tổ chức kinh tế); tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường (nếu bên chuyển nhượng là hộ gia đình, cá nhân); hồ sơ gồm có:

- a) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất;
- b) Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất (trong đó nêu rõ số thửa, tổng diện tích đất và hình thức nộp tiền sử dụng đất hoặc thuê đất);
- c) Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư nêu tại điểm 1.1 khoản này;
- d) Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai (nếu có);
- d) Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư (đối với tổ chức kinh tế).

1.3. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 148 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 134 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP trước khi chỉnh lý hoặc cấp mới Giấy chứng nhận; chuyển số liệu địa chính của loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất cho Sở Tài chính để làm cơ sở tính thu tiền sử dụng đất.

2. Nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất như sau:

2.1. Sau khi hoàn thành việc thẩm định giá đất mà nhà đầu tư đã trả để được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất mà nhà đầu tư đã trả để được nhận chuyển nhượng.

2.2. Việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thực hiện như sau:

a) Trường hợp nhà đầu tư lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất thì phải nộp tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa thu tiền sử dụng đất tính theo loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất với tiền nhận chuyển

nhượng quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nêu tại điểm 2.1 khoản này nhưng tối đa không vượt quá số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất tương ứng với trường hợp khi Nhà nước thu hồi đất;

b) Trường hợp nhà đầu tư lựa chọn hình thức thuê đất thì số tiền nhận chuyển nhượng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nêu tại điểm 2.1 khoản này được trừ vào số tiền thuê đất phải nộp theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 28 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP nhưng tối đa không vượt quá số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất tương ứng với trường hợp khi Nhà nước thu hồi đất.

Trường hợp nhà đầu tư thuê dịch vụ tư vấn để xác định giá đất nhận chuyển nhượng để trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP thì giá đất để xác định đơn giá thuê đất cũng phải do dịch vụ tư vấn xác định, Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

VII. VIỆC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI ĐẤT NÔNG NGHIỆP XEN KẼ TRONG KHU DÂN CƯ VÀ ĐẤT VƯỜN, AO LIỀN KẼ VỚI ĐẤT Ở TRONG KHU DÂN CƯ QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 43

1. Diện tích được hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP là toàn bộ diện tích đất nông nghiệp; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thuộc phạm vi các khu vực sau:

a) Trong phạm vi địa giới hành chính phường;

b) Trong phạm vi khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn mà ranh giới khu dân cư đã được thể hiện trên bản đồ quy hoạch khu dân cư nông thôn hoặc đã được thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất chi tiết của xã, thị trấn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; trường hợp khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn mà chưa có quy hoạch khu dân cư, quy hoạch sử dụng đất chi tiết của xã, thị trấn được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

2. Diện tích được hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP đối với thửa đất nông nghiệp không có nhà ở là không quá năm (05) lần hạn mức giao đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 83, khoản 5 Điều 84 của Luật Đất đai.

3. Đối với thửa đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư và đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư bị thu hồi mà có ranh giới tiếp giáp với nhiều thửa đất có giá khác nhau thì giá đất để tính tiền hỗ trợ là giá bình quân của các thửa đất ở liền kề; trường hợp các thửa đất liền kề không phải là đất ở thì

giá đất ở làm căn cứ để tính tiền hỗ trợ là giá đất ở của thửa đất có nhà ở gần nhất hoặc giá đất ở bình quân của các thửa đất có nhà ở gần nhất.

VIII. KINH PHÍ CHUẨN BỊ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH CHO KHU ĐẤT BỊ THU HỒI QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 50

1. Kinh phí chi cho việc chỉnh lý bản đồ địa chính, trích lục bản đồ địa chính, trích do địa chính, trích sao hồ sơ địa chính do cơ quan Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án do chủ đầu tư của dự án chi trả và quyết toán vào nguồn vốn đầu tư của dự án.

2. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố mà chưa có dự án đầu tư thì khoản kinh phí nêu tại khoản 1 Mục này do Tổ chức phát triển quỹ đất chi trả và quyết toán vào nguồn kinh phí hoạt động của Tổ chức phát triển quỹ đất; đối với địa phương chưa có Tổ chức phát triển quỹ đất thì cơ quan Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quyết toán vào nguồn kinh phí được giao của đơn vị.

IX. LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ XÉT DUYỆT PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 51 VÀ LẬP, THẨM ĐỊNH, XÉT DUYỆT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 56

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và nộp một (01) bộ hồ sơ tại Sở Tài chính đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất có liên quan từ hai (02) quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên và những phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; nộp tại Phòng Tài chính đối với phương án thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

2. Cơ quan Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan cùng cấp thẩm định phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuyển đến để trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xét duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quyết định thành lập Hội đồng thẩm định do Thủ trưởng cơ quan Tài chính làm Chủ tịch Hội đồng.

3. Nội dung thẩm định phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định

cur bao gồm các chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được áp dụng; phương án bố trí tái định cư và dự toán nguồn kinh phí thực hiện phương án.

Nội dung thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bao gồm việc áp dụng cụ thể chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư; việc áp giá đất, giá tài sản để tính bồi thường, các khoản hỗ trợ; phương án thực hiện bố trí tái định cư và nguồn kinh phí để chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư áp dụng cụ thể cho dự án.

4. Kinh phí lập và thẩm định phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án được sử dụng từ khoản kinh phí chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP và hướng dẫn tại Mục VII Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP, Mục 4 Thông tư số 69/2006/TT-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 116/2004/TT-BTC và Thông tư số 126/2007/TT-BTC ngày 30/10/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các dự án xây dựng công trình giao thông trên địa bàn các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

X. HIỆU LỰC THI HÀNH QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 67

Những dự án, hạng mục đã thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước ngày 02 tháng 7 năm 2007 (ngày Nghị định số 84/2007/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) thì không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP.

Đối với những dự án, hạng mục đã phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nhưng chưa thực hiện hoặc chưa thực hiện xong việc chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước ngày Nghị định số 84/2007/NĐ-CP có hiệu lực thi hành mà sau đó giá đất cao hơn giá đất đã phê duyệt thì chỉ thực hiện việc điều chỉnh giá đất theo quy định tại khoản 4 Điều 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP; không áp dụng các quy định khác về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định tại Nghị định số 84/2007/NĐ-CP.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bãi bỏ những quy định hướng dẫn thực hiện khoản 6 và khoản 8 Điều 8, Điều 41, Điều 42, Điều 47, Điều 49 và đoạn 2 khoản 2 Điều 50 Nghị định số 197/2004/ND-CP tại Thông tư số 116/2004/TT-BTC và tại Thông tư số 69/2006/TT-BTC.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc thì phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Thứ trưởng
TRẦN THẾ NGỌC

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
Thứ trưởng
ĐỖ HOÀNG ANH TUẤN

Bản sao lưu trữ

NGHỊ ĐỊNH SỐ 20/2008/NĐ-CP NGÀY 14-02-2008
CỦA CHÍNH PHỦ
Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về
quy định hành chính

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng
11 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

Nghị định này không quy định về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng cho các đối tượng sau:

1. Cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.
2. Cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Quy định hành chính là những quy định về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh và đời sống nhân dân, thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có phản ánh, kiến nghị.

3. Tổ chức là doanh nghiệp, hội, hiệp hội doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật có phản ánh, kiến nghị.

4. Phản ánh là việc cá nhân, tổ chức có ý kiến với cơ quan hành chính nhà nước về những vấn đề liên quan đến quy định hành chính, bao gồm: những vướng mắc cụ thể trong thực hiện; sự không hợp pháp, không hợp lý, không đồng bộ, không thống nhất với hệ thống pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và những vấn đề khác.

5. Kiến nghị là việc cá nhân, tổ chức có phản ánh với cơ quan hành chính nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều này và đề xuất phương án xử lý hoặc có sáng kiến ban hành mới quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

Điều 4. Nguyên tắc tiếp nhận, xử lý

1. Tuân thủ pháp luật.
2. Công khai, minh bạch.
3. Quy trình cụ thể, rõ ràng, thống nhất.
4. Thủ tục tiếp nhận đơn giản, thuận tiện.
5. Tiếp nhận, xử lý đúng thẩm quyền.
6. Phối hợp trong xử lý phản ánh, kiến nghị.

Chương II

NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ YÊU CẦU VỀ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ

Điều 5. Nội dung phản ánh, kiến nghị

1. Những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của cán bộ, công chức.

2. Sự không phù hợp của quy định hành chính với thực tế.
3. Sự không đồng bộ, không thống nhất của các quy định hành chính.
4. Quy định hành chính không hợp pháp.
5. Quy định hành chính trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.
6. Những vấn đề khác liên quan đến quy định hành chính.
7. Phương án xử lý những phản ánh quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

8. Sáng kiến ban hành mới quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

Điều 6. Hình thức phản ánh, kiến nghị

Các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được thực hiện thông qua một trong các hình thức sau:

1. Văn bản.
2. Điện thoại.
3. Phiếu lấy ý kiến.

Điều 7. Yêu cầu đối với phản ánh, kiến nghị

1. Yêu cầu đối với phản ánh, kiến nghị bằng văn bản:

a) Cá nhân, tổ chức chuyển văn bản đến cơ quan tiếp nhận thông qua một trong những cách thức sau:

- Trực tiếp chuyển đến cơ quan tiếp nhận;
- Thông qua dịch vụ bưu chính;
- Gửi thông điệp dữ liệu qua mạng máy tính điện tử (thư điện tử, trang tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử).

b) Sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt.

c) Thể hiện rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

d) Ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại (hoặc địa chỉ thư tín khi cần liên hệ) của cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

2. Yêu cầu đối với phản ánh, kiến nghị bằng điện thoại:

a) Chỉ thực hiện phản ánh, kiến nghị thông qua số điện thoại chuyên dùng đã công bố công khai.

b) Sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt.

c) Trình bày rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

d) Thông báo tên, địa chỉ, số điện thoại (hoặc địa chỉ thư tín khi cần liên hệ) của cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

đ) Cán bộ, công chức tiếp nhận phải thể hiện trung thực nội dung phản ánh, kiến nghị bằng văn bản.

3. Yêu cầu đối với phản ánh, kiến nghị bằng Phiếu lấy ý kiến:

a) Chỉ áp dụng khi các cơ quan hành chính nhà nước muốn lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính cụ thể.

b) Việc gửi Phiếu lấy ý kiến đến các cá nhân, tổ chức thực hiện thông qua một hoặc nhiều cách thức sau:

- Gửi công văn lấy ý kiến

- Lấy ý kiến qua phương tiện thông tin đại chúng;
 - Gửi thông điệp dữ liệu qua mạng máy tính điện tử (thư điện tử, lấy ý kiến công khai trên trang tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử).
- c) Sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt.
- d) Nội dung Phiếu lấy ý kiến phải thể hiện rõ những vấn đề cần lấy ý kiến.

Chương III

TIẾP NHẬN PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ

Điều 8. Cơ quan tiếp nhận phản ánh, kiến nghị

1. Văn phòng Chính phủ giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

2. Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Đối với hình thức phản ánh, kiến nghị thông qua Phiếu lấy ý kiến, cơ quan hành chính nhà nước nào gửi Phiếu lấy ý kiến thì cơ quan đó tiếp nhận.

Điều 9. Quy trình tiếp nhận phản ánh, kiến nghị

1. Đối với các phản ánh, kiến nghị được thực hiện thông qua hình thức văn bản, điện thoại, cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận phải tuân thủ quy trình sau:

a) Hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện phản ánh, kiến nghị theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 7 Nghị định này.

b) Nhận phản ánh, kiến nghị.

c) Vào sổ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

d) Nghiên cứu, đánh giá và phân loại phản ánh, kiến nghị:

- Phản ánh, kiến nghị không tiếp nhận do không đáp ứng các yêu cầu quy định tại các khoản 1, 2 Điều 7 Nghị định này;

- Phản ánh, kiến nghị về những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định

hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của cán bộ, công chức;

Trường hợp này, cơ quan tiếp nhận phải chuyển phản ánh kiến nghị tới cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan tiếp nhận;

- Phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính không thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan tiếp nhận.

Trường hợp này, cơ quan tiếp nhận phải chuyển phản ánh, kiến nghị tới cơ quan có thẩm quyền xử lý trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận.

đ) Lưu giữ hồ sơ các phản ánh, kiến nghị đã được tiếp nhận theo quy định của pháp luật về văn thư lưu trữ, đồng thời, lưu vào cơ sở dữ liệu điện tử những phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận.

2. Đối với các phản ánh, kiến nghị được thực hiện thông qua hình thức Phiếu lấy ý kiến, cơ quan hành chính nhà nước muốn lấy ý kiến cá nhân, tổ chức phải tuân thủ quy trình sau:

a) Xác định nội dung cần lấy ý kiến.

b) Xác định cá nhân, tổ chức là đối tượng cần lấy ý kiến.

c) Lập Phiếu lấy ý kiến.

d) Xác định cách thức gửi Phiếu lấy ý kiến và nhận ý kiến trả lời.

đ) Gửi Phiếu lấy ý kiến đến đối tượng thông qua một hoặc nhiều cách thức quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

e) Theo dõi, đôn đốc các cá nhân, tổ chức trả lời theo hạn định.

g) Vào sổ tiếp nhận khi nhận được các ý kiến trả lời.

h) Tập hợp, nghiên cứu, đánh giá, phân loại.

i) Quyết định việc xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển phản ánh, kiến nghị tới cấp có thẩm quyền xử lý.

k) Lưu giữ hồ sơ về các phản ánh, kiến nghị đã được tiếp nhận theo quy định của pháp luật về văn thư lưu trữ, đồng thời, lưu vào cơ sở dữ liệu điện tử.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận phản ánh, kiến nghị

1. Bố trí cán bộ, công chức hoặc bộ phận thực hiện tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

2. Lắp đặt số điện thoại chuyên dùng, kết nối mạng máy tính điện tử và thiết lập địa chỉ website, email.

3. Công bố công khai địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư tín, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ website, địa chỉ email theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

4. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị theo đúng quy trình quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Điều 11. Trách nhiệm của cán bộ, công chức thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị

1. Hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện phản ánh, kiến nghị theo quy định.
2. Không chậm trễ hoặc gây khó khăn, nhùng nhằng khi tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.
3. Tuân thủ đúng quy trình, thời hạn tiếp nhận.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị

1. Có quyền phản ánh, kiến nghị với các cơ quan hành chính nhà nước về quy định hành chính.
2. Có quyền yêu cầu cơ quan hành chính nhà nước đã tiếp nhận thông báo về tình hình xử lý phản ánh, kiến nghị.
3. Phản ánh, kiến nghị phải được trình bày với các cơ quan hành chính nhà nước một cách rõ ràng, trung thực, có căn cứ.
4. Phản ánh, kiến nghị theo đúng hình thức, yêu cầu quy định tại Nghị định này.

Điều 13. Công khai trong tiếp nhận phản ánh, kiến nghị

1. Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm công khai địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư tín, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ website, địa chỉ email thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (Website Chính phủ) hoặc Trang tin điện tử (website) do Thủ tướng Chính phủ chỉ định.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm công khai địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư tín, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ website, địa chỉ email thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang tin điện tử (website) của Bộ, cơ quan mình và niêm yết công khai tại trụ sở các cơ quan hành chính trực thuộc Bộ, cơ quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công khai địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư tín, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ website, địa chỉ email thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên

Công thông tin điện tử hoặc Trang tin điện tử (website) của cơ quan mình và niêm yết công khai tại trụ sở các cơ quan hành chính trực thuộc.

4. Ngoài hình thức công khai nêu trên, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể sử dụng các hình thức công khai khác tùy theo điều kiện từng cơ quan.

Chương IV **XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ**

Điều 14. Quy trình xử lý phản ánh, kiến nghị của cơ quan hành chính nhà nước

1. Đối với phản ánh, kiến nghị về những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính, cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền xử lý phải xử lý theo đúng quy trình đã được pháp luật quy định.

2. Đối với phản ánh, kiến nghị về nội dung quy định hành chính, cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền xử lý phải tuân thủ quy trình sau:

a) Làm việc trực tiếp với cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị để làm rõ những nội dung có liên quan (nếu thấy cần thiết).

b) Nghiên cứu, đánh giá và phân loại phản ánh, kiến nghị:

- Phản ánh, kiến nghị chưa đủ cơ sở xem xét xử lý, cần tiếp tục tập hợp để nghiên cứu;

- Phản ánh, kiến nghị có đủ cơ sở để xem xét xử lý.

c) Đối với phản ánh, kiến nghị có đủ cơ sở xem xét xử lý, cơ quan có thẩm quyền xử lý phải tiến hành xem xét quy định hành chính được phản ánh, kiến nghị theo các tiêu chí sau:

- Sự cần thiết;

- Tính hợp lý, hợp pháp;

- Tính đơn giản, dễ hiểu;

- Tính khả thi;

- Sự thống nhất, đồng bộ với các quy định hành chính khác;

- Sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

d) Quyết định xử lý.

d) Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị.

e) Tổ chức lưu giữ hồ sơ về phản ánh, kiến nghị đã được xử lý theo quy định của pháp luật về văn thư lưu trữ, đồng thời lưu vào cơ sở dữ liệu điện tử.

Điều 15. Hình thức xử lý phản ánh, kiến nghị

Cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền xử lý phản ánh, kiến nghị lựa chọn một trong các hình thức sau để xử lý:

1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, huỷ bỏ quy định hành chính theo thẩm quyền.
2. Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, huỷ bỏ quy định hành chính không đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định này.
3. Ban hành theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quy định hành chính mới phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong xử lý phản ánh, kiến nghị

1. Chỉ đạo việc xem xét, nghiên cứu các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý.
2. Đối với các phản ánh, kiến nghị không đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định này, tùy theo thẩm quyền quyết định, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm:
 - a) Sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định.
 - b) Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ, bãi bỏ những quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của những cơ quan này.
 - c) Đề nghị Thủ tướng Chính phủ:
 - Bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thực hiện những quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
 - Sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
 - Xem xét, đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ những quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của các cơ quan này.
3. Tổ chức lưu trữ hồ sơ, tài liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và kết quả xử lý.
4. Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị.
5. Đôn đốc, kiểm tra và kịp thời có biện pháp cần thiết để chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong xử lý phản ánh, kiến nghị.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ trong xử lý phản ánh, kiến nghị

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 16 Nghị định này, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ còn có trách nhiệm:

1. Giúp Thủ tướng Chính phủ đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý dứt điểm, kịp thời và đúng thẩm quyền những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

2. Giúp Thủ tướng Chính phủ phát hiện và yêu cầu các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền xử lý những quy định hành chính không đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định này.

3. Tổ chức nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính liên quan đến hai hay nhiều cơ quan hành chính nhà nước khác nhau và các cơ quan này không thống nhất được về phương án xử lý; những phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính đã được các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý, nhưng cá nhân, tổ chức vẫn tiếp tục phản ánh, kiến nghị; những phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 18. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong xử lý phản ánh, kiến nghị

1. Chỉ đạo việc xem xét, nghiên cứu các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với các phản ánh, kiến nghị không đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định này, tùy theo thẩm quyền quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành:

a) Sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định.

b) Đề nghị Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của các cơ quan này.

c) Kiến nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ các quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của các cơ quan này.

d) Đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

- Bãi bỏ hoặc đình chỉ thực hiện những quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân cùng cấp;

- Sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- Xem xét, đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ sửa

đôi, bổ sung, huỷ bỏ những quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của các cơ quan này.

3. Tổ chức lưu trữ hồ sơ, tài liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và kết quả xử lý.

4. Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị.

5. Đôn đốc, kiểm tra và kịp thời có biện pháp cần thiết để chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong xử lý phản ánh, kiến nghị.

Điều 19. Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị

Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm tổ chức công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Việc công khai được thực hiện thông qua một hoặc nhiều hình thức sau:

1. Đăng tải trên Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử (website) của cơ quan.

2. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Gửi công văn thông báo cho cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

4. Các hình thức khác.

Chương V

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM

Điều 20. Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử

1. Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thống nhất trong toàn quốc.

b) Công bố công khai cơ sở dữ liệu điện tử các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (Website Chính phủ).

c) Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử về các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử về các phản ánh kiến nghị về quy định hành chính theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

b) Phối hợp với Văn phòng Chính phủ trong việc quản lý, công khai và khai thác sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử này.

Điều 21. Kinh phí thực hiện

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy

định hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước được ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán chi ngân sách thường xuyên của các cơ quan này theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện việc nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính cho các cơ quan này.

Điều 22. Chế độ thông tin báo cáo

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình và kết quả thực hiện việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

2. Văn phòng Chính phủ định kỳ 6 tháng một lần tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của Văn phòng Chính phủ, của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Khen thưởng

1. Cá nhân, tổ chức có những phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính đem lại hiệu quả thiết thực, giúp cơ quan hành chính nhà nước sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ, bãi bỏ những quy định hành chính không phù hợp với các tiêu chí quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định này thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị có trách nhiệm đề xuất hình thức khen thưởng cho cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

2. Cán bộ, công chức, người đứng đầu cơ quan tổ chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quy định của Nghị định này được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Xử lý vi phạm

Cán bộ, công chức, Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước được giao nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định

hành chính nếu vi phạm hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo các quy định tại Nghị định này thì phải chịu trách nhiệm kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Quyết định số 22/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2006 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Văn phòng Chính phủ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
NGUYỄN TÁN DŨNG

**II. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
ĐƠN VỊ TRONG VIỆC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, THỰC HÀNH
TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 19/2008/NĐ-CP NGÀY 14-02-2008
CỦA CHÍNH PHỦ**

Quy định chế độ phụ cấp trách nhiệm trong hoạt động phòng, chống tham nhũng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng số 01/2007/QH12 ngày 04 tháng 8 năm 2007;

Căn cứ Nghị quyết số 1039/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 28 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị quyết số 294A/2007/UBTVQH12 ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng, chống tham nhũng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định chế độ phụ cấp trách nhiệm trong hoạt động phòng, chống tham nhũng áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Thành viên Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng ở Trung ương và ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là thành viên Ban Chỉ đạo).

2. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế hoạt động chuyên trách của Văn phòng Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng ở Trung ương và của bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng, chống tham nhũng (sau đây gọi chung là Văn phòng Ban Chỉ đạo ở Trung ương và bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo ở cấp tỉnh).

Điều 2. Mức phụ cấp trách nhiệm trong hoạt động phòng, chống tham nhũng

1. Các đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định này thuộc biên chế của Văn phòng Ban Chỉ đạo ở Trung ương hoặc thuộc biên chế của bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo ở cấp tỉnh được áp dụng phụ cấp trách nhiệm trong hoạt động phòng, chống tham nhũng theo phần trăm (%) mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) như sau:

a) Mức 20% áp dụng đối với cán bộ xếp tương đương chức vụ Bộ trưởng và tương đương trở lên; chuyên gia cao cấp; cán bộ, công chức, viên chức xếp ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.

b) Mức 25% áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức xếp ngạch chuyên viên chính và tương đương.

c) Mức 30% áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức xếp ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống.

2. Thành viên Ban Chỉ đạo ở Trung ương không thuộc biên chế của Văn phòng Ban Chỉ đạo ở Trung ương và thành viên Ban Chỉ đạo ở cấp tỉnh không thuộc biên chế của bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo ở cấp tỉnh được áp dụng phụ cấp trách nhiệm trong hoạt động phòng, chống tham nhũng theo hệ số so với mức lương tối thiểu chung như sau:

a) Mức 1,0 áp dụng đối với thành viên Ban Chỉ đạo ở Trung ương không thuộc biên chế của Văn phòng Ban Chỉ đạo ở Trung ương.

b) Mức 0,8 áp dụng đối với thành viên Ban Chỉ đạo ở cấp tỉnh không thuộc biên chế của bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo ở cấp tỉnh.

3. Phụ cấp trách nhiệm trong hoạt động phòng, chống tham nhũng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được chi trả cùng kỳ lương hàng tháng; không dùng để tính dùng, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Thành viên Ban Chỉ đạo khi thôi làm nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo và cán bộ, công chức, viên chức của Ban Chỉ đạo chuyển công tác ra ngoài biên chế của Văn phòng Ban Chỉ đạo ở Trung ương và bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo ở cấp tỉnh thì thôi hưởng phụ cấp kể từ tháng sau liền kề với tháng có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Các trường hợp được biệt phái, trung tập có thời hạn tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quyết định của Trưởng Ban Chỉ đạo ở Trung ương hoặc quyết định của Trưởng Ban Chỉ đạo ở cấp tỉnh được hưởng chế độ thù lao do Trưởng Ban Chỉ đạo quy định theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Điều 3. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí chi trả chế độ phụ cấp trách nhiệm trong hoạt động phòng,

chống tham nhũng được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Chế độ phụ cấp trách nhiệm trong hoạt động phòng, chống tham nhũng quy định tại Nghị định này được tính hưởng như sau:

a) Đối với thành viên Ban Chỉ đạo ở Trung ương được tính hưởng kể từ ngày Nghị quyết số 1039/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 28 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng có hiệu lực thi hành.

b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế hoạt động chuyên trách của Văn phòng Ban Chỉ đạo ở Trung ương được tính hưởng kể từ ngày Quyết định số 13/2007/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và Quy chế hoạt động của Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng có hiệu lực thi hành.

c) Đối với thành viên Ban Chỉ đạo ở cấp tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế hoạt động chuyên trách của bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo ở cấp tỉnh được tính hưởng kể từ ngày Nghị quyết số 294A/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng, chống tham nhũng có hiệu lực thi hành.

d) Các trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều này có quyết định của cấp có thẩm quyền sau ngày các văn bản tương ứng có hiệu lực thi hành thì được tính hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm trong hoạt động phòng, chống tham nhũng kể từ ngày có quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Trách nhiệm hướng dẫn

1. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
NGUYỄN TÁN DŨNG

**THÔNG TƯ SỐ 20/2008/TT-BTC NGÀY 19-02-2008
CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

Hướng dẫn về kinh phí bảo đảm hoạt động của ban chỉ đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc ban chỉ đạo

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 294A/2007NQ-UBTVQH12 ngày 27/9/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng, chống tham nhũng;

Bộ Tài chính hướng dẫn về kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng, chống tham nhũng (sau đây gọi là Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng) và bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng: Thông tư này hướng dẫn nội dung chi, mức chi, lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của các Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo.

2. Kinh phí bảo đảm hoạt động hàng năm của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo do ngân sách địa phương bảo đảm và được bố trí là một khoản riêng trong tổng kinh phí của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện vật chất cho hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Nội dung chi phục vụ hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo, gồm:

a) Các khoản chi thanh toán cho cá nhân.

- Tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn), tiền thưởng, phúc lợi tập thể và các

khoản thanh toán khác cho cá nhân theo quy định cho bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng;

- Chi phụ cấp trách nhiệm của các thành viên Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Chi thanh toán dịch vụ công cộng, chi vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, chi mua sách báo, tài liệu phục vụ cho công tác chuyên môn, chi hội nghị, tiếp khách, chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn, chi công tác phí cho bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng.

c) Các khoản chi phục vụ hoạt động đặc thù của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo:

- Chi công tác phí của các thành viên Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng đi chỉ đạo, điều hành, kiểm tra thực hiện chương trình phòng, chống tham nhũng của tỉnh, thành phố;

- Chi tổ chức các cuộc họp về công tác phòng, chống tham nhũng do Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng chủ trì;

- Chi mua tin phục vụ công tác phòng, chống tham nhũng.

d) Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo.

đ) Các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo.

2. Về mức chi:

Các nội dung chi phục vụ hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành. Thông tư này hướng dẫn một số mức chi có tính chất đặc thù, cụ thể như sau:

a) Chi mua tin: Tối đa không quá 10.000.000 đồng/tin. Trường hợp yêu cầu thực tế phải chi cao hơn mức chi này do Trường Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng xem xét quyết định.

b) Chi tổ chức các cuộc họp về công tác phòng, chống tham nhũng do Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng chủ trì:

- Chủ trì cuộc họp: 100.000 đồng/người/buổi;

- Các đại biểu khác: 70.000 đồng/người/buổi.

c) Chi trang bị, sử dụng điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động phục vụ công tác phòng, chống tham nhũng:

Ngoài các đối tượng được trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các đối tượng khác, căn cứ vào nhu cầu thực tế công việc phục vụ cho công tác phòng, chống tham nhũng, Trường Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng xem xét quyết định việc trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động cho một số cán bộ đảm nhận các nhiệm vụ đặc biệt thực sự cần thiết. Mức khoán thanh toán cước phí sử dụng điện thoại không quá 100.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại cố định và 250.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại di động.

c) Trong trường hợp một số khoản chi cần thiết cho hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng chống tham nhũng và bộ phận giúp việc nhưng chưa có quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu thì Trường Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng quyết định mức chi trên tinh thần hiệu quả, tiết kiệm và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Lập dự toán, giao dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán:

Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và văn bản hướng dẫn thi hành. Thông tư này hướng dẫn thêm một số điểm đặc thù cho phù hợp với hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo, cụ thể như sau:

a) Về lập và giao dự toán: Hàng năm, căn cứ kế hoạch, chương trình về phòng, chống tham nhũng, nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư này, bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo lập dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc gửi bộ phận tài chính của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và giao dự toán thành một mục riêng trong dự toán giao cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định.

b) Về phân bổ dự toán, quyết toán:

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thông báo dự toán kinh phí hoạt động trong năm cho Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo; đồng thời có trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho hoạt động Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo theo dự toán đã thông báo và quyết toán kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận

giúp việc Ban chỉ đạo vào quyết toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo quy định.

Báo cáo quyết toán của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần chi tiết quyết toán, thuyết minh rõ kinh phí phục vụ cho hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng và bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để hướng dẫn thực hiện.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
ĐỖ HOÀNG ANH TUẤN**

Bản sao lưu trữ

NGHỊ ĐỊNH SỐ 103/2007/NĐ-CP NGÀY 14-6-2007

CỦA CHÍNH PHỦ

**Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị
và trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm,
chống lãng phí**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 2 năm 1998; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; khen thưởng và xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức, người làm hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau đây:

1. Cơ quan nhà nước các cấp từ Trung ương đến cơ sở;
2. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;
3. Đơn vị sự nghiệp của nhà nước; đơn vị sự nghiệp khác có sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước;

4. Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần có phần vốn, tài sản nhà nước;

5. Các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang;

6. Tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định;

7. Cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. "Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị" quy định tại Nghị định này là người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quyền hạn và trách nhiệm trong sử dụng và quản lý ngân sách, tài sản nhà nước hoặc của cơ quan tổ chức, đơn vị được giao quản lý vốn, tài sản nhà nước.

2. "Cấp phó của người đứng đầu" quy định tại Nghị định này là người được phân công giúp người đứng đầu phụ trách, quản lý một hoặc một số lĩnh vực nhất định trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và được ký thay người đứng đầu khi giải quyết công việc.

3. Đối với các tổ chức hoạt động theo cơ chế tập thể, biểu quyết theo đa số (Ủy ban, Hội đồng quản trị, Hội đồng quản lý...) thì Chủ tịch được coi như là người đứng đầu, Phó Chủ tịch, ủy viên (chuyên trách hoặc không chuyên trách) được coi như là cấp phó của người đứng đầu.

4. "Trách nhiệm trực tiếp" là trách nhiệm gắn với thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được phân công khi để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. "Trách nhiệm liên đới" là trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra sai phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực công tác và trong cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp dưới trực tiếp phụ trách.

Điều 4. Nguyên tắc xác định trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu và của cán bộ, công chức, viên chức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu (sau đây gọi chung là người đứng đầu) phải đề ra các biện pháp, tổ chức thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời phải chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới về việc để cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình phụ trách vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Người đứng đầu cấp trên trực tiếp, nếu để cơ quan, tổ chức, đơn vị trực

thuộc xảy ra vụ vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì tùy theo tính chất và mức độ của vụ vi phạm cũng có thể phải chịu trách nhiệm liên đới.

2. Cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời phải chịu trách nhiệm về những vi phạm của mình về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Trường hợp vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thì ngoài cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra vụ việc, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có người trực tiếp vi phạm và người liên quan vi phạm cũng phải chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG VIỆC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 5. Trách nhiệm trong xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức việc rà soát các văn bản do cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành để bãi bỏ các quy định không còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung các quy định mới, phù hợp với yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện, trong đó phải quy định các biện pháp và kế hoạch thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong ngành, lĩnh vực, cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình được giao quản lý.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến từng tổ chức, từng cán bộ, công chức, viên chức, tạo chuyển biến thực sự về trách nhiệm, lề lối làm việc, cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 6. Trách nhiệm trong hoàn thiện hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ làm cơ sở thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức rà soát các định mức, tiêu chuẩn, chế độ thuộc lĩnh vực mình quản lý, có phụ trách, ban

hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành để bãi bỏ các định mức, tiêu chuẩn chế độ không còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung các quy định mới, phù hợp làm cơ sở cho việc thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 7. Trách nhiệm trong thực hiện công khai, tạo điều kiện cho kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao; công khai việc mua sắm, sử dụng trang bị, thiết bị, phương tiện, trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi và các tài sản khác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị để làm cơ sở cho các cơ quan có chức năng kiểm tra, giám sát và cán bộ, công chức, viên chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 8. Trách nhiệm trong kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức việc kiểm tra, thanh tra để phát hiện, ngăn ngừa các hành vi vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trong phạm vi lĩnh vực quản lý của mình xử lý, giải quyết dứt điểm các vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 9. Trách nhiệm trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các chế độ và nguyên tắc tài chính trên các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán ngân sách nhà nước, đánh giá hiệu quả và giải trình việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước được giao.

Điều 10. Trách nhiệm trong quản lý đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc quản lý, phê duyệt, triển khai dự án đầu tư đúng quy trình, quy chế quản lý đầu tư hiện hành của Nhà nước, thực hiện đầu tư có tập trung, không dàn trải để bảo đảm yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xác định rõ trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong quản lý đối với từng khâu của quá trình đầu tư xây dựng các dự án.

Điều 11. Trách nhiệm trong quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng

đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ được giao đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả; trong phạm vi quản lý của mình, có trách nhiệm kiểm tra, rà soát diện tích đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ đang quản lý để bố trí, sử dụng hợp lý, đúng chế độ, tiêu chuẩn quy định; không cấp thêm đất, không bố trí xây dựng trụ sở làm việc khi chưa hoàn thành việc sắp xếp, sử dụng theo đúng tiêu chuẩn, diện tích đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ đã có.

Điều 12. Trách nhiệm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên có trách nhiệm rà soát lại quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng từng loại tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là các tài nguyên: đất, nước, rừng, khoáng sản để sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát, ban hành các quy chế, quy định về tái tạo, bảo vệ, phát triển lâu dài các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Điều 13. Trách nhiệm trong đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của Nhà nước về đào tạo, quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động; sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tinh giản biên chế đối với các cán bộ, công chức, viên chức không đủ năng lực, không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn và vi phạm kỷ luật lao động.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo và giám sát thực hiện các quy chế, nội quy về kỷ luật lao động, đặc biệt là các quy định về sử dụng thời gian lao động.

Điều 14. Trách nhiệm trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước

Người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm xây dựng, ban hành cơ chế, quy chế, các định mức, tiêu chuẩn, chế độ mua sắm, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn và tài sản; phát hiện kịp thời, xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với các hành vi gây lãng phí vốn, tài sản.

Điều 15. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Cán bộ, công chức, viên chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phát hiện, đề xuất các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời phải chịu trách nhiệm về những đề xuất của mình trái với các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Cán bộ, công chức, viên chức khi phát hiện hành vi vi phạm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phải báo cáo cấp có thẩm quyền để có biện pháp ngăn chặn.

3. Cán bộ, công chức, viên chức phải chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đồng thời phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình đối với các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương III **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ KỶ LUẬT**

Điều 16. Khen thưởng

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức có thành tích trong việc thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 17. Căn cứ để xem xét xử lý kỷ luật

1. Căn cứ để xem xét kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách:

a) Sự phân công, phân cấp quản lý, tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, mức thiệt hại thực tế do hành vi lãng phí gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình thức kỷ luật để xác định mức độ chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc liên đới khi để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

b) Mối quan hệ công tác giữa hành vi vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của người dưới quyền đối với trách nhiệm quản lý của người đứng đầu.

2. Căn cứ để xem xét kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Sự phân công, nhiệm vụ, quyền hạn, tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, mức thiệt hại thực tế do hành vi lãng phí gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình thức kỷ luật để xác định mức độ chịu trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức khi có hành vi vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Đối với trường hợp vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có dấu hiệu cấu thành tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền chuyển hồ sơ đến cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Hình thức xử lý kỷ luật trách nhiệm đối với người đứng đầu

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là cán bộ, công chức quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và h khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh Cán bộ, công chức đã được sửa đổi, bổ sung ngày 29 tháng 4 năm 2003 (sau đây gọi chung là Pháp lệnh

Cán bộ, công chức) và cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước nếu đã xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức bằng một trong những hình thức kỷ luật sau đây:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Cách chức.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là cán bộ, công chức quy định tại điểm a và điểm g khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh Cán bộ, công chức nếu để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội nếu để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức mình quản lý, phụ trách thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật nêu tại khoản 1 Điều này hoặc bị xử lý kỷ luật theo quy định tại điều lệ của tổ chức đó.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các đơn vị thuộc Công an nhân dân nếu để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, đơn vị mình thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Điều 19. Hình thức xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức

1. Cán bộ, công chức, viên chức quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và h khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh Cán bộ, công chức, vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo

quy định của pháp luật đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

3. Người làm việc theo hình thức hợp đồng lao động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Bộ luật Lao động.

Điều 20. Hình thức xử lý kỷ luật đối với cán bộ, viên chức và người làm hợp đồng lao động tại doanh nghiệp

1. Cán bộ, công chức, viên chức được bổ nhiệm làm cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước hoặc được cử làm người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong doanh nghiệp thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

2. Cán bộ, viên chức làm việc tại doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong doanh nghiệp thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Người làm hợp đồng lao động tại doanh nghiệp, vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về lao động.

Điều 21. Áp dụng hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với người có hành vi vi phạm lần đầu phải bồi thường thiệt hại đến 5.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

2. Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với người có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật khiển trách nhưng tái phạm hoặc các đối tượng vi phạm lần đầu gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ trên 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

3. Hình thức kỷ luật hạ bậc lương áp dụng đối với người có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật cảnh cáo nhưng tái phạm hoặc các đối tượng vi phạm lần đầu gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ trên 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

4. Hình thức kỷ luật hạ ngạch áp dụng đối với người có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật hạ bậc lương nhưng tái phạm hoặc các đối tượng vi phạm lần đầu

gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ trên 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

5. Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với người giữ chức vụ có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật hạ ngạch nhưng tái phạm.

6. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với người có hành vi vi phạm đã bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật nêu tại các khoản 4 và khoản 5 Điều này nhưng tái phạm, gây hậu quả lớn và xét thấy không còn đủ điều kiện để tiếp tục làm việc hoặc các đối tượng vi phạm gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ 50.000.000 đồng trở lên/lần xét bồi thường.

7. Người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý vốn, tài sản nhà nước, vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị xử lý kỷ luật như đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 22. Áp dụng hình thức kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý vốn, tài sản nhà nước

1. Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với người đứng đầu trong trường hợp đề lĩnh vực công tác được giao quản lý hoặc trong đơn vị trực tiếp phụ trách có người vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị xử lý kỷ luật theo hình thức quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 21 Nghị định này.

2. Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với người đứng đầu trong trường hợp đề lĩnh vực công tác được giao quản lý hoặc trong đơn vị trực tiếp phụ trách có người vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị xử lý kỷ luật theo hình thức quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 21 Nghị định này.

3. Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với người đứng đầu trong trường hợp đề lĩnh vực công tác được giao quản lý hoặc trong đơn vị trực tiếp phụ trách có người vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gây hậu quả rất nghiêm trọng.

Điều 23. Trách nhiệm liên đới đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là cấp trên trực tiếp

Người đứng đầu cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý vốn, tài sản nhà nước, nếu đề cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc xảy ra vụ vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gây hậu quả nghiêm trọng cũng phải chịu trách nhiệm liên đới và có thể bị xem xét xử lý kỷ luật về trách nhiệm liên đới đối với vụ vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gây hậu quả nghiêm trọng của cấp dưới trực tiếp.

Điều 24. Các trường hợp loại trừ, miễn, giảm nhẹ và tăng nặng hình thức kỷ luật

1. Trường hợp được loại trừ, miễn xử lý kỷ luật:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức được xem xét loại trừ trách nhiệm kỷ luật do không thể biết được hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật;

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, bị xem xét xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách, nếu trước đó đã tự nguyện xin từ chức và đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận thì có thể được miễn xử lý kỷ luật.

2. Trường hợp giảm nhẹ kỷ luật:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, bị xem xét kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên, nếu trước đó đã tự nguyện xin từ chức và đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận thì được xem xét giảm nhẹ mức xử lý kỷ luật xuống một bậc;

b) Cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tự giác khắc phục hậu quả thì được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật.

3. Trường hợp tăng nặng kỷ luật:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị xử lý kỷ luật vì để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách mà không kịp thời ngăn chặn, xử lý vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi do mình quản lý, phụ trách.

b) Cán bộ, công chức, viên chức không thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi lãng phí; khi phát hiện hành vi vi phạm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cố tình che giấu, không báo cáo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 25. Thời hạn xem xét, xử lý

1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày phát hiện vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tiến hành xem xét có kết luận chính thức về vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có kết luận chính thức về vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hoặc từ ngày bản án về

vụ vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có hiệu lực pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét, xử lý hoặc báo cáo đề cấp có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 26. Thẩm quyền quyết định

Thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức hiện hành.

Điều 27. Trình tự, thủ tục xử lý

Trình tự, thủ tục xem xét xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 35/2005/ND-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm hướng dẫn thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bãi bỏ Mục 2 (từ Điều 16 đến Điều 23) Chương II Nghị định số 84/2006/ND-CP ngày 18 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

3. Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định này trong các cơ quan, tổ chức và đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định này trong các cơ quan, tổ chức và đơn vị thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

5. Cơ quan có thẩm quyền của tổ chức chính trị căn cứ các quy định tại Nghị định này hướng dẫn áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, Hội đồng quản trị, người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
NGUYỄN TẤN DŨNG

Bản sao lưu trữ

THÔNG TƯ SỐ 08/2007/TT-BNV CỦA BỘ NỘI VỤ

Về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22-9-2006 của Chính phủ quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách đối với các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của nhà nước và các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách, tài sản của nhà nước

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách (sau đây gọi tắt là Nghị định số 107/2006/NĐ-CP), Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định số 107/2006/NĐ-CP đối với các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước và các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn thực hiện việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, doanh nghiệp của Nhà nước, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước khi để xảy ra tham nhũng trong đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;
- b) Người đứng đầu các doanh nghiệp của Nhà nước, gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước, người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại công ty;
- c) Người đứng đầu các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước;
- d) Người đứng đầu các chi nhánh, đơn vị trực thuộc các doanh nghiệp nhà nước;
- đ) Cấp phó của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách, tài sản

của Nhà nước cũng phải xử lý trách nhiệm khi đề xảy ra tham nhũng trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do mình trực tiếp phụ trách.

Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu sau đây gọi chung là người đứng đầu.

3. Doanh nghiệp của Nhà nước quy định tại Nghị định số 107/2006/NĐ-CP là các công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003, bao gồm: Công ty nhà nước (Tổng công ty nhà nước và Công ty nhà nước độc lập) và Công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập; Tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con; Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2005 trong đó Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

II. XỬ LÝ KỶ LUẬT

1. Nguyên tắc xử lý kỷ luật:

a) Việc xử lý kỷ luật người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước khi đề xảy ra tham nhũng trong đơn vị do mình quản lý, phụ trách được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 6 Nghị định số 107/2006/NĐ-CP.

b) Việc xem xét xử lý kỷ luật người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước khi đề xảy ra tham nhũng trong đơn vị do mình quản lý, phụ trách cần căn cứ vào quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính của đơn vị.

2. Hình thức xử lý kỷ luật:

a) Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước khi đề xảy ra vụ, việc tham nhũng trong đơn vị mình thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ, việc sẽ bị xử lý kỷ luật bằng một trong những hình thức sau:

- Khiển trách;
- Cảnh cáo;
- Cách chức.

b) Người đứng đầu các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước khi đề xảy ra vụ, việc tham nhũng trong tổ chức mình thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ, việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định tại điều lệ của tổ chức đó. Trường hợp điều lệ của các tổ chức xã hội, tổ chức

xã hội - nghề nghiệp không quy định hình thức kỷ luật thì áp dụng theo các hình thức kỷ luật hướng dẫn tại điểm a khoản 2 mục II của Thông tư này.

3. Áp dụng hình thức kỷ luật:

Việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước và các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện như quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 107/2006/NĐ-CP.

4. Việc loại trừ trách nhiệm, miễn, giảm nhẹ hoặc tăng nặng hình thức kỷ luật thực hiện như quy định tại Điều 11 Nghị định số 107/2006/NĐ-CP.

5. Các quy định khác liên quan đến việc xử lý kỷ luật:

a) Các quy định liên quan đến việc xử lý kỷ luật người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước và các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước như quy định về thẩm quyền, quy trình, thủ tục xử lý kỷ luật thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2006/NĐ-CP.

b) Về thời hiệu xử lý kỷ luật; trách nhiệm của cơ quan cấp trên trong việc chưa xử lý kỷ luật trong thời hiệu quy định; tạm đình chỉ công tác; chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật; quản lý hồ sơ kỷ luật; khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật và các quy định liên quan đến công chức bị kỷ luật được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức và Thông tư số 03/2006 TT-BNV ngày 08 tháng 02 năm 2006 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 35/2005/NĐ-CP.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.
2. Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có gì vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết.

**BỘ TRƯỞNG
TRẦN VĂN TUẤN**

**THÔNG TƯ SỐ 14/2008/TT-BQP NGÀY 31-01-2008
CỦA BỘ QUỐC PHÒNG**

**Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 103/2007/NĐ-CP
ngày 14/6/2007 của Chính phủ quy định trách nhiệm của người đứng đầu
cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức
trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Căn cứ Nghị định số 103/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ, quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây gọi tắt là Nghị định số 103/2007/NĐ-CP); Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 9, 10, 13, 16, 17, 18, 19, 26 và 27 của Nghị định này trong các cơ quan, đơn vị quân đội như sau:

1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với người chỉ huy, chính uỷ, chính trị viên, cấp phó của người chỉ huy, phó chính uỷ, chính trị viên phó, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng và người lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị quân đội.

2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này một số từ ngữ được hiểu như sau:

a) "*Người đứng đầu*", là người chỉ huy, chính uỷ, chính trị viên của các cơ quan, đơn vị quân đội;

b) "*Cấp phó của người đứng đầu*", là cấp phó của người chỉ huy, phó chính uỷ, chính trị viên phó các cơ quan, đơn vị quân đội, được phân công giúp người chỉ huy, chính uỷ, chính trị viên **phụ trách**, quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực, công việc nhất định trong cơ quan, đơn vị và được ký thay người chỉ huy, chính uỷ, chính trị viên khi giải quyết công việc; đồng thời phải chịu trách nhiệm đối với những lĩnh vực, công việc được giao phụ trách, quản lý, điều hành.

c) "*Cán bộ, công chức, viên chức*", là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ (sau đây gọi chung là quân nhân); công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng và lao động hợp đồng (sau đây gọi chung là công nhân viên chức quốc phòng) trong các cơ quan, đơn vị quân đội.

3. Nguyên tắc xác định trách nhiệm của người chỉ huy, chính uỷ, chính trị viên, cấp phó của người chỉ huy, phó chính uỷ, chính trị viên phó và quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng

a) Người chỉ huy, chính uỷ, chính trị viên, cấp phó của người chỉ huy, phó chính uỷ, chính trị viên phó (sau đây gọi chung là Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ được phân công phải đề ra các biện pháp, tổ chức thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và hướng dẫn của cấp trên; đồng thời phải chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới khi đề cơ quan, đơn vị do mình phụ trách xảy ra vụ vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp, nếu đề cơ quan, đơn vị trực thuộc xảy ra vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc vi phạm, cũng có thể phải chịu trách nhiệm liên đới.

c) Quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng phải thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm chống lãng phí; đồng thời phải chịu trách nhiệm về những vi phạm của mình về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

d) Trường hợp vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị, cá nhân thì ngoài cơ quan, đơn vị nơi xảy ra vụ việc vi phạm, thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị có người trực tiếp vi phạm và người liên quan đến vi phạm cũng phải chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc liên đới theo quy định tại Nghị định số 103/2007/NĐ-CP và Điều lệnh kỷ luật Quân đội nhân dân Việt Nam.

4. Trách nhiệm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất Bộ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản mới cho phù hợp với yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Trên cơ sở các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện; trong đó phải đề ra các biện pháp và kế hoạch thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong ngành, lĩnh vực mà cơ quan, đơn vị mình được giao quản lý, phụ trách.

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp dưới chịu trách nhiệm rà soát các văn bản do cơ quan, đơn vị mình ban hành, tiến hành sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và ban

hành mới những quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, đơn vị mình phù hợp với văn bản của cấp trên và yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, đơn vị mình.

5. Trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Điều lệ công tác tài chính Quân đội nhân dân Việt Nam, các chế độ và nguyên tắc tài chính; nâng cao chất lượng các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán ngân sách, thực hiện Quy chế công khai tài chính; Quy chế lãnh đạo của các cấp uỷ đảng đối với công tác tài chính; Quy chế quản lý sử dụng tài sản công trong Bộ Quốc phòng; đánh giá hiệu quả và giải trình việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước được giao.

6. Trách nhiệm quản lý đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc quản lý, phê duyệt, triển khai dự án đầu tư đúng quy trình, quy chế quản lý đầu tư hiện hành của Nhà nước và Bộ Quốc phòng; thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, để bảo đảm hiệu quả đầu tư và yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xác định rõ trách nhiệm của mỗi cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý đối với từng khâu của quá trình đầu tư xây dựng các dự án.

7. Trách nhiệm giáo dục, huấn luyện, đào tạo và quản lý quân nhân; đào tạo, quản lý, sử dụng công nhân viên chức quốc phòng và sử dụng thời gian làm việc

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức và giám sát thực hiện các quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng về giáo dục, huấn luyện, đào tạo và quản lý quân nhân; đào tạo, quản lý, sử dụng công nhân viên chức quốc phòng và sử dụng thời gian làm việc; xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật nhà nước, kỷ luật quân đội và kỷ luật lao động; thực hiện nghiêm các quyết định về tổ chức biên chế.

8. Khen thưởng

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng có thành tích trong việc thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; Thông tư số 163/2006/QĐ-BQP ngày 26/9/2006 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thi hành một

số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ về công tác thi đua khen thưởng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trong Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 137/2006/QĐ-QP ngày 14/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

9. Kỷ luật

9.1. Căn cứ xem xét xử lý kỷ luật

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và quân nhân vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm chống lãng phí chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự đều bị xem xét xử lý kỷ luật theo Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam; đối với công nhân viên chức quốc phòng, việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp lệnh Cán bộ công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Khi xem xét xử lý kỷ luật Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, quân nhân và công nhân viên chức quốc phòng phải căn cứ vào: chức trách, nhiệm vụ được giao; tính chất, mức độ, tác hại và ảnh hưởng của vi phạm; hoàn cảnh vi phạm và thái độ sau vi phạm.

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, quân nhân và công nhân viên chức quốc phòng vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm chống lãng phí bị xử lý kỷ luật còn phải bồi thường thiệt hại gây ra. Việc bồi thường thiệt hại thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt nam.

9.2. Hình thức xử lý trách nhiệm đối với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, nếu để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách thì tùy theo tính chất mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam; Quyết định số 2530/2000/QĐ-BQP ngày 02/11/2000 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về xử lý kỷ luật đối với những hành vi vi phạm chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự (sau đây gọi tắt là Quyết định số 2530/2000/QĐ-BQP) và Quyết định số 82/2003/QĐ-BQP ngày 01/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2530/2000/QĐ-BQP ngày 02/11/2000 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 82/2003/QĐ-BQP).

9.3. Hình thức xử lý kỷ luật đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng

a) Quân nhân vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm chống lãng phí tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam; Quyết định số 2530/2000/QĐ-BQP và Quyết định số 82/2003/QĐ-BQP.

b) Công nhân viên chức quốc phòng vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm chống lãng phí thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp lệnh Cán bộ công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

9.4. Thẩm quyền quyết định và trình tự thủ tục xử lý kỷ luật

a) Thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện theo Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam.

b) Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện theo Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam.

10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm những quy định của Nghị định số 103/2007/NĐ-CP và Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, thì chỉ huy các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Quân huấn), để xem xét, giải quyết.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng **PHÙNG QUANG THANH**

**THÔNG TƯ SỐ 01/2008/TT-BNV NGÀY 15-01-2008
CỦA BỘ NỘI VỤ**

**Hướng dẫn trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm,
khen thưởng, kỷ luật đối với chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên
Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc,
Phó Giám đốc công ty nhà nước**

Thi hành Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty nhà nước và Nghị định số 86/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ, Bộ Nội vụ hướng dẫn trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó Giám đốc công ty nhà nước như sau:

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

Thông tư này hướng dẫn trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc công ty nhà nước quy định tại khoản 1, Điều 3, Luật Doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi chung là viên chức lãnh đạo).

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, MIỄN NHIỆM, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

1. Bổ nhiệm:

Thời hạn bổ nhiệm đối với viên chức lãnh đạo nói tại Mục 1 của Thông tư này là 05 năm.

a) Điều kiện bổ nhiệm:

- Đạt tiêu chuẩn chung của viên chức lãnh đạo và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm theo quy định của Đảng và Nhà nước;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Tuổi bổ nhiệm: Người được đề nghị bổ nhiệm lần đầu phải đảm bảo thời gian công tác được đủ một nhiệm kỳ (05 năm) tính đến thời điểm tổ chức hội nghị

lấy ý kiến cán bộ chủ chốt. Trường hợp viên chức lãnh đạo bị kỷ luật cách chức, miễn nhiệm vì lý do vi phạm kỷ luật, sau một thời gian công tác nếu được xem xét bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo thì tuổi bổ nhiệm thực hiện như quy định bổ nhiệm lần đầu;

- Hồ sơ, lý lịch cá nhân đầy đủ, rõ ràng, minh bạch và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; có bản kê khai tài sản theo quy định;

- Có đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b) Những trường hợp chưa xem xét bổ nhiệm:

- Đang trong thời kỳ bị cấm đảm nhiệm chức vụ;

- Đang trong quá trình bị điều tra, truy tố, xét xử;

- Đang bị thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm, chưa có kết luận;

- Đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật từ khiển trách trở lên (kỷ luật Đảng hoặc chính quyền).

c) Trình tự, thủ tục bổ nhiệm:

Căn cứ nhu cầu công tác, Hội đồng quản trị đối với công ty nhà nước có Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc đối với công ty nhà nước không có hội đồng quản trị (sau đây gọi chung là Hội đồng quản trị) quyết định hoặc có văn bản trình cấp trên có thẩm quyền về chủ trương, chức danh, số lượng nhân sự được đề nghị bổ nhiệm.

Đối với các chức danh diện Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm ở các công ty nhà nước đặc biệt quan trọng, Hội đồng quản trị gửi văn bản xin chủ trương về chức danh, số lượng nhân sự được đề nghị bổ nhiệm lên Bộ quản lý ngành trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ nội vụ để thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi được cấp trên có thẩm quyền có văn bản đồng ý về chủ trương, thực hiện quy trình bổ nhiệm như sau:

Đối với nguồn nhân sự tại chỗ:

+ Hội đồng quản trị đề xuất phương án nhân sự trên cơ sở nguồn cán bộ trong quy hoạch.

Trường hợp chưa có cán bộ trong quy hoạch thì tổ chức lấy phiếu giới thiệu của cán bộ chủ chốt công ty. Nhu cầu bổ nhiệm một người có thể giới thiệu một người hoặc nhiều người;

+ Tổ chức lấy ý kiến (bằng phiếu kín) của cán bộ chủ chốt trong công ty.

Thành phần cán bộ chủ chốt trong công ty tham gia lấy ý kiến gồm: Hội đồng quản trị; Ban giám đốc; Trưởng phòng (ban), phó trưởng phòng (ban) và

tương đương; trường các đơn vị trực thuộc; thường vụ Đảng ủy công ty; trường các đoàn thể công ty (trường hợp công ty chưa tổ chức Đảng bộ toàn công ty và chưa tổ chức đoàn thể toàn công ty thì mời Thường vụ Đảng ủy cơ quan Công ty và Trường các đoàn thể của cơ quan công ty).

Nội dung cuộc họp lấy ý kiến gồm:

Trao đổi, thảo luận về yêu cầu bổ nhiệm, tiêu chuẩn chức danh dự kiến bổ nhiệm; thông báo danh sách nhân sự do Hội đồng quản trị giới thiệu về tóm tắt lý lịch, nhận xét, đánh giá, triển vọng phát triển; dự kiến phân công công tác; người được giới thiệu lấy phiếu tín nhiệm để xem xét bổ nhiệm có thể trình bày chương trình hành động; ghi phiếu lấy ý kiến. Kết quả phiếu tín nhiệm có giá trị tham khảo quan trọng, là một trong những căn cứ để xem xét nhưng không phải là căn cứ duy nhất, chủ yếu để quyết định.

Đối với công ty nhà nước đặc biệt quan trọng, Bộ quản lý ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức lấy tín phiếu tín nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị công ty tổ chức lấy phiếu tín nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, có sự tham gia của Bộ nội vụ và Bộ quản lý ngành. Cơ quan tổ chức lấy ý kiến chịu trách nhiệm kiểm phiếu và bảo quản phiếu theo chế độ mật.

+ Hội đồng quản trị xem xét, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có);

+ Thường vụ đảng ủy hoặc đảng ủy công ty có ý kiến bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm;

+ Hội đồng quản trị thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết (bằng phiếu kín) đối với từng người. Nhân sự được đề nghị bổ nhiệm phải được đa số các thành viên Hội đồng quản trị tán thành. Trường hợp Hội đồng quản trị giới thiệu 02 người có số phiếu ngang nhau cho một chức danh bổ nhiệm thì chọn nhân sự do Chủ tịch Hội đồng quản trị giới thiệu;

+ Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm hoặc làm tờ trình đề nghị cấp trên có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm.

Đối với nguồn nhân sự từ ngoài công ty:

+ Hội đồng quản trị đề xuất nhân sự hoặc cơ quan cấp trên có thẩm quyền giới thiệu nhân sự (bằng văn bản);

+ Hội đồng quản trị cùng thường vụ đảng ủy (nếu là đảng ủy toàn công ty) thảo luận, trao đổi thống nhất về chủ trương; Hội đồng quản trị cử cán bộ trao đổi với lãnh đạo cơ quan nơi người được giới thiệu bổ nhiệm đang công tác về nhu cầu bổ nhiệm, lý lịch, nhận xét, đánh giá của lãnh đạo và thường vụ đảng ủy đối với

người được giới thiệu bổ nhiệm; gặp người được giới thiệu bổ nhiệm trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác;

+ Thường vụ đảng uỷ hoặc đảng uỷ công ty có ý kiến bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm;

+ Hội đồng quản trị thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết (bằng phiếu kín);

+ Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm hoặc làm tờ trình đề nghị cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối với trường hợp thành lập công ty mới hoặc do sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức công ty:

+ Trường hợp thành lập công ty mới: cấp trên có thẩm quyền dự kiến điều động, bổ nhiệm cán bộ, sau khi thảo luận trao đổi thống nhất ý kiến, ra quyết định điều động, bổ nhiệm. Trường hợp cán bộ diện Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ nhiệm thì Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm tờ trình trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định điều động, bổ nhiệm cán bộ; đồng thời gửi Bộ Nội vụ để thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

+ Trường hợp do sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức công ty mà tổ chức mới là tổ chức có cùng hạng tổ chức với công ty cũ, cán bộ được điều động, bổ nhiệm sang giữ chức vụ tương đương; cấp trên có thẩm quyền dự kiến điều động, bổ nhiệm cán bộ ra quyết định điều động, bổ nhiệm. Trường hợp cán bộ diện Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ nhiệm thì Hội đồng quản trị công ty trình Bộ quản lý ngành: Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm tờ trình trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định điều động, bổ nhiệm cán bộ; đồng thời gửi Bộ Nội vụ để thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

+ Trường hợp do sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức mà tổ chức mới là tổ chức được nâng hạng, thì việc bổ nhiệm cán bộ được thực hiện theo quy trình bổ nhiệm lần đầu.

d) Hồ sơ bổ nhiệm kèm theo tờ trình của Hội đồng quản trị gửi cấp trên có thẩm quyền gồm:

- Sơ yếu lý lịch, có dán ảnh cỡ 4 x 6 cm (ảnh chụp trong thời hạn 06 tháng tính đến thời điểm lập hồ sơ) được cơ quan quản lý cán bộ xác nhận;

- Bản tự nhận xét, đánh giá quá trình công tác;

- Bản nhận xét của lãnh đạo quản lý trực tiếp về ưu điểm, khuyết điểm trong thời gian 05 năm công tác gần nhất;

- Bản nhận xét của cấp uỷ đảng;
- Bản nhận xét của đại diện cấp uỷ hoặc chính quyền cơ sở nơi cư trú thường xuyên về tư cách công dân của nhân sự và gia đình;
- Biên bản tổng hợp (kiểm phiếu) lấy phiếu giới thiệu, phiếu tín nhiệm của cán bộ chủ chốt;
- Bản kê khai tài sản;
- Các bản sao văn bản, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng;
- Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự được đề nghị bổ nhiệm (nếu có).

Đối với các chức danh diện Thủ tướng bổ nhiệm ở các công ty nhà nước đặc biệt quan trọng, Hội đồng quản trị gửi hồ sơ bổ nhiệm lên Bộ quản lý ngành trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Nội vụ để thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bổ nhiệm lại:

Viên chức lãnh đạo khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm theo quy định được xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại.

a) Điều kiện bổ nhiệm lại:

- Hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ;
- Đạt tiêu chuẩn chung của viên chức lãnh đạo và tiêu chuẩn riêng của chức danh bổ nhiệm theo quy định của Đảng và Nhà nước tại thời điểm xem xét bổ nhiệm lại và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới;
- Công ty có yêu cầu;
- Dù sức khoẻ và có uy tín để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Viên chức lãnh đạo được bổ nhiệm trước đây không quy định thời hạn bổ nhiệm, nếu đã có thời gian giữ chức vụ từ đủ 05 năm trở lên đều được xem xét bổ nhiệm lại. Thời hạn bổ nhiệm tính từ ngày ký quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ hiện tại. Đối với viên chức lãnh đạo còn từ đủ 02 năm đến dưới 05 năm công tác trước khi đến tuổi nghỉ hưu, nếu được bổ nhiệm lại thì thời hạn bổ nhiệm được tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định. Đối với viên chức lãnh đạo còn dưới 02 năm công tác trước khi đến tuổi nghỉ hưu, cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

b) Trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại:

- Trước 03 tháng, tính đến thời hạn bổ nhiệm lại, cơ quan quản lý trực tiếp thông báo cho viên chức lãnh đạo biết và tiến hành thủ tục trình cấp trên có thẩm quyền xem xét bổ nhiệm lại;

- Viên chức lãnh đạo tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ;

- Tổ chức lấy ý kiến (bằng phiếu kín) của cán bộ, viên chức chủ chốt, thành phần tham gia lấy ý kiến gồm: Hội đồng quản trị; Ban Tổng giám đốc; Trưởng phòng (ban), Phó trưởng phòng (ban) và tương đương; Trưởng các đơn vị trực thuộc; thường vụ đảng ủy; Trưởng các đoàn thể ở cơ quan văn phòng công ty.

Đối với công ty nhà nước đặc biệt quan trọng, Bộ quản lý ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức lấy phiếu tín nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty tổ chức lấy phiếu tín nhiệm các chức danh ủy viên Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc có sự tham dự của Bộ Nội vụ và Bộ quản lý ngành. Cơ quan tổ chức lấy ý kiến chịu trách nhiệm báo quản phiếu theo chế độ mật.

- Hội đồng quản trị nhận xét, đánh giá và đề xuất ý kiến có bổ nhiệm lại hay không bổ nhiệm lại; ra quyết định bổ nhiệm lại hoặc đề nghị cấp trên có thẩm quyền quyết định.

c) Hồ sơ bổ nhiệm lại thực hiện như hồ sơ bổ nhiệm lần đầu.

3. Miễn nhiệm:

a) Trong thời gian giữ chức vụ, viên chức lãnh đạo tự xét thấy không đủ điều kiện hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao hoặc có nguyện vọng xin từ chức vì các lý do khác thì làm đơn báo cáo Hội đồng quản trị xem xét quyết định hoặc đề nghị cấp trên có thẩm quyền quyết định. Viên chức lãnh đạo sau khi từ chức được công ty bố trí công tác khác.

b) Viên chức lãnh đạo có nguyện vọng xin thôi giữ chức vụ; hoặc có sai phạm chưa đến mức bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức nhưng không còn đủ uy tín, điều kiện để giữ chức vụ; hoặc đề công ty thua lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được; hoặc xin miễn nhiệm vì sức khỏe, năng lực... thì Hội đồng quản trị xem xét quyết định hoặc đề nghị cấp trên có thẩm quyền quyết định miễn nhiệm chức vụ và bố trí công tác khác không chờ hết thời hạn bổ nhiệm.

c) Viên chức lãnh đạo được bố trí công tác khác hoặc được bổ nhiệm chức vụ mới thì đương nhiên thôi giữ chức vụ đang đảm nhiệm (trừ trường hợp trong quyết định ghi vẫn tiếp tục giữ chức vụ cũ).

d) Hồ sơ miễn nhiệm:

- Tờ trình gửi cấp trên có thẩm quyền. Nội dung tờ trình có nhận xét, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm đối với viên chức xin từ chức hoặc viên chức được đề nghị miễn nhiệm.

- Hồ sơ đề nghị từ chức, miễn nhiệm, gồm: Sơ yếu lý lịch; nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo (nêu rõ lý do từ chức, miễn nhiệm); đơn xin từ chức; bản tự nhận xét, đánh giá của viên chức.

Đối với các chức danh diện Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm ở các công ty nhà nước đặc biệt quan trọng, Hội đồng quản trị gửi tờ trình kèm theo hồ sơ lên Bộ quản lý ngành; Bộ quản lý ngành xem xét trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Nội vụ để thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Khen thưởng:

Việc khen thưởng viên chức lãnh đạo thực hiện theo Luật Thi đua khen thưởng. Đối với việc đề nghị tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc đối với viên chức lãnh đạo có thành tích xuất sắc trong công tác thực hiện như sau:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước; đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu chiến sĩ thi đua toàn quốc đối với các viên chức lãnh đạo có thành tích xuất sắc trong công tác.

b) Hồ sơ khen thưởng bao gồm:

- Tờ trình của Hội đồng quản trị gửi cấp trên có thẩm quyền đề nghị xem xét khen thưởng kèm theo hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm:

+ Báo cáo thành tích cá nhân có xác nhận của Bộ quản lý ngành, địa phương, của Hội đồng quản trị hoặc người đứng đầu;

+ Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng thi đua khen thưởng;

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng, gửi trình Thủ tướng Chính phủ đồng thời gửi Bộ Nội vụ để thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ. Hồ sơ đề nghị khen thưởng viên chức lãnh đạo diện Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm ở các công ty nhà nước đặc biệt quan trọng gửi Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và Vụ Công chức - Viên chức thẩm định) để trình Thủ tướng Chính phủ.

5. Kỷ luật:

a) Trình tự xem xét xử lý kỷ luật viên chức lãnh đạo được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức.

b) Hội đồng kỷ luật

Hội đồng kỷ luật gồm 3 người, thành phần cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng kỷ luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc;

- Một ủy viên Hội đồng quản trị là đại diện đảng ủy cấp trên trực tiếp của đảng ủy công ty. Trường hợp Đảng ủy cấp trên trực tiếp là đảng ủy của địa phương thì ủy viên Hội đồng này là đại diện đảng ủy địa phương;

- Một ủy viên Hội đồng là đại diện Ban Chấp hành công đoàn cùng cấp.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đứng đầu vi phạm kỷ luật thì người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp (đối với các công ty do Bộ quản lý ngành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập, cấp trên trực tiếp là Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đối với các công ty Nhà nước đặc biệt quan trọng, cấp trên trực tiếp là Bộ quản lý ngành) quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật. Hội đồng kỷ luật gồm 3 người, thành phần cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp;

- Một ủy viên Hội đồng là đại diện đảng ủy cấp trên trực tiếp của Đảng ủy công ty. Trường hợp đảng ủy cấp trên trực tiếp là cấp ủy đảng địa phương thì ủy viên Hội đồng này là đại diện cấp ủy đảng địa phương;

- Một ủy viên là đại diện Ban Chấp hành công đoàn công ty.

c) Hồ sơ kỷ luật:

Tờ trình gửi cấp trên có thẩm quyền đề nghị xem xét kỷ luật, kèm theo hồ sơ đề nghị kỷ luật gồm:

- Bản kiểm điểm của người vi phạm kỷ luật;

- Biên bản họp cán bộ chủ chốt để kiểm điểm vi phạm và các tài liệu khác có liên quan (đơn thư tố cáo, kết luận kiểm tra, kết luận thanh tra...);

- Biên bản họp Hội đồng kỷ luật (có kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng kỷ luật kèm theo).

Đối với các chức danh diện Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm ở các công ty nhà nước đặc biệt quan trọng, Hội đồng quản trị gửi hồ sơ kỷ luật lên Bộ quản lý ngành trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Nội vụ để thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xử lý kỷ luật và quyết định thi hành kỷ luật phải được lưu giữ trong hồ sơ viên chức. Quyết định kỷ luật phải ghi và lưu vào lý lịch của đương sự.

III. CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH

1. Công ty nơi viên chức lãnh đạo công tác có trách nhiệm tổ chức công bố quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghị hưu đối với viên chức lãnh đạo. Việc công bố quyết định đối với người đứng đầu công ty do cấp trên trực tiếp hoặc cơ quan được uỷ quyền công bố.

2. Chi đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với các quyết định nhân sự đã được công bố.

IV. TÔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các công ty nhà nước căn cứ Thông tư này hướng dẫn thực hiện cụ thể.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các công ty nhà nước phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, giải quyết.

**BỘ TRƯỞNG
TRẦN VĂN TUẤN**

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 02/2008/TTLT-BYT-BNV NGÀY 23-01-2008
CỦA BỘ Y TẾ VÀ BỘ NỘI VỤ**

**Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP
ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu
trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối
với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế**

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 43/2006/NĐ-CP); Bộ Y tế và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP trong lĩnh vực y tế công lập như sau:

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

1. Thông tư này hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, quản lý và sử dụng cán bộ, viên chức của đơn vị sự nghiệp y tế công lập có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập (gọi tắt là đơn vị), bao gồm: các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; các cơ sở y tế dự phòng; các đơn vị nghiên cứu kỹ thuật y, dược học, kiểm nghiệm, kiểm định, giám định, truyền thông giáo dục sức khỏe; các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực dân số và các đơn vị sự nghiệp y tế công lập khác.

Các đơn vị nói trên thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Các báo, tạp chí trực thuộc Bộ Y tế trong khi chưa có văn bản hướng dẫn của Bộ chuyên ngành được áp dụng Thông tư này.

3. Các đơn vị sự nghiệp y tế được phân loại là tổ chức khoa học công nghệ thực hiện theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

4. Các đơn vị sự nghiệp giáo dục, đào tạo trong lĩnh vực y tế thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁN BỘ, VIÊN CHỨC CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ CÔNG LẬP

1. Về thực hiện nhiệm vụ

1.1. Các nhiệm vụ

a) Nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

b) Các nhiệm vụ tự xác định khác ngoài nhiệm vụ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực và điều kiện thực hiện của đơn vị;

c) Hợp đồng với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học, dịch vụ khoa học công nghệ, phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh và các hợp đồng kinh tế khác, phù hợp với khả năng, lĩnh vực chuyên môn của đơn vị và quy định của pháp luật;

d) Các hoạt động liên doanh liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

1.2. Đơn vị tự bảo đảm chi phí hoạt động và tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động, tùy khả năng của đơn vị, được thực hiện thêm các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

1.3. Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ các nhiệm vụ được xác định theo quy định tại các điểm 1.1, 1.2 Khoản 1 Mục II của Thông tư này, đơn vị tự xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ 5 năm, hàng năm và quyết định các biện pháp thực hiện.

2. Về tổ chức bộ máy

2.1. Đơn vị được quyết định thành lập hoặc giải thể, tổ chức lại các khoa, phòng và tổ chức khác trực thuộc trên cơ sở quy hoạch hoặc phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Đơn vị được thành lập, sắp xếp lại, giải thể các tổ chức sự nghiệp trực thuộc tự bảo đảm kinh phí hoạt động để hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của đơn vị.

3. Về biên chế

3.1. Lập kế hoạch biên chế

Căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước; chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực tế, người

đứng đầu đơn vị xây dựng kế hoạch biên chế hàng năm, trong đó ghi rõ số lượng biên chế cần thiết của từng tổ chức trực thuộc, yêu cầu về chất lượng, cơ cấu viên chức, thời gian sử dụng.

3.2. Thẩm quyền quyết định và phê duyệt biên chế

Đối với đơn vị tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, người đứng đầu đơn vị được quyền quyết định kế hoạch biên chế và có trách nhiệm báo cáo kế hoạch biên chế đề cơ quan chủ quản tổng hợp, theo dõi, kiểm tra, giám sát;

Đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên và đơn vị được ngân sách Nhà nước cấp toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên, người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch biên chế của đơn vị.

3.3. Người đứng đầu đơn vị được ký hợp đồng thuê, khoán đối với những công việc không cần thiết bố trí biên chế thường xuyên; ký hợp đồng lao động và các hình thức hợp tác khác với chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Về quản lý, sử dụng cán bộ, viên chức

4.1. Về tuyển dụng và tiếp nhận

Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch biên chế của đơn vị đã được phê duyệt, người đứng đầu đơn vị xây dựng kế hoạch tuyển dụng, trong đó xác định rõ số lượng cần tuyển của từng ngạch, điều kiện, tiêu chuẩn, hình thức, thời gian tuyển dụng và báo cáo kế hoạch tuyển dụng với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Riêng đối với đơn vị tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, người đứng đầu đơn vị được quyền quyết định kế hoạch tuyển dụng.

Người đứng đầu đơn vị được quyết định tuyển dụng viên chức theo hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển phù hợp với đặc điểm chuyên môn của từng lĩnh vực cần tuyển và điều kiện cụ thể của từng đơn vị; tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng theo quy định của pháp luật.

Người đứng đầu đơn vị được quyền quyết định tiếp nhận viên chức ngạch tương đương ngạch bác sĩ chính trở xuống.

4.2. Về đào tạo, bồi dưỡng

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch biên chế và nhu cầu đào tạo, người đứng đầu đơn vị xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức của đơn vị.

Người đứng đầu đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quyết định cử cán bộ, viên chức trong đơn vị đi học tập, đào tạo trong nước và đi học tập, thăm quan, khảo sát ở

nước ngoài theo quy định của pháp luật. Đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu do cơ quan chủ quản quyết định việc đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài trên cơ sở đề nghị của đơn vị.

4.3. Về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức và cho từ chức các chức danh lãnh đạo, quản lý của đơn vị

Người đứng đầu đơn vị trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức và cho từ chức cấp phó của người đứng đầu; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức và cho từ chức các chức danh lãnh đạo, quản lý của các tổ chức trực thuộc đơn vị theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về các quyết định đó.

Đối với đơn vị đã được xếp hạng đặc biệt và các đơn vị được Bộ Y tế quyết định làm Trung tâm y tế chuyên sâu của khu vực, thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.

4.4. Về bổ nhiệm ngạch, nâng ngạch, chuyển ngạch

Người đứng đầu đơn vị trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch viên chức đối với các ngạch tương đương ngạch bác sĩ cao cấp; quyết định bổ nhiệm ngạch viên chức đối với những người được tuyển dụng lần đầu; quyết định bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch sau đào tạo hoặc sau thi nâng ngạch cho viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị từ ngạch tương đương bác sĩ chính trở xuống theo quy định của pháp luật.

4.5. Về bố trí, phân công công tác, điều động, biệt phái, luân chuyển, chấm dứt hợp đồng làm việc

Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm bố trí, phân công công tác, giao nhiệm vụ cho viên chức phù hợp với trình độ đào tạo và ngạch của viên chức, bảo đảm các chế độ, chính sách và điều kiện cần thiết để viên chức thực hiện nhiệm vụ;

Người đứng đầu đơn vị quyết định việc điều động, biệt phái cán bộ, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị từ ngạch tương đương ngạch bác sĩ chính trở xuống theo quy định của pháp luật.

4.6. Về nâng bậc lương

Người đứng đầu đơn vị được quyền quyết định nâng bậc lương thường xuyên và trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị từ ngạch tương đương ngạch bác sĩ chính trở xuống theo quy định của pháp luật.

4.7. Về chế độ hưu trí, thôi việc, kéo dài thời gian công tác

Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm ra thông báo bằng văn bản về thời

điểm nghỉ hưu cho tất cả cán bộ, viên chức của đơn vị trước 06 tháng tính đến ngày cán bộ, viên chức đủ tuổi nghỉ hưu.

Người đứng đầu đơn vị ra quyết định nghỉ hưu đối với cán bộ, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị từ ngạch tương đương ngạch bác sĩ chính trở xuống theo quy định của pháp luật.

Đối với cán bộ, viên chức xếp ngạch tương đương ngạch bác sĩ cao cấp và cấp phó của người đứng đầu, sau khi ra thông báo về thời điểm nghỉ hưu, người đứng đầu đơn vị phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền ra quyết định về việc cán bộ, viên chức nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

Người đứng đầu đơn vị được quyền giải quyết việc kéo dài thời gian công tác, thôi việc, chấm dứt hợp đồng làm việc đối với cán bộ, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị từ ngạch tương đương ngạch bác sĩ chính trở xuống theo quy định của pháp luật.

4.8. Về nhận xét, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật

Người đứng đầu đơn vị do cơ quan chủ quản cấp trên nhận xét, đánh giá;

Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm nhận xét, đánh giá tất cả cán bộ, viên chức trong đơn vị; thực hiện chế độ thi đua khen thưởng theo quy định của pháp luật;

Người đứng đầu đơn vị được quyền quyết định kỷ luật cán bộ, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị từ ngạch tương đương ngạch bác sĩ chính trở xuống theo quy định của pháp luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị

Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và có các trách nhiệm cụ thể sau:

1.1. Phổ biến, quán triệt Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện đến toàn thể cán bộ, viên chức trong đơn vị; thống nhất trong lãnh đạo, cấp ủy Đảng, tổ chức công đoàn đơn vị về chủ trương, thời gian thực hiện, định hướng phát triển đơn vị trước mắt và lâu dài; xây dựng phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Thông tư này;

1.2. Báo cáo với cấp ủy Đảng của đơn vị trước khi đề nghị với cấp trên hoặc quyết định những vấn đề: Quy hoạch phát triển, kế hoạch 5 năm, hàng năm và các biện pháp thực hiện; thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức chuyên môn nghiệp vụ và tổ chức khác trực thuộc đơn vị; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ

chức, khen thưởng, kỷ luật các chức danh lãnh đạo quản lý; phương án sắp xếp lao động;

1.3. Lấy ý kiến của Ban Chấp hành công đoàn đơn vị các vấn đề: Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế dân chủ cơ quan; quy chế làm việc; quy chế khen thưởng, kỷ luật, quy định về tuyển dụng, sử dụng cán bộ viên chức và người lao động; phương án liên doanh liên kết; phương án vay vốn tín dụng, hỗ trợ đầu tư; phối hợp với Ban Chấp hành công đoàn cùng cấp tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm theo quy định;

1.4. Lấy ý kiến của Hội nghị cán bộ, viên chức hoặc cán bộ chủ chốt của đơn vị trước khi đề nghị hoặc quyết định các vấn đề: Quy hoạch phát triển, kế hoạch 5 năm, hàng năm và các biện pháp thực hiện của đơn vị; phương án sắp xếp lao động; quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế dân chủ cơ quan;

1.5. Báo cáo bằng văn bản xin ý kiến của cơ quan chủ quản trước khi quyết định các nội dung tại điểm 1.2, 1.3 Khoản 1 Mục III Thông tư này trong trường hợp cấp ủy Đảng và Ban Chấp hành công đoàn đơn vị có ý kiến chưa thống nhất với người đứng đầu đơn vị;

1.6. Gửi các quyết định đến cơ quan chủ quản trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành các quyết định về tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự quy định tại Điều 6, 7 và 8 của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP;

1.7. Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo thường xuyên theo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chủ quản về hoạt động của đơn vị.

2. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

2.1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này; tổ chức sơ kết đánh giá tình hình thực hiện gửi báo cáo về Bộ Y tế, Bộ Nội vụ trước 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Các đơn vị có trách nhiệm xây dựng phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước tháng 7 năm 2008.

Yêu cầu về nội dung phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm không phải ghi chi tiết các nội dung về tài chính, nhưng hồ sơ trình với cơ quan chủ quản, phải kèm theo quyết định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của cơ quan có thẩm quyền và các tài liệu hồ sơ liên quan.

Cơ quan có thẩm quyền giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị

sự nghiệp phê duyệt phương án trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được phương án trình của đơn vị sự nghiệp.

3. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vướng mắc, phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức gửi báo cáo về Bộ Y tế, Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
TRẦN VĂN TUẤN

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ
NGUYỄN QUỐC TRIỆU

Bản sao lưu trữ

PHỤ LỤC

*(Ban hành kèm theo Thông tư Liên tịch số 02/2008/TTLT/BYT-BNV
ngày 23 tháng 01 năm 2008 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ)*

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 43/2006/ND-CP

I. PHẦN CHUNG:

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ:
3. Cơ quan chủ quản:
4. Cơ quan quyết định và ngày tháng thành lập:
5. Chức năng, nhiệm vụ theo quy định của cơ quan chủ quản:

II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG:

1. Tình hình tổ chức:
 - a) Lãnh đạo
 - b) Cơ cấu tổ chức
 - c) Cơ cấu cán bộ, viên chức và người lao động khác (phân theo ngạch viên chức, trình độ, độ tuổi, chuyên môn, ngoại ngữ...).
2. Tình hình tài chính và tài sản:
 - a) Bảng thống kê tài sản
 - b) Báo cáo tài chính hàng năm trong 3 năm liền kề
 - c) Diện tích nhà làm việc, các cơ sở dịch vụ (nếu có)
 - d) Diện tích đất được giao sử dụng (kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).
3. Thực trạng hoạt động trong thời gian 3 năm gần đây:
 - a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ do cơ quan nhà nước giao
 - b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ do đơn vị tự tìm kiếm (tên nhiệm vụ, tổ chức đặt hàng, giá trị hợp đồng, kết quả triển khai)
 - c) Kết quả thực hiện hoạt động dịch vụ (loại hợp đồng, giá trị hợp đồng, lợi nhuận, nộp ngân sách)

d) Những hoạt động phối hợp, tham gia với tổ chức khác, hợp tác quốc tế (tên nhiệm vụ, công việc, tổ chức phối hợp, kết quả thực hiện).

d) Các công trình nghiên cứu khoa học, đề án, dự án, sáng chế, giải pháp hữu ích được công nhận ở trong và ngoài nước

e) Đánh giá chung về kết quả đạt được, những thuận lợi, khó khăn

III. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG:

1. Dự kiến cơ cấu tổ chức:

a) Dự kiến sắp xếp các bộ phận và tổ chức trực thuộc

b) Xác định mô hình tổ chức, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức và các bộ phận trực thuộc

c) Dự kiến thay đổi biên chế, phương án giải quyết nhân lực sau khi sắp xếp lại tổ chức

2. Phương hướng hoạt động:

a) Dự kiến thay đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ

b) Định hướng hoạt động chuyên môn của đơn vị: nội dung, quy mô, phạm vi hoạt động, sản phẩm, dịch vụ cung cấp (số lượng dự tính hàng năm)

3. Dự kiến Phương án sắp xếp lao động (nếu có):

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Các bước tiến hành, nội dung và thời gian thực hiện

2. Các giải pháp thực hiện: dự kiến bổ sung vốn, trang thiết bị, nhân lực (số lượng, từ nguồn nào?)

V. KIẾN NGHỊ:

1. Kiến nghị với cơ quan chủ quản và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước khác.

....., ngày..... tháng..... năm 2008

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Ký tên và đóng dấu

Nơi nhận:

- Cơ quan chủ quản;
- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án;
- Lưu: VT.

**QUYẾT ĐỊNH SỐ 30/QĐ-TTg NGÀY 10-01-2007
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**Phê duyệt đề án đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực
quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 94/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2006 - 2010;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010.

Điều 2. Giao Văn phòng Chính phủ chủ trì, theo dõi, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện Đề án này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**THỦ TƯỚNG
NGUYỄN TÁN DŨNG**

ĐỀ ÁN
ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRÊN CÁC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2007 - 2010

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2007
của Thủ tướng Chính phủ)*

I. BỐI CẢNH CỦA ĐỀ ÁN

Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2001) đã kết thúc giai đoạn I (2001 - 2005). Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ đã có Báo cáo tổng kết việc thực hiện giai đoạn I (2001 - 2005) và khẳng định 5 năm qua cải cách hành chính đã được triển khai toàn diện trên mọi lĩnh vực quản lý, tạo ra những chuyển biến đáng ghi nhận. Cải cách hành chính được xác định là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội và đổi mới từng bước hệ thống chính trị.

Để thúc đẩy thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế xã hội 5 năm (2006 - 2010), nhất là trong bối cảnh Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và để thực hiện mục tiêu xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, Chính phủ đã đề ra Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2006 - 2010. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch này là xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước. Qua nghiên cứu kinh nghiệm cải cách hành chính thế giới cho thấy, đơn giản hoá thủ tục hành chính được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình hiện đại hoá hành chính của Chính phủ các nước phát triển.

Trong giai đoạn I (2001 - 2005) Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước và những năm trước đó, Chính phủ đã chú trọng cải cách thủ tục hành chính thông qua công tác rà soát, sửa đổi và bãi bỏ những thủ tục hành chính không phù hợp, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của nhân dân. Từ khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 38/CP ngày 04 tháng 5 năm 1994 về cải cách một bước thủ tục hành chính trong giải quyết công việc của công dân và tổ chức cho tới nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác này (Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg về việc áp dụng cơ chế một cửa ở các địa phương; Chỉ thị số 09/2005/CT-TTg ngày 05 tháng

4 năm 2005 về tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; Quyết định số 23/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 về việc thành lập tổ công tác liên ngành xử lý các vướng mắc và kiến nghị của doanh nghiệp về thủ tục hành chính; Quyết định số 22/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2006 về việc giao nhiệm vụ xử lý các vướng mắc, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp; Chỉ thị số 32/2006/CT-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2006 về một số biện pháp cần làm ngay để chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp; Công văn số 1877/TTg-CCHC ngày 15 tháng 11 về việc đôn đốc thực hiện Chỉ thị số 32/2006/CT-TTg; Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2006 số 01/2007/NQ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2007). Theo đó, các bộ, ngành và địa phương đã thực hiện những biện pháp để cải cách thủ tục hành chính trong phạm vi thẩm quyền quản lý, cải thiện mối quan hệ giữa nhà nước với người dân và doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch, đơn giản hoá.

Kết quả cải cách thủ tục hành chính thời gian qua cho thấy, mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với người dân và doanh nghiệp được cải thiện một bước đáng kể, thông qua một loạt các biện pháp như cải cách thủ tục hành chính gắn với thực hiện cơ chế một cửa; công khai hóa, minh bạch hóa các quy định về thủ tục hành chính; thủ tục hành chính được rà soát, sửa đổi, bãi bỏ theo hướng đơn giản hóa, thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả và chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực quản lý, thủ tục hành chính vẫn còn tồn tại khá phổ biến xu hướng cơ quan hành chính giành thuận lợi cho mình, gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp; vẫn còn tư tưởng bao cấp, cục bộ của các bộ, ngành khi xây dựng và ban hành thủ tục hành chính; thiếu trách nhiệm trong kiểm tra việc tổ chức thực hiện. Do đó, thủ tục hành chính vẫn còn nhiều phiền hà, phức tạp, gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp, làm lỡ cơ hội đầu tư và cản trở sức sản xuất của các thành phần kinh tế trong xã hội. Cụ thể là:

- Thủ tục hành chính trong quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau chưa bảo đảm được tính nhất quán, đồng bộ, vẫn còn tình trạng rườm rà, chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý; được ban hành bởi nhiều cấp, nhiều cơ quan, dưới nhiều hình thức văn bản;

- Điều kiện kinh doanh tiếp tục là những lực cản, trở ngại cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Có không ít điều kiện kinh doanh được ban hành theo hướng thuận lợi cho cơ quan quản lý, chưa tính tới những khó khăn trong việc thực hiện của người dân và doanh nghiệp;

- Hệ thống các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính trong hồ sơ thủ tục hành

chính do các cơ quan hành chính nhà nước ban hành còn thiếu thống nhất, nhiều quy định bất hợp lý gây phiền hà cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp nhưng chậm được chuẩn hoá theo hướng đơn giản, thuận lợi; chưa có sự kiểm soát chặt chẽ về tính công khai, minh bạch, tính thống nhất, tính hợp lý về nội dung và hình thức của các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính. Thực trạng này đã gây phiền hà, khó khăn cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp, tạo cơ hội cho những nhiễu, tiêu cực phát sinh, phát triển;

- Không chỉ có hạn chế về mặt nội dung các quy định về thủ tục hành chính, việc tổ chức thực hiện trên thực tế cũng rất yếu kém. Nhiều quy định về cơ chế chính sách, thủ tục hành chính không phù hợp với thực tế nhưng chậm được phát hiện để điều chỉnh, sửa đổi kịp thời. Điều này đã được phát hiện từ lâu nhưng chậm được khắc phục trên thực tế.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên là:

Thứ nhất, nhận thức, tư duy về quản lý nhà nước trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, kể cả cán bộ lãnh đạo chủ chốt chậm được đổi mới. Biểu hiện của tư duy này là muốn quản lý chặt, ôm đồm, áp đặt vẫn còn khá phổ biến ở các ngành, các cấp.

Thứ hai, thủ tục hành chính là vấn đề rộng lớn, phức tạp liên quan đến nhiều đối tượng thực thi trong xã hội và gắn liền với thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền. Trong không ít trường hợp, thực hiện cải cách thủ tục hành chính là tự cắt bỏ quyền và lợi ích do thủ tục hành chính hiện hành mang lại. Do đó, gặp phải sự chống đối từ phía một bộ phận cán bộ, công chức nhà nước.

Thứ ba, các bộ, ngành trung ương cũng như địa phương chưa kiên quyết, nhất quán tổ chức thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, chưa thấy được hết ý nghĩa, tầm quan trọng và đòi hỏi cấp bách của việc tháo gỡ những cản trở, vướng mắc cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về thủ tục hành chính để phát huy mạnh mẽ tiềm năng sức mạnh vật chất, tinh thần của người dân cho mục tiêu phát triển. Chính vì vậy mà chưa tập trung chỉ đạo quyết liệt và dành ưu tiên các nguồn lực cho công tác này.

Thứ tư, các thủ tục hành chính hiện nay còn được thực hiện cắt khúc, thiếu tính liên thông và phối hợp trong thực hiện thủ tục hành chính. Khi có nhu cầu cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp còn phải đến nhiều cơ quan, nhiều đầu mối để thực hiện thủ tục hành chính.

Thứ năm, chưa có một cơ chế pháp lý đủ mạnh để ràng buộc trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc tiếp nhận, xử lý nhanh chóng, kịp thời các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về cơ chế chính sách, thủ tục hành chính không còn phù hợp.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu

Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, đơn giản, công khai, minh bạch của thủ tục hành chính; tạo sự thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; góp phần phòng, chống tham nhũng và lãng phí.

2. Yêu cầu

- Thủ tục hành chính trên từng lĩnh vực quản lý, điều kiện kinh doanh, mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính trong hồ sơ thủ tục hành chính phải được xem xét, đánh giá để bãi bỏ hoặc sửa đổi theo hướng đơn giản, thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp:

- Quy trình giải quyết các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính và hồ sơ thủ tục hành chính phải được chuẩn hóa, công khai hóa để mọi cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp biết, thực hiện;

- Có cơ chế pháp lý hữu hiệu đối với các cơ quan hành chính nhà nước trong việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về cơ chế chính sách, thủ tục hành chính không còn phù hợp;

- Tạo bước chuyển căn bản trong quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau trong giải quyết và thực hiện thủ tục hành chính.

3. Phạm vi

Đơn giản hoá thủ tục hành chính được thực hiện trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, trong quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước với cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp, giữa các cơ quan quản lý nhà nước với nhau.

III. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

Tiêu Đề án 1: Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên từng lĩnh vực quản lý nhà nước

1. Mục tiêu

Hệ thống, đánh giá tổng thể thực trạng các thủ tục hành chính hiện hành, phát hiện các bất cập trên cơ sở đó đưa ra các phương án giải quyết, hoàn thiện hệ thống thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.

2. Nội dung

a) Thống kê, tập hợp các thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức và

doanh nghiệp trên từng lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; thẩm quyền giải quyết của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, của Ủy ban nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, xã) thuộc chức năng và phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính và việc tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên các mặt: quy định pháp luật; quy trình giải quyết công việc; hồ sơ giấy tờ; thẩm quyền giải quyết; vấn đề liên thông, phối hợp và kỷ luật, kỷ cương trong giải quyết thủ tục hành chính; những khó khăn, vướng mắc đối với cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính; thời hạn giải quyết thủ tục hành chính; tính khả thi, phù hợp của thủ tục hành chính; vấn đề phí, lệ phí;

c) Xây dựng báo cáo Đơn giản hóa thủ tục hành chính; tổ chức lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp có liên quan về dự thảo báo cáo này và trình Ban Điều hành Đề án xem xét, cho ý kiến;

d) Xem xét, sửa đổi, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của nhân dân;

d) Nghiên cứu ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định về hồ sơ thủ tục hành chính, phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, cơ chế liên thông, trách nhiệm phối hợp và kỷ luật, kỷ cương trong giải quyết và thực hiện thủ tục hành chính, pháp điển hóa các quy định về thủ tục hành chính (nếu cần thiết) để tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính một cách nhanh chóng, dễ dàng và thuận lợi;

e) Tổng hợp những đề xuất, kiến nghị của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc sửa đổi, bãi bỏ các thủ tục hành chính được quy định trong các văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội;

g) Xây dựng và trình Chính phủ Dự thảo Nghị định về đơn giản hóa thủ tục hành chính để sửa đổi, bãi bỏ các thủ tục hành chính không phù hợp được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, theo hướng Nghị định này sửa nhiều Nghị định;

h) Xây dựng và trình Chính phủ Dự án Luật Đơn giản hóa thủ tục hành chính để sửa đổi, bãi bỏ các thủ tục hành chính không phù hợp được quy định trong các luật, pháp lệnh, theo hướng Luật này sửa nhiều luật, pháp lệnh;

i) Xây dựng cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính trên từng lĩnh vực quản lý nhà nước;

k) Xây dựng báo cáo tổng kết tiêu đề án.

3. Phân công thực hiện

3.1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

- Thực hiện nhiệm vụ đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định tại các điểm a, b, c, d, d, i, k mục 2;
- Thiết lập cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đề công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của bộ, ngành mình;
- Cung cấp cho Văn phòng Chính phủ cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với Văn phòng chính phủ trong việc thiết lập cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính đề công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ
- Định kỳ 6 tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình và kết quả thực hiện.

3.2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong quá trình các cơ quan này thực hiện nhiệm vụ đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại mục 3.1.
- Rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương liên quan đến cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp;
- Sửa đổi, bãi bỏ những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành không phù hợp, gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp;
- Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ sửa đổi, bãi bỏ những thủ tục hành chính không phù hợp thuộc thẩm quyền ban hành của các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương.
- Công khai, minh bạch các thủ tục hành chính để tạo điều kiện cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp dễ dàng, thuận lợi trong tiếp cận và thực hiện các thủ tục hành chính;
- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ thiết lập cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính và công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của địa phương;
- Ban hành theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng ban hành các quy định về cơ chế liên thông, trách nhiệm phối hợp, kỷ luật, kỷ cương trông giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp;
- Định kỳ 6 tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện;

- Xây dựng Báo cáo tổng kết tiêu đề án.

3.3. Văn phòng Chính phủ:

- Đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nhiệm vụ đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định tại mục 3.1, 3.2;

- Thực hiện nhiệm vụ đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định tại các điểm e, g, h mục 2;

- Chủ trì, phối hợp với Trang thông tin điện tử của Chính phủ và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thiết lập cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính và công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ;

- Xây dựng báo cáo tổng kết tiêu Đề án.

4. Sản phẩm

- Báo cáo Đơn giản hóa thủ tục hành chính của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Văn bản của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sửa đổi, bãi bỏ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý không phù hợp, gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp;

- Văn bản của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc dự thảo văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định về hồ sơ thủ tục hành chính, phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, cơ chế liên thông, trách nhiệm phối hợp, kỷ luật, kỷ cương trong giải quyết thủ tục hành chính, pháp điển hóa những quy định về thủ tục hành chính (nếu cần thiết);

- Báo cáo tổng hợp của Văn phòng Chính phủ về những đề xuất, kiến nghị của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc sửa đổi, bãi bỏ các thủ tục hành chính không phù hợp được quy định trong các văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Dự thảo Nghị định về đơn giản hóa thủ tục hành chính;

- Dự án Luật về đơn giản hóa thủ tục hành chính;

- Báo cáo tổng kết tiêu Đề án của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5. Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện tiêu Đề án: từ tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010;

- Thời gian các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện nhiệm vụ được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ mục 2: bắt đầu từ tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007;

- Thời gian các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trình Ban Điều hành Đề án Báo cáo Đơn giản hoá thủ tục hành chính để xem xét, cho ý kiến: trước ngày 15 tháng 01 năm 2008;

- Thời gian Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nhiệm vụ đơn giản hoá thủ tục hành chính quy định tại mục 3.2: từ tháng 01 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2010;

- Thời gian Văn phòng Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ nêu tại mục 3.3: từ ngày 15 tháng 01 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2010. Cụ thể như sau:

+ Trình Chính phủ dự thảo Nghị định về đơn giản hóa thủ tục hành chính: trước 20 tháng 8 năm 2008;

+ Trình Chính phủ Dự án Luật về Đơn giản hóa Thủ tục hành chính: trước ngày 20 tháng 10 năm 2008.

- Thời gian các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Ban Điều hành Đề án Báo cáo tổng kết tiêu đề án: trước ngày 15 tháng 10 năm 2010;

Tiêu Đề án 2: Đơn giản hóa điều kiện kinh doanh

1. Mục tiêu

Xây dựng hệ thống điều kiện kinh doanh minh bạch, hợp lý, thống nhất vừa đáp ứng nhiệm vụ quản lý nhà nước, vừa bảo đảm yêu cầu thông thoáng và giảm chi phí về thời gian, vật chất cho người dân và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

2. Nội dung

a) Thống kê, tập hợp các điều kiện kinh doanh, bao gồm: giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, yêu cầu về vốn pháp định hoặc yêu cầu khác;

b) Rà soát, đánh giá cụ thể từng loại điều kiện kinh doanh trên các mặt: quy định pháp luật; tính phù hợp, khả thi của điều kiện kinh doanh; những khó khăn, vướng mắc đối với người dân và doanh nghiệp khi thực hiện các quy định về điều kiện kinh doanh; những vấn đề khác có liên quan;

c) Xây dựng báo cáo Đơn giản hóa điều kiện kinh doanh; lấy ý kiến người

dân, doanh nghiệp và tổ chức có liên quan về dự thảo báo cáo, trình Ban Điều hành Đề án xem xét, cho ý kiến;

d) Xây dựng và trình Chính phủ Dự thảo Nghị định về đơn giản hóa điều kiện kinh doanh để sửa đổi, bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không phù hợp thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ, theo hướng Nghị định này sửa nhiều Nghị định;

đ) Xây dựng và trình Chính phủ Dự án Luật về đơn giản hóa điều kiện kinh doanh để sửa đổi, bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không còn phù hợp được quy định trong các luật, pháp lệnh, theo hướng Luật này sửa nhiều luật, pháp lệnh;

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu về điều kiện kinh doanh trên từng lĩnh vực quản lý nhà nước;

g) Định kỳ 6 tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện;

h) Xây dựng Báo cáo tổng kết tiêu Đề án.

3. Phân công thực hiện

3.1. Cơ quan thực hiện: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3.2. Cơ quan phối hợp: Tổ thi hành Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình thực hiện Đề án này.

4. Sản phẩm

- Báo cáo Đơn giản hóa điều kiện kinh doanh;
- Dự thảo Nghị định về đơn giản hóa điều kiện kinh doanh;
- Dự án Luật về đơn giản hóa điều kiện kinh doanh;
- Hệ thống cơ sở dữ liệu về điều kiện kinh doanh trên từng lĩnh vực quản lý nhà nước được thiết lập và công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ, của các bộ, ngành và địa phương;

- Báo cáo tổng kết tiêu đề án.

5. Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện tiêu đề án: từ tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008;

- Thời gian trình Ban Điều hành Đề án cho ý kiến về Báo cáo Đơn giản hóa điều kiện kinh doanh: trước ngày 31 tháng 12 năm 2007;

- Thời gian trình Chính phủ Nghị định về Đơn giản hóa điều kiện kinh doanh: trước ngày 20 tháng 02 năm 2008;

- Thời gian trình Chính phủ Dự án Luật về Đơn giản hóa điều kiện kinh doanh: trước ngày 20 tháng 6 năm 2008.

Tiểu Đề án 3: Đơn giản hoá mẫu đơn, tờ khai hành chính trong hồ sơ thủ tục hành chính

1. Mục tiêu

Bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong ban hành, quản lý và sử dụng mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính trong hồ sơ thủ tục hành chính; chống việc lạm dụng mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính phục vụ lợi ích cục bộ, gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp; đơn giản, dễ hiểu, dễ sử dụng và thuận lợi trong việc tiếp cận, sử dụng các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính.

2. Nội dung

a) Thống kê, tập hợp các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính trong hồ sơ thủ tục hành chính trên từng lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; thẩm quyền giải quyết của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, của Ủy ban nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, xã) thuộc chức năng, phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Rà soát, đánh giá các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính trên các mặt: nội dung, hình thức, ngôn ngữ, thẩm quyền ban hành và những vấn đề khác có liên quan;

c) Chuẩn hóa các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước theo hướng đơn giản, dễ hiểu, thuận lợi cho người sử dụng;

d) Xây dựng báo cáo đơn giản hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp có liên quan về dự thảo Báo cáo và trình Ban Điều hành Đề án xem xét, cho ý kiến;

đ) Ban hành mới các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính hoặc sửa đổi, bãi bỏ những mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính không phù hợp;

e) Yêu cầu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bãi bỏ ngay các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính không phù hợp hoặc do địa phương ban hành không đúng thẩm quyền;

g) Xây dựng cơ sở dữ liệu về mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính trong hồ sơ thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý;

h) Xây dựng báo cáo tổng kết tiêu đề án.

3. Phân công thực hiện

3.1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

- Thực hiện nhiệm vụ đơn giản hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính theo quy định tại mục 2;

- Thiết lập cơ sở dữ liệu về mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của bộ, ngành mình;

- Cung cấp cho Văn phòng Chính phủ cơ sở dữ liệu về mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với Văn phòng chính phủ trong việc thiết lập cơ sở dữ liệu về mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính để công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ;

- Định kỳ 6 tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện.

3.2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong quá trình tổ chức thực hiện tiêu Đề án;

- Thực hiện bãi bỏ các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính trong hồ sơ thủ tục hành chính không phù hợp theo yêu cầu của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc những mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính ban hành không đúng thẩm quyền;

- Công khai hoá các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính;

- Thiết lập cơ sở dữ liệu về mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính trên Trang thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trên cơ sở dữ liệu về mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Định kỳ 6 tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện;

- Xây dựng báo cáo tổng kết tiêu đề án.

3.3. Văn phòng Chính phủ:

- Đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nhiệm vụ đơn giản hoá mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính theo quy định tại mục 3.1 và 3.2;

- Chủ trì, phối hợp với Trang thông tin điện tử của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thiết lập cơ sở dữ liệu về hệ thống các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính và công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ, trên cơ sở hệ thống các cơ sở dữ liệu về tờ khai và mẫu đơn hành chính

của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp;

4. Sản phẩm

- Báo cáo đơn giản hoá mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Quyết định của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính;

- Hệ thống cơ sở dữ liệu về các mẫu tờ khai và mẫu đơn hành chính trong hồ sơ thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý được thiết lập, công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ, của các bộ, ngành, địa phương;

- Báo cáo tổng kết tiêu đề án của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5. Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện tiêu Đề án: từ tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008;

- Thời gian các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quy định tại mục 3.1: từ tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007;

- Thời gian trình Ban Điều hành Đề án Báo cáo đơn giản hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: trước ngày 31 tháng 12 năm 2007;

- Thời gian Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc thực hiện nhiệm vụ quy định tại mục 3.2: tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008;

- Thời gian Văn phòng Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quy định tại mục 3.3: từ tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Tiêu Đề án 4: Xây dựng cơ chế tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về cơ chế chính sách, thủ tục hành chính không phù hợp.

1. Mục tiêu

Kịp thời điều chỉnh, sửa đổi và hoàn thiện các cơ chế chính sách, thủ tục hành chính không còn phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về cơ chế chính sách, thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước.

2. Nội dung

a) Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về cơ chế chính sách, thủ tục hành chính của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

b) Xây dựng, trình Chính phủ Nghị định quy định về công tác tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về cơ chế chính sách và thủ tục hành chính;

c) Lấy ý kiến chuyên gia quản lý, nhà khoa học, cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về Dự thảo Nghị định trước khi trình Chính phủ xem xét, quyết định;

d) Xây dựng báo cáo tổng kết tiêu đề án.

3. Phân công thực hiện

3.1. Cơ quan thực hiện: Văn phòng Chính phủ.

3.2. Cơ quan phối hợp: các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm giúp đỡ, tạo điều kiện cho Văn phòng Chính phủ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Sản phẩm

- Báo cáo đánh giá thực trạng công tác tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về cơ chế chính sách, thủ tục hành chính không còn phù hợp của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về công tác tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về cơ chế chính sách và thủ tục hành chính.

5. Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện tiêu Đề án: từ tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007.

- Thời gian trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về công tác tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về cơ chế chính sách và thủ tục hành chính: quý IV năm 2007.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công thực hiện

1.1. Văn phòng Chính phủ:

- Thực hiện và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, Ban Điều hành Đề án về các nhiệm vụ được Thủ tướng giao quy định trong Đề án;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ huy động nguồn lực quốc tế cho việc thực hiện Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010.

1.2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Thực hiện và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và Ban Điều hành Đề án về các nhiệm vụ được Thủ tướng giao quy định trong Đề án;

- Phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ huy động nguồn lực quốc tế cho việc thực hiện Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010.

1.3. Bộ Tài chính

Bổ trí đủ nguồn kinh phí cho việc xây dựng, triển khai và thực hiện Đề án theo quy định tại Thông tư số 99/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2006; kiểm tra tài chính trong việc thực hiện Đề án; tổng hợp tình hình cấp phát kinh phí hàng năm cho các tiểu đề án và duyệt quyết toán kinh phí các tiểu đề án đã kết thúc;

1.4. Bộ Nội vụ

Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ trong việc huy động các nguồn lực quốc tế hỗ trợ thực hiện Đề án.

1.5. Bộ Tư pháp

Phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Dự án Luật về Đơn giản hóa thủ tục hành chính và Dự án Luật về Đơn giản hóa điều kiện kinh doanh. Đưa 2 dự án Luật này vào dự kiến chương trình xây dựng luật và pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII, bảo đảm phù hợp với thời gian đã nêu trong Đề án.

1.6. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và Ban Điều hành Đề án trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao nêu trong từng tiểu Đề án;

- Trong phạm vi chức năng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì triển khai những nội dung có liên quan đã nêu trong từng tiểu Đề án, định kỳ 6 tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình và kết quả thực hiện.

2. Thời gian thực hiện

Thời gian của Đề án được xác định trong từng tiểu Đề án. Đến cuối năm 2010 sẽ tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

3. Các yêu cầu về nguồn lực

3.1. Về nhân lực:

- Đội ngũ chuyên gia của các bộ, ngành và địa phương;

- Các chuyên gia giỏi về các lĩnh vực liên quan không thuộc biên chế bộ, ngành hay địa phương.

3.2. Về tài chính:

- Các khoản chi:

- + Xây dựng chương trình, kế hoạch của các tiêu Đề án;
- + Tổ chức khảo sát các bộ, ngành, địa phương và nước ngoài;
- + Điều tra, khảo sát, thống kê, tập hợp: thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ thủ tục hành chính, hồ sơ thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước;
- + Thuê chuyên gia tư vấn;
- + Tổ chức hội thảo lấy ý kiến các nhà khoa học, nhà quản lý;
- + Xây dựng, hoàn chỉnh dự thảo báo cáo và các văn bản pháp quy;
- + Tổ chức tập huấn, triển khai thực hiện;
- + Xây dựng cơ sở dữ liệu và thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ, của bộ, ngành và địa phương.

- Dự toán kinh phí cho việc thực hiện Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý giai đoạn 2007 - 2010:

Căn cứ vào Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và dự toán chi tiết do cơ quan chủ trì lập, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm bố trí kinh phí ngân sách để thực hiện Đề án, trong đó có phân theo nhu cầu hàng năm.

Kinh phí thực hiện cho từng tiêu Đề án do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các cơ quan thực hiện nhiệm vụ đã quy định trong từng tiêu Đề án.

4. Ban Điều hành Đề án

Thành lập Ban Điều hành Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010.

Thành phần: Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ làm Trưởng ban, các ủy viên là đại diện lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội; đại diện lãnh đạo Vụ Cải cách hành chính Văn phòng Chính phủ là ủy viên thư ký.

Giúp việc Ban Điều hành Đề án có Tổ thư ký, bao gồm lãnh đạo, chuyên viên Vụ Cải cách hành chính và một số cán bộ, chuyên viên của Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội.

Ban Điều hành và Tổ thư ký hoạt động kiêm nhiệm.

Ban Điều hành được sử dụng con dấu của Văn phòng Chính phủ. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quyết định thành lập Ban Điều hành, Tổ thư ký và ban hành Quy chế làm việc của Ban Điều hành.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về kết quả tổ chức thực hiện Đề án; xem xét, cho ý kiến và nghiệm thu sản phẩm của từng tiểu đề án; theo dõi, đôn đốc kiểm tra các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; tổng kết Đề án, xây dựng nhiệm vụ cho những năm tiếp theo, trình Thủ tướng xem xét, quyết định; tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

THỦ TƯỚNG
NGUYỄN TÁN DŨNG

Bản sao lưu trữ

QUYẾT ĐỊNH SỐ 03/2007/QĐ-BNV NGÀY 26-02-2007

CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công chức Viên chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG
ĐỖ QUANG TRUNG

QUY TẮC ỨNG XỬ

Của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26 tháng 02 năm 2007
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy tắc này quy định các chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương trong thi hành nhiệm vụ, công vụ, trong quan hệ xã hội; trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trong việc thực hiện và xử lý vi phạm.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng điều chỉnh theo quy định tại Quy tắc này bao gồm:

1. Những người được quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh Cán bộ, công chức năm 2003 làm việc trong các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Những người được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh Cán bộ, công chức năm 2003 làm việc trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước thuộc bộ máy chính quyền địa phương.

3. Những người do bầu cử đề đảm nhiệm chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm g khoản 1 Điều 1 và các chức danh chuyên môn nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm h khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh Cán bộ, công chức năm 2003.

Điều 3. Mục đích

Mục đích quy định Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức nhằm:

1. Quy định các chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, bao gồm những việc phải làm hoặc không được làm nhằm bảo đảm sự liêm chính và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức.

2. Thực hiện công khai các hoạt động nhiệm vụ, công vụ và quan hệ xã hội

của cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong công tác phòng, chống tham nhũng.

3. Là căn cứ để các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý trách nhiệm khi cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các chuẩn mực xử sự trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, đồng thời là căn cứ để nhân dân giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy tắc này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ” là các quy định về những việc phải làm hoặc không được làm khi cán bộ, công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ, công vụ trong thời gian làm việc tại cơ quan, đơn vị mình, với các cơ quan, đơn vị Nhà nước liên quan ở Trung ương và địa phương, với các tổ chức trong xã hội có liên quan đến nhiệm vụ được giao và trong giải quyết các yêu cầu của công dân.

2. “Chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức trong quan hệ xã hội” là các quy định về những việc phải làm hoặc không được làm của cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia các hoạt động xã hội và cộng đồng bảo đảm sự gương mẫu, xây dựng nếp sống văn minh sống và làm việc theo quy định của pháp luật.

3. “Vụ lợi” là lợi ích vật chất, tinh thần mà người có chức vụ, quyền hạn đạt được hoặc có thể đạt được thông qua hành vi tham nhũng.

4. “Tham nhũng” là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.

Chương II

CHUẨN MỰC XỬ SỰ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG THI HÀNH NHIỆM VỤ, CÔNG VỤ

Mục 1

NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC PHẢI LÀM

Điều 5. Các quy định chung

1. Cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành nhiệm vụ, công vụ phải thực hiện đầy đủ và đúng các quy định về nghĩa vụ cán bộ, công chức, viên chức được quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Pháp lệnh Cán bộ, công chức.

2. Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm phát hiện việc thực hiện sai hoặc không đầy đủ, không đúng quy định của các cán bộ, công chức, viên chức khác trong cùng cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn

vị khác có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ, phản ánh đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức đó và chịu trách nhiệm cá nhân về những phản ánh của mình.

3. Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền và xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định của pháp luật theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức.

Điều 6. Quy định về việc chấp hành các quyết định đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ

1. Cán bộ, công chức, viên chức khi thực thi nhiệm vụ, công vụ phải chấp hành quyết định của cấp có thẩm quyền. Cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ phải phối hợp với cán bộ, công chức, viên chức khác trong cùng cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan để thực hiện nhiệm vụ, công vụ có hiệu quả.

2. Cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ phải chấp hành quyết định của cấp quản lý trực tiếp. Trường hợp có quyết định của cấp trên quản lý trực tiếp thì cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền cao nhất, đồng thời có trách nhiệm báo cáo cấp quản lý trực tiếp của mình về việc thực hiện quyết định đó.

Khi thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức phát hiện quyết định đó trái pháp luật hoặc không phù hợp với thực tiễn thì phải báo cáo ngay với người ra quyết định. Trong trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì phải báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả gây ra do việc thực hiện quyết định đó.

3. Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương cấp trên có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các quyết định của cán bộ, công chức, viên chức cấp dưới thuộc lĩnh vực được giao. Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm phát hiện và báo cáo kịp thời với người ra quyết định cùng cấp, cấp dưới hoặc người ra quyết định của cấp trên về những quyết định có căn cứ trái pháp luật hoặc không phù hợp với thực tiễn thuộc lĩnh vực được giao.

Điều 7. Quy định về giải quyết các yêu cầu của cơ quan, đơn vị, tổ chức và công dân khi cán bộ, công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ, công vụ

1. Cán bộ, công chức, viên chức khi được giao nhiệm vụ, công vụ để giải quyết các yêu cầu của cơ quan, đơn vị, tổ chức và công dân phải có trách nhiệm hướng dẫn công khai quy trình thực hiện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt báo

dảm các yêu cầu của cơ quan, đơn vị, tổ chức và công dân được giải quyết đúng luật, đúng thời gian quy định. Trường hợp công việc cần kéo dài quá thời gian quy định, cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thông báo công khai cho cơ quan, đơn vị, tổ chức và công dân có yêu cầu biết rõ lý do.

2. Cán bộ, công chức, viên chức khi được giao nhiệm vụ, công vụ để giải quyết các yêu cầu của cơ quan, đơn vị, tổ chức và công dân phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 8. Quy định trong giao tiếp hành chính

1. Cán bộ, công chức, viên chức khi làm việc tại công sở và trong thời gian thực thi nhiệm vụ, công vụ phải mặc trang phục đúng quy định chung và quy định của từng ngành, lĩnh vực; phải đeo thẻ công chức theo quy định; phải đeo phù hiệu của các lĩnh vực đã được pháp luật quy định; phải giữ uy tín, danh dự cho cơ quan, đơn vị, lãnh đạo và đồng nghiệp.

2. Trong giao tiếp tại công sở và với công dân, cán bộ, công chức, viên chức phải có thái độ lịch sự, hòa nhã, văn minh. Khi giao dịch trực tiếp, hoặc bằng văn bản hành chính hoặc qua các phương tiện thông tin (điện thoại, tư tín, qua mạng...) phải bảo đảm thông tin trao đổi đúng nội dung công việc mà cơ quan, đơn vị, tổ chức và công dân cần hướng dẫn, trả lời.

3. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, đơn vị phải nắm bắt kịp thời tâm lý của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý để có cách thức điều hành phù hợp với từng đối tượng nhằm phát huy khả năng, kinh nghiệm, tính sáng tạo, chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; phát huy dân chủ, tạo điều kiện trong học tập và phát huy sáng kiến của cán bộ, công chức, viên chức; tôn trọng và tạo niềm tin cho cán bộ, công chức, viên chức khi giao và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, công vụ; bảo vệ danh dự của cán bộ, công chức, viên chức khi bị phản ánh, khiếu nại, tố cáo không đúng sự thật.

4. Cán bộ, công chức, viên chức thừa hành chuyên môn nghiệp vụ phải tôn trọng địa vị của người lãnh đạo, phục tùng và chấp hành nhiệm vụ được giao đồng thời phát huy tinh thần tự chủ, dám chịu trách nhiệm; có trách nhiệm đóng góp ý kiến trong hoạt động, điều hành của cơ quan, đơn vị mình bảo đảm cho hoạt động nhiệm vụ, công vụ đạt hiệu quả.

5. Trong quan hệ đồng nghiệp cán bộ, công chức, viên chức phải chân thành, nhiệt tình bảo đảm sự đoàn kết; phối hợp và góp ý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ để công việc được giải quyết nhanh và hiệu quả.

Mục 2

NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHÔNG ĐƯỢC LÀM

Điều 9. Các quy định chung

1. Cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện những quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18, 19 và Điều 20 của Pháp lệnh Cán bộ, công chức và các Điều 37, Điều 40 của Luật Phòng, chống tham nhũng và các quy định của pháp luật khác về những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm.

2. Cán bộ, công chức, viên chức khi thực thi nhiệm vụ, công vụ không được mạo danh để giải quyết công việc; không được mượn danh cơ quan, đơn vị để giải quyết công việc của cá nhân.

Điều 10. Các quy định cán bộ, công chức, viên chức không được làm trong quan hệ nhiệm vụ, công vụ

1. Cán bộ, công chức, viên chức không được trốn tránh, dùn dầy trách nhiệm khi nhiệm vụ, công vụ do mình thực hiện gây ra hậu quả ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, đơn vị mình hoặc của cơ quan, đơn vị, tổ chức khác hoặc vi phạm tới quyền lợi chính đáng, danh dự và nhân phẩm của công dân.

2. Cán bộ, công chức, viên chức không được cố tình kéo dài thời gian hoặc từ chối sự phối hợp của những người trong cơ quan, đơn vị mình hoặc cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan và của công dân khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

3. Cán bộ, công chức, viên chức không được che giấu, bưng bít và làm sai lệch nội dung các phản ánh của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong cơ quan, đơn vị mình hoặc cơ quan, đơn vị, tổ chức khác hoặc của công dân về những việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ do mình được giao thực hiện không đúng quy định của pháp luật.

Điều 11. Các quy định cán bộ, công chức, viên chức không được làm khi giải quyết các yêu cầu của cơ quan, đơn vị, tổ chức và của công dân

1. Cán bộ, công chức, viên chức khi được giao giải quyết các yêu cầu của cơ quan, đơn vị, tổ chức và của công dân không được từ chối các yêu cầu đúng pháp luật của người cần được giải quyết phù hợp với chức trách, nhiệm vụ được giao.

2. Cán bộ, công chức, viên chức không được làm mất, hư hỏng hoặc làm sai lệch hồ sơ, tài liệu liên quan đến yêu cầu của cơ quan, đơn vị, tổ chức và công dân khi được giao nhiệm vụ giải quyết.

3. Cán bộ, công chức, viên chức không được làm lộ bí mật Nhà nước, bí mật công tác và bí mật nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo của cơ quan, đơn vị, tổ chức và công dân theo quy định của pháp luật.

Chương III
CHUẨN MỰC XỬ SỰ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
TRONG QUAN HỆ XÃ HỘI

Mục 1
NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC PHẢI LÀM

Điều 12. Các quy định chung

1. Cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia các hoạt động xã hội thể hiện văn minh, lịch sự trong giao tiếp, ứng xử, trang phục để người dân tin yêu.
2. Cán bộ, công chức, viên chức phải có trách nhiệm hướng dẫn người dân khi tham gia vào các hoạt động thuộc lĩnh vực mình được giao đúng quy định của pháp luật nhằm tạo nếp sống và làm việc theo quy định của pháp luật.
3. Cán bộ, công chức, viên chức khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật phải có trách nhiệm thông báo với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý.

Điều 13. Các quy định cán bộ, công chức cấp xã phải làm

Cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quy tắc này ngoài việc phải thực hiện các quy định tại Quy tắc này thì tại địa bàn đang công tác còn phải thực hiện các quy định sau:

1. Hướng dẫn cộng đồng dân cư phát triển kinh tế gia đình; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong cộng đồng dân cư.
2. Hướng dẫn cộng đồng dân cư thực hiện kế hoạch dân số và gia đình, phòng chống bệnh tật, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.
3. Hướng dẫn cộng đồng dân cư thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa theo quy định chung và của cộng đồng.
4. Hướng dẫn cộng đồng dân cư nâng cao trình độ hiểu biết về các lĩnh vực phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Mục 2
NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
KHÔNG ĐƯỢC LÀM

Điều 14. Các quy định những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm trong quan hệ xã hội

1. Cán bộ, công chức, viên chức không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn, mạo danh để tạo thanh thế khi tham gia các hoạt động trong xã hội.

2. Cán bộ, công chức, viên chức không được sử dụng các tài sản, phương tiện công cho các hoạt động xã hội không thuộc hoạt động nhiệm vụ, công vụ.

3. Cán bộ, công chức, viên chức không được tổ chức các hoạt động cưới hỏi, ma chay, mừng thọ, sinh nhật, tân gia, thăng chức và các hoạt động khác của bản thân và gia đình vì mục đích vụ lợi.

Điều 15. Các quy định cán bộ, công chức, viên chức không được làm trong ứng xử nơi công cộng

1. Cán bộ, công chức, viên chức không được vi phạm các quy định về nội quy, quy tắc ở nơi công cộng; không được vi phạm các chuẩn mực về thuần phong mỹ tục tại nơi công cộng để bảo đảm sự văn minh, tiến bộ của xã hội.

2. Cán bộ, công chức, viên chức không được vi phạm các quy định về đạo đức công dân đã được pháp luật quy định hoặc đã được cộng đồng dân cư thống nhất thực hiện.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 16. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức

1. Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Quy tắc này.

2. Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm vận động cán bộ, công chức, viên chức khác thực hiện đúng các quy định tại Quy tắc này; phát hiện và báo cáo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền về những vi phạm Quy tắc này của cán bộ, công chức, viên chức trong cùng bộ máy, trong hệ thống ngành, lĩnh vực.

Điều 17. Trách nhiệm của người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức

1. Quán triệt, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy tắc này.

2. Niêm yết công khai Quy tắc này tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy tắc này của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

4. Phê bình, chấn chỉnh, xử lý các vi phạm hoặc đề nghị cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý các vi phạm đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức.

Điều 18. Trách nhiệm của người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức

1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy tắc này của cơ quan, đơn vị cấp dưới.

2. Xử lý vi phạm Quy tắc này đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức.

Chương V **XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 19. Đối với cán bộ, công chức, viên chức

Cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định tại Quy tắc này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 20. Đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức

Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 của Quy tắc này thì tùy theo mức độ vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

Bộ Nội vụ có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện Quy tắc này.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện các quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương thuộc phạm vi quản lý; kiểm tra, giám sát việc nghiêm túc công khai và thực hiện Quy tắc này của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ máy chính quyền địa phương mình.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

Bản sao lưu trữ

PHẦN THỨ BA

NHỮNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI BAN HÀNH VỀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NHÀ NƯỚC

Bản sao

Bản sao lưu trữ

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 179/2007/NĐ-CP NGÀY 03-12-2007
CỦA CHÍNH PHỦ**

Ban hành quy chế làm việc của Chính phủ

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,*

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế làm việc của Chính phủ.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 23/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2003.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Quy chế làm việc phù hợp với Quy chế này.

Điều 3. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế làm việc của Chính phủ.

Các thành viên Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
NGUYỄN TẤN DŨNG

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA CHÍNH PHỦ

(Ban hành kèm theo Nghị định số 179/2007/NĐ-CP
ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Các thành viên Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đều chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

3. Trường hợp văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trước Quy chế này quy định trình tự xử lý công việc khác với quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo trình tự quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Chính phủ

1. Chính phủ làm việc theo chế độ kết hợp trách nhiệm của tập thể Chính phủ với việc đề cao quyền hạn và trách nhiệm cá nhân của Thủ tướng và của mỗi thành viên Chính phủ. Mọi hoạt động của Chính phủ, thành viên Chính phủ phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ các quy định của pháp luật và bảo đảm quyền, lợi ích của nhân dân.

2. Đề cao trách nhiệm cá nhân, mỗi việc chỉ một người phụ trách và chịu trách nhiệm. Thủ trưởng cơ quan được phân công công việc phải chịu trách nhiệm chính về công việc được phân công.

3. Giải quyết công việc đúng phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công, đúng trình tự, thủ tục theo các quy định của pháp luật, chương trình, kế hoạch công tác và Quy chế làm việc của Chính phủ; thường xuyên cải cách thủ tục hành chính bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả.

4. Bảo đảm yêu cầu phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Chương II

TRÁCH NHIỆM, PHẠM VI VÀ CÁCH THỨC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Điều 3. Phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Chính phủ

1. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được pháp luật quy định, Chính phủ thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số những vấn đề quan trọng quy định tại Điều 19 Luật Tổ chức Chính phủ, kiểm điểm sự chỉ đạo điều hành, thực hiện Quy chế làm việc của Chính phủ và những vấn đề khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

2. Cách thức giải quyết công việc của Chính phủ:

a) Thảo luận và quyết nghị từng vấn đề, đề án, dự án tại phiên họp Chính phủ thường kỳ hoặc bất thường.

b) Đối với một số vấn đề không nhất thiết phải tổ chức thảo luận tại phiên họp Chính phủ hoặc vấn đề cần quyết định gấp nhưng không có điều kiện tổ chức họp Chính phủ thì theo chỉ đạo của Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Văn phòng Chính phủ gửi toàn bộ hồ sơ đề án (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Quy chế này) và Phiếu lấy ý kiến đến từng thành viên Chính phủ. Nếu đa số thành viên Chính phủ nhất trí, thì Bộ chủ trì hoàn chỉnh văn bản, Văn phòng Chính phủ thẩm tra, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định và báo cáo kết quả với Chính phủ tại phiên họp gần nhất. Nếu đa số các thành viên Chính phủ không nhất trí thì Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định đưa vấn đề ra phiên họp Chính phủ gần nhất để thảo luận.

3. Các quyết nghị tập thể của Chính phủ phải được quá nửa tổng số thành viên Chính phủ đồng ý thông qua. Khi biểu quyết tại phiên họp cũng như khi dùng Phiếu lấy ý kiến, nếu số phiếu đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì quyết định theo ý kiến mà Thủ tướng đã biểu quyết.

Điều 4. Trách nhiệm của thành viên Chính phủ

1. Tham gia giải quyết các công việc chung của tập thể Chính phủ; cùng tập thể Chính phủ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Chính phủ; nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các chủ trương, chính sách, cơ chế, văn bản pháp luật cần thiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong và ngoài lĩnh vực mình phụ trách; chủ động làm việc với Thủ tướng, Phó Thủ tướng về các công việc của Chính phủ và các công việc có liên quan.

Thành viên Chính phủ là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đề án, dự án, văn bản pháp luật do cơ quan mình chủ trì chuẩn bị để trình Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

2. Tham dự đầy đủ các phiên họp Chính phủ và trả lời đầy đủ các Phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ thay cho việc biểu quyết tại phiên họp Chính phủ.

3. Thực hiện các công việc cụ thể theo lĩnh vực phụ trách và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như: theo dõi, chỉ đạo cơ quan thuộc Chính phủ; chuẩn bị và báo cáo các đề án trước các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Quốc hội; theo dõi, chỉ đạo địa phương và cơ sở; đứng đầu các đoàn công tác của Chính phủ; chủ trì họp với các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để báo cáo Thủ tướng quyết định xử lý công việc và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ; chủ trì họp báo, tiếp công dân và các công việc khác.

4. Thành viên Chính phủ phải thực hiện kế hoạch đi công tác địa phương và cơ sở, kế hoạch tiếp dân, đối thoại với nhân dân về các vấn đề thuộc phạm vi phụ trách của mình; thuộc phạm vi của Chính phủ nếu được phân công; thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn việc thi hành chính sách, pháp luật, việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch và các quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các ngành, lĩnh vực do mình phụ trách; nắm chắc tình hình thực tế để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác.

5. Trong hoạt động của mình, Chính phủ và mỗi thành viên Chính phủ phải chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan Trung ương của các đoàn thể nhân dân; thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo các Quy chế và quy định có liên quan; nghiên cứu, giải quyết và chủ động báo cáo, đối thoại, trả lời các kiến nghị của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, chất vấn của đại biểu Quốc hội, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân về những vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách.

6. Mỗi thành viên Chính phủ có hộp thư điện tử riêng để nhận, gửi thông tin, tài liệu, đơn thư, giấy mời họp, trao đổi ý kiến về các công việc có liên quan; được trang bị các phương tiện để phục vụ việc xử lý công việc, trao đổi thông tin, họp qua mạng máy tính.

7. Thành viên Chính phủ không được nói và làm trái với các quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp có ý kiến khác với các quyết định đó thì vẫn phải chấp hành nhưng được trình bày ý kiến với tập thể Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về vấn đề đó. Mọi sự vi phạm phải được kiểm điểm trước tập thể Chính phủ để làm rõ trách nhiệm.

Điều 5. Phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Thủ tướng Chính phủ

1. Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và

quyền hạn mà Hiến pháp và Luật Tổ chức Chính phủ đã quy định; lãnh đạo công tác của Chính phủ, các thành viên Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành các công việc lớn, quan trọng, các vấn đề có tính chiến lược trên tất cả các lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ.

2. Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm, quyền hạn và giải quyết các công việc theo quy định tại Điều 20 Luật Tổ chức Chính phủ và các công việc mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ.

3. Trong trường hợp xét thấy cần thiết vì tính chất quan trọng, cấp bách của công việc, Thủ tướng Chính phủ có thể trực tiếp chỉ đạo xử lý công việc thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Cách thức giải quyết công việc của Thủ tướng Chính phủ:

a) Trực tiếp hoặc phân công Phó Thủ tướng thay mặt Thủ tướng xử lý công việc trên cơ sở hồ sơ, tài liệu trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và được tổng hợp trong Phiếu trình giải quyết công việc của Văn phòng Chính phủ theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.

b) Trường hợp cần thiết, Thủ tướng, Phó Thủ tướng xử lý công việc trực tiếp trên cơ sở hồ sơ, tài liệu trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan mà không nhất thiết phải có Phiếu trình của Văn phòng Chính phủ.

c) Trực tiếp hoặc phân công Phó Thủ tướng thay mặt Thủ tướng họp, làm việc với lãnh đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tham khảo ý kiến trước khi quyết định.

d) Thành lập các tổ chức phối hợp liên ngành để chỉ đạo đối với một số vấn đề phức tạp, quan trọng liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương và phải xử lý trong thời gian dài.

d) Ủy quyền cho Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hoặc một Bộ trưởng khác chủ trì họp làm việc với lãnh đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý tổng hợp các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thủ tướng mà các Bộ còn có ý kiến khác nhau, trình Thủ tướng quyết định.

e) Các cách thức khác theo quy định tại Quy chế này như: chỉ đạo trực tiếp đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền khi thấy cần thiết, đi công tác và xử lý công việc tại địa phương, cơ sở, tiếp công dân, tiếp khách.

Điều 6. Phạm vi giải quyết công việc của Phó Thủ tướng

1. Thủ tướng phân công Phó Thủ tướng giúp Thủ tướng giải quyết công việc theo các nguyên tắc sau:

a) Mỗi Phó Thủ tướng được Thủ tướng phân công chỉ đạo, xử lý thường

xuyên các công việc cụ thể thuộc thẩm quyền của Thủ tướng trong một số lĩnh vực công tác của Chính phủ; theo dõi, chỉ đạo một số Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

b) Trong phạm vi lĩnh vực công việc được giao, Phó Thủ tướng được sử dụng quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, nhân danh Thủ tướng Chính phủ khi giải quyết các công việc và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng về những quyết định của mình.

c) Phó Thủ tướng chủ động giải quyết công việc được phân công; nếu có phát sinh những vấn đề lớn, quan trọng, nhạy cảm phải kịp thời báo cáo Thủ tướng; trong thực thi nhiệm vụ, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực của Phó Thủ tướng khác thì trực tiếp phối hợp với Phó Thủ tướng đó để giải quyết. Trường hợp giữa các Phó Thủ tướng còn có ý kiến khác nhau thì Phó Thủ tướng đang phụ trách giải quyết công việc đó báo cáo Thủ tướng quyết định.

2. Trong phạm vi công việc được phân công, Phó Thủ tướng có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và ngân sách nhà nước; xây dựng cơ chế, chính sách và các dự án luật, pháp lệnh, văn bản quy phạm pháp luật để ban hành theo thẩm quyền và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Kiểm tra, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, các nhiệm vụ kế hoạch và ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách; phát hiện, xử lý theo thẩm quyền và đề xuất những vấn đề cần thiết phải sửa đổi, bổ sung. Nếu phát hiện các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân địa phương ban hành văn bản hoặc làm những việc trái với pháp luật của Nhà nước, quy định của Chính phủ, của Thủ tướng Chính phủ thì đình chỉ việc thi hành và chỉ đạo việc thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

c) Thường xuyên theo dõi và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền của Thủ tướng; ký thay Thủ tướng các văn bản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong phạm vi các lĩnh vực, công việc được Thủ tướng phân công.

d) Theo dõi công tác tổ chức và cán bộ, chỉ đạo việc xử lý những vấn đề nội bộ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong các cơ quan được Thủ tướng phân công.

3. Thủ tướng Chính phủ phân công một Phó Thủ tướng làm nhiệm vụ thường trực để giúp Thủ tướng điều phối các hoạt động chung của Chính phủ theo các chương trình công tác của Chính phủ và theo yêu cầu chỉ đạo của Thủ tướng, ký văn bản của Chính phủ và giải quyết các công việc do Thủ tướng trực tiếp phụ trách khi Thủ tướng vắng mặt.

Điều 7. Phạm vi giải quyết công việc của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ giải quyết các công việc sau:

a) Những công việc thuộc thẩm quyền được quy định trong Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ, các văn bản pháp luật khác và các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Giải quyết theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình đối với những đề nghị của các Bộ, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan về những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền quản lý nhà nước của mình, kể cả các vấn đề mà các Bộ liên quan còn có ý kiến khác nhau.

c) Xem xét đề trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d) Tham gia ý kiến với Bộ, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của cơ quan đó, nhưng có liên quan đến chức năng, ngành, lĩnh vực mình quản lý.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải đề cao trách nhiệm cá nhân, thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ được giao (kể cả các việc được ủy quyền), không chuyển công việc thuộc nhiệm vụ, thẩm quyền của mình lên Thủ tướng Chính phủ hoặc chuyển cho các cơ quan khác; không giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của cơ quan khác.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chịu trách nhiệm cá nhân trước Quốc hội, trước Thủ tướng về toàn bộ công việc thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của mình, kể cả khi đã phân công hoặc ủy nhiệm cho cấp phó.

Điều 8. Quan hệ công tác giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ khi giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của mình có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan khác, nhất thiết phải hỏi ý kiến của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan đó. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan được hỏi ý kiến, phải trả lời bằng văn bản trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc và chịu trách nhiệm về nội dung trả lời; nếu được mời họp phải trực tiếp hoặc cử người có đủ thẩm quyền dự họp.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan được phân công làm nhiệm vụ thẩm định, thẩm tra các đề án, dự án, văn bản phải chịu trách nhiệm thực hiện công việc được giao có chất lượng và đúng thời hạn quy định.

2. Đối với những vấn đề vượt thẩm quyền hoặc tuy đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải chủ động làm việc với Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Điều 9. Quan hệ công tác giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm giải quyết các đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo thẩm quyền của mình và phải trả lời bằng văn bản trong thời gian kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị là không quá 10 ngày làm việc nếu không phải lấy ý kiến của các cơ quan khác, không quá 20 ngày làm việc nếu phải lấy ý kiến của các cơ quan khác về nội dung các công việc có liên quan. Hết thời hạn đó, nếu chưa nhận được văn bản trả lời thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ biết để chỉ đạo cơ quan có trách nhiệm giải quyết.

2. Khi Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có yêu cầu trực tiếp làm việc với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ về các công việc cần thiết liên quan đến lĩnh vực quản lý chuyên ngành, cần chuẩn bị kỹ về nội dung và gửi tài liệu trước. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải trực tiếp (hoặc phân công cấp phó) làm việc với Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các nhiệm vụ công tác thuộc ngành, lĩnh vực mình phụ trách; quản lý chặt chẽ các đơn vị trực thuộc đóng tại địa phương, kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh, xử lý các việc làm sai trái.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 10. Các loại chương trình công tác

1. Chương trình công tác bao gồm: chương trình công tác năm, quý và tháng

của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chương trình công tác tuần của Thủ tướng và các Phó Thủ tướng.

a) Các đề án quy định trong Quy chế này và được đưa vào chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ bao gồm:

- Các nội dung nêu tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này;
- Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; các dự án, vấn đề liên quan đến chính sách, cơ chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định, phê duyệt và ban hành của Thủ tướng Chính phủ;
- Các đề án, vấn đề cần báo cáo xin ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

b) Danh mục các đề án đăng ký trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phải được xây dựng trên cơ sở:

- Sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ;
- Hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đề xuất của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức khác.

2. Chương trình công tác năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gồm hai phần: phần một nêu các định hướng, các nhiệm vụ và các giải pháp lớn của Chính phủ trên tất cả các lĩnh vực công tác; phần hai là danh mục các đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

a) Các đề án ghi trong chương trình công tác năm phải xác định rõ do Chính phủ hay Thủ tướng Chính phủ quyết định, cơ quan chủ trì chuẩn bị và thời hạn trình từng đề án.

b) Thời hạn trình các đề án trong chương trình công tác năm được dự kiến đến từng quý, từng tháng.

3. Chương trình công tác quý bao gồm phần danh mục các đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nội dung các phiên họp Chính phủ trong quý.

a) Nội dung các phiên họp thường kỳ của Chính phủ gồm các đề án, báo cáo nêu tại khoản 1 Điều 3 và Điều 39 Quy chế này.

b) Các đề án trong chương trình công tác quý được phân chia trình Thủ tướng, Phó Thủ tướng theo lĩnh vực được Thủ tướng phân công phụ trách. Thời hạn trình các đề án trong chương trình công tác quý được chi tiết theo từng tháng.

c) Chương trình công tác quý I được xác định trong chương trình năm.

4. Chương trình công tác tháng bao gồm danh mục các đề án trình Chính phủ, Thủ tướng, từng Phó Thủ tướng và nội dung phiên họp Chính phủ trong tháng. Chương trình công tác tháng đầu quý được xác định trong chương trình công tác quý.

5. Chương trình công tác tuần bao gồm các hoạt động của Thủ tướng, Phó Thủ tướng được xác định theo từng ngày trong tuần.

Điều 11. Trình tự xây dựng chương trình công tác

1. Chương trình công tác năm:

a) Trước ngày 15 tháng 10 hàng năm, Văn phòng Chính phủ gửi công văn đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Bộ, cơ quan) kiểm điểm việc chỉ đạo điều hành năm đó, kiến nghị các định hướng, nhiệm vụ, giải pháp lớn của Chính phủ và đăng ký các đề án vào chương trình công tác năm sau.

Trước ngày 15 tháng 11, các Bộ, cơ quan gửi Văn phòng Chính phủ Báo cáo kiểm điểm chỉ đạo điều hành của Bộ, ngành mình và danh mục những đề án cần trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong năm sau.

Danh mục phải thể hiện rõ:

- Các đề án thuộc phạm vi, thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nêu tại điểm a khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

- Tóm tắt kế hoạch chuẩn bị từng đề án: mỗi đề án đăng ký cần thể hiện rõ định hướng nội dung tư tưởng chuẩn bị, phạm vi điều chỉnh, cơ quan phối hợp, cơ quan thẩm định, cấp quyết định và dự kiến kế hoạch sơ bộ để thực hiện đề án.

b) Trên cơ sở những yêu cầu, nhiệm vụ của Chính phủ và danh mục đề án đăng ký của các Bộ, cơ quan, Văn phòng Chính phủ dự thảo chương trình công tác năm sau của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến trước khi trình Chính phủ thông qua tại phiên họp thường kỳ cuối năm.

c) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày Chính phủ thông qua, Văn phòng Chính phủ hoàn chỉnh chương trình công tác năm, trình Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành, gửi các thành viên Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có liên quan biết, thực hiện.

2. Chương trình công tác quý:

a) Trong tháng cuối của mỗi quý, các Bộ, cơ quan phải đánh giá tình hình thực hiện chương trình công tác quý đó, rà soát lại các đề án của quý tiếp theo đã ghi trong chương trình công tác năm và xem xét các vấn đề mới phát sinh để đề nghị điều chỉnh chương trình công tác quý sau.

Chậm nhất ngày 15 của tháng cuối quý, các cơ quan gửi đề nghị điều chỉnh

chương trình công tác quý sau cho Văn phòng Chính phủ (kèm theo bản điều chỉnh kế hoạch thực hiện từng đề án).

b) Văn phòng Chính phủ dự thảo chương trình công tác quý của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối quý trước, Văn phòng Chính phủ gửi chương trình công tác quý sau cho các thành viên Chính phủ, các cơ quan, tổ chức liên quan biết, thực hiện.

3. Chương trình công tác tháng:

a) Căn cứ vào tiến độ chuẩn bị các đề án đã ghi trong chương trình công tác quý, những vấn đề còn tồn đọng và phát sinh thêm, các Bộ, cơ quan gửi đề nghị điều chỉnh chương trình công tác tháng sau đến Văn phòng Chính phủ chậm nhất vào ngày 20 hàng tháng.

b) Căn cứ vào chương trình công tác quý, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đề nghị điều chỉnh của các Bộ, cơ quan, Văn phòng Chính phủ dự thảo chương trình công tác tháng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trình Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành; chậm nhất là ngày 25 hàng tháng, Văn phòng Chính phủ gửi các thành viên Chính phủ, các cơ quan, tổ chức liên quan biết, thực hiện.

4. Chương trình công tác tuần: Văn phòng Chính phủ phối hợp với các cơ quan liên quan, xây dựng chương trình công tác tuần của Thủ tướng, các Phó Thủ tướng; gửi các thành viên Chính phủ, các cơ quan, tổ chức liên quan chậm nhất vào thứ sáu tuần trước.

5. Trình tự lập dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

6. Việc điều chỉnh chương trình công tác được thực hiện trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đề nghị của các Bộ, cơ quan. Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh và thông báo kịp thời cho các thành viên Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan liên quan biết.

7. Văn phòng Chính phủ là cơ quan đầu mối quản lý chương trình công tác của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, có trách nhiệm tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng, điều chỉnh và tổ chức thực hiện chương trình công tác bảo đảm phù hợp với yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Văn phòng Chính phủ thường xuyên phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước và các cơ quan liên quan để xây dựng chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm tính khả thi.

Điều 12. Kế hoạch chuẩn bị các đề án

1. Căn cứ chương trình công tác năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan chủ trì đề án tổ chức lập kế hoạch chuẩn bị đối với từng đề án, trong đó xác định rõ phạm vi đề án; các công việc cần triển khai; cơ quan phối hợp; thời hạn trình đề án và gửi kế hoạch đó đến Văn phòng Chính phủ để theo dõi, đôn đốc thực hiện.

Thời hạn gửi kế hoạch không quá 10 ngày làm việc đối với các đề án trong chương trình quý I, không quá 30 ngày đối với các đề án còn lại tính từ khi chương trình năm được ban hành.

2. Đối với các dự thảo luật, pháp lệnh, việc lập kế hoạch thực hiện theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Nếu chủ đề án muốn thay đổi yêu cầu, phạm vi giải quyết vấn đề của đề án hoặc thời hạn trình thì phải báo cáo và được sự đồng ý của Thủ tướng hoặc Phó Thủ tướng phụ trách lĩnh vực đó.

Điều 13. Theo dõi và đánh giá việc thực hiện chương trình công tác

1. Hàng tháng, hàng quý, sáu tháng và hàng năm, các Bộ, cơ quan rà soát, đánh giá việc thực hiện các đề án trong chương trình công tác, thông báo với Văn phòng Chính phủ tình hình thực hiện các đề án, các vướng mắc, phát sinh, hướng xử lý tiếp theo, đồng thời đề nghị điều chỉnh, bổ sung các đề án trong chương trình công tác thời gian tới.

2. Văn phòng Chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc chuẩn bị các đề án của các Bộ, cơ quan; định kỳ báo cáo Chính phủ kết quả việc thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Việc đánh giá kết quả thực hiện chương trình hàng quý, hàng năm được tổng hợp trên cơ sở kết quả thực hiện chương trình công tác hàng tháng.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC CÔNG VIỆC THƯỜNG XUYÊN

Điều 14. Các loại công việc thường xuyên và cách thức giải quyết của Thủ tướng, Phó Thủ tướng

1. Đối với dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật và các đề án, dự án, báo cáo lớn thuộc chương trình công tác: Thủ tướng, Phó Thủ tướng xem xét giải quyết trên cơ sở toàn bộ hồ sơ, nội dung trình, dự thảo văn bản của Bộ trưởng, Thủ

trường cơ quan chủ trì, ý kiến của cơ quan thẩm định, cơ quan liên quan và ý kiến thẩm tra của Văn phòng Chính phủ.

2. Đối với các công việc thường xuyên khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng ngoài các việc nêu trên:

a) Thủ tướng, Phó Thủ tướng xem xét giải quyết trên cơ sở đề xuất của cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu nhưng toàn bộ hồ sơ, nội dung trình, kiến nghị và dự thảo văn bản do Văn phòng Chính phủ chủ trì chuẩn bị.

b) Trường hợp cần thiết, Thủ tướng, Phó Thủ tướng chỉ đạo trực tiếp hoặc xử lý công việc trên cơ sở hồ sơ, tài liệu trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan mà không nhất thiết phải có Phiếu trình của Văn phòng Chính phủ.

3. Thủ tướng, Phó Thủ tướng chủ trì họp (hoặc uỷ quyền một Bộ trưởng chủ trì họp và báo cáo lại) để giải quyết những công việc chưa xử lý ngay được trên cơ sở hồ sơ trình nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Các cách thức khác như: Thủ tướng, Phó Thủ tướng làm việc trực tiếp với Bộ, địa phương, tiếp khách, đi kiểm tra tình hình và chỉ đạo tại cơ sở. Văn phòng Chính phủ phải kịp thời chuẩn bị văn bản cần thiết để trình Thủ tướng, Phó Thủ tướng ban hành trong các trường hợp này.

Điều 15. Phân công trách nhiệm trong việc chuẩn bị đề án, công việc

1. Đối với các đề án là văn bản quy phạm pháp luật, các đề án, báo cáo lớn thuộc chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung và hồ sơ trình, chủ động tiến hành đầy đủ các thủ tục lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan liên quan, kể cả ý kiến của cơ quan được phân công thẩm định; chịu trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định, ý kiến của thành viên Chính phủ để hoàn chỉnh dự thảo đề án, văn bản trước khi trình; hoàn chỉnh hồ sơ, trực tiếp ký tờ trình và ký tắt vào dự thảo văn bản để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Văn phòng Chính phủ theo dõi trong suốt quá trình xây dựng đề án; thường xuyên phối hợp với cơ quan chủ trì, đôn đốc, kiểm tra quá trình chuẩn bị đề án, tham gia ý kiến để bảo đảm việc chuẩn bị đề án đúng tiến độ, đúng trình tự, thủ tục, khách quan, đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đôn đốc cơ quan thẩm định thực hiện nhiệm vụ; trực tiếp thẩm tra về trình tự, thủ tục trình; gửi Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ về các đề án trình Chính phủ.

c) Cơ quan được phân công thẩm định cử người tham gia trong suốt quá trình xây dựng đề án; tổ chức việc thẩm định đề án, văn bản trước khi Bộ trưởng,

Thủ trưởng cơ quan chủ trì chính thức ký trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Thời hạn thẩm định không được vượt quá giới hạn cho phép.

d) Thủ trưởng các cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử người tham gia theo đề nghị của chủ đề án. Người đại diện của cơ quan phối hợp phải đề cao trách nhiệm tham gia xây dựng đề án và thường xuyên báo cáo, xin ý kiến Thủ trưởng cơ quan trọng quá trình tham gia xây dựng đề án.

đ) Để hoàn chỉnh dự thảo đề án, cơ quan chủ trì đề án phải lấy ý kiến chính thức của các cơ quan liên quan bằng hình thức tổ chức họp hoặc gửi hồ sơ xin ý kiến. Việc gửi hồ sơ xin ý kiến có thể được thực hiện qua mạng máy tính hoặc qua hộp thư điện tử của thành viên Chính phủ. Văn bản tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan liên quan phải được đưa vào hồ sơ trình.

e) Đối với việc chuẩn bị các dự án luật, pháp lệnh, thủ tục chuẩn bị còn phải thực hiện theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đối với các công việc thường xuyên khác (ngoài các đề án, công việc nêu tại khoản 1 Điều này):

- Các Bộ, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ trình Thủ tướng Chính phủ giải quyết các công việc đúng phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Thủ tướng. Văn bản, tờ trình phải rõ ràng, kèm theo hồ sơ tài liệu liên quan (nếu có). Việc gửi trình phải thực hiện đúng thủ tục pháp luật quy định;

- Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục và dự thảo văn bản cần ban hành để trình Thủ tướng, Phó Thủ tướng quyết định các công việc nêu tại khoản 2 Điều này.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan có liên quan, khi được Văn phòng Chính phủ hỏi ý kiến, phải trả lời bằng văn bản nêu rõ đồng ý, không đồng ý hay có ý kiến khác về các nội dung liên quan trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc; nếu được mời họp phải trực tiếp hoặc cử người có đủ thẩm quyền dự họp.

- Trường hợp cần thiết Thủ tướng, Phó Thủ tướng có ý kiến chỉ đạo xử lý trực tiếp (không phải chờ phiếu trình của Văn phòng Chính phủ) thì Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan để thực hiện các công việc theo ý kiến chỉ đạo; nếu phát hiện có vấn đề chưa phù hợp, vướng mắc thì có trách nhiệm báo cáo lại Thủ tướng, Phó Thủ tướng để xin ý kiến.

Điều 16. Thủ tục gửi công văn, tờ trình giải quyết công việc

1. Các thủ tục cần thiết khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giải quyết công việc:

a) Công văn, tờ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề nghị giải quyết công việc phải có nội dung rõ ràng và đúng thẩm quyền giải quyết của Chính phủ,

Thủ tướng Chính phủ. Nếu là văn bản của Bộ, cơ quan, tổ chức thì phải được ký và đóng dấu đúng thẩm quyền.

b) Đối với các đề án nêu tại điểm a khoản 1 Điều 10 Quy chế này, hồ sơ trình gồm:

- Tờ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó thuyết minh rõ nội dung chính của đề án, luận cứ của các kiến nghị, các ý kiến khác nhau;

- Văn bản của cơ quan thẩm định đề án theo quy định của pháp luật;

- Báo cáo giải trình việc tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, kể cả ý kiến thẩm định;

- Dự thảo văn bản chính và dự thảo văn bản hướng dẫn thi hành. Nội dung các dự thảo phải rõ ràng, cụ thể để khi văn bản chính được thông qua, có thể thực hiện được ngay;

- Kế hoạch tổ chức thực hiện khi đề án được thông qua, khi văn bản được ban hành;

- Các tài liệu cần thiết khác.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức không thuộc hệ thống hành chính nhà nước thì thực hiện thủ tục gửi công văn theo quy định hiện hành của pháp luật về công tác văn thư. Cơ quan, tổ chức nước ngoài có thể thực hiện thủ tục gửi công văn theo thông lệ.

3. Hồ sơ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phải được Văn phòng Chính phủ lập danh mục theo dõi quá trình xử lý và được lưu trữ có hệ thống.

Điều 17. Văn phòng Chính phủ tiếp nhận và hoàn chỉnh hồ sơ trình

1. Văn phòng Chính phủ chỉ tiếp nhận để trình Thủ tướng, Phó Thủ tướng những đề án, công việc thuộc phạm vi, trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và những công việc nêu tại khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

2. Đối với các dự án văn bản quy phạm pháp luật, các đề án, báo cáo lớn thuộc chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

a) Chậm nhất trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đúng thủ tục, Văn phòng Chính phủ phải hoàn chỉnh Phiếu trình, nêu rõ ý kiến thẩm tra, trình Thủ tướng, Phó Thủ tướng kèm theo đầy đủ hồ sơ đề án, dự thảo văn bản. Ý kiến thẩm tra thể hiện trong phiếu trình hoặc làm thành văn bản riêng, nhận xét rõ về trình tự, thủ tục chuẩn bị đề án, văn bản kể cả việc giải trình tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định và các cơ quan liên quan, kiến nghị cụ thể của Văn phòng Chính phủ, lý do và đề xuất cách giải quyết. Các kiến nghị có thể là:

- Đề nghị ký ban hành ngay hay không ký ban hành (nếu công việc thuộc thẩm quyền Thủ tướng);

- Xin phép gửi Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ đối với việc thuộc thẩm quyền Chính phủ khi mà dự thảo đã có sự thống nhất cơ bản giữa cơ quan chủ trì, cơ quan thẩm định và các cơ quan liên quan;

- Đề nghị đưa ra Chính phủ thảo luận tại phiên họp nếu dự thảo còn nhiều ý kiến khác nhau giữa cơ quan chủ trì, cơ quan thẩm định và các cơ quan liên quan;

- Đề nghị trả lại và giao cơ quan chủ trì chuẩn bị thêm khi dự thảo chuẩn bị chưa đạt yêu cầu, sai quy trình, không đúng phạm vi, không đúng tư tưởng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm tra của mình, không phải chịu trách nhiệm về nội dung văn bản do cơ quan chủ trì đã trình và không trực tiếp sửa chữa vào văn bản đó.

c) Khi Thủ tướng, Phó Thủ tướng có yêu cầu thay đổi nội dung dự thảo văn bản đã trình thì Văn phòng Chính phủ chuyển hồ sơ cho cơ quan chủ trì thực hiện và trình lại.

3. Đối với các công việc thường xuyên khác (ngoài các đề án, công việc nêu trên):

a) Nếu hồ sơ công việc trình không đúng thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ, không thuộc công việc nêu tại khoản 3 Điều 5 Quy chế này thì tùy từng trường hợp cụ thể trong thời gian không quá 2 ngày làm việc, Văn phòng Chính phủ trả lại nơi gửi và nêu rõ lý do; hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người gửi biết.

b) Nếu hồ sơ công việc trình là đúng thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối với các trường hợp đã được cung cấp đủ hồ sơ hoặc nội dung vấn đề trình đã rõ ràng, không cần lấy thêm ý kiến các cơ quan liên quan cũng có thể xử lý được thì trong thời gian không quá 5 ngày làm việc, Văn phòng Chính phủ xử lý, có ý kiến tham mưu (kiến nghị rõ đồng ý hoặc không đồng ý) để Thủ tướng, Phó Thủ tướng xem xét, quyết định;

- Đối với các trường hợp chưa đủ hồ sơ: Văn phòng Chính phủ chủ trì xử lý, lấy ý kiến các Bộ, cơ quan liên quan để hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ và chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung tham mưu cho Thủ tướng, Phó Thủ tướng giải quyết công việc. Đối với đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước, sau khi tổng hợp ý kiến các Bộ, cơ quan liên quan, Văn phòng Chính phủ trao đổi lại với cơ quan trình về nội

dung trình Thủ tướng, Phó Thủ tướng. Chậm nhất trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ phải hoàn chỉnh hồ sơ và Phiếu trình, trình Thủ tướng, Phó Thủ tướng quyết định. Phiếu trình giải quyết công việc phải thể hiện rõ, đầy đủ và trung thực ý kiến của các cơ quan, kể cả các ý kiến khác nhau và ý kiến của cơ quan đề nghị sau khi Văn phòng Chính phủ đã trao đổi lại; ý kiến đề xuất của chuyên viên trực tiếp theo dõi, lãnh đạo Vụ và lãnh đạo Văn phòng Chính phủ. Phiếu trình giải quyết công việc phải kèm theo đầy đủ hồ sơ và dự thảo văn bản cần ban hành.

Nếu thấy có vấn đề lớn, phức tạp hoặc liên quan đến cơ chế, chính sách phải chuẩn bị thêm thì Văn phòng Chính phủ tham mưu đề Thủ tướng, Phó Thủ tướng giao cho Bộ, cơ quan chuyên ngành chủ trì chuẩn bị đề trình.

c) Đối với các công việc cấp bách, cần xử lý gấp hoặc những công việc Thủ tướng, Phó Thủ tướng chỉ đạo trực tiếp, Văn phòng Chính phủ chủ động báo cáo và thực hiện theo sự chỉ đạo của Thủ tướng, Phó Thủ tướng trong thời gian nhanh nhất; không nhất thiết phải tuân theo trình tự, thủ tục trên đây.

Điều 18. Xử lý hồ sơ trình và ra văn bản

1. Thủ tướng, Phó Thủ tướng xử lý hồ sơ trình và có ý kiến chính thức vào Phiếu trình giải quyết công việc của Văn phòng Chính phủ trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Văn phòng Chính phủ trình.

2. Khi xử lý hồ sơ trình, đối với các đề án, công việc mà Thủ tướng, Phó Thủ tướng thấy cần phải họp bàn trước khi quyết định, Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị đầy đủ nội dung và tổ chức đề Thủ tướng hoặc Phó Thủ tướng họp.

Thủ tướng, Phó Thủ tướng có thể uỷ quyền cho Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hoặc một thành viên khác của Chính phủ chủ trì các cuộc họp này và báo cáo bằng văn bản về kết quả cuộc họp cho Thủ tướng, Phó Thủ tướng.

3. Đối với các đề án thuộc phạm vi quyết nghị của tập thể Chính phủ quy định tại Điều 19 Luật Tổ chức Chính phủ, Thủ tướng, Phó Thủ tướng xem xét nội dung và tính chất của từng đề án để quyết định:

a) Cho phép đưa ra thảo luận tại phiên họp Chính phủ.

b) Giao Văn phòng Chính phủ gửi Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ. Phiếu lấy ý kiến phải được gửi cùng toàn bộ hồ sơ đề án, văn bản kể cả văn bản của cơ quan thẩm định và ý kiến thẩm tra của Văn phòng Chính phủ với nội dung như quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Quy chế này. Bộ chủ trì chịu trách nhiệm giải trình tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ. Nếu đa số thành viên Chính phủ tán

thành thì Bộ chủ trì hoàn chỉnh văn bản đề trình Thủ tướng quyết định; nếu chưa được đa số tán thành thì phối hợp với Văn phòng Chính phủ đề trình Chính phủ thảo luận tại phiên họp gần nhất. Trường hợp đa số ý kiến của thành viên Chính phủ tán thành nhưng Bộ chủ trì đề án thấy có vấn đề chưa phù hợp thì kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ; việc đưa ra Chính phủ thảo luận lại sẽ do Thủ tướng xem xét, quyết định.

Thời hạn thành viên Chính phủ trả lời Phiếu lấy ý kiến không quá 07 ngày làm việc. Thời gian cơ quan chủ trì tiếp thu giải trình kết quả Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ đến khi trình lại Thủ tướng trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc.

c) Yêu cầu chủ đề án chuẩn bị thêm nếu xét thấy nội dung đề án chưa đạt yêu cầu.

4. Căn cứ ý kiến quyết định của Thủ tướng hoặc Phó Thủ tướng về nội dung đề án, công việc, Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì hoàn chỉnh dự thảo văn bản đề ký ban hành:

a) Các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phải được thể hiện thành văn bản do Thủ tướng, Phó Thủ tướng ký.

b) Đối với các trường hợp không cần thiết phải ra văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì Văn phòng Chính phủ dự thảo công văn, thông báo, trình Thủ tướng, Phó Thủ tướng duyệt trước khi Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ký ban hành để các cơ quan liên quan biết, thực hiện.

5. Chậm nhất 30 ngày làm việc đối với các công việc nêu tại khoản 2 Điều 14; 10 ngày làm việc đối với các công việc nêu tại khoản 1 Điều 14 kể từ khi nhận được hồ sơ của cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ, nếu chưa có quyết định cuối cùng của Thủ tướng, Phó Thủ tướng thì Văn phòng Chính phủ gửi công văn thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trình biết rõ lý do.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi Thủ tướng, Phó Thủ tướng ký văn bản hoặc có ý kiến chỉ đạo xử lý công việc, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ thực hiện việc ban hành và công bố văn bản theo quy định của pháp luật.

Chương V

PHIÊN HỌP CHÍNH PHỦ VÀ CÁC CUỘC HỌP, HỘI NGHỊ CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 19. Các cuộc họp, hội nghị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên Chính phủ

1. Các cuộc họp, hội nghị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên Chính phủ bao gồm:

- a) Phiên họp Chính phủ thường kỳ và phiên họp Chính phủ bất thường.
- b) Các hội nghị (bao gồm hội nghị triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước và các hội nghị chuyên đề).
- c) Các cuộc họp định kỳ với các Bộ, cơ quan, địa phương.
- d) Các cuộc họp để xử lý việc thường xuyên và họp giao ban Thủ tướng, các Phó Thủ tướng.
- d) Cuộc họp do thành viên Chính phủ chủ trì xử lý công việc của Chính phủ.
- e) Các cuộc họp khác.

2. Ngoài hình thức họp trực tiếp, các cuộc họp, hội nghị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có thể tổ chức qua cầu truyền hình hoặc qua mạng máy tính.

Điều 20. Phiên họp Chính phủ thường kỳ và phiên họp Chính phủ bất thường

1. Chính phủ họp thường kỳ mỗi tháng một lần.
2. Chính phủ họp bất thường theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc theo yêu cầu của ít nhất 1/3 tổng số thành viên Chính phủ.

Việc chuẩn bị, triệu tập, tổ chức công việc liên quan đến phiên họp bất thường được thực hiện theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thủ tướng Chính phủ chủ tọa phiên họp Chính phủ. Khi Thủ tướng vắng mặt, Phó Thủ tướng Thường trực hoặc Phó Thủ tướng được Thủ tướng phân công thay Thủ tướng chủ tọa phiên họp.

Điều 21. Chuẩn bị phiên họp Chính phủ

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định nội dung, thành phần khách mời, thời gian và chương trình phiên họp Chính phủ.

Phiên họp Chính phủ thường kỳ bắt đầu vào ngày thứ tư, tuần cuối cùng trong tháng. Thủ tướng Chính phủ có thể quyết định thay đổi ngày họp khi cần thiết. Văn phòng Chính phủ thông báo trước về sự thay đổi này cho các thành viên Chính phủ ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày phiên họp bắt đầu.

2. Văn phòng Chính phủ có nhiệm vụ:
 - a) Thẩm tra về trình tự, thủ tục hồ sơ đề án trình ra phiên họp.
 - b) Dự kiến nội dung, chương trình, thời gian, thành phần tham dự họp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định và thông báo cho các thành viên Chính phủ về các vấn đề trên chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày phiên họp bắt đầu.
 - c) Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ký giấy mời họp Chính phủ.

d) Gửi giấy mời và tài liệu họp đến các thành viên Chính phủ và đại biểu trước khi họp ít nhất là 05 ngày làm việc, trừ trường hợp đặc biệt.

Điều 22. Thành phần dự phiên họp Chính phủ

1. Các Thành viên Chính phủ phải tham dự đầy đủ các phiên họp Chính phủ; trường hợp đặc biệt, nếu vắng mặt trong phiên họp hoặc vắng mặt một số thời gian của phiên họp thì phải báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý.

Thành viên Chính phủ là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ vắng mặt được cử cấp phó dự thay. Người dự họp thay có trách nhiệm trình bày trước Chính phủ ý kiến của thành viên Chính phủ vắng mặt (nếu có).

Phiên họp được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Chính phủ tham dự.

2. Chính phủ mời các đại biểu sau đây tham dự phiên họp:

a) Mời Chủ tịch nước dự tất cả các phiên họp.

b) Mời Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, người đứng đầu cơ quan Trung ương các đoàn thể nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao dự họp khi thảo luận những vấn đề có liên quan.

c) Mời Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, lãnh đạo các Ban của Đảng, các Ủy ban của Quốc hội và các đại biểu khác dự họp khi cần thiết.

Đại biểu không phải là thành viên Chính phủ được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 23. Trình tự phiên họp Chính phủ

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ báo cáo nội dung và dự kiến chương trình phiên họp; các thành viên Chính phủ có mặt, vắng mặt, người dự họp thay và các đại biểu được mời tham dự.

2. Chủ tọa điều khiển phiên họp.

3. Chính phủ thảo luận từng đề án theo trình tự:

a) Chủ đề án trình bày tóm tắt đề án và những vấn đề cần xin ý kiến Chính phủ, thời gian trình bày không quá 15 phút.

b) Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ trình bày báo cáo tổng hợp của Văn phòng Chính phủ và ý kiến thẩm tra về đề án, nêu rõ ý kiến thành viên Chính phủ, những vấn đề đã thống nhất, những vấn đề chưa thống nhất và kiến nghị những vấn đề Chính phủ cần thảo luận và thông qua.

c) Các thành viên Chính phủ phát biểu ý kiến, nói rõ tán thành hay không

tán thành từng điểm trong các vấn đề cụ thể nêu trên, không phát biểu về các vấn đề đã thống nhất trong phạm vi đề án. Thời gian một lần phát biểu không quá 10 phút.

d) Thủ tướng, Phó Thủ tướng chủ trì việc thảo luận từng đề án, Thủ tướng Chính phủ kết luận về đề án và Chính phủ biểu quyết; nếu thấy vấn đề thảo luận chưa đủ rõ, Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chính phủ chưa biểu quyết và yêu cầu chủ đề án chuẩn bị thêm.

4. Trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu thành viên Chính phủ hoặc Thủ trưởng các cơ quan khác trình Chính phủ báo cáo về một số vấn đề liên quan, ngoài các báo cáo định kỳ đã quy định.

5. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ báo cáo các quyết nghị của Chính phủ giữa hai phiên họp.

6. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ trình Chính phủ thông qua Nghị quyết phiên họp.

7. Chủ tọa phát biểu kết thúc phiên họp.

Điều 24. Biên bản phiên họp Chính phủ

1. Biên bản phiên họp phải thể hiện rõ thành phần, trình tự, diễn biến phiên họp, danh sách các thành viên Chính phủ và đại biểu phát biểu ý kiến (không cần ghi chi tiết ý kiến), ghi đầy đủ kết luận của Thủ tướng Chính phủ về từng đề án, các kết quả biểu quyết và kèm theo băng (đĩa) ghi âm phiên họp.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ tổ chức việc ghi biên bản, ghi âm và ký biên bản phiên họp.

2. Biên bản phiên họp và các tài liệu lưu hành trong phiên họp được lưu hồ sơ nhà nước và được bảo quản và sử dụng theo chế độ mật. Việc sử dụng biên bản phiên họp do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quyết định.

Điều 25. Nghị quyết phiên họp Chính phủ

1. Nghị quyết phiên họp phải thể hiện đầy đủ, rõ ràng các quyết nghị của Chính phủ tại phiên họp; trách nhiệm của thành viên Chính phủ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện các quyết nghị của Chính phủ.

2. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ tổ chức dự thảo nghị quyết phiên họp; ban hành công văn gửi các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các công việc Thủ tướng Chính phủ kết luận nhưng không được nêu trong nghị quyết; tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện các công việc được giao cho các Bộ, cơ quan trong nghị quyết phiên họp và trong các công văn trên.

Điều 26. Các cuộc họp của Thủ tướng, Phó Thủ tướng để xử lý công việc thường xuyên

Các cuộc họp của Thủ tướng, Phó Thủ tướng để xử lý công việc thường xuyên bao gồm:

1. Trong lĩnh vực được phân công, Thủ tướng, Phó Thủ tướng họp với chủ đề án và đại diện các cơ quan liên quan để nghe ý kiến tư vấn, tham mưu trước khi quyết định giải quyết công việc;

a) Trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ:

- Đôn đốc cơ quan chủ đề án chuẩn bị đầy đủ tài liệu họp, gửi giấy mời cùng tài liệu họp đến các thành phần được mời trước ngày họp ít nhất 03 ngày làm việc (trừ trường hợp đặc biệt, có thể gửi tài liệu muộn hơn);

- Chuẩn bị địa điểm và các điều kiện phục vụ họp, bảo đảm an toàn cho cuộc họp (nếu cuộc họp được tổ chức tại trụ sở Văn phòng Chính phủ); phối hợp với các cơ quan liên quan để thực hiện các nhiệm vụ này nếu cuộc họp không tổ chức tại trụ sở Văn phòng Chính phủ;

- Ghi biên bản cuộc họp như quy định tại khoản 1 Điều 24 Quy chế này;

- Căn cứ kết luận của Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan ban hành thông báo kết luận cuộc họp. Dự thảo thông báo của Văn phòng Chính phủ phải được người chủ trì họp duyệt trước khi phát hành. Văn phòng Chính phủ chủ trì đôn đốc việc thực hiện các công việc đã được Thủ tướng, Phó Thủ tướng kết luận.

b) Trách nhiệm của chủ đề án:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu họp theo thông báo của Văn phòng Chính phủ;

- Chuẩn bị ý kiến giải trình về các vấn đề cần thiết liên quan đến nội dung họp;

- Sau cuộc họp, hoàn chỉnh đề án hoặc văn bản trình theo kết luận của Thủ tướng, Phó Thủ tướng.

c) Dự họp đúng thành phần được mời và có trách nhiệm phát biểu ý kiến về những vấn đề liên quan. Trường hợp đặc biệt, khi lãnh đạo Bộ không thể dự họp thì phải báo cáo người chủ trì họp và cử Vụ trưởng dự họp thay nhưng người dự thay phải được giao đủ thẩm quyền về mặt chuyên môn để thay mặt lãnh đạo Bộ phát biểu ý kiến về những nội dung có liên quan.

2. Cuộc họp giao ban của Thủ tướng và các Phó Thủ tướng:

a) Nội dung cuộc họp giao ban gồm những vấn đề, công việc mà Thủ tướng, Phó Thủ tướng thấy cần trao đổi tập thể, những việc chưa xử lý được qua hình thức xem xét hồ sơ và phiếu trình hoặc qua cuộc họp của Thủ tướng, cuộc họp của Phó Thủ tướng;

b) Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ dự các cuộc họp giao ban.

Khi được yêu cầu, các Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ dự họp giao ban để trực tiếp báo cáo về phân công việc được phân công theo dõi. Trường hợp cần thiết, theo chỉ đạo của Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Văn phòng Chính phủ mời thêm chủ đề án hoặc đại biểu khác dự họp;

c) Tại cuộc họp giao ban, Bộ trưởng, Chủ nhiệm hoặc Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ trực tiếp theo dõi công việc báo cáo các vấn đề cần xin ý kiến; trường hợp chủ đề án dự họp thì chủ đề án trực tiếp báo cáo. Thủ tướng và các Phó Thủ tướng trao đổi ý kiến, Thủ tướng kết luận để xử lý dứt điểm từng vấn đề, công việc;

d) Cuộc họp giao ban được tiến hành vào ngày thứ hai hàng tuần, trừ khi có quyết định khác của Thủ tướng;

d) Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

e) Đại biểu tham dự họp đúng thành phần và có trách nhiệm phát biểu ý kiến về những vấn đề liên quan.

Điều 27. Chính phủ họp với Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Hàng năm, Chính phủ tổ chức hội nghị với các Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cả nước để triển khai và bàn biện pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước, những chủ trương, biện pháp về phối hợp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương.

a) Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định nội dung, thành phần, thời gian và địa điểm tổ chức hội nghị;

b) Các Bộ, cơ quan liên quan chuẩn bị các báo cáo tại hội nghị theo phân công của Thủ tướng như chuẩn bị các đề án trình Chính phủ;

c) Tại hội nghị, chủ đề án chỉ trình bày báo cáo tóm tắt đề án và những vấn đề cần thảo luận;

d) Đại biểu tham dự họp đúng thành phần và có trách nhiệm phát biểu ý kiến về những vấn đề liên quan;

d) Sau hội nghị, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, ngành tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan theo các văn bản được thông qua và kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại hội nghị.

2. Khi cần thiết, Thủ tướng Chính phủ triệu tập Chủ tịch Hội đồng nhân dân,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương họp, làm việc để bàn giải quyết các vấn đề liên quan đến các địa phương đó.

a) Theo phân công, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chuẩn bị nội dung báo cáo thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý của mình trình Thủ tướng, Phó Thủ tướng xem xét trước khi tổ chức họp;

b) Các báo cáo tại cuộc họp phải gửi cho các đại biểu ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp; tại cuộc họp chỉ trình bày tóm tắt, nêu rõ các vấn đề cần xin ý kiến, các đề xuất, kiến nghị;

c) Đại biểu tham dự họp đúng thành phần và có trách nhiệm phát biểu ý kiến về những vấn đề liên quan;

d) Sau cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các công việc liên quan tại địa phương.

Điều 28. Hội nghị chuyên đề

1. Hội nghị chuyên đề được tổ chức để triển khai hoặc sơ kết, tổng kết việc thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, các văn bản, cơ chế, chính sách lớn hoặc các công việc quan trọng trong chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thuộc phạm vi toàn quốc, một số địa phương hay một số ngành, lĩnh vực nhất định.

2. Trình tự tổ chức hội nghị:

a) Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng, Phó Thủ tướng hoặc đề xuất của Bộ, cơ quan được giao chủ trì nội dung chính của Hội nghị, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định nội dung, thành phần, thời gian và địa điểm tổ chức hội nghị;

b) Các Bộ, cơ quan liên quan chuẩn bị các báo cáo tại hội nghị theo phân công của Thủ tướng như chuẩn bị các đề án trình Chính phủ;

c) Tại hội nghị, chủ đề án chỉ trình bày báo cáo tóm tắt đề án và những vấn đề cần thảo luận;

d) Đại biểu tham dự họp đúng thành phần và có trách nhiệm phát biểu ý kiến về những vấn đề liên quan;

đ) Theo kết luận của Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Văn phòng Chính phủ hoặc Bộ chủ trì nội dung chính hoàn chỉnh dự thảo các văn bản liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng quyết định việc ban hành.

Điều 29. Cuộc họp của các thành viên Chính phủ xử lý công việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Khi cần thiết, Thủ tướng Chính phủ có thể uỷ quyền cho một thành viên Chính phủ chủ trì cuộc họp bàn xử lý công việc, đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Các cuộc họp này có thể tổ chức tại trụ sở Chính phủ hoặc trụ sở các Bộ.

2. Trách nhiệm tổ chức cuộc họp này thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Quy chế này.

Chương VI

KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN VĂN BẢN VÀ CÔNG VIỆC ĐƯỢC GIAO

Điều 30. Mục đích kiểm tra

1. Đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng và các Phó Thủ tướng về các công việc được giao; kịp thời phát hiện, xử lý những vấn đề vướng mắc nảy sinh trong thực tiễn.

2. Bảo đảm cho hoạt động chỉ đạo điều hành được thông suốt; giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật trong hệ thống hành chính nhà nước, chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện tiêu cực trong quản lý nhà nước.

3. Đề cao ý thức kỷ luật và trách nhiệm cá nhân của thủ trưởng cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước.

4. Tăng cường sâu sát cơ sở, tổng kết rút kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành, bảo đảm cho các chủ trương chính sách đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả tốt trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

Điều 31. Nguyên tắc kiểm tra

1. Kiểm tra là công tác phải được tiến hành thường xuyên và có kế hoạch, đồng thời phải có sự phối hợp để tránh chồng chéo. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền kiểm tra quyết định kế hoạch và hình thức kiểm tra.

2. Kiểm tra phải bảo đảm dân chủ, công khai, đúng pháp luật, không gây phiền hà và không làm cản trở đến hoạt động bình thường của đối tượng kiểm tra.

3. Kết thúc kiểm tra phải có kết luận rõ ràng, nếu phát hiện có sai phạm phải xử lý thỏa đáng.

4. Qua kiểm tra phải tạo được những kết quả tích cực trong quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành, kỷ cương, kỷ luật hành chính.

Điều 32. Phạm vi, đối tượng và phân công thẩm quyền kiểm tra

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kiểm tra toàn diện việc thi hành các văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và việc thực hiện các công việc được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho các Bộ, ngành, địa phương.

2. Các Phó Thủ tướng giúp Thủ tướng kiểm tra việc thi hành các văn bản và công việc nêu trên theo phạm vi, lĩnh vực công tác đã được Thủ tướng phân công; các thành viên Chính phủ khác kiểm tra việc thi hành các văn bản và công việc theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ giúp Thủ tướng, các Phó Thủ tướng kiểm tra việc thực hiện các văn bản và công việc nêu trên ở các Bộ, ngành, địa phương khi được Thủ tướng, Phó Thủ tướng giao; đồng thời chịu trách nhiệm tham mưu cho Thủ tướng, các Phó Thủ tướng để thực hiện kế hoạch kiểm tra thường xuyên, đột xuất theo yêu cầu chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương kiểm tra việc thực hiện các văn bản và công việc được giao trong phạm vi quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý của Bộ, cơ quan, địa phương mình.

Điều 33. Phương thức kiểm tra

1. Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương thực hiện kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất việc thi hành các văn bản, công việc trong phạm vi và thẩm quyền đã phân công.

2. Thủ tướng Chính phủ phân công thành viên Chính phủ chủ trì việc kiểm tra hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Đoàn kiểm tra việc thi hành các văn bản đối với những lĩnh vực, chương trình, dự án cụ thể có nhiều bức xúc về trật tự kỷ cương nhằm tập trung chỉ đạo dứt điểm, tạo chuyển biến rõ nét, làm đà cho việc thiết lập trật tự, kỷ cương chung.

3. Thủ tướng, các Phó Thủ tướng kiểm tra thông qua làm việc trực tiếp với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc làm việc trực tiếp tại cơ sở khi cần thiết.

4. Chính phủ thành lập Đoàn kiểm tra khi cần thiết.

Điều 34. Báo cáo kết quả kiểm tra

1. Khi kết thúc kiểm tra, người chủ trì việc kiểm tra phải báo cáo kết quả,

nếu phát hiện có sai phạm thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Định kỳ vào tháng cuối mỗi quý, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình kiểm tra việc thi hành các văn bản, công việc được giao thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Văn phòng Chính phủ tổng hợp chung, báo cáo Chính phủ tình hình kiểm tra việc thi hành các văn bản tại các phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 và tháng 12.

Chương VII

TIẾP KHÁCH, ĐI CÔNG TÁC

Điều 35. Quy định về tiếp khách

1. Ngoài việc đón tiếp các đoàn khách cấp cao nước ngoài theo quy định tại Nghị định số 82/2001/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2001, Thủ tướng, Phó Thủ tướng còn có các cuộc tiếp khách theo Quy chế này.

2. Thủ tướng Chính phủ trực tiếp hoặc phân công Phó Thủ tướng hay một thành viên Chính phủ thay mặt Thủ tướng tiếp khách của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (cả khách trong nước và khách nước ngoài) tại trụ sở Chính phủ.

3. Theo chỉ đạo của Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan phục vụ Thủ tướng, Phó Thủ tướng, thành viên Chính phủ tiếp khách dựa trên các căn cứ sau:

a) Theo đề nghị của các Bộ, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc đề nghị trực tiếp của khách được Thủ tướng, Phó Thủ tướng đồng ý.

b) Theo chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng, Phó Thủ tướng.

4. Văn phòng Chính phủ có nhiệm vụ:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ các đề nghị tiếp khách nêu tại điểm a khoản 3 Điều này; thông báo kịp thời ý kiến của Thủ tướng Chính phủ cho các cơ quan liên quan biết.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị nội dung tiếp khách. Trường hợp xét thấy cần thiết, theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ có công văn yêu cầu Bộ, cơ quan liên quan chuẩn bị một số nội dung và tham gia phục vụ tiếp khách (về nghi lễ, phiên dịch...).

c) Mời các cơ quan thông tấn, báo chí cần thiết đến để đưa tin.

d) Tổ chức phục vụ và bảo đảm an ninh, an toàn cho cuộc tiếp.

đ) Ban hành văn bản thông báo kết quả tiếp khách và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện các công việc được giao. Dự thảo thông báo phải được Thủ tướng, Phó Thủ tướng duyệt trước khi phát hành.

Điều 36. Đi công tác địa phương, cơ sở

1. Theo sự chỉ đạo của Thủ tướng, các Phó Thủ tướng và đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Văn phòng Chính phủ lập chương trình của Thủ tướng và các Phó Thủ tướng thăm và làm việc chính thức tại các địa phương.

a) Nếu địa phương có các vấn đề kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử lý thì phải chuẩn bị báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày Thủ tướng, Phó Thủ tướng đến làm việc;

b) Theo thông báo của Văn phòng Chính phủ, các cơ quan liên quan phải chuẩn bị xong nội dung và báo cáo Thủ tướng, Phó Thủ tướng trước chuyến đi ít nhất 03 ngày làm việc;

Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng, Phó Thủ tướng quyết định chương trình làm việc, nội dung, thời gian, nghi thức và thành phần Đoàn công tác; thông báo trước kế hoạch cho địa phương và các cơ quan liên quan trước ít nhất 3 ngày làm việc;

Sau chuyến công tác, Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan ban hành thông báo kết luận của Thủ tướng, Phó Thủ tướng. Dự thảo thông báo phải được người chủ trì chuyến công tác duyệt trước khi phát hành. Văn phòng Chính phủ chủ trì đôn đốc việc thực hiện các công việc nêu trong thông báo.

2. Trong trường hợp đột xuất, cấp bách, khi các địa phương gặp thiên tai, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ gây thiệt hại nặng về người và tài sản, Thủ tướng Chính phủ quyết định các hình thức sau:

a) Chỉ thị cho các ngành, các cấp tổ chức khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân;

b) Thành lập Đoàn công tác liên ngành của Chính phủ, chỉ định và giao quyền quyết định tại chỗ một số vấn đề cho Trưởng Đoàn công tác là thành viên Chính phủ;

c) Trực tiếp hoặc uỷ quyền Phó Thủ tướng tới hiện trường thăm và chỉ đạo công tác phòng, tránh và khắc phục thiệt hại.

3. Việc tổ chức các đoàn công tác của Thủ tướng Chính phủ thăm và làm việc tại địa phương phải tuân theo các quy định tại Chương I bản Quy định số 60/QĐ-TW ngày 11 tháng 02 năm 2003 của Bộ Chính trị.

4. Thành viên Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ dành thời gian đi kiểm tra ở địa phương, cơ sở, khảo sát thực tế để tổng kết các mô hình, gặp gỡ tiếp xúc và lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của nhân dân để phục vụ công tác. Tùy nội dung từng chuyến công tác để có hình thức tổ chức thích hợp, bảo đảm thiết thực và tiết kiệm, có thể báo trước hoặc không báo trước cho địa phương.

Điều 37. Đi công tác nước ngoài

1. Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng đi công tác nước ngoài:

a) Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ lập chương trình, thành phần đoàn công tác và chuẩn bị nội dung làm việc, các vấn đề về lễ tân tại nước ngoài của Thủ tướng, Phó Thủ tướng, trình Thủ tướng, Phó Thủ tướng quyết định.

Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm toàn diện về việc thực hiện nội dung, chương trình làm việc và công tác lễ tân của chuyến công tác.

b) Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng, Phó Thủ tướng kết quả chuyến đi và đề xuất các văn bản cần ban hành, các công việc cần triển khai.

c) Văn phòng Chính phủ thẩm tra, trình Thủ tướng, Phó Thủ tướng để ban hành các văn bản cần thiết triển khai các công việc sau chuyến đi; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các văn bản, công việc đó.

d) Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng ban hành Quy chế cụ thể về tổ chức các chuyến đi công tác nước ngoài của Thủ tướng, Phó Thủ tướng.

2. Các thành viên khác của Chính phủ đi công tác nước ngoài (ngoài các chuyến công tác theo chương trình của Chính phủ đã được Thủ tướng phê duyệt) phải xin phép và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý; đồng thời phải cử cấp phó thay mặt mình giải quyết công việc trong thời gian đi công tác.

Chương VIII CÔNG TÁC THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 38. Thông tin báo cáo phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Báo cáo của các Bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ bao gồm:

- Báo cáo định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, năm) tổng hợp về tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội, quản lý nhà nước, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng và các nội dung cần thiết khác;

- Các báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ;

- Dự thảo các báo cáo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trình các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm cung cấp thông tin đối ngoại và thực hiện việc điếm tin hàng ngày trên các đài, báo nước ngoài gửi Thủ tướng và các thành viên khác của Chính phủ. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an báo cáo hàng ngày với Thủ tướng Chính phủ về tình hình an ninh, quốc phòng, trật tự xã hội.

3. Ngoài nhiệm vụ như các Bộ trưởng khác, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ còn phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức việc xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin tại Văn phòng Chính phủ để phục vụ có hiệu quả sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng và các thành viên khác của Chính phủ; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các phiên họp Chính phủ, các cuộc họp, làm việc và xử lý công việc thường xuyên của Thủ tướng, các Phó Thủ tướng; gửi tài liệu, mời họp qua mạng máy tính.

b) Bảo đảm việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng và các Phó Thủ tướng bằng các báo cáo nhanh hàng ngày về các vấn đề nổi lên thuộc thẩm quyền mà Thủ tướng cần đặc biệt quan tâm để chỉ đạo xử lý; báo cáo điếm báo; báo cáo tổng hợp về sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ định kỳ tháng, 06 tháng, năm; các báo cáo khác theo yêu cầu của Thủ tướng.

c) Thực hiện nhiệm vụ phát ngôn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tổ chức họp báo để thông báo kết quả phiên họp Chính phủ và họp báo khi cần thiết để thông báo các vấn đề quan trọng trong chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d) Phối hợp, trao đổi thông tin và tham gia phiên họp giao ban với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội và các Ban của Đảng; báo cáo tổng hợp tình hình theo yêu cầu giao ban với Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng.

đ) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan trong hệ thống hành chính thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo.

4. Các Bộ, cơ quan đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thông tin báo cáo bảo đảm yêu cầu nhanh, chính xác, hiệu quả.

Điều 39. Báo cáo tại phiên họp Chính phủ

1. Hàng tháng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo về tình hình kinh

tế - xã hội và kiến nghị các giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ kế hoạch; Tổng Thanh tra Chính phủ báo cáo về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Bộ trưởng Bộ Nội vụ báo cáo về công tác cải cách hành chính; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ báo cáo tình hình thực hiện chương trình công tác, các quyết nghị của Chính phủ giữa hai kỳ họp.

2. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ báo cáo kiểm điểm sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Chính phủ (06 tháng, 01 năm).

3. Các báo cáo chuyên đề, đột xuất khác theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 40. Thông tin về hoạt động của Chính phủ cho nhân dân

1. Thủ tướng Chính phủ và các thành viên khác của Chính phủ có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo trước nhân dân về những vấn đề quan trọng thông qua các báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội, trả lời của thành viên Chính phủ đối với chất vấn của đại biểu Quốc hội, họp báo và ý kiến phát biểu với cơ quan thông tin đại chúng theo quy định tại khoản 9 Điều 20 Luật Tổ chức Chính phủ.

2. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm tổ chức họp báo định kỳ hoặc đột xuất để thông tin cho các cơ quan báo chí và nhân dân về các chính sách và quyết định quan trọng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Khi được yêu cầu, các Bộ, cơ quan liên quan tham dự họp báo, trực tiếp phát biểu và chịu trách nhiệm về các nội dung thuộc phạm vi chuyên ngành của mình.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ:

a) Thực hiện tốt quy định về chế độ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thông tin đại chúng trong việc tiếp cận các thông tin chính xác, kịp thời về các sự kiện xảy ra trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình.

b) Tổ chức họp báo theo định kỳ, họp báo khi ban hành các văn bản quan trọng, khi triển khai các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, khi có các sự kiện đáng chú ý khác.

c) Thường xuyên điểm báo và thực hiện việc trả lời báo chí theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Thông tin đối ngoại

1. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn

phòng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức họp báo, thường xuyên cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội và hoạt động của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho các cơ quan báo chí nước ngoài tại Việt Nam và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, bằng các hình thức thích hợp mở rộng việc thông tin ra nước ngoài về tình hình mọi mặt của đất nước.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
NGUYỄN TẤN DŨNG

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2007/NĐ-CP NGÀY 03-12-2007
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ,
cơ quan ngang Bộ**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,*

NGHỊ ĐỊNH:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chung về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; chế độ làm việc và quyền hạn, trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về quản lý ngành, lĩnh vực của Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện theo nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng Bộ, cơ quan ngang Bộ.

3. Các quy định về cơ cấu tổ chức của Bộ tại Chương III Nghị định này không áp dụng đối với cơ cấu tổ chức Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

4. Tên của Bộ, cơ quan ngang Bộ và tên của các đơn vị của Bộ, cơ quan ngang Bộ được dịch tiếng nước ngoài để giao dịch quốc tế theo hướng dẫn của Bộ Ngoại giao.

Điều 2. Vị trí và chức năng

Bộ, cơ quan ngang Bộ (dưới đây gọi chung là Bộ) là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực được giao trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ (dưới đây gọi chung là Bộ trưởng) là thành viên Chính phủ, là người đứng đầu và lãnh đạo một Bộ; chịu trách

nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, trước Quốc hội về quản lý nhà nước các ngành, lĩnh vực và tham gia vào hoạt động của tập thể Chính phủ; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong phạm vi cả nước và các công tác khác được giao; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các Điều 4, 6, 23, 24, 25, 26, 27, 28 của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001, các quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Cấp phó của người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ (dưới đây gọi chung là Thứ trưởng) có trách nhiệm giúp Bộ trưởng theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác theo sự phân công của Bộ trưởng và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về nhiệm vụ được phân công.

Khi Bộ trưởng vắng mặt, một Thứ trưởng được Bộ trưởng ủy nhiệm thay Bộ trưởng giải quyết công việc của Bộ và Bộ trưởng.

3. Số lượng Thứ trưởng ở mỗi Bộ không quá bốn người. Trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BỘ VÀ BỘ TRƯỞNG

Điều 4. Về pháp luật

1. Trình Chính phủ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Bộ đã được phê duyệt và các dự án, đề án theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật.

3. Ban hành quyết định, chỉ thị, thông tư, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.

4. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

5. Kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành có liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; nếu phát hiện những quy định do các cơ quan đó ban hành có dấu hiệu trái với các văn bản quy phạm pháp

luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc Bộ quản lý thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch

1. Trình Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm và các công trình quan trọng quốc gia trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Công bố chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển sau khi được phê duyệt (trừ những vấn đề thuộc bí mật nhà nước); tổ chức chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đó.

3. Thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng có liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

4. Thẩm định trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ về nội dung các báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi các chương trình, dự án, đề án thuộc ngành, lĩnh vực của Bộ; chịu trách nhiệm về nội dung các báo cáo, dự án nêu trên do cơ quan và tổ chức của Bộ thực hiện; phê duyệt và quyết định đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của Bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Về hợp tác quốc tế

1. Trình Chính phủ chủ trương, biện pháp mở rộng quan hệ với nước ngoài và các tổ chức quốc tế; đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập và biện pháp bảo đảm thực hiện điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh Chính phủ về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế theo uỷ quyền của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong phạm vi ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

3. Ký kết và tổ chức thực hiện thoả thuận quốc tế nhân danh Bộ theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia các tổ chức quốc tế theo sự phân công của Chính phủ.

5. Tổ chức thực hiện chủ trương, biện pháp mở rộng hợp tác quốc tế đã được Chính phủ phê duyệt. Thực hiện hợp tác quốc tế về ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật; cho phép các đơn vị trực thuộc, các cơ quan tổ chức nước ngoài do cơ quan trung ương cấp giấy phép hoạt động tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế có nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

6. Kiểm tra việc thực hiện các chương trình, dự án quốc tế tài trợ thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ phụ trách; chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án quốc tế tài trợ của Bộ.

Điều 7. Về cải cách hành chính

1. Quyết định và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính của Bộ theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ và sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực của Bộ.

3. Xác định rõ và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ; thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ tinh gọn, hợp lý, giảm đầu mối.

4. Thực hiện phân công, phân cấp cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc bảo đảm tách rõ quản lý nhà nước với hoạt động của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp nhà nước; trình Chính phủ quyết định việc phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cho chính quyền địa phương.

5. Quyết định và chỉ đạo việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính, bao gồm rà soát, tự huỷ bỏ và sửa đổi theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, đơn giản, công khai các loại thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

6. Chỉ đạo việc thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính đối với đơn vị sự nghiệp nhà nước; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 vào hoạt động của Bộ.

7. Quyết định và chỉ đạo thực hiện đổi mới phương thức làm việc, hiện đại hoá công sở và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Bộ.

8. Báo cáo việc thực hiện cải cách hành chính trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định.

Điều 8. Về quản lý nhà nước các tổ chức thực hiện dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ

1. Trình Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách về cung ứng các dịch vụ công; về thực hiện xã hội hoá các hoạt động cung ứng dịch vụ công trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Trình Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch mạng lưới tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công; điều kiện, tiêu chí thành lập các tổ chức sự nghiệp nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực.

3. Ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế -

kỹ thuật và thời gian thực hiện cung ứng các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền.

4. Hướng dẫn, kiểm tra và hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện dịch vụ công hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế tập thể, tư nhân khác

1. Đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ và định hướng phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc mọi thành phần kinh tế trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với ngành, nghề kinh doanh, dịch vụ có điều kiện theo danh mục Chính phủ quy định và xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền.

3. Thanh tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn vệ sinh lao động.

4. Ban hành tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật; kiểm tra, thanh tra, xử lý theo thẩm quyền vi phạm việc thực hiện tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá và dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Về quản lý nhà nước đối với hoạt động của hội, tổ chức phi Chính phủ

1. Công nhận ban vận động về thành lập hội, tổ chức phi Chính phủ; có ý kiến bằng văn bản với Bộ Nội vụ về việc cho phép thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể hội, tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho hội, tổ chức phi Chính phủ tham gia các hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; tổ chức lấy ý kiến và tiếp thu việc đề xuất, phản biện của hội, tổ chức phi Chính phủ để hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

3. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với hội, tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; xử lý hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật của hội, tổ chức phi Chính phủ theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Về tổ chức bộ máy, biên chế

1. Trình Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ; về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổng cục và tương đương tổng cục

thuộc Bộ; về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực.

2. Trình Thủ tướng Chính phủ về: thành lập, tổ chức lại, giải thể các vụ, cục và tương đương, tổ chức sự nghiệp phục vụ quản lý nhà nước và tổ chức sự nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổng cục hoặc tương đương thuộc Bộ.

3. Quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức sự nghiệp nhà nước khác không thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định thành lập phòng thuộc vụ, thanh tra Bộ, văn phòng Bộ, chi cục thuộc cục theo quy định tại nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

5. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của vụ, cục (trừ những cục tương đương tổng cục), thanh tra, văn phòng; quy định về nhiệm vụ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức sự nghiệp nhà nước thuộc Bộ quản lý.

6. Ban hành thông tư hoặc thông tư liên tịch hướng dẫn chung về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các cấp.

7. Tổng hợp và báo cáo về tổ chức bộ máy hành chính, sự nghiệp nhà nước thuộc Bộ gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

8. Xây dựng kế hoạch biên chế hàng năm của Bộ và gửi Bộ Nội vụ; ban hành định mức biên chế sự nghiệp nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ.

9. Quyết định giao biên chế hành chính cho các tổ chức thuộc Bộ; quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp đối với các đơn vị thuộc Bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Về cán bộ, công chức, viên chức nhà nước

1. Trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thứ trưởng và cấp tương đương.

2. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức thuộc Bộ, bao gồm: tổng cục và tương đương, cục, vụ, thanh tra, văn phòng, các tổ chức sự nghiệp thuộc Bộ và Trường phòng, Phó trường phòng thuộc vụ, văn phòng Bộ, thanh tra Bộ.

Phân cấp cho người đứng đầu các tổ chức thuộc Bộ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh còn lại của các đơn vị thuộc cấp mình quản lý.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý nêu trên thuộc Bộ thực hiện theo quy trình quy định của Đảng và Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Quy định thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức thuộc Bộ.

4. Quyết định và thực hiện các biện pháp cụ thể để tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ; tổ chức thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí và quan liêu, hách dịch, cửa quyền đối với các đơn vị thuộc Bộ.

5. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và việc tuyển dụng, sử dụng, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, chế độ tiền lương, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật.

6. Ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch viên chức thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ được phân công, phân cấp quản lý sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ; xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch công chức thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ được phân công, phân cấp quản lý để Bộ Nội vụ ban hành; ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ cụ thể của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ quản lý thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 13. Về kiểm tra, thanh tra

1. Hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Kiểm tra, thanh tra các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của tổ chức, công dân liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; tổ chức việc tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

4. Thanh tra, kiểm tra chính quyền địa phương trong việc thực hiện phân cấp quản lý về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Điều 14. Về quản lý tài chính, tài sản

1. Về quản lý tài chính:

a) Trình Chính phủ dự toán ngân sách hàng năm của Bộ;

b) Đối với phân kế hoạch tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Bộ trưởng quyết định phân bổ, kiểm tra việc chi tiêu, chịu trách nhiệm quyết toán và

được điều chỉnh chi tiết trong phạm vi tổng mức thu chi tài chính, nhưng không được thay đổi mục tiêu kế hoạch được duyệt;

c) Đối với phần kế hoạch tài chính do các Bộ, địa phương quản lý: Bộ trưởng có trách nhiệm kiểm tra thực hiện chương trình mục tiêu đã được duyệt và phối hợp với Bộ có chức năng quản lý nhà nước về tài chính và Bộ có chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư điều chỉnh chi tiết trong phạm vi kế hoạch tài chính đã được duyệt.

2. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài sản của nhà nước được giao cho Bộ theo phân cấp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và theo quy định của pháp luật.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ**

Điều 15. Cơ cấu tổ chức của Bộ

1. Các tổ chức giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước gồm:

- a) Vụ;
- b) Văn phòng;
- c) Thanh tra;
- d) Cục;
- d) Tổng cục và tương đương;
- e) Cơ quan đại diện của Bộ ở địa phương và ở nước ngoài.

Không nhất thiết các Bộ, cơ quan ngang Bộ có tổ chức quy định tại các điểm d, đ, e khoản 1 Điều này.

2. Các tổ chức sự nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ.

Các tổ chức sự nghiệp nhà nước được quy định tại nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ chỉ bao gồm các tổ chức sự nghiệp phục vụ quản lý nhà nước và báo, tạp chí, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của Bộ.

Các tổ chức sự nghiệp khác hiện có đã được cấp có thẩm quyền thành lập, Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách các tổ chức sự nghiệp đó.

3. Số lượng cấp phó của người đứng đầu các tổ chức thuộc Bộ quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này không quá 03 người.

4. Các vụ, cục, tổng cục và tương đương về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc Bộ được quy định cụ thể tại nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Điều 16. Vụ

1. Vụ được thành lập để tham mưu giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

2. Việc thành lập vụ theo yêu cầu một vụ được giao nhiều việc có mối quan hệ liên thông với nhau, nhưng một việc không giao cho nhiều vụ trong cùng cơ cấu tổ chức của Bộ.

3. Có thể thành lập phòng trong vụ trên nguyên tắc vụ được giao tham mưu, tổng hợp nhiều lĩnh vực tương đối độc lập. Những vụ thành lập phòng được quy định tại nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ.

4. Vụ không có con dấu; Vụ trưởng được ký các văn bản hành chính về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực do vụ chịu trách nhiệm và đóng dấu của Bộ theo thừa lệnh của Bộ trưởng.

Điều 17. Văn phòng Bộ

1. Văn phòng Bộ thực hiện chức năng giúp Bộ trưởng theo dõi, đôn đốc các tổ chức, cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Bộ; tổng hợp tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Bộ.

2. Tổ chức thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật, tài sản, kinh phí hoạt động, bảo đảm phương tiện, điều kiện làm việc; phục vụ chung cho hoạt động của Bộ và công tác quản trị nội bộ.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do pháp luật quy định hoặc do Bộ trưởng giao.

4. Văn phòng Bộ được thành lập phòng và tổ chức tương đương (sau đây gọi chung là phòng) theo các lĩnh vực công tác thuộc văn phòng.

5. Văn phòng Bộ có con dấu riêng để giao dịch; Chánh văn phòng được ký các văn bản hành chính theo uỷ quyền hoặc thừa lệnh của Bộ trưởng.

Điều 18. Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ được thành lập để giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật về thanh tra.

2. Thanh tra Bộ được thành lập phòng.

3. Thanh tra Bộ có con dấu riêng; Chánh Thanh tra được ký các văn bản hành chính theo uỷ quyền hoặc thừa lệnh của Bộ trưởng và được xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Cục thuộc Bộ

1. Cục được thành lập để tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước

chuyên sâu, ổn định và thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Đối tượng quản lý của cục là những tổ chức và cá nhân hoạt động liên quan đến chuyên ngành, lĩnh vực, chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chuyên ngành, lĩnh vực đó; phạm vi hoạt động của cục không nhất thiết ở tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Cơ cấu tổ chức của cục, gồm:

a) Phòng;

b) Văn phòng;

c) Tổ chức sự nghiệp nhà nước trực thuộc (nếu có).

Cục được giao thực thi nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực phân cấp hạn chế cho địa phương, có thể được thành lập chi cục thuộc cục. Những cục có chi cục được quy định trong nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ. Khi cần thành lập mới thì Bộ quản lý ngành trình Thủ tướng Chính phủ cho phép và giao cho Bộ trưởng quyết định thành lập.

Việc thành lập tổ chức thanh tra thuộc cục để thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

4. Cục có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; Cục trưởng được ban hành văn bản cá biệt, văn bản quy phạm nội bộ thuộc chuyên ngành, lĩnh vực do cục chịu trách nhiệm và không được ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Việc thành lập cục theo yêu cầu chức năng, nhiệm vụ, trên nguyên tắc có đối tượng quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ và thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tổng cục và tổ chức tương đương thuộc Bộ

1. Tổng cục và tương đương (sau đây gọi chung là tổng cục) được thành lập để tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước chuyên sâu, ổn định và thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực lớn, phức tạp không phân cấp hoặc phân cấp hạn chế cho địa phương thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Đối tượng quản lý của tổng cục là những tổ chức và cá nhân hoạt động liên quan đến chuyên ngành, lĩnh vực, chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chuyên ngành, lĩnh vực đó.

3. Cơ cấu tổ chức của tổng cục, gồm:

a) Vụ;

b) Văn phòng;

- c) Thanh tra;
- d) Tổ chức sự nghiệp nhà nước trực thuộc.

Đối với tổng cục được tổ chức và quản lý theo hệ thống ngành dọc, cần có các cục trực thuộc đặt ở địa phương hoặc đối với những tổng cục cần có cục quản lý chuyên ngành trực thuộc được quy định tại quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của tổng cục.

4. Tổng cục có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; Tổng cục trưởng được ban hành văn bản cá biệt, văn bản quy phạm nội bộ và không được ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tổng cục được thành lập theo yêu cầu chức năng, nhiệm vụ, trên nguyên tắc có đối tượng quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ và thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Tổ chức sự nghiệp nhà nước thuộc Bộ

1. Việc thành lập tổ chức sự nghiệp nhà nước thuộc Bộ để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ hoặc để thực hiện một số dịch vụ công có đặc điểm, tính chất quan trọng cần thiết do Bộ đảm nhiệm.

Chỉ thành lập tổ chức sự nghiệp nhà nước thuộc Bộ khi loại dịch vụ công đó nhà nước chưa chuyển giao cho các tổ chức ngoài khu vực nhà nước đảm nhiệm hoặc loại dịch vụ công đó các tổ chức ngoài khu vực nhà nước không thực hiện hoặc không đủ khả năng thực hiện.

Đối với những ngành, lĩnh vực đã có quy hoạch mạng lưới tổ chức sự nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì việc thành lập tổ chức sự nghiệp nhà nước phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức đó.

2. Tổ chức sự nghiệp nhà nước không có chức năng quản lý nhà nước.

3. Tổ chức sự nghiệp nhà nước được tự chủ và tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định của pháp luật và chịu sự quản lý nhà nước của các Bộ chức năng theo từng ngành, lĩnh vực.

4. Tổ chức sự nghiệp nhà nước có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ TRƯỞNG

Điều 22. Chế độ làm việc của Bộ trưởng

Bộ trưởng làm việc theo chế độ thủ trưởng và Quy chế làm việc của Chính phủ; bảo đảm nguyên tắc tập trung, dân chủ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

của Bộ và các đơn vị trực thuộc theo quy định; ban hành Quy chế làm việc của Bộ và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế đó.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với Bộ

1. Bộ trưởng chịu trách nhiệm chuẩn bị trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo Quy chế làm việc của Chính phủ.

2. Bộ trưởng chịu trách nhiệm về chất lượng, nội dung các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ chuẩn bị; chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, công tác sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; chịu trách nhiệm về hiệu quả các dự án, các chương trình, đề án của Bộ và việc sử dụng các nguồn lực của Bộ.

3. Bộ trưởng quyết định các công việc thuộc phạm vi quản lý của Bộ và chịu trách nhiệm về các quyết định đó.

4. Bộ trưởng chịu trách nhiệm về những công việc do Bộ trực tiếp quản lý; chịu trách nhiệm liên đới về những công việc đã phân cấp cho chính quyền địa phương, khi Bộ không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra để xảy ra sự cố, thảm họa nguy hiểm, thất thoát, thiệt hại lớn đến tài sản của Nhà nước và nhân dân.

5. Bộ trưởng chịu trách nhiệm thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Bộ trưởng phân công cho Thứ trưởng giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng hoặc ủy nhiệm cho Thứ trưởng làm việc và giải quyết các đề nghị của các bộ, địa phương, thì Bộ trưởng phải chịu trách nhiệm về những quyết định của Thứ trưởng được phân công hoặc ủy nhiệm giải quyết.

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước của Bộ về các ngành, lĩnh vực.

2. Không chuyên các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ lên Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ; không ban hành những văn bản trái với quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; những vấn đề vượt quá thẩm quyền được giao phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của thành viên Chính phủ theo Quy chế làm việc của Chính phủ.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với Bộ trưởng khác

1. Thực hiện các quy định quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của các Bộ khác; không ban hành văn bản trái với quy định của các Bộ trưởng khác.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ để giải quyết những vấn đề quản lý nhà nước do Bộ phụ trách có liên quan đến chức năng của Bộ khác; trường hợp có ý kiến khác nhau thì Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Các vấn đề trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến Bộ khác, thì phải có ý kiến của Bộ trưởng đó bằng văn bản. Các Bộ trưởng được hỏi ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu, trả lời bằng văn bản trong thời gian quy định.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân thực hiện mục tiêu, chương trình, quy hoạch phát triển, kế hoạch, dự án về ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt; giải quyết các đề xuất, kiến nghị của Ủy ban nhân dân phù hợp với quy định quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực của Bộ.

2. Hướng dẫn và chỉ đạo Ủy ban nhân dân về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ quản lý.

3. Kiểm tra Chủ tịch Ủy ban nhân dân trong việc thực hiện tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với người đứng đầu cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân; yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu các tổ chức của Bộ đặt tại địa phương.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với các cơ quan của Quốc hội, với đại biểu Quốc hội và với cử tri

1. Khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội yêu cầu, thì Bộ trưởng có trách nhiệm trình bày hoặc cung cấp các tài liệu cần thiết; Bộ trưởng gửi các văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành đến Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội theo lĩnh vực mà Hội đồng Dân tộc, Ủy ban phụ trách.

2. Bộ trưởng có trách nhiệm trả lời các kiến nghị của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị.

3. Bộ trưởng có trách nhiệm trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội và kiến nghị của cử tri về những vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với các tổ chức chính trị - xã hội

Bộ trưởng có trách nhiệm phối hợp với người đứng đầu tổ chức Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn và các tổ chức Đoàn thể khác trong khi thực hiện nhiệm vụ của Bộ; tạo điều kiện để các tổ chức nêu trên hoạt động, tham gia xây dựng chế độ, chính sách có liên quan.

**Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bãi bỏ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và các quy định trước đây trái với Nghị định này.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
NGUYỄN TẤN DŨNG

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2008/NĐ-CP NGÀY 04-02-2008
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng
11 năm 2003;*

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm có sở và cơ quan tương đương sở (sau đây gọi chung là sở).

3. Các cơ quan sau đây không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này:

a) Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban Quản lý khu công nghệ cao, Ban Quản lý khu kinh tế và Ban Quản lý có tên gọi khác là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và có cơ cấu tổ chức theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức thuộc cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh và sự thống nhất, thông suốt, quản lý ngành, lĩnh vực công tác từ trung ương đến cơ sở.

2. Tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, tổ chức sẽ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; không nhất thiết ở Trung ương có Bộ, cơ quan ngang Bộ thì cấp tỉnh có tổ chức tương ứng.

3. Phù hợp với điều kiện tự nhiên, dân số, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và yêu cầu cải cách hành chính nhà nước.

4. Không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn với các tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ đặt tại địa phương.

Điều 3. Vị trí và chức năng của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cấp trên.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục trực thuộc;

c) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở; Trưởng, Phó phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo quyết định thành lập, sát nhập, giải thể các đơn vị thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị cá biệt thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp giấy phép, văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc các lĩnh vực quản lý của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực quản lý của sở theo quy định của pháp luật, sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

8. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ được giao.

10. Kiểm tra, thanh tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật hoặc phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

11. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng, các phòng nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; quản lý biên chế, thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

12. Quản lý tài chính, tài sản của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

13. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình

thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

14. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm có:

1. Văn phòng;
2. Thanh tra;
3. Phòng nghiệp vụ;
4. Chi cục;
5. Tổ chức sự nghiệp.

Không nhất thiết các sở đều có các tổ chức quy định tại các khoản 4 và 5 Điều này.

Điều 6. Giám đốc, Phó giám đốc của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Giám đốc sở) chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn do mình phụ trách.

2. Cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Phó Giám đốc sở) là người giúp Giám đốc sở chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc sở được Giám đốc uỷ nhiệm điều hành các hoạt động của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

Số lượng Phó Giám đốc sở không quá 03 người; riêng số lượng Phó Giám đốc các sở thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh không quá 04 người.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chế độ làm việc của cơ quan chuyên môn và trách nhiệm của giám đốc sở

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm việc theo chế độ thủ trưởng.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc sở ban hành Quy chế làm việc, chế độ thông tin báo cáo của cơ quan và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy định đó.

3. Giám đốc sở chịu trách nhiệm về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

4. Giám đốc sở có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ, cơ quan ngang Bộ về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; xin ý kiến về những vấn đề vượt quá thẩm quyền và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi có yêu cầu; phối hợp với Giám đốc cơ quan chuyên môn khác và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để giải quyết các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Chương II

TỔ CHỨC CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Điều 8. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tổ chức thống nhất ở các địa phương

1. Sở Nội vụ:

a) Sáp nhập Ban Thi đua - Khen thưởng và Ban Tôn giáo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc bộ phận làm công tác tôn giáo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vào Sở Nội vụ;

b) Sở Nội vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nội vụ, gồm: tổ chức bộ máy; biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua - khen thưởng.

2. Sở Tư pháp:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản

quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; thi hành án dân sự; công chứng; chứng thực; nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; trọng tài thương mại; hộ tịch; quốc tịch; lý lịch tư pháp; luật sư; tư vấn pháp luật; trợ giúp pháp lý; giám định tư pháp; hoà giải ở cơ sở; bán đấu giá tài sản liên quan đến thi hành án và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, bao gồm các lĩnh vực: tổng hợp về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức thực hiện và đề xuất về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; đăng ký kinh doanh; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế tư nhân.

4. Sở Tài chính:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: tài chính; ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; các quỹ tài chính nhà nước; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; kế toán; kiểm toán độc lập; giá cả và hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật.

5. Sở Công Thương:

a) Hợp nhất Sở Công nghiệp với Sở Thương mại (hoặc Sở Thương mại - Du lịch) thành Sở Công Thương; chuyển chức năng và tổ chức về du lịch của Sở Thương mại hoặc (Sở Thương mại - Du lịch) vào Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

b) Sở Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, bao gồm các ngành và lĩnh vực: cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; dầu khí (nếu có); hoá chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp chế biến khác; lưu thông hàng hoá trên địa bàn; xuất khẩu, nhập khẩu; quản lý thị trường; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; hội nhập kinh tế; thương mại quốc tế; quản lý cụm công nghiệp và điểm công nghiệp trên địa bàn.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Hợp nhất Sở Thủy sản với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp;

diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi và phát triển nông thôn; phòng, chống lụt, bão; an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trong quá trình sản xuất đến khi đưa ra thị trường.

7. Sở Giao thông vận tải:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giao thông vận tải, gồm: đường bộ; đường thủy; vận tải; an toàn giao thông.

8. Sở Xây dựng:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: xây dựng; vật liệu xây dựng; nhà ở và công sở; kiến trúc, quy hoạch xây dựng; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: kết cấu hạ tầng đô thị; cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chiếu sáng, công viên cây xanh, nghĩa trang, rác thải đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao); phát triển đô thị; kinh doanh bất động sản.

Riêng tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, Sở Quy hoạch - Kiến trúc tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn thuộc phạm vi quản lý của thành phố theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: tài nguyên đất; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; do đạc và bản đồ; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về biển, đảo (đối với các tỉnh có biển, đảo).

10. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Thành lập Sở Thông tin và Truyền thông trên cơ sở Sở Bưu chính, Viễn thông và tiếp nhận chức năng, tổ chức quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản từ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

b) Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyển phát; viễn thông và internet; truyền dẫn phát sóng; tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, điện tử; phát thanh và truyền hình; cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông; quảng cáo trên các phương tiện báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm.

11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà

nước về các lĩnh vực: lao động; việc làm; dạy nghề; tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm thất nghiệp; an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội (gọi chung là lĩnh vực lao động, người có công và xã hội); bình đẳng giới; tiếp nhận chức năng và tổ chức về bảo vệ và chăm sóc trẻ em từ Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Hợp nhất Sở Thể dục Thể thao, Sở Du lịch với Sở Văn hoá - Thông tin thành Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; chuyển chức năng và tổ chức về báo chí, xuất bản vào Sở Thông tin và Truyền thông;

b) Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: văn hóa; thể dục, thể thao và du lịch; gia đình; quảng cáo (trừ quảng cáo trên các phương tiện báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm); tiếp nhận chức năng và tổ chức về gia đình từ Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

13. Sở Khoa học và Công nghệ:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân.

14. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, bao gồm: mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

15. Sở Y tế:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, gồm: y tế dự phòng; khám, chữa bệnh; phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người; mỹ phẩm; vệ sinh an toàn thực phẩm; trang thiết bị y tế; dân số; bảo hiểm y tế; tiếp nhận chức năng và tổ chức về dân số từ Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

16. Thanh tra tỉnh:

Thanh tra tỉnh là cơ quan ngang sở, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra và phòng, chống tham nhũng.

17. Văn phòng Ủy ban nhân dân:

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân là cơ quan ngang sở, là bộ máy giúp việc của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân có chức năng tham mưu tổng hợp, giúp Ủy ban nhân dân tổ chức các hoạt động chung của Ủy ban nhân dân; tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân về chỉ đạo điều hành các hoạt động chung của bộ máy hành chính ở địa phương; bảo đảm cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và thông tin cho công chúng theo quy định của pháp luật; bảo đảm các điều kiện vật chất kỹ thuật cho hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

18. Giải thể Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em sau khi đã chuyển chức năng và tổ chức của Ủy ban này về Sở Y tế, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 9. Các cơ quan chuyên môn được tổ chức theo đặc thù riêng của từng địa phương

1. Sở Ngoại vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công tác ngoại vụ, biên giới lãnh thổ quốc gia (ở những tỉnh có đường biên giới trên bộ) theo quy định của pháp luật;

Sở Ngoại vụ được thành lập theo các tiêu chí sau:

a) Có đường biên giới trên bộ và có cửa khẩu quốc tế hoặc quốc gia;

b) Đối với những tỉnh không có đường biên giới, nhưng phải có đủ các tiêu chí sau đây thì được thành lập Sở Ngoại vụ:

- Có các khu: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mở, khu kinh tế cửa khẩu được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập;

- Có khu du lịch quốc gia hoặc di sản văn hoá được UNESCO công nhận.

c) Những tỉnh không đủ tiêu chí thành lập Sở Ngoại vụ theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều này được thành lập Phòng Ngoại vụ thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân. Phòng Ngoại vụ chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân đảm bảo cơ sở vật chất và hành chính quản trị cho hoạt động của Phòng Ngoại vụ.

2. Ban Dân tộc là cơ quan ngang Sở, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

Ban Dân tộc được thành lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi đảm bảo có 2 trong 3 tiêu chí sau:

a) Có trên 20.000 (hai mươi nghìn) người dân tộc thiểu số sống tập trung thành cộng đồng làng, bản;

b) Có trên 5.000 (năm nghìn) người dân tộc thiểu số đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển;

c) Có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng; địa bàn xen canh, xen cư; biên giới có đông đồng bào dân tộc thiểu số nước ta và nước láng giềng thường xuyên qua lại.

Đối với những tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa đáp ứng các tiêu chí như trên thì lập Phòng Dân tộc (hoặc bố trí cán bộ, công chức) làm công tác dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Phòng Dân tộc (hoặc cán bộ, công chức) làm công tác dân tộc chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo cơ sở vật chất và hành chính quản trị cho hoạt động của Phòng Dân tộc.

3. Sở Quy hoạch - Kiến trúc (được thành lập ở thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh):

Sở Quy hoạch - Kiến trúc tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VỀ TỔ CHỨC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN

Điều 10. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

1. Trong trường hợp cần thiết hoặc có sự thay đổi địa giới hành chính cấp tỉnh, trình Chính phủ quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phân cấp quản lý của Chính phủ.

2. Phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 11. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ

1. Trình Chính phủ quyết định phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Ban hành cụ thể tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo ngành, lĩnh vực quản lý.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo ngành, lĩnh vực quản lý mà pháp luật quy định.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 12. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Căn cứ vào đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương về công tác ngoại vụ, biên giới hoặc công tác dân tộc và tiêu chí quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 9 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng Đề án thành lập các tổ chức này trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Đối với những tỉnh đã thành lập Sở Ngoại vụ, Ban Dân tộc trước ngày có hiệu lực thi hành Nghị định này thì không phải làm thủ tục thành lập lại.

2. Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 13. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc sở theo tiêu chuẩn chức danh do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định và thủ tục do pháp luật quy định (riêng việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh Thanh tra cấp tỉnh thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra).

2. Quy định cho Giám đốc sở bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng, Phó các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo tiêu chuẩn, chức danh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

3. Hàng năm, báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 171/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ Quy định tổ chức và hoạt động của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Nghị định này.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đôn đốc, kiểm tra và báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn cấp mình trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

NGUYỄN TÁN DŨNG

Bản sao lưu trữ

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 14/2008/NĐ-CP NGÀY 04-02-2008
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện,
quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng
11 năm 2003;*

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện).

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm có phòng và cơ quan tương đương phòng (sau đây gọi chung là phòng).

3. Các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan của Trung ương được tổ chức theo ngành dọc, cơ quan của sở và cơ quan tương đương sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là sở) đặt tại huyện không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Bảo đảm bao quát đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện và bảo đảm tính thống nhất, thông suốt về quản lý ngành, lĩnh vực công tác từ Trung ương đến cơ sở.

2. Tổ chức phòng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; bảo đảm tinh gọn, hợp lý,

hiệu quả; không nhất thiết ở cấp tỉnh có sở nào thì cấp huyện có tổ chức tương ứng.

3. Phù hợp với từng loại hình đơn vị hành chính cấp huyện và điều kiện tự nhiên, dân số, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và yêu cầu cải cách hành chính nhà nước.

4. Không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn với các tổ chức của các Bộ, sở đặt tại cấp huyện.

Điều 3. Vị trí và chức năng của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện và theo quy định của pháp luật; góp phần bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực công tác ở địa phương.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao.

3. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc các lĩnh vực quản lý của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực quản lý của cơ quan chuyên môn cho cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

6. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn cấp huyện.

7. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp huyện và sở quản lý ngành, lĩnh vực.

8. Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

9. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của cơ quan chuyên môn cấp huyện theo quy định của pháp luật, theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

10. Quản lý tài chính, tài sản của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

11. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi chung là Trưởng phòng) chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn do mình phụ trách.

2. Cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi chung là Phó Trưởng phòng) là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của cơ quan chuyên môn cấp huyện.

3. Số lượng Phó Trưởng phòng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện không quá 03 người.

4. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chế độ làm việc của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và trách nhiệm của Trưởng phòng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện làm việc theo chế độ thủ trưởng.

2. Trưởng phòng căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng quy chế làm việc, chế độ thông tin báo cáo của cơ quan và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy chế đó.

3. Trưởng phòng chịu trách nhiệm về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công hoặc uỷ quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

4. Trưởng phòng có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và sở quản lý ngành, lĩnh vực về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp khi được yêu cầu; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Chương II

TỔ CHỨC CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Điều 7. Các cơ quan chuyên môn được tổ chức thống nhất ở các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

1. Phòng Nội vụ: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước các lĩnh vực: tổ chức; biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua - khen thưởng.

2. Phòng Tư pháp: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; thi hành án dân sự; chứng thực; hộ tịch; trợ giúp pháp lý; hoà giải ở cơ sở và các công tác tư pháp khác.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện

thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tài chính, tài sản; kế hoạch và đầu tư; đăng ký kinh doanh; tổng hợp, thống nhất quản lý về kinh tế hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: tài nguyên đất; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; khí tượng, thủy văn; đo đạc, bản đồ và biên (đối với những địa phương có biên).

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: lao động; việc làm; dạy nghề; tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội; bình đẳng giới.

6. Phòng Văn hoá và Thông tin: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: văn hoá; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; bưu chính, viễn thông và Internet; công nghệ thông tin, hạ tầng thông tin; phát thanh; báo chí; xuất bản.

7. Phòng Giáo dục và Đào tạo: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bao gồm: mục tiêu, chương trình và nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

8. Phòng Y tế: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, gồm: y tế cơ sở; y tế dự phòng; khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người; mỹ phẩm; vệ sinh an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; trang thiết bị y tế; dân số.

9. Thanh tra huyện: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật

10. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân: tham mưu tổng hợp cho Ủy ban nhân dân về hoạt động của Ủy ban nhân dân; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác dân tộc; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà

nước ở địa phương; đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Điều 8. Các cơ quan chuyên môn được tổ chức để phù hợp với từng loại hình đơn vị hành chính cấp huyện

Ngoài 10 cơ quan chuyên môn được tổ chức thống nhất ở tất cả các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quy định tại Điều 7 của Nghị định này, tổ chức một số cơ quan chuyên môn để phù hợp với từng loại hình đơn vị hành chính cấp huyện như sau:

1. Ở các quận:

a) Phòng Kinh tế: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiêu thụ công nghiệp; khoa học và công nghệ; công nghiệp; thương mại;

b) Phòng Quản lý đô thị: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kiến trúc; quy hoạch xây dựng; phát triển đô thị; nhà ở và công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; hạ tầng kỹ thuật đô thị (gồm: cấp, thoát nước; vệ sinh môi trường đô thị; công viên, cây xanh; chiếu sáng; rác thải; bến, bãi đỗ xe đô thị).

2. Ở các thị xã, thành phố thuộc tỉnh:

a) Phòng Kinh tế: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; tiêu thụ công nghiệp; khoa học và công nghệ; công nghiệp; thương mại;

b) Phòng Quản lý đô thị: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kiến trúc; quy hoạch xây dựng; phát triển đô thị; nhà ở và công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; hạ tầng kỹ thuật đô thị (gồm: cấp, thoát nước; vệ sinh môi trường đô thị; công viên, cây xanh; chiếu sáng; rác thải; bến, bãi đỗ xe đô thị).

3. Ở các huyện:

a) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn xã;

b) Phòng Công Thương: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công nghiệp; tiêu thụ công nghiệp; thương mại; xây dựng; phát triển đô thị; kiến trúc, quy hoạch xây dựng; vật liệu xây dựng; nhà ở

và công sở; hạ tầng kỹ thuật đô thị (gồm: cấp, thoát nước; vệ sinh môi trường đô thị; công viên, cây xanh; chiếu sáng; rác thải; bến, bãi đỗ xe đô thị); giao thông; khoa học và công nghệ.

Đối với các huyện có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, tốc độ đô thị hoá cao, đang có định hướng phát triển thành thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh thì có thể áp dụng mô hình tổ chức 02 phòng chuyên môn trên như quy định đối với các thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Việc xác định mô hình tổ chức này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 9. Tổ chức các cơ quan chuyên môn ở các huyện đảo

1. Căn cứ vào các điều kiện cụ thể của từng huyện đảo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện đảo.

2. Số lượng cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện đảo không quá 10 phòng.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VỀ TỔ CHỨC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CẤP HUYỆN

Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật khác liên quan.

2. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện tổ chức các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Đối với những địa phương có huyện đảo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định về cơ cấu tổ chức; về việc thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn của huyện đảo.

4. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ thí điểm thành lập Thanh tra xây dựng quận, huyện và Thanh tra xây dựng xã, phường, thị trấn quy định tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 11. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cụ thể của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện đào trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề án về cơ cấu tổ chức; về việc thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn của huyện đảo.

Điều 12. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo tiêu chuẩn, chức danh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định (tiêu chuẩn, chức danh và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh Thanh tra cấp huyện thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra).

2. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện với Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

2. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Nghị định này.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đôn đốc, kiểm tra và báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
NGUYỄN TẤN DŨNG

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 158/2007/NĐ-CP NGÀY 27-10-2007
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí
công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Điều 43 Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các vị trí công tác trong các lĩnh vực, ngành, nghề phải định kỳ chuyển đổi và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước có liên quan đến việc quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhằm chủ động phòng ngừa tham nhũng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đang công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các tổ chức hành chính trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; Kiểm toán Nhà nước; Tòa án nhân dân,

Viện kiểm sát nhân dân các cấp; Tòa án quân sự, Viện kiểm sát quân sự các cấp;

c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

d) Các cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp xã trở lên;

d) Các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

e) Các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty, công ty nhà nước (sau đây gọi chung là doanh nghiệp nhà nước);

g) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang;

h) Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước.

2. Việc luân chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. "Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác" là việc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định điều động, bố trí, phân công lại vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức có thời hạn công tác đủ 36 tháng tại các vị trí trong các lĩnh vực, ngành, nghề quy định tại Điều 8 Nghị định này.

2. "Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý" là người được bầu cử hoặc được người có thẩm quyền bổ nhiệm giữ chức vụ có thời hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và được hưởng phụ cấp lãnh đạo.

Điều 4. Nguyên tắc và những hành vi bị cấm trong việc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Nguyên tắc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác:

a) Việc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Nghị định này là quy định bắt buộc, thường xuyên, áp dụng đối với tất cả các cán bộ, công chức, viên chức được bố trí vào các vị trí công tác thuộc các lĩnh vực, ngành, nghề quy định tại Điều 8 Nghị định này;

b) Phải khách quan, công tâm, khoa học và hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ; chống biểu hiện bè phái, chủ nghĩa cá nhân; không gây mất đoàn kết và không làm xáo trộn sự ổn định trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Phải đúng nguyên tắc hoán vị, không ảnh hưởng đến tăng, giảm biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

d) Phải được tiến hành theo kế hoạch, được công bố công khai trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị và gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Những hành vi bị cấm trong việc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác:

a) Không thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trái với chuyên môn, nghiệp vụ đang làm hoặc đang phụ trách;

b) Nghiêm cấm việc lợi dụng các quy định về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức vì mục đích vụ lợi hoặc để trừ dập cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 5. Nội dung và hình thức thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Nội dung định kỳ chuyển đổi vị trí công tác:

a) Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác từ bộ phận này sang bộ phận khác cùng chuyên môn, nghiệp vụ trong từng cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các lĩnh vực, địa bàn được phân công theo dõi, phụ trách, quản lý;

b) Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức và đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 nghị định này.

2. Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác chỉ được thực hiện bằng việc ban hành quyết định điều động, bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Những trường hợp chưa thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật.

2. Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian bị khởi tố, điều tra hoặc có liên quan đến công việc đang bị thanh tra, kiểm tra.

3. Cán bộ, công chức, viên chức đang điều trị bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ Y tế, di học dài hạn hoặc được cử đi biệt phái.

4. Cán bộ, công chức, viên chức nữ đang trong thời gian mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Trường hợp phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi (do vợ mất hoặc trường hợp khách quan khác) thì cán bộ, công chức, viên chức nam cũng được áp dụng như cán bộ, công chức nữ quy định tại khoản này.

Chương II

THỜI HẠN VÀ DANH MỤC VỊ TRÍ CÔNG TÁC ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI

Điều 7. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

Thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là 03 năm (đủ 36 tháng) đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến việc quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

Điều 8. Danh mục các vị trí công tác trong các lĩnh vực, ngành, nghề phải định kỳ chuyển đổi

Những vị trí công tác phải thực hiện định kỳ chuyển đổi trong các lĩnh vực, ngành, nghề sau đây:

1. Hoạt động quản lý tài chính, ngân sách, tài sản của Nhà nước;
2. Quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;
3. Hoạt động hải quan, thuế, kho bạc, dự trữ quốc gia; quản lý và thực hiện nghiệp vụ kế toán, kiểm toán;
4. Quản lý công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; quản lý chứng khoán, thị trường chứng khoán;
5. Hoạt động thẩm định, định giá trong đấu giá, hoạt động mua và bán nợ;
6. Cấp phép hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối; thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng; quản lý và thực hiện nghiệp vụ tín dụng tại các tổ chức tín dụng nhà nước; thẩm định và cho vay tín dụng;
7. Quản lý việc bán, khoán, cho thuê đất, tài sản trên đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà;
8. Hoạt động quản lý, điều hành công tác kế hoạch và đầu tư trong các cơ quan nhà nước và trong các doanh nghiệp nhà nước;
9. Quản lý hoạt động đối ngoại, lãnh sự;
10. Hoạt động quản lý và cấp phát các loại: giấy đăng ký, đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, giấy chứng nhận, giấy phép, cấp phiếu lý lịch tư pháp; công chứng viên, chấp hành viên thi hành án dân sự;
11. Quản lý xây dựng cơ bản, giải tỏa, áp giá đền bù trong giải phóng mặt bằng và quản lý dự án;
12. Quản lý, cấp phát các loại văn bằng, chứng chỉ;
13. Quản lý, cấp phát đăng ký các loại phương tiện, bằng lái xe;
14. Quản lý, đăng kiểm các loại phương tiện vận tải;
15. Hoạt động quản lý thị trường, kiểm lâm;

16. Các hoạt động thanh tra;

17. Cán bộ, công chức, viên chức làm công tác phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan, tổ chức và đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này;

18. Cảnh sát giao thông; cảnh sát tư pháp; cảnh sát quản lý trại giam; cảnh sát hộ khẩu; cảnh sát điều tra; cảnh sát kinh tế; cảnh sát khu vực; cảnh sát trật tự hành chính; cảnh sát đăng ký, quản lý vũ khí, ngành nghề kinh doanh có điều kiện và con dấu; cảnh sát đăng ký và quản lý hộ khẩu; cảnh sát hướng dẫn và kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy; cảnh sát làm công tác hậu cần; an ninh kinh tế, an ninh điều tra, quản lý xuất cảnh, nhập cảnh và cán bộ làm công tác trình sát trong các cơ quan điều tra thuộc lực lượng Công an nhân dân;

19. Cán bộ, nhân viên làm công tác hậu cần, kỹ thuật, đầu tư, kinh tế trong Quân đội nhân dân;

20. Công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp; hoạt động công tố của viện kiểm sát nhân dân, viện kiểm sát quân sự các cấp; hoạt động xét xử của tòa án nhân dân, tòa án quân sự các cấp;

21. Công tác tuyển dụng, đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch công chức, viên chức; công tác nhân sự và quản lý nhân lực.

Điều 9. Quy định chi tiết danh mục

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định này ban hành văn bản quy định cụ thể danh mục các vị trí công tác phải thực hiện định kỳ chuyển đổi trong các lĩnh vực, ngành, nghề quy định tại Điều 8 Nghị định này thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan và gửi đến Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chương III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VIỆC ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC

Điều 10. Thời điểm ban hành quyết định chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ và tiến hành bàn giao công việc

1. Việc chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng chuyển đổi được thực hiện bằng hình thức quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và thông báo công khai cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng chuyển đổi biết trước 30 ngày khi bắt đầu chuyển đổi vị trí công tác.

2. Cấp được giao thẩm quyền quyết định chuyển đổi vị trí công tác theo định

kỳ có trách nhiệm tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức bàn giao công việc cho cán bộ, công chức, viên chức khác trong thời hạn từ 01 ngày đến 05 ngày làm việc trước khi bắt đầu được chuyển đổi vị trí công tác.

Điều 11. Trường hợp đặc biệt

1. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ có một vị trí trong danh mục định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, mà vị trí này có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác với các vị trí khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó thì việc chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ do cơ quan có thẩm quyền quản lý cấp trên trực tiếp quyết định.

2. Không thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ đối với cán bộ, công chức, viên chức có thời gian công tác còn lại dưới 18 tháng trước khi đủ tuổi nghỉ hưu.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 9 Nghị định này; đồng thời quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đảm bảo công khai các quy định và kế hoạch thực hiện với tất cả cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Hàng năm, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ trong hệ thống các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được phân cấp quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức chịu trách nhiệm thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Nghị định này.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, thanh tra và báo cáo cấp trên trực tiếp việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền quản lý được phân cấp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 14. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

Cán bộ, công chức, viên chức phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định định

kỳ chuyển đổi vị trí công tác của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc của người có thẩm quyền.

Điều 15. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện hàng năm về việc thực hiện Nghị định này đến Bộ Nội vụ trước ngày 01 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 16. Xử lý vi phạm

Trường hợp vi phạm các quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, thì tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm, người vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực, hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ đăng Công báo.
2. Cán bộ, công chức, viên chức công tác trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này đã có thời gian công tác trên 36 tháng tại vị trí công tác trong lĩnh vực, ngành, nghề quy định tại Điều 8 Nghị định này thì việc định kỳ chuyển đổi được tiến hành bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2008.
3. Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện và vào tháng 12 hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Nghị định này.
4. Cơ quan có thẩm quyền của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Nghị định này đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức và viên chức chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
NGUYỄN TẤN DŨNG

**QUYẾT ĐỊNH SỐ 59/2007/QĐ-TTg NGÀY 07-5-2007
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**Về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý,
sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập,
công ty nhà nước**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 1998, về quản lý tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập sở hữu của nhà nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ các Quyết định số 122/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước; Quyết định số 208/1999/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 122/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 33/2001/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng xe ô tô phục vụ công tác đối với các nhà khoa học; Quyết định số

105/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức giá mua xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 122/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ; Quy định về việc tạm dừng mua mới phương tiện đi lại quy định tại khoản d Mục 1 Phần VI Quyết định số 25/2006/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và những quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty nhà nước và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỦ TƯỚNG
NGUYỄN TẤN DŨNG

Bản sao lưu trữ

QUY ĐỊNH
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC VÀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, CÔNG TY NHÀ NƯỚC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007
của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại là xe ô tô phục vụ công tác; chế độ khoán kinh phí sử dụng ô tô; chế độ sử dụng dịch vụ cung ứng xe của thị trường để phục vụ công tác trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp), Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình của nhà nước và các công ty nhà nước.

Đối với xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và xe phục vụ lễ tân đối ngoại của Nhà nước, thực hiện theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

2. Xe ô tô thuộc phạm vi điều chỉnh trong Quy định này bao gồm xe từ 4 đến 16 chỗ ngồi, xe ô tô chuyên dùng (gọi chung là xe ô tô) được hình thành từ nguồn vốn ngân sách, có nguồn gốc ngân sách, nguồn vốn của công ty nhà nước (kể cả viện trợ, quà biếu của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật...)

Điều 2. Nguyên tắc trang bị, bố trí, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và công ty nhà nước căn cứ vào tiêu chuẩn định mức quy định tại Quy định này để bố trí xe ô tô phục vụ các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô.

2. Trường hợp một cán bộ giữ nhiều chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng xe theo chức danh cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác mà xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế theo quy định tại khoản 5 Điều này thì người mới được bổ nhiệm tiếp tục sử dụng, không trang bị xe mới.

3. Nghiêm cấm việc sử dụng xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy định này vào việc riêng; bán, trao đổi, tặng cho, cho mượn hoặc điều chuyển cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào nếu không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Giá mua xe ô tô theo Quy định này là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật nhưng chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm liên quan đến việc sử dụng xe. Việc mua xe ô tô phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về mua sắm tài sản nhà nước.

5. Xe ô tô trang bị cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe phục vụ công tác được thay thế theo yêu cầu công tác đối với các chức danh quy định tại Điều 3 và Điều 4; khi đã sử dụng ít nhất 250.000 km đối với các chức danh còn lại. Xe ô tô được thay thế phải thực hiện bán đấu giá, số tiền bán xe sau khi trừ đi các chi phí hợp lý liên quan phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC, CHẾ ĐỘ TRANG BỊ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC

Điều 3. Các chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô không quy định mức giá cụ thể

1. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
2. Chủ tịch nước.
3. Chủ tịch Quốc hội.
4. Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Các chức danh được sử dụng thường xuyên trong thời gian công tác một xe ô tô với giá mua tối đa 900 triệu đồng/một xe

Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các chức danh tương đương và các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 10,4 trở lên.

Điều 5. Các chức danh được sử dụng thường xuyên trong thời gian công tác một xe ô tô với giá mua tối đa 800 triệu đồng/một xe

1. Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ,

Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Trưởng các đoàn thể ở Trung ương, các chức danh tương đương và các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 9,7 trở lên.

2. Các chức danh sau đây của thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 6. Các chức danh được sử dụng xe ô tô để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác với giá mua tối đa 700 triệu đồng/một xe

1. Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Thứ trưởng, Phó các đoàn thể Trung ương, Bí thư Thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên Thường trực Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các chức danh tương đương và các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 1,25 trở lên.

2. Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Các chức danh sau đây của thành phố Hà Nội và thành phố HCM: Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc.

4. Một số trường hợp đặc biệt, thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Việc sử dụng xe ô tô đối với Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô của chức vụ đang đảm nhận. Trường hợp chức vụ đang đảm nhận không có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác thì được bố trí phương tiện khi đi công tác.

Điều 8. Các chức danh được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Ở Trung ương: cán bộ lãnh đạo cấp Tổng cục, Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ và cán bộ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25 của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

2. Ở địa phương:

a) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó

trường Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Cán bộ cấp Trường, Phó các Sở, Ban, ngành và tương đương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh); Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, thị ủy, quận ủy (gọi chung là cấp huyện); Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện; Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25.

3. Các chức danh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này chỉ được bố trí xe ô tô khi đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên; đối với các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn được bố trí xe ô tô khi đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (không bố trí xe đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc). Trường hợp đối tượng tự túc phương tiện thì được khoán kinh phí theo quy định tại Điều 15 Quy định này.

4. Trường hợp do yêu cầu khẩn cấp hoặc do yêu cầu đặc biệt phục vụ công tác, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc bố trí xe ô tô của cơ quan, đơn vị hoặc thuê dịch vụ xe ô tô cho các chức danh không có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô.

Điều 9. Trang bị xe ô tô phục vụ công tác tại công ty nhà nước

Tuỳ theo nhu cầu phục vụ công tác và khả năng tài chính, công ty nhà nước được trang bị xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo và phục vụ công tác chung theo quy định sau:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tổng công ty và các Tập đoàn do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập được sử dụng 01 xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc hàng ngày và đi công tác theo mức giá mua tối đa 650 triệu đồng/xe.

2. Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc các Tổng công ty và các Tập đoàn; Giám đốc, Phó giám đốc các công ty nhà nước được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 550 triệu đồng/xe khi đi công tác cách trụ sở công ty từ 15 km trở lên (không bố trí xe đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc).

Điều 10. Trang bị xe ô tô phục vụ công tác tại các Ban Quản lý dự án

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng của nhà nước được sử dụng xe ô tô phục vụ nhu cầu hoạt động của dự án theo quy định sau:

1. Các chức danh lãnh đạo (không kể kiêm nhiệm) có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 1,25 trở lên được sử dụng xe theo quy định tại Điều 6 Quy định này. Các chức danh lãnh đạo (không kể kiêm nhiệm) có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25 được sử dụng xe ô tô hiện có, thuê dịch vụ xe ô tô hoặc được khoán kinh phí khi tự túc phương tiện phục vụ công tác theo quy định tại Điều 15 Quy định này.

2. Đối với Ban Quản lý dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) hoặc vốn viện trợ nước ngoài thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đã được ký kết.

3. Đối với các chức danh lãnh đạo của các Ban Quản lý dự án theo tuyến, địa bàn hoạt động rộng, ở vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn nhưng không đủ mức hệ số phụ cấp lãnh đạo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính quy định cụ thể chế độ sử dụng xe trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương. Nguồn kinh phí mua xe bố trí từ kinh phí hoạt động của Ban Quản lý dự án.

4. Các Ban Quản lý dự án không thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không được trang bị xe ô tô. Khi có nhu cầu sử dụng xe ô tô phục vụ công tác thì thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô hoặc áp dụng chế độ khoán kinh phí.

Điều 11. Trang bị xe chuyên dùng

1. Xe chuyên dùng là xe gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ hoặc sử dụng cho nhiệm vụ đặc thù, đột xuất, cấp bách phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương quyết định chủng loại, số lượng, giá mua xe chuyên dùng trang bị cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủng loại, số lượng, giá mua xe chuyên dùng trang bị cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc địa phương quản lý sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 12. Trang bị xe cho các đơn vị mới thành lập và thay thế xe phục vụ các chức danh

1. Đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, Ban Quản lý dự án được thành lập sau ngày Quy định này có hiệu lực thi hành có các chức danh có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25 được trang bị 01 xe ô tô từ nguồn xe điều chuyển. Trường hợp không có xe điều chuyển và không thực hiện được việc thuê dịch vụ xe ô tô thì được mua 01 xe ô tô với giá tối đa 550 triệu đồng/xe để phục vụ công tác.

2. Đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp mới thành lập hoạt động trên địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn được trang bị 01 xe ô tô con từ nguồn xe điều chuyển. Trường hợp không có xe điều chuyển thì được mua 01 xe ô tô với giá tối đa 550 triệu đồng/xe, nếu phải mua xe 2 cầu thì giá tối đa là 800 triệu đồng/xe.

3. Đối với các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe quy định tại các Điều 3, 4, 5 và Điều 6 Quy định này, khi phải thay thế theo quy định nhưng không có xe điều chuyển thì được mua mới theo đúng tiêu chuẩn quy định tại Quy định này.

4. Việc mua mới xe ô tô quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước được giao và do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Trung ương quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp đối với các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

Điều 13. Trang bị xe ô tô cho các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài

1. Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan khác của Việt Nam hoạt động ở nước ngoài hưởng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp (gọi chung là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) được trang bị xe ô tô phục vụ công tác.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quy định số lượng và mức giá mua xe phù hợp với nhu cầu và tính chất công việc của từng cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, bảo đảm nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm. Việc mua sắm, quản lý, sử dụng và thanh lý xe ô tô của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại.

Chương III

CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÔNG TÁC TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ CÔNG TY NHÀ NƯỚC

Điều 14. Chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại đối với các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe

1. Các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô quy định tại các Điều 3, 4, 5 và Điều 6 Quy định này được Nhà nước bảo đảm việc trang bị, chi phí sử dụng xe ô tô theo yêu cầu công tác.

2. Trường hợp các chức danh quy định tại Điều 6 Quy định này có điều kiện và tự nguyện đăng ký tự túc phương tiện được thực hiện cơ chế khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho từng công đoạn (đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc đi công

tác). Mức khoán cụ thể do thủ trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp quyết định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 15. Bố trí phương tiện đi lại phục vụ cho các chức danh có tiêu chuẩn quy định tại các Điều 7 và 8 Quy định này

1. Căn cứ số xe ô tô hiện có, thực tế cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường và khả năng tự túc phương tiện đi lại của từng chức danh, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp bố trí xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn theo các hình thức sau:

- Sử dụng số xe hiện có của cơ quan;
- Thuê dịch vụ xe ô tô;
- Khoán kinh phí để tự túc phương tiện.

2. Việc thanh toán kinh phí sử dụng phương tiện đi lại được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm và thực hiện như sau:

a) Trường hợp sử dụng xe ô tô hiện có thực hiện theo hình thức thanh toán theo đơn giá khoán cho đơn vị quản lý xe;

b) Trường hợp thuê dịch vụ phương tiện đi lại hoặc tự túc phương tiện đi công tác thì được thanh toán theo số km thực tế với đơn giá phổ biến trên thị trường.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thanh toán kinh phí quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 16. Bố trí phương tiện đi lại phục vụ các chức danh có tiêu chuẩn tại công ty nhà nước

Căn cứ vào nhu cầu phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 Quy định này, công ty nhà nước xây dựng và quyết định việc thực hiện phương thức quản lý, sử dụng xe và thanh toán kinh phí theo quy định tại Điều 15 Quy định này, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 17. Chế độ quản lý, sử dụng xe chuyên dùng

Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được trang bị xe chuyên dùng theo quy định tại Điều 11 Quy định này thực hiện việc quản lý xe tại cơ quan, đơn vị theo tiêu chuẩn định mức; tổ chức hạch toán riêng và công khai chi phí sử dụng xe tại các cơ quan, đơn vị theo quy định hiện hành.

Điều 18. Tổ chức quản lý, sử dụng số xe ô tô hiện có

1. Đối với xe ô tô của các chức danh quy định tại các Điều 3, 4, 5 và Điều 6 quy định này, cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý để phục vụ cho các chức danh có tiêu chuẩn.

2. Đối với xe ô tô phục vụ công tác cho các đối tượng được sử dụng xe quy định tại các Điều 7, 8 và Điều 10 Quy định này, căn cứ vào số lượng xe hiện có và khả năng đáp ứng nhu cầu dịch vụ đi lại của thị trường, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phương án tổ chức, quản lý số xe hiện có tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp mình quản lý trên từng địa bàn theo nguyên tắc:

a) Thực hiện hạch toán sử dụng từng xe theo đơn giá khoán và công khai việc sử dụng tại các cơ quan, đơn vị;

b) Được phép cung cấp dịch vụ theo đơn giá bảo đảm chi phí cho các cá nhân trong cơ quan và các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp khác có nhu cầu sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác sau khi đã bảo đảm phục vụ yêu cầu hoạt động của cơ quan trừ các xe của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xây dựng Quy chế quản lý việc cung cấp dịch vụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Việc thuê phương tiện đi lại phải căn cứ vào nhu cầu hoạt động thực tế của từng cơ quan, đơn vị và dự toán ngân sách được giao.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn phương thức tổ chức, sắp xếp số xe hiện có bảo đảm yêu cầu phục vụ công tác và phù hợp với nguyên tắc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định này.

2. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định về trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, công ty nhà nước theo Quy định này.

3. Thực hiện thu hồi, điều chuyển xe ô tô theo thẩm quyền quy định.

4. Khi giá mua xe ô tô trên thị trường tăng, giảm trên 20% so với mức giá tại Quy định này, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 20. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính

phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định tại Điều 15, Điều 18 Quy định này và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính thực hiện:

1. Quyết định phương án tổ chức lại số xe hiện có tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Ban hành Quy chế sử dụng xe thuộc phạm vi quản lý.

3. Chỉ đạo các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc bố trí, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức và áp dụng đơn giá thanh toán theo đúng quy định.

4. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao (đối với xe lễ tân đối ngoại của nhà nước) căn cứ vào hướng dẫn quy định này xây dựng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý sử dụng xe ô tô và thống nhất với Bộ Tài chính trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và công ty nhà nước

1. Căn cứ vào nguyên tắc quy định tại Điều 15 Quy định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính xây dựng cơ chế khoán kinh phí theo từng công đoạn (đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc đi công tác) để áp dụng cho các chức danh có tiêu chuẩn quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 9 Quy định này khi các chức danh tự nguyện đăng ký tự túc phương tiện đi lại.

2. Căn cứ vào nguyên tắc quản lý và sử dụng xe quy định tại Điều 15 và Điều 18 Quy định này, xây dựng cơ chế và thực hiện bố trí xe phục vụ công tác cho các chức danh quy định tại Điều 7, 8 và Điều 10 Quy định này, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.

3. Thực hiện việc tổ chức, sắp xếp số xe ô tô hiện có theo phương án của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương V **XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 22. Xử lý vi phạm trong việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm đối với việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với việc mua sắm, trang bị phương tiện đi lại không đúng thẩm quyền, vượt tiêu chuẩn, định mức gây thiệt hại tài sản, kinh phí của nhà nước thì người ra quyết định phải bồi thường thiệt hại đồng thời bị xử lý kỷ luật theo quy định của Chính phủ quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Đối với việc quản lý, sử dụng phương tiện đi lại không đúng quy định thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng phương tiện đi lại trái với quy định của nhà nước; tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và mức thiệt hại mà phải bồi thường thiệt hại đồng thời bị xử lý kỷ luật theo quy định của Chính phủ quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Xe ô tô mua không đúng tiêu chuẩn, vượt quá quy định, vượt định mức bị thu hồi để điều chuyển hoặc bán đấu giá nộp ngân sách nhà nước.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thi hành Quy định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

THỦ TƯỚNG
NGUYỄN TẤN DŨNG

**QUYẾT ĐỊNH SỐ 09/2008/QĐ-TTg NGÀY 11-01-2008
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**BAN HÀNH QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ VÀ TIÊU CHUẨN SỬ
DỤNG NHÀ Ở CÔNG VỤ**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định nguyên tắc thiết kế và tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**THỦ TƯỚNG
NGUYỄN TẤN DŨNG**

QUY ĐỊNH
NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ VÀ TIÊU CHUẨN SỬ DỤNG NHÀ Ở CÔNG VỤ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2008
của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích của việc ban hành Quy định

Quy định này làm cơ sở cho việc quy hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng; bố trí, quản lý sử dụng nhà ở công vụ đảm bảo hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Bản Quy định này quy định nguyên tắc thiết kế và tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ áp dụng trên phạm vi cả nước.

Chương II
NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ NHÀ Ở CÔNG VỤ

Điều 3. Nhà ở công vụ phải được thiết kế theo các yêu cầu sau:

1. Phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, thuận lợi về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để đảm bảo điều kiện sinh hoạt của người sử dụng nhà ở công vụ; phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và điều kiện về quỹ đất ở của từng địa phương;

2. Đảm bảo an toàn cho người sử dụng và đảm bảo phòng, chống cháy nổ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

3. Kiến trúc nhà ở công vụ phải hài hoà với cảnh quan, phù hợp với điều kiện tự nhiên của khu vực xung quanh; sử dụng vật liệu phù hợp và đảm bảo chất lượng nhà ở công vụ.

Điều 4. Nhà ở công vụ được thiết kế theo 3 dạng: nhà biệt thự, nhà chung cư và nhà một tầng (căn hộ) nhiều gian như sau:

1. Đối với nhà biệt thự

Được thiết kế theo kiểu biệt thự đơn lập hoặc biệt thự song lập. Chiều cao tối đa không quá 3 tầng. Diện tích đất khuôn viên không nhỏ hơn 350 m² và không lớn hơn 500 m².

2. Đối với nhà chung cư tại khu vực đô thị

Được thiết kế kiểu căn hộ khép kín, có diện tích sàn xây dựng không nhỏ hơn 45 m² và không lớn hơn 150 m².

3. Đối với nhà ở một tầng nhiều gian tại khu vực nông thôn

Được thiết kế cho các đối tượng ở độc thân hoặc ở tập thể hoặc hộ gia đình với diện tích mỗi gian tối đa không quá 45 m² sàn với khu vệ sinh và bếp có thể bố trí chung hoặc riêng (đối với loại căn hộ nhiều gian có diện tích từ 45 m² trở lên)

4. Nhà ở công vụ được thiết kế theo tiêu chuẩn sử dụng phù hợp với từng nhóm đối tượng (chức danh). Diện tích nhà ở công vụ được quy định cụ thể như sau:

STT	LOẠI NHÀ	DIỆN TÍCH ĐẤT (M ²)	DIỆN TÍCH SÀN (M ²)
I	Biệt thự		
1	Loại A	500	300 - 350
2	Loại B	350	250 - 300
II	Nhà chung cư tại khu vực đô thị		
1	Căn hộ loại 1	-	130 - 150
2	Căn hộ loại 2	-	100 - 115
3	Căn hộ loại 3	-	80 - 90
4	Căn hộ loại 4	-	60 - 70
5	Căn hộ loại 5	-	45 - 50
III	Nhà một tầng (căn hộ) nhiều gian tại khu vực nông thôn		
1	Căn hộ loại 1	-	50 - 60
2	Căn hộ loại 2	-	40 - 45
3	Căn hộ loại 3	-	30 - 35

Chương III
TIÊU CHUẨN SỬ DỤNG NHÀ Ở CÔNG VỤ

Điều 5. Đối tượng thuê nhà ở Công vụ, nguyên tắc quản lý quỹ nhà ở công vụ và giá thuê nhà ở công vụ thực hiện theo quy định của Luật Nhà ở và Nghị định

số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ.

Điều 6. Tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ được quy định tương ứng với từng nhóm chức danh như sau:

1. Biệt thự loại A được bố trí cho các Ủy viên Bộ Chính trị.

2. Biệt thự loại B

Được bố trí cho các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 10,4 trở lên, trừ các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Căn hộ chung cư loại 1

Được bố trí cho các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 9,7 trở lên đến dưới 10,4.

4. Căn hộ chung cư loại 2

Được bố trí cho các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 1,25 trở lên; Trung tướng, Thiếu tướng các lực lượng vũ trang.

5. Căn hộ chung cư loại 3 tại khu vực đô thị hoặc căn hộ nhà một tầng nhiều gian tại khu vực nông thôn có diện tích tương đương với diện tích căn hộ chung cư loại 3

Được bố trí cho các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25; chuyên viên cao cấp (A3) hoặc chức danh tương đương; Đại tá, Thượng tá, Trung tá các lực lượng vũ trang.

6. Căn hộ chung cư loại 4 tại khu vực đô thị hoặc căn hộ loại 1 nhà một tầng nhiều gian tại khu vực nông thôn

Được bố trí cho các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,2 đến dưới 0,7; chuyên viên chính (A2) hoặc chức danh tương đương; Thiếu tá, Đại úy các lực lượng vũ trang.

7. Căn hộ chung cư loại 5 tại khu vực đô thị hoặc căn hộ loại 2 nhà một tầng nhiều gian tại khu vực nông thôn

Được bố trí cho các chức danh chuyên viên (A0, A1) hoặc chức danh tương đương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; sĩ quan từ Thiếu úy đến Thượng úy các lực lượng vũ trang, quân nhân chuyên nghiệp hoặc các chức danh tương đương.

8. Căn hộ chung cư loại 5 tại khu vực đô thị hoặc căn hộ loại 3 nhà một tầng nhiều gian tại khu vực nông thôn

Được bố trí cho các chức danh công chức loại B, C hoặc các chức danh tương đương.

Điều 7. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ

1. Đối với các chức danh Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc Hội, Thủ tướng Chính phủ thì bố trí theo quỹ nhà ở công vụ hiện có, đảm bảo điều kiện công tác và yêu cầu bảo vệ.

2. Trường hợp đã bố trí nhà ở công vụ cho chức danh nêu tại khoản 1 Điều 6 của Quy định này mà diện tích đang sử dụng vượt quá tiêu chuẩn thì được tiếp tục sử dụng nhà ở công vụ đó mà không phải trả thêm tiền thuê nhà đối với phần diện tích vượt tiêu chuẩn.

3. Trường hợp nhà ở công vụ (thuộc sở hữu của Đảng Cộng sản Việt Nam) là biệt thự có diện tích đất, diện tích nhà cao hơn tiêu chuẩn quy định thì việc bố trí do Thường trực Ban Bí thư quyết định.

4. Trường hợp do không có đủ loại nhà ở công vụ để bố trí đúng tiêu chuẩn thì có thể bố trí với diện tích lớn hơn nhưng không được vượt quá 10% tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ. Trong trường hợp này, người thuê chỉ trả tiền thuê nhà ở công vụ theo quy định tại Điều 38 của Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ mà không phải trả thêm tiền thuê nhà đối với phần diện tích vượt tiêu chuẩn.

5. Trường hợp diện tích nhà, đất được bố trí sử dụng vượt quá 10% tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ, nếu nhà ở công vụ là nhà biệt thự (trừ trường hợp nêu tại khoản 3 Điều này) phải được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn; các nhà ở công vụ khác (không phải là nhà biệt thự) phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận trước khi bố trí sử dụng. Trong trường hợp này, người thuê nhà trả tiền thuê nhà ở công vụ theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp người thuê nhà ở công vụ thuộc các nhóm chức danh quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 6 mà mang theo gia đình thì được cộng thêm diện tích của từng thành viên trong gia đình ($6m^2$ sàn/người). Trong trường hợp này, người thuê nhà trả tiền thuê nhà ở công vụ theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều này.

7. Trường hợp một người đồng thời đảm nhận nhiều chức danh có tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ thì được áp dụng tiêu chuẩn nhà ở công vụ theo chức danh cao nhất.

8. Trường hợp có đủ loại nhà ở công vụ để bố trí theo tiêu chuẩn quy định nhưng người thuê có nhu cầu sử dụng vượt diện tích so với tiêu chuẩn thì người thuê phải trả thêm tiền thuê nhà được tính bằng giá thuê nhà ở công vụ (quy định tại Điều 36 của Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ) nhân với phần diện tích vượt tiêu chuẩn đó.

9. Đối với nhà ở công vụ đã được bố trí mà diện tích sử dụng vượt tiêu

chuẩn (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) thì thực hiện việc điều chuyển cho phù hợp. Khi chưa thực hiện việc điều chuyển, người thuê không phải trả thêm tiền thuê nhà đối với phần diện tích vượt tiêu chuẩn.

Chương IV **TÓ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan

1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương trên cả nước triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Các Bộ, ngành và các cơ quan khác ở Trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc xác định nhu cầu về nhà ở công vụ và gửi cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp làm căn cứ để lập quy hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng và bố trí sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo việc lập quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư xây dựng nhà ở công vụ theo quy định của pháp luật về nhà ở.

2. Chỉ đạo việc bố trí sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn đảm bảo đúng quy định.

THỦ TƯỚNG
NGUYỄN TÁN DŨNG

NGHỊ ĐỊNH SỐ 143/2007/NĐ-CP NGÀY 10-9-2007

CỦA CHÍNH PHỦ

**Quy định về thủ tục thực hiện nghỉ hưu đối với cán bộ,
công chức đủ điều kiện nghỉ hưu**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thủ tục, thời điểm thông báo, thời điểm ra quyết định nghỉ hưu và hưởng chế độ hưu trí đối với cán bộ, công chức đủ điều kiện nghỉ hưu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với cán bộ, công chức quy định tại Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003 (sau đây gọi chung là Pháp lệnh Cán bộ, công chức), bao gồm:

a) Cán bộ, công chức được bầu cử đảm nhiệm chức vụ theo nhiệm kỳ trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cấp huyện;

b) Cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan nhà nước các cấp từ Trung ương đến huyện;

c) Thẩm phán Tòa án nhân dân, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân;

d) Cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan chuyên môn của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

d) Cán bộ, công chức được cử, biệt phái công tác ở tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

e) Cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang;

g) Cán bộ, công chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Nghị định này không áp dụng đối với các trường hợp:

a) Cán bộ, công chức đang giữ các chức danh sau đây:

- Tổng Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Trưởng ban các Ban của Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;

- Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước;

- Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;

- Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, đại biểu Quốc hội chuyên trách;

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

- Người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

b) Cán bộ, công chức tự nguyện xin nghỉ hưu trước khi đến tuổi hưởng chế độ hưu trí theo quy định;

c) Cán bộ, công chức nghỉ hưu do sắp xếp lại tổ chức và thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cán bộ, công chức đủ điều kiện và đủ tuổi nghỉ hưu là khi cán bộ, công chức có đủ điều kiện về số năm đóng bảo hiểm xã hội và đủ tuổi đời để hưởng lương hưu (sau đây gọi chung là hưởng chế độ hưu trí) theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Bảo hiểm xã hội.

2. Thời điểm nghỉ hưu và hưởng chế độ hưu trí là thời điểm nghỉ việc đồng thời cũng là thời điểm hưởng chế độ hưu trí được ghi trong quyết định nghỉ hưu do cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức quyết định.

Điều 4. Quy định về thực hiện nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức đủ điều kiện nghỉ hưu

1. Cán bộ, công chức đủ tuổi nghỉ hưu thì thực hiện chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Cán bộ, công chức đang là đại biểu Quốc hội không chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân khi đủ điều kiện nghỉ hưu thì thực hiện chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội nhưng vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức được bầu cử để đảm nhiệm chức vụ theo nhiệm kỳ trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cấp huyện mà không phải là người đang giữ các chức danh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định này, khi đủ điều kiện nghỉ hưu thì thực hiện chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Điều 5. Trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị về việc thực hiện nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức phải chịu trách nhiệm thực hiện đúng, công khai, minh bạch các quy định về thủ tục, thời điểm thông báo, thời điểm ra quyết định nghỉ hưu và hưởng chế độ hưu trí đối với cán bộ, công chức đủ điều kiện và đủ tuổi nghỉ hưu.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC, THỜI ĐIỂM THÔNG BÁO, THỜI ĐIỂM RA QUYẾT ĐỊNH NGHỈ HƯU VÀ HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN NGHỈ HƯU

Điều 6. Thông báo nghỉ hưu

Trước 06 tháng tính đến ngày cán bộ, công chức đủ tuổi nghỉ hưu, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức ra thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu cho cán bộ, công chức được nghỉ hưu biết; đồng thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức và chuẩn bị người thay thế.

Điều 7. Quyết định nghỉ hưu

Trước 03 tháng tính đến ngày cán bộ, công chức đủ tuổi nghỉ hưu, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền ra quyết định nghỉ hưu. Trong quyết định nghỉ hưu phải có một điều ghi rõ thời điểm nghỉ hưu và hưởng chế độ hưu trí.

Căn cứ quyết định nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức làm các thủ tục cần thiết về chế độ hưu trí với cơ quan bảo hiểm xã hội.

Khi đến thời điểm nghỉ hưu và hưởng chế độ hưu trí ghi trong quyết định thì cán bộ, công chức được nghỉ hưu và hưởng chế độ hưu trí.

Điều 8. Việc ra quyết định nghỉ hưu, thời điểm nghỉ hưu và hưởng chế độ hưu trí đối với một số trường hợp ngoại lệ

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi ra quyết định nghỉ hưu được phép lùi thời điểm nghỉ hưu và hưởng chế độ hưu trí đối với các trường hợp như sau:

1. Không quá 01 tháng đối với trường hợp thời điểm nghỉ hưu và hưởng chế độ hưu trí trùng với ngày nghỉ Tết Nguyên đán; cán bộ, công chức có vợ hoặc chồng, bố, mẹ (vợ hoặc chồng), con bị từ trần; bản thân và gia đình cán bộ, công chức, viên chức bị thiệt hại nặng nề do bị thiên tai, dịch họa, hoả hoạn;

2. Không quá 03 tháng đối với cán bộ, công chức đang điều trị do bị bệnh hoặc tai nạn;

3. Không quá 06 tháng đối với cán bộ, công chức đang mắc bệnh thuộc danh mục cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành; cán bộ, công chức đang trong thời hiệu xem xét xử lý kỷ luật hoặc trong thời gian bị khởi tố điều tra vụ án hình sự.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bãi bỏ các văn bản sau: Quyết định số 21/HĐBT ngày 08 tháng 8 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ); Chỉ thị số 668/CT-TTg ngày 11 tháng 11 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 18/2002/CT-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1631/ TTg-TCCB ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Hướng dẫn thực hiện đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ các quy định tại Nghị định này hướng dẫn việc thực hiện quy định về thủ tục, thời điểm thông báo, thời điểm ra quyết định nghỉ hưu và hưởng chế độ hưu trí đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp.

Điều 11. Áp dụng đối với cán bộ quản lý doanh nghiệp

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng doanh nghiệp nhà nước, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, khi nghỉ hưu thực hiện quy

định về thủ tục, thời điểm thông báo, thời điểm ra quyết định nghỉ hưu và hưởng chế độ hưu trí theo quy định tại Nghị định này.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, người đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

NGUYỄN TÁN DŨNG

Bản sao lưu trữ

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ X

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 6 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X VỀ TIẾP TỤC XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC

Xây dựng giai cấp công nhân nước ta lớn mạnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của mỗi người công nhân và của toàn xã hội.

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.

Giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn: Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

I- TÌNH HÌNH GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI VỪA QUA

Qua hơn 20 năm đổi mới, cùng với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giai cấp công nhân nước ta đã có những chuyển biến quan trọng, tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu, chất lượng được nâng lên, đã hình thành ngày càng đông đảo bộ phận công nhân trí thức; đang tiếp tục phát huy vai trò là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế; có nhiều cố gắng để phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giai cấp công nhân đã đóng góp trực tiếp to

lớn vào quá trình phát triển của đất nước, cùng với các giai cấp, tầng lớp và thành phần xã hội khác, giai cấp công nhân nước ta là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, việc làm và đời sống của giai cấp công nhân ngày càng được cải thiện.

Tuy nhiên, sự phát triển của giai cấp công nhân chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng, cơ cấu và trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế; thiếu nghiêm trọng các chuyên gia kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề; tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động còn nhiều hạn chế; đa phần công nhân từ nông dân, chưa được đào tạo cơ bản và có hệ thống. Một bộ phận công nhân chậm thích nghi với cơ chế thị trường. Địa vị chính trị của giai cấp công nhân chưa thể hiện đầy đủ. Giai cấp công nhân còn hạn chế về phát huy vai trò nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị của công nhân không đồng đều; sự hiểu biết về chính sách, pháp luật còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ đảng viên và cán bộ lãnh đạo xuất thân từ công nhân còn thấp. Một bộ phận công nhân chưa thiết tha phấn đấu vào Đảng và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị - xã hội. Nhìn tổng quát, lợi ích một bộ phận công nhân được hưởng chưa tương xứng với những thành tựu của công cuộc đổi mới và những đóng góp của chính mình; việc làm, đời sống vật chất và tinh thần của công nhân đang có nhiều khó khăn, bức xúc, đặc biệt là ở bộ phận công nhân lao động giản đơn tại các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Tình hình trên bắt nguồn từ các nguyên nhân: Quá trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội đã mở ra một giai đoạn lịch sử mới trong sự phát triển của giai cấp công nhân; tuy nhiên những hạn chế, yếu kém trong phát triển kinh tế - xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc làm, đời sống và tư tưởng, tình cảm của công nhân. Đảng có chú trọng xây dựng giai cấp công nhân; nhưng quan tâm chưa đầy đủ, chưa ngang tầm với vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong thời kỳ mới. Nhà nước ban hành nhiều chính sách, pháp luật xây dựng giai cấp công nhân; nhưng những chính sách, pháp luật này vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác có nhiều đóng góp tích cực vào việc xây dựng giai cấp công nhân; nhưng hiệu quả chưa cao, còn nhiều yếu kém. Bản thân giai cấp công nhân đã có nhiều nỗ lực vươn lên; nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các doanh nghiệp và người sử dụng lao động thuộc các thành phần kinh tế đóng góp tích cực vào tạo việc làm và thu nhập cho công nhân; nhưng không ít trường hợp còn vi phạm chính sách, pháp luật đối với người lao động.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC

A- Quan điểm chỉ đạo trong xây dựng giai cấp công nhân

1- Kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2- Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn kết hữu cơ với xây dựng, phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng, của tất cả các giai cấp, các tầng lớp xã hội trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc - động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước, đồng thời tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới.

3- Chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và chăm lo xây dựng giai cấp công nhân; đảm bảo hài hoà lợi ích giữa công nhân, người sử dụng lao động, Nhà nước và toàn xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, quan tâm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân.

4- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hoá giai cấp công nhân là một nhiệm vụ chiến lược. Đặc biệt quan tâm xây dựng thế hệ công nhân trẻ có học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao, ngang tầm khu vực và quốc tế, có lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân.

5- Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động; trong đó, sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước có vai trò quyết định, công đoàn có vai trò quan trọng trực tiếp trong chăm lo xây dựng giai cấp công nhân. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn liền với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xây dựng tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản

Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong giai cấp công nhân vững mạnh.

B- Mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu “đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”, mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân đến năm 2020 là:

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hoá của dân tộc; nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết, hợp tác quốc tế; thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Nói chung, trong các doanh nghiệp đều có tổ chức cơ sở đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, phát triển nhanh về số lượng, nâng cao chất lượng, có cơ cấu đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; ngày càng được trí thức hoá: có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; có giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị vững vàng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cao.

Từ nay đến hết năm 2010 phải phấn đấu quyết liệt để đạt được sự chuyển biến tối đa về các mặt sau đây :

1- Hình thành và triển khai thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2- Giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân, tạo được chuyển biến thật sự mạnh mẽ và rõ rệt trong việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân (về nhà ở tại các khu công nghiệp, tiền lương và thu nhập, bảo hiểm xã hội, nơi sinh hoạt văn hoá, cơ sở nuôi dạy trẻ...) tương xứng với những thành quả của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và những đóng góp của giai cấp công nhân. Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ trong các loại hình doanh nghiệp.

3- Có bước tiến về đào tạo, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển đất nước, nhất là những ngành

công nghiệp mới. Tăng nhanh tỉ lệ lao động qua đào tạo; chú trọng đào tạo nghề cho công nhân từ nông dân và nữ công nhân.

4- Nâng cao hơn về giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, hiểu biết pháp luật, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động, xây dựng lối sống lành mạnh trong công nhân, nhất là công nhân trẻ.

5- Tăng tỉ lệ đảng viên và cán bộ lãnh đạo, quản lý xuất thân từ công nhân. Tăng số lượng và chất lượng cơ sở đảng trong các loại hình doanh nghiệp; sớm thành lập tổ chức cơ sở đảng ở những doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ Đảng; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức đảng tại doanh nghiệp phù hợp với từng thành phần kinh tế.

6- Đẩy mạnh phát triển đoàn viên và tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các loại hình doanh nghiệp. Cùng cố, đổi mới phương thức hoạt động và nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đã có; sớm thành lập tổ chức cơ sở tại các doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của các tổ chức đó; tăng số lượng và chất lượng của các tổ chức cơ sở này tại các loại hình doanh nghiệp, nhất là ở những doanh nghiệp có đông công nhân.

C- Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

1- Tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về giai cấp công nhân trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế

Đổi mới tổ chức, tăng cường đầu tư, đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân, hướng vào giải đáp những vấn đề thực tiễn đặt ra: về xu hướng phát triển của giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; về vấn đề trí thức hoá giai cấp công nhân; về công nhân tham gia sở hữu doanh nghiệp; về mối quan hệ giữa giai cấp công nhân với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội, đặc biệt là trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; về sự phân hoá và mối quan hệ trong nội bộ giai cấp công nhân; về vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới; về tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp; về vai trò làm chủ của giai cấp công nhân, quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động; về mối quan hệ đoàn kết, hợp tác giữa giai cấp công nhân Việt Nam và giai cấp công nhân các nước trong điều kiện toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế; về những âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình” và tuyên truyền phản động của các thế lực thù địch đối với giai cấp công nhân;... Qua đó cung cấp

cơ sở lý luận và thực tiễn để đề ra chủ trương, giải pháp xây dựng giai cấp công nhân phát triển toàn diện trong thời kỳ mới.

2- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, từng bước trí thức hoá giai cấp công nhân

Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân, đặc biệt là công nhân trẻ, công nhân từ nông dân, công nhân nữ, nhằm phát triển về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, để nước ta có một đội ngũ công nhân có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp ngày càng cao, có khả năng tiếp thu nhanh và làm chủ công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng những nhà kinh doanh có tài, có đức, các nhà quản lý giỏi và các cán bộ khoa học - kỹ thuật xuất thân từ công nhân có trình độ cao, có khả năng tiếp cận với công nghệ và phương thức kinh doanh hiện đại trong nền kinh tế thị trường, hội nhập. Quy hoạch nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân có trình độ cao để đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp mới, hiện đại. Chú trọng đào tạo đội ngũ công nhân trong các dân tộc thiểu số, ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Chú trọng đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy nghề. Có chính sách để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư các cơ sở đào tạo nghề với phương tiện kỹ thuật hiện đại. Có chính sách khuyến khích liên kết các cơ sở đào tạo nghề và các doanh nghiệp trong đào tạo, đào tạo lại.

Trước mắt, cần tập trung bổ sung, sửa đổi, xây dựng một số chính sách lớn sau đây :

- Xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách hướng nghiệp ở cấp học phổ thông để giúp cho thanh niên, học sinh định hướng đúng đắn việc chọn nghề và hiểu rõ được ý nghĩa của việc gia nhập đội ngũ công nhân; tạo điều kiện phát triển đội ngũ công nhân trẻ có trình độ cao, chuyển một bộ phận lớn nông dân thành công nhân.

- Nhà nước xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển dạy nghề một cách đồng bộ, đổi mới hệ thống dạy nghề đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong nước và quốc tế nhằm đảm bảo sự cân đối ngay trong hệ thống giáo dục - đào tạo, giữa hệ thống giáo dục - đào tạo với phát triển kinh tế, giữa đào tạo và sử dụng, đáp ứng có hiệu quả nguồn lao động có chất lượng cao cho yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về dạy nghề. Làm tốt công tác dự báo nhu cầu lao động theo ngành nghề, cấp trình độ.

- Ban hành chính sách khuyến khích mạnh mẽ hơn đối với hoạt động đào tạo nghề, thu hút mạnh hơn các thành phần kinh tế tích cực tham gia vào lĩnh vực đào tạo nghề, bao gồm cả ở trình độ cao: Từng bước thực hiện đổi mới chi ngân sách cho dạy nghề theo cơ chế đặt hàng, đấu thầu đối với các cơ sở dạy nghề của các thành phần kinh tế; đồng thời thực hiện tốt hơn cơ chế kiểm định, đánh giá chất lượng dạy nghề.

- Bổ sung, sửa đổi, xây dựng chính sách đào tạo, đào tạo lại công nhân; có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho công nhân tự học tập nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ. Xây dựng, hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo nghề, gắn đào tạo lý thuyết với rèn luyện kỹ năng thực hành, gắn đào tạo nghề với giáo dục nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về giai cấp công nhân và với rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động. Đưa vào chương trình đào tạo nghề nội dung học tập pháp luật lao động, Luật Công đoàn, Luật Doanh nghiệp,...

- Điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch mạng lưới các cơ sở dạy nghề gắn với các ngành, các chương trình, dự án lớn, các vùng kinh tế trọng điểm. Ngân sách Nhà nước đầu tư tập trung vào dạy nghề cho lao động nông thôn, các vùng miền núi, dân tộc thiểu số và những ngành nghề đặc thù mà các đơn vị ngoài công lập không đầu tư; Nhà nước làm nòng cốt, đồng thời có chính sách để thu hút các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng trường chuẩn, theo chương trình chuẩn, để đào tạo công nhân có trình độ cao cho một số ngành kinh tế mũi nhọn, yêu cầu kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Chú trọng đào tạo đồng bộ, cả ở trong và ngoài nước, đội ngũ giáo viên dạy nghề, cán bộ quản lý và những công nhân có trình độ cao, để đáp ứng yêu cầu nhân lực của nền kinh tế, nhất là các ngành công nghiệp mới, hiện đại. Cùng cố và mở rộng các trường đào tạo giáo viên dạy nghề theo khu vực trên phạm vi cả nước.

- Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hàng năm dành kinh phí thích đáng và thời gian cho đào tạo, đào tạo lại công nhân; được tính vào giá trị đầu tư và hạch toán vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp.

- Tăng cường đào tạo đối với lao động di làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để đảm bảo có đủ điều kiện về tay nghề, ngoại ngữ, tác phong công nghiệp, ý thức chấp hành kỷ luật lao động; quy hoạch và phát triển đa dạng các hình thức, các thành phần kinh tế tham gia đưa lao động di làm việc ở nước ngoài.

3- Quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp, tinh thần dân tộc cho giai cấp công nhân

Cần nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp và bản lĩnh chính trị, ý thức công dân, tinh thần dân tộc, gắn bó thiết tha với sự nghiệp cách mạng của Đảng,

của dân tộc, với chế độ xã hội chủ nghĩa, ý chí vươn lên thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tinh thần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tinh thần phấn đấu vươn lên ngang tầm thời đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức và hội nhập kinh tế quốc tế, quyết tâm chiến thắng trong cạnh tranh, tinh thần đấu tranh xây dựng, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động, lương tâm nghề nghiệp,... cho công nhân.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng và hoạt động của tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đối với công tác tuyên truyền, giáo dục trong công nhân; đảm bảo định hướng thống nhất nội dung và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.

Nhà nước đầu tư và có chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư (được tính vào giá trị đầu tư và hạch toán vào chi phí sản xuất) xây dựng và hoạt động của các nhà văn hoá lao động, nhà văn hoá thanh niên, câu lạc bộ công nhân, hệ thống truyền thông đại chúng, nơi sinh hoạt của tổ chức đảng, tổ chức công đoàn, thanh niên, phụ nữ ở các khu công nghiệp tập trung.

4- Bổ sung, sửa đổi, xây dựng và thực hiện nghiêm hệ thống chính sách, pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân

Rà soát, bổ sung, sửa đổi, xây dựng các chính sách, pháp luật về lao động, việc làm và đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao thể chất cho công nhân; tập trung trước hết vào những chính sách liên quan trực tiếp đến những vấn đề bức xúc đang đặt ra về việc làm và đời sống của công nhân.

Bổ sung, sửa đổi, xây dựng các chính sách để phát huy các nguồn lực và trách nhiệm của cả Nhà nước, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, của toàn xã hội và của công nhân trong việc chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân tương xứng với năng suất lao động và những đóng góp của công nhân. Nhà nước có chính sách đầu tư cho các tỉnh, thành phố để xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi công cộng cho công nhân.

Đề cao trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc chăm lo lợi ích, đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân; tính tự giác của người sử dụng lao động và của công nhân trong thực hiện chính sách, pháp luật. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Nhà nước, tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong doanh nghiệp; có chế tài xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm.

Trước mắt, cần tập trung bổ sung, sửa đổi, xây dựng một số chính sách lớn sau đây :

- Bổ sung, sửa đổi để bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định về ký hợp

đồng lao động và thoả ước lao động tập thể đối với tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Bổ sung, sửa đổi, nâng cao tính khả thi của các chính sách, pháp luật để cải thiện điều kiện lao động, bảo hộ lao động, phòng, chống có hiệu quả tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, tăng cường chăm sóc sức khoẻ công nhân, nhất là đối với công nhân nữ, những công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Nhà nước tăng cường đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế, nhất là ở những nơi có đông công nhân.

- Nghiên cứu ban hành Luật Tiền lương tối thiểu, nâng lương tối thiểu đối với khu vực sản xuất kinh doanh; quy định các nguyên tắc xây dựng thang lương, bảng lương để người lao động và người sử dụng lao động có cơ sở xác định tiền lương hợp lý, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của Nhà nước để đảm bảo quyền lợi của người lao động; nâng cao năng lực quản lý lao động, tổ chức tiền lương, nhất là công tác định mức lao động trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Bổ sung, sửa đổi, xây dựng và thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách an sinh xã hội khác. Bổ sung, hoàn thiện thêm chính sách cho nghỉ hưu sớm đối với công nhân một số nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, nhất là tại các khu công nghiệp, trên cơ sở quy hoạch của Nhà nước: Quy định phát triển khu công nghiệp phải đi liền với phát triển khu đô thị mới và các công trình phúc lợi công cộng, trong đó có khu nhà ở cho công nhân. Có chính sách về nhà ở cho công nhân thuê hoặc mua trả dần phù hợp với thu nhập thực tế của công nhân. Nhà nước đầu tư xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi công cộng phục vụ lâu dài cho công nhân diện thu nhập thấp; các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân được tính vào giá trị đầu tư và hạch toán vào chi phí sản xuất.

- Ban hành quy định pháp luật về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tăng cường cơ chế đối thoại, thương lượng giữa người sử dụng lao động và người lao động. Quy định rõ quyền, trách nhiệm của người sử dụng lao động và công nhân trong xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ.

- Có chính sách tôn vinh thích đáng những người lao động giỏi, cả lao động chân tay và trí óc, có nhiều cống hiến cho sự phát triển của doanh nghiệp và xã hội; bổ sung chính sách về thi đua và khen thưởng trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Sớm hoàn thiện chính sách bán cổ phần cho công nhân khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, để công nhân phát huy quyền làm chủ, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Nghiên cứu chính sách khuyến khích doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bán cổ phần cho công nhân.

- Tổ chức thực hiện tốt pháp luật lao động; đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về lao động trong các doanh nghiệp. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Nhà nước, chủ doanh nghiệp, công đoàn để giải quyết tranh chấp lao động và xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về quan hệ lao động để giải quyết vấn đề tranh chấp lao động. Thực hiện đúng trách nhiệm của các cấp chính quyền ở địa phương theo luật định đối với các cuộc đình công của công nhân trên địa bàn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật lao động. Bổ sung các chế tài xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân vi phạm chính sách, pháp luật lao động. Có biện pháp hữu hiệu bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động khi làm việc ở nước ngoài.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong xây dựng giai cấp công nhân

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng trong xây dựng giai cấp công nhân.

Khẩn trương xây dựng và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả chiến lược về giai cấp công nhân gắn với chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm các chủ trương, chính sách lớn về đào tạo, trí thức hoá công nhân; về chuyển một bộ phận lớn lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ; về vấn đề xuất khẩu lao động, kể cả ở các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư kinh doanh ở nước ngoài; vấn đề tạo nguồn để phát triển đảng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, trong quản lý sản xuất kinh doanh xuất thân từ công nhân; vấn đề nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân...

Phát huy mạnh mẽ vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước để giai cấp công nhân là nòng cốt, cùng với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, tăng cường liên minh công nhân - nông dân - trí thức, thực sự là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng giai cấp công nhân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tăng cường lãnh đạo Nhà nước trong xây dựng và thực thi các chính sách, pháp luật để xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh; giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc của giai cấp công nhân.

Chú ý hơn nữa công tác bồi dưỡng, phát triển đảng trong công nhân. Có cơ chế, chính sách đẩy mạnh việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng những cán bộ ưu tú xuất thân từ công nhân, nhất là công nhân trực tiếp sản xuất, tăng dần tỉ lệ cán bộ xuất thân từ công nhân trong bộ máy lãnh đạo các cấp của Đảng, Nhà nước, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và tạo cơ hội phát triển cho những cán bộ công đoàn trẻ, cán bộ thanh niên có năng lực, trình độ và phẩm chất đạo đức tốt xuất thân từ công nhân.

Lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp phải thường xuyên tiếp xúc, lắng nghe ý kiến của công nhân và công đoàn, tôn trọng và phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của tổ chức công đoàn. Chú trọng lãnh đạo, tạo điều kiện để công đoàn phát huy tốt vị trí, vai trò của mình.

Tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và chỉ đạo thực hiện kiên quyết; bổ sung quy định chế tài cụ thể, đủ mạnh trong các luật để thực hiện nghiêm việc thành lập, hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức chính trị - xã hội tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; đồng thời coi trọng tuyên truyền, vận động, thuyết phục, khuyến khích các chủ doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đồng tình, ủng hộ, tạo điều kiện để tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội thành lập, hoạt động thuận lợi.

Đẩy mạnh bồi dưỡng phát triển đảng trong các trường phổ thông, trường đại học, cao đẳng, các trường đào tạo nghề và trong công nhân, chú trọng phát triển đảng ở những doanh nghiệp không có hoặc còn ít đảng viên để tạo nguồn thành lập tổ chức cơ sở đảng trong phần lớn các doanh nghiệp.

Có chính sách động viên về vật chất, khuyến khích về tinh thần đối với đội ngũ cán bộ đảng ở doanh nghiệp. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, nhiệt tình, tâm huyết và kỹ năng công tác cho cán bộ đảng ở doanh nghiệp, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, góp phần xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, xây dựng doanh nghiệp thịnh vượng.

Có nhiều hình thức tăng cường và phát triển đảng viên tại các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, làm nòng cốt xây dựng tổ chức cơ sở đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

Xây dựng tổ chức công đoàn lớn mạnh, phát huy vai trò của công đoàn trong xây dựng giai cấp công nhân.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn các cấp. Nghiên cứu việc quy định cơ cấu đại diện công đoàn vào thường vụ cấp uỷ ở những nơi có nhiều khu công nghiệp, đông công nhân.

Các cấp công đoàn cần hướng mạnh hoạt động về cơ sở, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động chủ yếu, lấy công nhân, viên chức, lao động làm đối tượng vận động, lấy chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội làm mục tiêu hoạt động.

Công đoàn cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, ý thức tự lực, tự cường, tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa cho công nhân; tập hợp trí tuệ của công nhân để tham gia xây dựng, bổ sung, sửa đổi và thực hiện chính sách, pháp luật.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn cơ sở, nhất là chủ tịch công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, về trình độ chính trị, hiểu biết chính sách, pháp luật lao động và kỹ năng công tác.

Sớm sửa đổi, bổ sung Luật Công đoàn để phù hợp, tương thích với các quy định của Hiến pháp, Bộ luật Lao động, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan; xác định rõ vị trí, chức năng, quyền và cơ chế đảm bảo để công đoàn thực hiện tốt chức năng trong thời kỳ mới. Việc thu kinh phí công đoàn tại doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thực hiện theo quy định của Luật Công đoàn và của Chính phủ; sử dụng cho việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, sinh hoạt văn hoá, thi đua, khen thưởng, phúc lợi xã hội và các hoạt động khác của công nhân tại chính doanh nghiệp đó, kể cả việc trả lương hoặc phụ cấp lương cho cán bộ công đoàn tại doanh nghiệp.

Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ công đoàn. Cùng cố, nâng cao chất lượng dạy và học của Trường Đại học Công đoàn, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Tăng cường và mở rộng quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân và công đoàn các nước trên toàn thế giới.

Đổi mới mạnh mẽ tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn tại các doanh nghiệp.

Không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của công đoàn cơ sở, để công đoàn thực sự là chỗ dựa vững chắc của công nhân tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, có sức hấp dẫn đối với người lao động và tạo được sự đồng tình, ủng hộ của người sử dụng lao động.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để nâng cao hiệu quả công tác nữ công của công đoàn tại các doanh nghiệp và khu công nghiệp.

Sớm bổ sung cơ chế, chính sách bảo vệ cán bộ công đoàn cơ sở và chế độ phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ công đoàn cơ sở.

-Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các doanh nghiệp.

Đổi mới nội dung và phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đa dạng hoá các loại hình, hình thức tập hợp, vận động thanh niên làm việc trong các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động Đoàn và Hội.

Hoạt động Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các doanh nghiệp cần tập trung vào việc tạo điều kiện, không ngừng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, cô vũ và khơi dậy tiềm năng sáng tạo trong thanh niên công nhân; thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng để phối hợp với tổ chức công đoàn bảo vệ có hiệu quả quyền và lợi ích, tư vấn, hỗ trợ về mặt pháp lý và bảo vệ thanh niên công nhân khi quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng bị xâm phạm.

III- TÓ CHỨC THỰC HIỆN

1- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ rà soát hệ thống pháp luật và các văn bản liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công nhân, điều kiện hoạt động của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại doanh nghiệp để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới phù hợp với Nghị quyết này.

2- Các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ quán triệt, tuyên truyền và có chương trình hành động cụ thể, đảm bảo Nghị quyết đi vào cuộc sống.

3- Ban Dân vận Trung ương và Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam làm đầu mối cùng các ban của Đảng, các tổ chức đảng, theo chức năng, nhiệm vụ, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo định kỳ với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

TM. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Tổng Bí thư

NÔNG ĐỨC MẠNH

**NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 6 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG KHOÁ X VỀ NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO,
SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ CHẤT LƯỢNG
ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN**

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

Trong những năm qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Quán triệt chủ trương và thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, công tác xây dựng Đảng ở cơ sở đã có một số chuyển biến tiến bộ, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới đất nước.

Nhiều tổ chức cơ sở đảng đã giữ vững và phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở; lãnh đạo cán bộ, đảng viên, nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên; thực hiện có kết quả nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn của địa phương, cơ quan, đơn vị. Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai và bước đầu đem lại kết quả tích cực, dân chủ trong Đảng và trong xã hội được mở rộng hơn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ cán bộ cơ sở được chăm lo. Đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở được tăng thêm về số lượng và chất lượng; trình độ, kiến thức các mặt được nâng lên.

Nhiều cấp ủy viên và cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện, thử thách, trưởng thành qua thực tiễn công tác; kiên định lập trường giai cấp công nhân, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng; gương mẫu thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hoàn thành nhiệm vụ được giao; trong đó, nhiều cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản, có phẩm chất, năng lực tốt, từng bước thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới. Công tác kết nạp đảng viên được cấp ủy các cấp quan tâm chỉ đạo và đạt được một số kết quả tích cực.

Có được những chuyển biến tiến bộ trên là do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đã có những nghị quyết, chỉ thị, quy định và giải pháp lớn về xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhiều cấp ủy cấp trên đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng tổ

chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố cơ sở yếu kém; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Các cấp ủy cơ sở đã nhận thức đầy đủ hơn vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng và chăm lo công tác xây dựng Đảng. Đa số cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện, thử thách qua thực tiễn. Cơ sở vật chất, phương tiện và điều kiện làm việc của cơ sở từng bước được trang bị tốt hơn trước.

Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên còn một số khuyết điểm, yếu kém:

Nhiều cấp ủy chưa thực sự coi trọng vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng; chưa dành thời gian, công sức để tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng. Không ít tổ chức cơ sở đảng chưa nhận thức và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở chưa đúng mức, tính định hướng, tính chiến đấu và tính giáo dục, thuyết phục chưa cao. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, khả năng nhận thức, vận dụng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của cấp ủy cấp trên của nhiều tổ chức cơ sở đảng còn yếu, chưa đủ sức phát hiện, giải quyết những vấn đề phức tạp xảy ra ở cơ sở; có tổ chức cơ sở đảng bị mất sức chiến đấu.

Nhiều cấp ủy, đảng bộ, chi bộ chưa thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; chưa thực hiện có nền nếp chế độ sinh hoạt đảng, nội dung sinh hoạt chi bộ chậm đổi mới; chưa coi trọng đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách, lề lối làm việc; bệnh thành tích còn nặng và khá phổ biến. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí phấn đấu, vi phạm nguyên tắc Đảng, tự phê bình và phê bình yếu. Tình thương yêu đồng chí bị giảm sút. Tình trạng suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên rất đáng lo ngại; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn xảy ra ở nhiều nơi nhưng chậm được phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả.

Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên còn bị buông lỏng. Cấp ủy và chi bộ chưa nắm chắc tình hình tư tưởng và phẩm chất của cán bộ, đảng viên; chưa chủ động dự báo và chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên trước những diễn biến phức tạp và những vấn đề mới; chưa có biện pháp hữu hiệu ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý kịp thời những đảng viên vi phạm. Việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hằng năm còn hình thức, kết quả chưa phản ánh đúng thực chất. Công tác kết nạp đảng viên còn chú ý nhiều đến số lượng, chưa chú trọng đúng mức đến chất lượng. Số đảng

viên kết nạp ở địa bàn dân cư, là công nhân trong các thành phần kinh tế còn ít.

Những khuyết điểm, yếu kém trên có nguyên nhân khách quan, song chủ yếu là do một số nguyên nhân chủ quan sau:

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, do chưa lường hết tác động bởi mặt trái của cơ chế thị trường nên công tác xây dựng Đảng nói chung, xây dựng Đảng ở cơ sở nói riêng tuy đã được đổi mới nhưng chưa theo kịp sự biến đổi của tình hình; chưa quan tâm đúng mức đến công tác nghiên cứu lý luận, thiếu dự báo về công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới để đề ra nội dung, biện pháp thiết thực.

Chưa nhận thức đúng, đầy đủ nhiệm vụ then chốt của công tác xây dựng Đảng; chưa quán triệt sâu sắc vị trí, vai trò và chức năng, nhiệm vụ của chi bộ, của tổ chức cơ sở đảng. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên đối với cơ sở chưa thường xuyên; việc xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm chưa kịp thời, thiếu kiên quyết.

Việc ban hành các quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác xây dựng Đảng còn chậm, thiếu đồng bộ, một số quy định, hướng dẫn chưa sát thực tế. Chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở còn bất cập; đội ngũ cấp ủy viên ít được bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng và cập nhật những kiến thức mới, nhất là về kinh tế, xã hội và pháp luật.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1- Quan điểm

- Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, là cầu nối giữa Đảng với dân, có vị trí rất quan trọng trong hệ thống tổ chức của Đảng. Toàn Đảng phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội ở cơ sở, nhất là ở những địa bàn, lĩnh vực trọng yếu, có nhiều khó khăn. Lây hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở làm thước đo kết quả tổng hợp của công tác xây dựng Đảng.

- Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc tham gia xây dựng Đảng. Tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên phải chịu sự giám sát của nhân dân.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng phải kết hợp chặt chẽ với thực hiện Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", với xây dựng chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở vững mạnh, với

nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là bí thư đảng bộ, chi bộ, người đứng đầu và các cấp ủy viên.

2- Mục tiêu

Trong 5 năm tới, cần phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Tập trung sức để xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, tạo được sự chuyển biến rõ rệt về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, làm cho tổ chức đảng ở cơ sở vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực sự là cầu nối giữa Đảng với nhân dân, lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và kịp thời giải quyết những vấn đề xảy ra ở cơ sở.

- Kiện toàn, sắp xếp tổ chức của hệ thống chính trị đồng bộ, thống nhất, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở. Tập trung củng cố, xây dựng tổ chức đảng và kết nạp đảng viên ở những nơi chưa có tổ chức đảng, có ít hoặc chưa có đảng viên. Bảo đảm các loại hình tổ chức cơ sở đảng đều có quy định về chức năng, nhiệm vụ và quy chế làm việc phù hợp.

- Chăm lo xây dựng đội ngũ cấp ủy viên, trước hết là bí thư cấp ủy và cán bộ, đảng viên thật sự tiên phong gương mẫu, có phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kiên quyết thay thế những cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

3- Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong thời gian tới

Các cấp ủy, tổ chức đảng cần thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

3.1- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trí tuệ, phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, thực sự tiên phong gương mẫu, đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các cấp ủy phải quan tâm làm tốt công tác chính trị tư tưởng, chủ động dự báo tình hình để kịp thời trang bị những thông tin có định hướng của Đảng cho cán bộ, đảng viên. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giảng dạy và học tập lý luận chính trị; chú ý bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên kỹ năng lãnh đạo, giải quyết những tình huống cụ thể xảy ra ở cơ sở. Chủ động khắc phục những biểu hiện phai nhạt lý tưởng; chống chủ nghĩa cơ hội, thực dụng, vụ lợi, cá nhân, trung bình chủ nghĩa; kiên quyết đấu tranh với những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, phản động, góp phần làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong cấp ủy, chi bộ, đảng bộ trên cơ sở Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chính sách của Đảng và tình đồng

chí. Cấp ủy phải nắm chắc tình hình tư tưởng, phát hiện kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm về đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác; có biện pháp cụ thể để phòng ngừa, giáo dục, giúp đỡ và xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ, đảng viên sai phạm.

3.2- Hoàn thiện mô hình tổ chức của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng gắn tổ chức cơ sở đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội; chăm lo kết nạp đảng viên, nhất là ở những địa bàn, đơn vị chưa có tổ chức đảng, chưa có đảng viên.

Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức của các tổ chức cơ sở đảng cho đồng bộ, thống nhất với các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở. Đồng thời, xây dựng mô hình tổ chức phù hợp với những tổ chức cơ sở đảng có tính đặc thù, vừa tạo sự thống nhất chung, vừa phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng địa phương, đơn vị.

Đối với khu vực xã, phường, thị trấn, tiến hành sắp xếp mô hình tổ chức của đảng bộ, chi bộ, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn dân cư theo hướng: dưới đảng bộ xã là chi bộ thôn (ấp, bản); dưới đảng bộ phường, thị trấn nói chung là chi bộ tổ dân phố. Những thôn, tổ dân phố có đông đảng viên thì thành lập đảng bộ bộ phận, có các chi bộ trực thuộc. Đối với những đảng bộ cơ sở trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước hoạt động trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố, tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng trực thuộc nhiều cấp trên khác nhau, cần sắp xếp lại cho phù hợp, bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội.

Đối với tổ chức cơ sở đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và các tổng công ty hạng đặc biệt có nhiệm vụ chính trị thống nhất, có cùng ngành nghề và sản phẩm chính, gắn bó và chi phối lẫn nhau, thì trên cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm những mô hình đã có để từng bước thực hiện chủ trương thành lập tổ chức đảng toàn tập đoàn, toàn tổng công ty; đồng thời cũng cho phép có một số mô hình có tính đặc thù. Gắn công tác xây dựng Đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ của doanh nghiệp; có quy định cụ thể về mối quan hệ giữa đảng ủy tập đoàn, đảng ủy tổng công ty với các cấp ủy địa phương có liên quan.

Đối với các tỉnh, thành phố có nhiều khu công nghiệp tập trung thì thành lập đảng bộ cơ sở khu công nghiệp, đặt trực thuộc cấp ủy cấp trên trực tiếp phù hợp. Những doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô lớn, đông công nhân và đông đảng viên thì thành lập tổ chức cơ sở đảng; những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, số lượng công nhân và đảng viên ít thì thành lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở phù hợp. Những địa phương còn nhiều thôn,

làng, ấp, bản, tổ dân phố, trường học, doanh nghiệp chưa có tổ chức đảng, chưa có đảng viên, cấp ủy cấp trên trực tiếp của cơ sở phân công cấp ủy viên và các ban, ngành, đoàn thể phụ trách từng đơn vị để chỉ đạo công tác kết nạp đảng viên, xây dựng tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội. Những đảng viên làm việc ổn định trong các doanh nghiệp phải chuyển sinh hoạt đảng về nơi làm việc hoặc tổ chức đảng phù hợp. Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên mới, khắc phục bệnh thành tích, chỉ chú ý nhiều đến số lượng mà hạ thấp tiêu chuẩn.

3.3- Thực hiện mạnh mẽ chủ trương trẻ hóa, tiêu chuẩn hóa, thể chế hóa và từng bước nhất thể hóa chức danh cán bộ; tạo bước chuyển có tính đột phá về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở.

Đề trẻ hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở, cần sớm ban hành chính sách thu hút để thực hiện chủ trương đưa sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng về công tác ở xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp; có cơ chế, chính sách để giải quyết đối với những cán bộ chưa được chuẩn hóa nhưng chưa đủ tuổi, dù năm công tác đề nghị theo chế độ. Đối với các tỉnh miền núi, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, cần tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường thiếu sinh quân; phối hợp với các quân khu lựa chọn những thanh niên người dân tộc thiểu số đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự đưa đi đào tạo nâng cao trình độ học vấn, lý luận chính trị, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để tạo nguồn cán bộ cho cơ sở.

Xây dựng hệ thống chính sách phù hợp và đồng bộ đối với cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn theo hướng: Một số chức danh cán bộ chuyên trách ở xã, phường, thị trấn cần và có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ thì được xem xét chuyển thành công chức nhà nước để tạo sự liên thông trong đội ngũ cán bộ, công chức ở các cấp; các chức danh cán bộ chuyên trách khác không đủ điều kiện, tiêu chuẩn để trở thành công chức nhà nước thì thực hiện theo chế độ hiện hành, khi được giữ chức vụ do bầu cử thì hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm và thực hiện chế độ bảo hiểm, khi thôi đảm nhiệm chức vụ thì thôi hưởng phụ cấp và đóng bảo hiểm tự nguyện. Cán bộ không chuyên trách thì thực hiện theo hướng khoán kinh phí hoạt động và đóng bảo hiểm tự nguyện. Chính phủ quy định khung số lượng và khung mức phụ cấp để các địa phương thực hiện phù hợp với tình hình cụ thể. Thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp như đối với đại biểu hội đồng nhân dân cùng cấp; có chế độ phụ cấp thu hút đối với cán bộ công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Hằng năm, dành một số biên chế dự phòng để các địa phương thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và tăng cường cán bộ cho cơ sở. Kinh

phí để thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ xã, phường, thị trấn do Chính phủ quy định phù hợp với Luật Ngân sách Nhà nước.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn theo chức danh cán bộ; chú ý bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ và kinh nghiệm giải quyết những tình huống cụ thể ở cơ sở. Hằng năm, cán bộ chuyên trách, cấp ủy viên cơ sở xã, phường, thị trấn phải được bồi dưỡng để cập nhật kiến thức mới tại trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện hoặc trường chính trị tỉnh, thành phố.

Bổ sung, sửa đổi một số quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng nhằm xác định rõ hơn vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác cán bộ. Bổ sung, sửa đổi các quy định, hướng dẫn về đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên theo hướng đánh giá đúng thực chất. Ban hành hướng dẫn về đảng viên làm kinh tế tư nhân, việc kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng; xử lý đối với đảng viên có liên quan đến yếu tố nước ngoài... để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.

Thực hiện thí điểm chủ trương nhất thể hóa hai chức danh cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Thực hiện thí điểm từng bước việc đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp ủy, ban thường vụ, bí thư và phó bí thư. Đối với những nơi có khó khăn về cán bộ, có thể vận dụng linh hoạt hơn chủ trương chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn không giữ một chức vụ quá hai nhiệm kỳ.

Các tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, thực hiện thống nhất chủ trương thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc một đồng chí lãnh đạo của cơ quan, đơn vị trực tiếp làm bí thư cấp ủy. Đối với các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện thống nhất chủ trương chủ tịch hội đồng quản trị hoặc tổng giám đốc (giám đốc) đồng thời là bí thư cấp ủy. Đối với những công ty cổ phần có vốn nhà nước, cấp ủy và lãnh đạo cấp trên của doanh nghiệp cần lựa chọn những cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực và có đủ điều kiện đại diện phần vốn của Nhà nước để tham gia cấp ủy và hội đồng quản trị của công ty.

Trong các đơn vị cơ sở thuộc Công an nhân dân, thực hiện chế độ thủ trưởng đơn vị đồng thời làm bí thư cấp ủy, đồng chí lãnh đạo cấp phó làm phó bí thư và phụ trách công tác xây dựng lực lượng. Đồng thời, nghiên cứu việc thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên ở một số đơn vị cơ động, chiến đấu tập trung và có tính đặc thù. Trong các học viện, trường đại học thuộc Bộ Công an cần có khoa chuyên ngành để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an nhân dân.

3.4- Nâng cao chất lượng, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng vừa mở rộng dân chủ, vừa

tăng cường kỷ cương, kỷ luật; khắc phục tính hình thức, đơn điệu trong sinh hoạt, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

Tập trung sức cùng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ nghiêm kỷ luật, tăng cường đoàn kết trong Đảng. Thường xuyên giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ, kiến thức và năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Các cấp ủy, tổ chức đảng ở cơ sở thực hiện nghiêm túc, có nền nếp chế độ sinh hoạt đảng định kỳ. Nội dung sinh hoạt chi bộ phải cụ thể, thiết thực, giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc xảy ra ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Mỗi quý, các chi bộ phải sinh hoạt chuyên đề ít nhất một lần để bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho đảng viên trong chi bộ.

Việc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng cần tiến hành thường xuyên, nghiêm túc, thiết thực, nhất là trong các đợt tự phê bình và phê bình trong quá trình thực hiện Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; kịp thời phát hiện và nêu gương những đảng viên tiên phong gương mẫu, có thành tích xuất sắc và giáo dục, giúp đỡ những đảng viên có sai phạm. Thi hành kỷ luật nghiêm minh đối với đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên. Động viên những đảng viên không còn tác dụng tự nguyện xin ra Đảng.

Định kỳ 6 tháng một lần, cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng kiểm tra việc thực hiện nền nếp, nội dung, chất lượng sinh hoạt của các chi bộ và thông báo kết quả kiểm tra trong toàn đảng bộ. Các cấp ủy viên, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị và đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp phải chăm lo chỉ đạo công tác xây dựng Đảng ở nơi mình đang sinh hoạt và phải chịu trách nhiệm khi tổ chức cơ sở đảng nơi mình sinh hoạt yếu kém.

Thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ cấp ủy viên, bí thư cấp ủy về kỹ năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên; về biện pháp quy tụ, tập hợp quần chúng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị ở cơ sở để thực hiện có kết quả nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Những cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp có đủ số lượng đảng viên để bố trí cán bộ chuyên trách thì phân công những đảng viên có phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm làm chuyên trách và hưởng lương từ ngân sách đảng.

3.5- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, quản lý đảng viên; dựa vào dân để xây dựng Đảng.

Các cấp ủy cấp trên phải nắm chắc tình hình cơ sở, phân công cấp ủy viên trực tiếp phụ trách cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn, giải quyết những vấn đề xảy ra ở cơ sở. Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên phải có nội dung ngắn gọn và dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, dễ quy trách nhiệm. Cán bộ lãnh đạo, quản lý và các cấp ủy viên cấp trên của tổ chức cơ sở đảng phải bố trí thời gian để gặp gỡ đảng viên và nhân dân tại cơ sở, giải quyết kịp thời những kiến nghị chính đáng của đảng viên và quần chúng; bảo vệ những cán bộ tốt, những người trung thực, thẳng thắn đấu tranh chống tiêu cực.

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; Quy định của Bộ Chính trị về xử lý đảng viên vi phạm; về những điều đảng viên không được làm. Cấp ủy cơ sở phải giám sát đảng viên về các mặt, kể cả đảng viên là cán bộ do cấp ủy cấp trên quản lý. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc vận động nhân dân giám sát cán bộ, đảng viên ở địa bàn dân cư; tổ chức tốt việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do hội đồng nhân dân cấp xã bầu ra.

Các chi bộ phải thực hiện tốt việc phân công công tác cho đảng viên, bảo đảm mọi đảng viên trong chi bộ đều được phân công công tác phù hợp. Đối với những đảng viên là cán bộ nghỉ hưu, sức khỏe yếu và tự nguyện, được chi bộ và cấp ủy cơ sở đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng xem xét, cấp giấy chứng nhận miễn sinh hoạt và công tác. Những đảng viên 2 năm liền xếp loại vi phạm tư cách thì đưa ra khỏi Đảng bằng hình thức phù hợp.

Hàng năm, các tổ chức cơ sở đảng phải đăng ký phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ với cấp ủy cấp trên, trong đó có nội dung cam kết không có cán bộ, đảng viên tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Cuối năm, cấp ủy cấp trên căn cứ vào nội dung đăng ký để đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, sự vững mạnh của các tổ chức trong hệ thống chính trị và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đồng thời thông báo để cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia ý kiến. Cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng phải kiểm tra, thẩm định chặt chẽ và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Biểu dương, khen thưởng những tổ chức cơ sở đảng, đảng viên có thành tích xuất sắc và tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm để nhân rộng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành các đề án và chỉ đạo xây dựng, ban hành các quy định, quy chế, hướng dẫn để thực hiện.

2- Các tỉnh ủy, thành ủy, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết và xây dựng kế hoạch hoặc chương trình hành động cụ thể để thực hiện phù hợp với tình hình, đặc điểm của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

3- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát, bổ sung, sửa đổi một số văn bản pháp luật có liên quan tới nội dung Nghị quyết.

4- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các ban của Trung ương Đảng nghiên cứu bổ sung, sửa đổi một số điểm trong các Nghị định 114, 121/NĐ-CP của Chính phủ và một số quy định khác có liên quan tới nội dung Nghị quyết.

5- Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể ở Trung ương nghiên cứu, ban hành các quy định và hướng dẫn để chỉ đạo cấp dưới thực hiện theo yêu cầu của Nghị quyết này.

6- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ở Trung ương hướng dẫn việc quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết.

7- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban, cơ quan đảng ở Trung ương hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương.

**TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH**

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 6 BAN CHẤP HÀNH

TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X

Về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Sau hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đường lối đổi mới của Đảng đã được thể chế hóa thành Hiến pháp, pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển. Chế độ sở hữu và cơ cấu các thành phần kinh tế được đổi mới cơ bản từ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể là chủ yếu sang nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế đan xen hỗn hợp, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho khai thác tiềm năng trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội. Các loại thị trường cơ bản đã ra đời và từng bước phát triển thống nhất trong cả nước, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã đi vào cuộc sống, doanh nghiệp và doanh nhân được tự chủ kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh để phát triển. Quản lý nhà nước về kinh tế được đổi mới từ can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính vào hoạt động sản xuất kinh doanh chuyển sang quản lý bằng luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ điều tiết vĩ mô khác. Việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, xóa đói, giảm nghèo đạt nhiều kết quả tích cực.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, đồng bộ và thống nhất. Việc xử lý các vấn đề liên quan đến đất đai còn nhiều vướng mắc. Vấn đề sở hữu, quản lý và phân phối trong các doanh nghiệp nhà nước chưa giải quyết tốt, gây khó khăn cho sự phát triển và làm thất thoát tài sản nhà nước, nhất là khi tiến hành cổ phần hóa. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác còn bị phân biệt đối xử. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường hình thành, phát triển chậm, thiếu đồng bộ, vận hành chưa thông suốt. Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gian lận thương mại, trốn, lậu thuế còn nhiều, chậm được khắc phục. Phân bổ nguồn lực quốc gia chưa hợp lý. Chính sách tiền lương còn mang tính bình quân, chưa bảo đảm đời sống của người hưởng lương, chưa khuyến khích, thu hút

và sử dụng được người tài. Hệ thống thuế chưa thực hiện tốt chức năng điều tiết và bảo đảm công bằng xã hội, thúc đẩy đầu tư, đổi mới công nghệ, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu. Cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của bộ máy nhà nước còn nhiều bất cập, hiệu lực, hiệu quả quản lý còn thấp. Cải cách hành chính chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra. Tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí vẫn nghiêm trọng. Cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội đổi mới chậm, chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo còn thấp. Khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng ngày càng lớn. Hệ thống an sinh xã hội còn sơ khai. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội thấp. Nhiều vấn đề bất cập, bức xúc trong xã hội và bảo vệ môi trường chưa được giải quyết tốt.

Những hạn chế trên có nguyên nhân do việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều hạn chế. Công tác lý luận chưa theo kịp đòi hỏi của thực tiễn. Nền kinh tế vẫn trong tình trạng kém phát triển; sự chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư còn cao. Năng lực thể chế hóa và quản lý, tổ chức thực hiện của Nhà nước còn hạn chế, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc. Vai trò tham gia hoạch định chính sách, thực hiện và giám sát thực hiện chính sách của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp còn yếu.

I- MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM

1- Mục tiêu

Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Cụ thể:

Từ nay đến năm 2010, từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật bảo đảm cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển thuận lợi; phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước đi đôi với phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; hình thành một số tập đoàn kinh tế, các tổng công ty đa sở hữu, áp dụng mô hình quản trị hiện đại, có năng lực cạnh tranh quốc tế; đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công; phát triển đồng bộ, đa dạng các loại thị trường cơ bản thống

nhất trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới; giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; nâng cao hơn hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân trong quản lý, phát triển kinh tế - xã hội.

Giai đoạn từ năm 2010 - 2020, tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao trình độ phát triển của nền kinh tế, hoàn thành về cơ bản mục tiêu chung nêu trên.

2- Quan điểm

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

- Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế; giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường; giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường.

- Chủ động, tích cực với quyết tâm chính trị cao, tập trung giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, bức xúc, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm.

- Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

II- CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1- Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại được phát triển tới trình độ cao dưới chủ nghĩa tư bản nhưng tự bản thân kinh tế thị trường không đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản. Thực tiễn đổi mới ở nước ta đã chứng minh đầy sức thuyết phục về việc sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế trong đó các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành kinh tế thị trường được tự giác tạo

lập và sử dụng để giải phóng triệt để sức sản xuất, từng bước cải thiện đời sống của nhân dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Phát triển kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo; từng bước làm cho mọi thành viên xã hội đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng cường kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội và các yếu tố bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

2- Hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu

+ Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng khẳng định sự tồn tại khách quan, lâu dài và khuyến khích sự phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các loại hình doanh nghiệp, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu khác nhau trong nền kinh tế; xây dựng, hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản mới, như trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước, khoáng sản...

+ Khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân mà đại diện là Nhà nước; các quyền của người sử dụng đất theo các quy định hiện nay của pháp luật được tôn trọng và bảo đảm.

+ Hoàn thiện thể chế về sở hữu nhà nước theo hướng tách bạch vai trò của Nhà nước với tư cách là bộ máy công quyền quản lý toàn bộ nền kinh tế - xã hội với vai trò chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước; tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; thu hẹp và tiến tới xóa bỏ chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước của các bộ, ủy ban nhân dân đối với tài sản, vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có tài sản,

vốn nhà nước. Tiếp tục đổi mới, củng cố và phát huy vai trò của mô hình công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

+ Hoàn thiện thể chế, quy định rõ, cụ thể về quyền của chủ sở hữu và những người liên quan đối với các loại tài sản (trí tuệ, tài sản vật chất, tài sản cổ phiếu, tài sản nợ); bảo hộ các quyền lợi hợp pháp. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu và những người liên quan đối với xã hội.

+ Bổ sung luật pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sở hữu tập thể, các tổ hợp tác, hợp tác xã; bảo vệ tốt hơn các quyền và lợi ích của các xã viên đối với tài sản thuộc sở hữu của hợp tác xã.

+ Khuyến khích liên kết hỗn hợp giữa sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, làm cho chế độ cổ phần, sở hữu hỗn hợp trở thành hình thức sở hữu chủ yếu của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

+ Sớm ban hành các quy định pháp lý về quyền sở hữu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; quy định đối tượng, điều kiện để người nước ngoài có quyền được mua, được sở hữu nhà ở gắn với quyền sử dụng đất và các tài sản khác tại Việt Nam.

- Hoàn thiện thể chế về phân phối

+ Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về phân bổ nguồn lực, phân phối và phân phối lại theo hướng bảo đảm tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách phát triển. Các nguồn lực xã hội được phân bổ theo cơ chế thị trường và theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Nhà nước bảo đảm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Tập trung vốn đầu tư nhà nước phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, dịch vụ công quan trọng, một số ngành sản xuất thiết yếu, then chốt, đóng vai trò chủ đạo và lĩnh vực mà tư nhân không thể hoặc chưa thể đảm đương được; quan tâm đến các vùng, đối tượng còn nhiều khó khăn, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, các địa phương.

+ Chính sách phân phối và phân phối lại phải bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người lao động và doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động, doanh nghiệp và bảo đảm lợi ích quốc gia. Chú trọng phân phối lại qua phúc lợi xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, y tế; bảo đảm đời sống, ít nhất là ở mức trung bình của xã hội, cho các đối tượng chính sách. Đổi mới cơ chế phân bổ chi ngân sách cho phát triển xã hội, củng cố và mở rộng hơn nữa hệ thống an sinh xã hội. Tiếp tục hoàn thiện luật pháp về thuế theo hướng vừa bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, vừa khuyến khích đầu tư, đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, nuôi dưỡng nguồn thu và thực hiện công bằng xã hội.

- Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế

+ Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp lại, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước để góp phần giữ vững và phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách để ngăn ngừa thất thoát tài sản nhà nước trong quá trình cổ phần hóa; nghiên cứu, hoàn thiện chính sách bán cổ phần ưu đãi cho người lao động để tạo sự gắn bó lâu dài, phát huy quyền làm chủ của người lao động tại doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp có vốn nhà nước sau cổ phần hóa. Kiện toàn Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước để làm tốt chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Hình thành và quản lý chặt chẽ các tổng công ty và một số tập đoàn kinh tế đa sở hữu có cổ phần chi phối của Nhà nước ở những lĩnh vực quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với nền kinh tế. Thu hẹp những lĩnh vực độc quyền nhà nước, không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp và xóa bỏ bao cấp của nhà nước cho doanh nghiệp. Tiếp tục thu hút các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là các nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần, góp vốn vào các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế nhà nước. Đẩy mạnh việc sắp xếp, chuyển đổi các nông - lâm trường quốc doanh theo mô hình doanh nghiệp và các mô hình thích hợp để hoạt động có hiệu quả.

+ Tiếp tục đổi mới, phát triển hợp tác xã và tổ hợp tác theo cơ chế thị trường, phù hợp với các nguyên tắc : tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi và phát triển cộng đồng. Khuyến khích tăng vốn góp, tăng vốn đầu tư phát triển, tăng tài sản và quỹ không chia trong hợp tác xã; phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã đa dạng, sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế tập thể tiếp cận các nguồn vốn; đào tạo cán bộ quản lý, lao động; trợ giúp kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ phát triển thị trường, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, các dự án đầu tư của Nhà nước.

+ Thực hiện nghiêm túc, nhất quán một mặt bằng pháp lý và điều kiện kinh doanh cho các doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu, thành phần kinh tế; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài nước vào các lĩnh vực mà pháp luật không cấm; tạo điều kiện để các doanh nghiệp của tư nhân tiếp cận các nguồn lực của Nhà nước trên nguyên tắc cạnh tranh bình đẳng. Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp nhà nước, bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp. Đồng thời, tăng cường và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với kinh tế tư nhân để các doanh nghiệp tư nhân tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước.

Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển các trang trại, hộ sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong nông nghiệp và ở khu vực nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi để các trang trại và hộ sản xuất kinh doanh góp vốn phát triển theo hình thức hợp tác xã, công ty cổ phần hoặc trở thành doanh nghiệp tư nhân và các loại hình kinh doanh khác thích hợp.

+ Tăng cường đầu tư và đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước để các đơn vị sự nghiệp công lập phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả. Nhà nước bằng hình thức tổ chức đấu thầu, đơn đặt hàng và có chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế, kể cả kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, đầu tư phát triển các đơn vị sự nghiệp cung ứng dịch vụ công; tạo môi trường thuận lợi, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh cho các đơn vị sự nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hình thành và phát triển. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, Nhà nước quy định các loại hình dịch vụ, các đối tượng xã hội được Nhà nước đài thọ toàn phần hoặc một phần, còn lại phải thanh toán chi phí theo nguyên tắc thị trường. Trên cơ sở đó, các đơn vị cung ứng dịch vụ công lập hoặc ngoài công lập thực hiện cung ứng dịch vụ diện nhà nước đài thọ theo hình thức hợp đồng. Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp về tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự và về tài chính trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3- Hoàn thiện thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế về giá, về cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc bình ổn giá bằng các biện pháp kinh tế vĩ mô và sử dụng nguồn lực kinh tế của Nhà nước, giảm tối đa các can thiệp hành chính trong quản lý giá. Hoàn thiện khung pháp lý cho ký kết, thực hiện hợp đồng; không hình sự hóa các tranh chấp dân sự trong hoạt động kinh tế. Hoàn thiện thể chế giám sát, điều tiết thị trường và xúc tiến thương mại, đầu tư, giải quyết tranh chấp phù hợp với kinh tế thị trường và các cam kết quốc tế; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao lòng tin của xã hội đối với pháp luật và các cơ quan tư pháp.

- Đa dạng hóa các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại, chú trọng phát triển thị trường dịch vụ. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho các thị trường này. Thực hiện tự do hóa thương mại và đầu tư phù hợp với các cam kết quốc tế. Phát triển các phương thức giao dịch thị trường hiện đại, nhất là với hàng hóa nông sản và vật tư nông nghiệp để ổn định giá, giảm bớt rủi ro cho người sản xuất và người tiêu dùng. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giá

đổi với một số ít hàng hóa, dịch vụ độc quyền, bảo đảm tuân thủ yêu cầu của cơ chế thị trường và các cam kết quốc tế. Xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường. Tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hóa và dịch vụ, nhất là những hàng hóa, dịch vụ liên quan trực tiếp đến sức khỏe của người dân. Xử lý nghiêm minh các sai phạm.

- Phát huy tốt hơn vai trò điều hành thị trường tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước như một ngân hàng trung ương hiện đại, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát. Từng bước mở cửa thị trường tín dụng, các dịch vụ ngân hàng phù hợp với cam kết quốc tế. Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại, thực hiện tốt việc cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước, thu hút được các đối tác chiến lược, song Nhà nước giữ cổ phần chi phối, áp dụng các thông lệ và chuẩn mực quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh và vai trò chủ đạo của các ngân hàng này. Đổi mới hoạt động thanh tra, giám sát; phát triển các công cụ dự báo, phòng ngừa rủi ro, bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng.

Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách cho hoạt động và phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán, làm cho thị trường chứng khoán ngày càng đóng vai trò quan trọng trong huy động vốn cho đầu tư phát triển. Đưa các giao dịch chứng khoán phi tập trung vào phạm vi quản lý, kiểm soát của Nhà nước. Tăng tính minh bạch của thị trường. Chống các giao dịch phi pháp, các hành vi rửa tiền, nhiễu loạn thị trường. Nâng cao năng lực dự báo, có biện pháp phòng ngừa tình trạng rút vốn hàng loạt, ảnh hưởng xấu đến kinh tế vĩ mô. Mở rộng từng bước quyền mua cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam giao dịch trên thị trường chứng khoán quốc tế.

Phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng các sản phẩm bảo hiểm. Tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp bảo hiểm thuộc các thành phần kinh tế trong nước, khuyến khích hợp tác và liên kết giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Thực hiện lộ trình mở cửa thị trường bảo hiểm theo cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Quan tâm hơn nữa đến các dịch vụ bảo hiểm đối với con người và hàng nông sản. Nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với thị trường bảo hiểm.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để các quyền về đất đai và bất động sản được vận động theo cơ chế thị trường, trở thành một nguồn vốn trong sản xuất kinh doanh. Xác định rõ quyền sử dụng đất là một loại hàng hóa đặc biệt, được định giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý và điều tiết của Nhà nước. Ban hành chính sách định giá bảo đảm hài hòa quyền lợi của người sử dụng đất, của nhà đầu tư và của Nhà nước trong quá trình giải tỏa, thu hồi đất. Khuyến khích những tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất tham gia góp vốn bằng quyền sử dụng

đất vào các dự án đầu tư, kinh doanh. Có chính sách giải quyết tốt vấn đề đất ở, nhà ở, việc làm cho người bị thu hồi đất. Đưa giá trị quyền sử dụng đất vào danh mục tài sản của mọi tổ chức, cá nhân được giao quyền sử dụng đất, kể cả các cơ quan nhà nước. Tạo quỹ đất của Nhà nước phục vụ các mục tiêu công ích, thực hiện chính sách xã hội và hỗ trợ việc điều tiết thị trường đất đai, hỗ trợ tái định cư trong quá trình giải phóng mặt bằng. Nhà nước chủ động tham gia thị trường bất động sản với tư cách là chủ sở hữu đất đai và nhiều bất động sản trên đất.

Hoàn thiện chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, đất được giao nhưng không đưa vào sử dụng theo cam kết và các trường hợp sở hữu, sử dụng nhà, đất vượt quá hạn mức quy định, ngăn chặn những cơn sốt giá do đầu cơ bất động sản, đặc biệt là đất đai. Nhà nước khuyến khích đầu tư xây dựng quỹ đất phục vụ di dân tái định cư, quỹ nhà ở xã hội để cho thuê hoặc bán theo quy định của pháp luật. Có chính sách giải quyết vấn đề nhà ở ổn định lâu dài cho lao động ở các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế. Kiểm soát chặt chẽ và áp dụng cơ chế thị trường đối với việc chuyển đổi đất công và tài sản công trên đất thành hàng hóa bất động sản. Hiện đại hóa hệ thống quản lý hồ sơ địa chính, bất động sản. Phát triển đồng bộ các dịch vụ tư vấn pháp luật, công chứng, thẩm định, đấu giá, đăng ký giao dịch... tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho các giao dịch trên thị trường đất đai, bất động sản. Xây dựng cơ chế tài phán để giải quyết những khiếu nại liên quan đến đất đai.

Xây dựng, công khai hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt. Quản lý chặt chẽ quỹ đất sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia về lâu dài. Bảo đảm lợi ích thỏa đáng và công bằng giữa các nhà đầu tư phát triển bất động sản, các tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất và của Nhà nước.

- Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, chính sách về tiền lương, tiền công. Tiền lương phải được coi là giá cả sức lao động, được hình thành theo quy luật thị trường, dựa trên cung - cầu về sức lao động, chất lượng, cường độ lao động và mức độ cạnh tranh việc làm. Thực hiện tốt, phấn đấu rút ngắn lộ trình điều chỉnh tiền lương và trợ cấp xã hội giai đoạn 2008 - 2012 đi đôi với kiểm soát lạm phát để bảo đảm thu nhập thực tế ngày càng tăng cho người hưởng lương. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, tay nghề của người lao động; khuyến khích khu vực tư nhân, doanh nghiệp tham gia dạy nghề thông qua các ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng, đào tạo giáo viên, đầu tư hỗ trợ cơ sở hạ tầng, v.v... Hoàn thiện luật pháp, chính sách cho hoạt động và phát triển thị trường lao động, đổi mới tổ chức và hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm của Nhà nước; khuyến khích tổ chức các hội chợ việc làm; phát triển các tổ chức dịch vụ tư vấn, sàn giao dịch, giới thiệu

việc làm tư nhân đi đôi với tăng cường quản lý, kiểm soát của Nhà nước, ngăn chặn các hành vi lừa đảo và các hiện tượng tiêu cực khác. Nâng cao chất lượng và hiệu quả xuất khẩu lao động, hướng tới xuất khẩu lao động có trình độ cao. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp trong nước thu hút và sử dụng lao động nước ngoài có trình độ chuyên môn cao.

Áp dụng phổ biến chế độ hợp đồng lao động, kể cả trong các đơn vị sự nghiệp công lập và khu vực kinh tế nhà nước. Đưa thương lượng và ký kết thỏa ước lao động tập thể thành quy định bắt buộc; tăng cường sự tham gia của đại diện người lao động và người sử dụng lao động vào hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển thị trường lao động. Tăng cường sự quản lý và giám sát của Nhà nước đối với thị trường lao động. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các tòa lao động, xử lý tốt các trường hợp tranh chấp, bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động và người sử dụng lao động.

- Xây dựng đồng bộ luật pháp, cơ chế, chính sách quản lý và hỗ trợ phát triển các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ và nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới, nhập khẩu và ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Sở hữu trí tuệ.

Phát triển các dịch vụ thiết kế, đo lường, đánh giá, thẩm định, giám định chất lượng, thông tin, môi giới, chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý về sở hữu trí tuệ theo hướng xã hội hóa. Đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý khoa học và công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường. Hoàn thiện tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý thị trường công nghệ.

- Tuân thủ nguyên tắc bù đắp đủ chi phí để tái tạo và mở rộng quy mô cung ứng dịch vụ công với chất lượng ngày càng cao. Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, đặc biệt là cho những vùng nghèo, người nghèo, bảo đảm những dịch vụ cơ bản cho nhân dân. Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa, vận dụng hợp lý những mặt tích cực của cơ chế thị trường. Nhà nước có chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng khuyến khích và huy động các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, các nguồn lực khác phát triển mạnh các dịch vụ công về số lượng và nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu đa dạng ngày càng tăng của nhân dân.

Cùng với việc tăng đầu tư, Nhà nước xác định rõ các tiêu chuẩn, tiêu chí mà các đơn vị cung ứng dịch vụ phải tuân theo, các mức dịch vụ cơ bản Nhà nước phải bảo đảm cho nhân dân, nhất là cho người nghèo, vùng nghèo, các đối tượng chính sách để bảo đảm quyền của nhân dân được học tập, chăm sóc sức khỏe phù hợp với trình độ phát triển của đất nước. Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt mua từ các nhà

cung cấp dịch vụ theo chất lượng và chi phí chuẩn, tạo cạnh tranh giữa các đơn vị cung ứng thuộc mọi thành phần kinh tế. Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách và tăng cường quản lý của Nhà nước, giám sát của các tổ chức xã hội để hạn chế các mặt trái của cơ chế thị trường, xử lý nghiêm các vi phạm. Từng bước mở rộng và cải thiện hệ thống an sinh xã hội để đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu đa dạng của mọi tầng lớp trong xã hội, nhất là của nhóm đối tượng chính sách, đối tượng nghèo.

4- Hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách khuyến khích làm giàu đi đôi với tích cực thực hiện giảm nghèo, vươn lên no ấm, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc và căn cứ cách mạng trước đây. Chính sách giảm nghèo không chỉ nhằm mục tiêu ổn định mà còn tạo động lực cho sự phát triển. Tạo điều kiện để mọi công dân nắm bắt được cơ hội làm ăn, nâng cao thu nhập và đời sống, được hưởng thành quả chung của phát triển. Tập trung đầu tư phát triển kinh tế, xã hội ở một số vùng trọng điểm có tỷ lệ hộ nghèo cao; phân đầu từng bước thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các đối tượng, các vùng, không để chênh lệch này trở thành vấn đề xã hội bức xúc. Đưa mục tiêu giảm nghèo vào nội dung chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước, của từng địa phương. Tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng xã hội cho người nghèo, giúp người nghèo giảm bớt khó khăn, vươn lên thoát nghèo, đồng thời khắc phục tư tưởng ỷ lại, bao cấp, trông chờ vào Nhà nước.

- Xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa dạng và linh hoạt phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mở rộng các hình thức bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện; bổ sung, sửa đổi các chế độ bảo hiểm xã hội còn bất hợp lý, bảo đảm quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội; tách bảo hiểm xã hội đối với khu vực hành chính nhà nước ra khỏi khu vực doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các lĩnh vực khác. Điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội theo cơ chế tạo nguồn, độc lập tương đối với chính sách tiền lương, giảm dần phần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; từng bước cải thiện đời sống của người về hưu theo trình độ phát triển của nền kinh tế.

- Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tự nguyện, nhân đạo, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận để chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng theo tinh thần xã hội hóa với sự hỗ trợ một phần của Nhà nước, bảo đảm cho các đối tượng bảo trợ xã hội có cuộc sống ổn định, hòa nhập tốt hơn vào cộng đồng, tự vươn lên. Tạo cơ hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, trước hết là người còn khả năng lao động, tiếp cận nguồn lực kinh tế, dịch vụ công thiết yếu, cơ hội

giáo dục, đào tạo, dạy nghề, việc làm, chăm sóc sức khỏe, nhà ở, văn hóa, thể thao. Sửa đổi, bổ sung chế độ trợ cấp xã hội dựa trên cơ sở tăng mức sống tối thiểu của toàn xã hội. Thực hiện các chương trình mục tiêu hướng ưu tiên vào đối tượng bảo trợ xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, chính sách về bảo vệ môi trường, giám sát chặt chẽ việc thực hiện; phòng ngừa, ngăn chặn, không để phát sinh thêm các ô nhiễm mới, xử lý triệt để những điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; có chế tài đủ mạnh đối với các trường hợp vi phạm. Bảo vệ môi trường phải được coi trọng ngay từ đầu và trong suốt quá trình xây dựng, thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, của các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế. Có kế hoạch phòng tránh, khắc phục hậu quả thiên tai; xây dựng kế hoạch ứng phó và giảm nhẹ tác động tiêu cực do sự biến đổi khí hậu.

5- Hoàn thiện thể chế nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế, tăng cường sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và của nhân dân vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội

- Đảng tăng cường chỉ đạo nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để xác định rõ, cụ thể và đầy đủ hơn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là những nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Coi trọng đổi mới tư duy, công tác tuyên truyền, giáo dục cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thống nhất nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối, các chủ trương, chính sách lớn về phát triển kinh tế - xã hội của Đảng; lãnh đạo quá trình tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới công tác tổ chức và cán bộ, đặc biệt là cán bộ trong lĩnh vực xây dựng và thực thi thể chế kinh tế. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng các cấp phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đổi mới, nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước phù hợp với những yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay. Vận dụng và phát huy mặt tích cực, hạn chế, ngăn ngừa mặt trái của cơ chế thị trường và tiếp tục tạo ra những tiền đề, điều kiện để nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới mạnh mẽ hơn phương thức quản lý kinh tế của Nhà nước. Coi trọng và làm tốt công tác xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng có hiệu quả các công cụ quản lý, điều tiết vĩ mô,

bảo đảm những cân đối lớn của nền kinh tế, kiềm chế lạm phát; phát triển lành mạnh của các thị trường tài chính, tiền tệ, chứng khoán, bảo hiểm; ngăn ngừa và xử lý kịp thời những biến động xấu đối với ổn định kinh tế vĩ mô; phát triển các lĩnh vực xã hội, gắn thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội với phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường; tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp; giữ vững an ninh, quốc phòng, ổn định chính trị - xã hội cho sự phát triển đất nước. Chuyển giao những công việc Nhà nước không nhất thiết phải làm cho các tổ chức xã hội; tinh giản bộ máy nhà nước, tập trung nguồn lực vào một số lĩnh vực quan trọng nhất trong phát triển kinh tế, xã hội.

- Nâng cao vai trò của các tổ chức dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và của nhân dân trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để các tổ chức dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và nhân dân tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát thực hiện luật pháp, các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội. . .

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt Nghị quyết này trong đảng viên, cán bộ, công chức, xây dựng chương trình, kế hoạch hành động và triển khai thực hiện Nghị quyết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

2- Căn cứ vào Nghị quyết này và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tổ chức đảng các cấp cần nghiên cứu, xác định rõ và cụ thể nội dung lãnh đạo kinh tế của Đảng ở cấp mình, nhất là trong xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển cũng như các chủ trương, chính sách lớn về kinh tế - xã hội.

3- Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với các ban của Đảng, các tổ chức đảng theo chức năng, làm tốt công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư tình hình thực hiện Nghị quyết.

**TÓNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH**

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT:

NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC

* NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ CỦA ĐẢNG MỐI BAN HÀNH VỀ NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC	5
TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG LÃNG PHÍ (NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X)	5
ĐÁY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC (NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X)	15
QUY ĐỊNH VỀ NHỮNG ĐIỀU ĐẢNG VIÊN KHÔNG ĐƯỢC LÀM (QUY ĐỊNH SỐ 115-QĐ/TW NGÀY 7/12/2007 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ)	29
QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN VI PHẠM (QUY ĐỊNH SỐ 94/QĐ-TW NGÀY 15/10/2007 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ)	32
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SINH HOẠT CHI BỘ (CHỈ THỊ SỐ 10-CT/TƯ NGÀY 30-3-2007 CỦA BAN BÍ THƯ)	42
* NGHỊ QUYẾT, CHƯƠNG TRÌNH, CHỈ THỊ CỦA CHÍNH PHỦ VỀ NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC	46
CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X VỀ ĐÁY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC (NGHỊ QUYẾT SỐ 53/2007/NQ-CP NGÀY 07 THÁNG 11 NĂM 2007 CỦA CHÍNH PHỦ)	46
TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (NGHỊ QUYẾT SỐ 294A/2007/UBTVQH12 NGÀY 27 THÁNG 9 NĂM 2007 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI)	70

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ NHIỆM KỲ 2007 - 2011 (NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 03/2008/NQ-CP NGÀY 11 THÁNG 01 NĂM 2008)	78
NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NSNN NĂM 2008 (NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 02/2008/NQ-CP NGÀY 9 THÁNG 01 NĂM 2008)	108
NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG THỜI GIỜ LÀM VIỆC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NHÀ NƯỚC (CHỈ THỊ CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 05/2008/CT-TTg NGÀY 31 THÁNG 01 NĂM 2008)	143
BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2007 VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2008 (BÁO CÁO SỐ 3700/BC-BNV NGÀY 21/12/2007 CỦA BỘ NỘI VỤ)	146
* BÀI VIẾT, BÀI NGHIÊN CỨU VỀ NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ	157
TẠO BƯỚC CHUYỂN BIẾN MỚI VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ CÙNG CÓ TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG GẮN VỚI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN(*)	160
VỀ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG CÔNG TÁC CÁN BỘ	167
ĐỔI MỚI TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, TĂNG CƯỜNG QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CHO NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN	172
QUY TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU: ĐANG KIỂM NGHIỆM THỰC TIỄN	176
TẬP TRUNG THỂ CHẾ HÓA TẠO CHUYỂN BIẾN MỚI TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CÁN BỘ	178

PHẦN THỨ HAI:

NHỮNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT MỚI BAN HÀNH VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NHÀ NƯỚC

I. CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH NHIỆM VỤ, CÔNG VỤ	185
---	-----

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 157/2007/NĐ-CP NGÀY 27 THÁNG 10 NĂM 2007 QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH NHIỆM VỤ, CÔNG VỤ 185

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 71/2007/TTLT-BTC-BNV NGÀY 26-6-2007 CỦA BỘ TÀI CHÍNH - BỘ NỘI VỤ HƯỚNG DẪN SỬA ĐỔI THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 03/2006/TTLT-BTC-BNV NGÀY 17-01-2006 CỦA LIÊN BỘ TÀI CHÍNH - BỘ NỘI VỤ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17-10-2005 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ VÀ KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC 194

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH CỦA BỘ TÀI CHÍNH - BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SỐ 14/2008/TTLT-BTC-BTNMT NGÀY 31 THÁNG 01 NĂM 2008 HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 84/2007/NĐ-CP NGÀY 25 THÁNG 5 NĂM 2007 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH BỔ SUNG VỀ VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BỎ THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ ĐẤT ĐAI 196

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 20/2008/NĐ-CP NGÀY 14 THÁNG 02 NĂM 2008 VỀ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH 207

II. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 219

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 19/2008/NĐ-CP NGÀY 14 THÁNG 02 NĂM 2008 QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM TRONG HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG 219

THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH SỐ 20/2008/TT-BTC NGÀY 19 THÁNG 02 NĂM 2008 HƯỚNG DẪN VỀ KINH PHÍ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ BỘ PHẬN GIÚP VIỆC BAN CHỈ ĐẠO 222

NGHỊ ĐỊNH SỐ 103/2007/NĐ-CP NGÀY 14/6/2007 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ VÀ TRÁCH NHIỆM CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG VIỆC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 226

THÔNG TƯ 08/2007/TT-BNV CỦA BỘ NỘI VỤ VỀ VIỆC HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 107/2006/NĐ-CP NGÀY 22/9/2006 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ XÃY RA THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ DO MÌNH QUẢN LÝ, PHỤ TRÁCH ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP, DOANH NGHIỆP CỦA NHÀ NƯỚC VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI, XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH, TÀI SẢN CỦA NHÀ NƯỚC	238
THÔNG TƯ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG SỐ 14/2008/TT-BQP NGÀY 31 THÁNG 01 NĂM 2008 HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 103/2007/NĐ-CP NGÀY 14/6/2007 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ VÀ TRÁCH NHIỆM CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG VIỆC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ	241
THÔNG TƯ CỦA BỘ NỘI VỤ SỐ 01/2008/TT-BNV NGÀY 15 THÁNG 01 NĂM 2008 HƯỚNG DẪN TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BỎ NHIỆM, BỎ NHIỆM LẠI, MIỄN NHIỆM, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHÀ NƯỚC	246
THÔNG TƯ LIÊN TỊCH CỦA BỘ Y TẾ - BỘ NỘI VỤ SỐ 02/2008/TTLT-BYT-BNV NGÀY 23 THÁNG 01 NĂM 2008 HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 43/2006/NĐ-CP NGÀY 25 THÁNG 4 NĂM 2006 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ VÀ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRONG LĨNH VỰC Y TẾ	255
QUYẾT ĐỊNH SỐ 30/QĐ-TTg NGÀY 10-01-2007 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN CÁC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2007 - 2010	264
QUYẾT ĐỊNH SỐ 03/2007/QĐ-BNV NGÀY 26-02-2007 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TRONG BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG	281

PHẦN THỨ BA:

NHỮNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI BAN HÀNH VỀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CÁC CẤP VÀ QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NHÀ NƯỚC

- NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 179/2007/NĐ-CP NGÀY 03 THÁNG 12 NĂM 2007 BAN HÀNH QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA CHÍNH PHỦ 293
- NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 178/2007/NĐ-CP NGÀY 03 THÁNG 12 NĂM 2007 QUY ĐỊNH CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ 325
- NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 13/2008/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 02 NĂM 2008 QUY ĐỊNH TỔ CHỨC CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG 339
- NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 14/2008/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 02 NĂM 2008 QUY ĐỊNH TỔ CHỨC CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH 351
- NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 158/2007/NĐ-CP NGÀY 27 THÁNG 10 NĂM 2007 QUY ĐỊNH DANH MỤC CÁC VỊ TRÍ CÔNG TÁC VÀ THỜI HẠN ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC 359
- QUYẾT ĐỊNH SỐ 59/2007/QĐ-TTg NGÀY 07-5-2007 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC VÀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, CÔNG TY NHÀ NƯỚC 366
- QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 09/2008/QĐ-TTg NGÀY 11 THÁNG 01 NĂM 2008 BAN HÀNH QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ VÀ TIÊU CHUẨN SỬ DỤNG NHÀ Ở CÔNG VỤ 378
- NGHỊ ĐỊNH SỐ 143/2007/NĐ-CP NGÀY 10-9-2007 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC THỰC HIỆN NGHỈ HƯU ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN NGHỈ HƯU 384
- NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X 389
- NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X VỀ TIẾP TỤC XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN

VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC	389
NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X VỀ NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐÁU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN	402
NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X VỀ TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	412

Bản sao lưu trữ

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN
HÀ NỘI - 2008**

**Chịu trách nhiệm xuất bản
Ông: BÙI VIỆT BẮC**

Biên tập: VŨ TIẾN CƯỜNG
Trình bày: DIỆP HƯƠNG
Vẽ bìa: MAI TRANG
Chế bản: BÍCH DIỆP
Sửa bản in: THU THỦY

In 2.000 cuốn, khổ 19x27cm , tại Cty Cổ Phần Văn Hoá Tân Bình
số đăng ký KHXB: 243 -2008/CXB/72-36/VHTT
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2008.

Hướng dẫn thực hiện về

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM
CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
VÀ QUYỀN TRÁCH NHIỆM
CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

THEO NHỮNG QUI ĐỊNH MỚI NHẤT
CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH PHỦ

Tìm đọc

- Cẩm nang công tác quốc phòng-an ninh dành cho cán bộ chỉ huy và lãnh đạo các cấp
- Quyền giám sát của dân & các tổ chức chính trị- xã hội đối với cán bộ-công chức, đảng viên và bộ máy nhà nước
- Nâng cao hiệu quả thực hiện qui chế dân chủ giải quyết khiếu nại tố cáo của các cấp, các ngành và đổi mới, công khai minh bạch về quản lý tài chính trong các cơ quan đơn vị doanh nghiệp
- Những điều cần biết về các chế độ chính sách qui định mới nhất quyền, nghĩa vụ cán bộ công chức và người lao động trong các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp
- Cẩm nang công tác tổ chức, cải cách hành chính dành cho cán bộ tổ chức hành chính, chính quyền các cấp
- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc cải cách hành chính nhà nước hiện nay
- Hướng dẫn mới nhất về Hệ thống biểu mẫu. Mẫu soạn thảo văn bản 2008

Kỷ Niệm 1000 năm Thăng Long Hà Nội

Sắp phát bộ sách "Bách Khoa Thư Hà Nội" gồm 18 Tập

PHÁT HÀNH TẠI : TRUNG TÂM GIỚI THIỆU SÁCH PHÁP LUẬT

ĐT : 08.9492100-08.4088402-0983.815669 Fax :08.4088402



Giá :245.000đ